SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH ĐẮK LẮK

Số 0852 /BCB-BVYHCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 9 năm 2026

BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk

Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số: 000813/ĐL-GPHĐ do Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 30 tháng 7 năm 2025.

Địa chỉ: 07 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: ThS. BS CKII Trịnh Đăng Anh

Điện thoại liên hệ: 0914041133 Email: trinhdanganh1975@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành:

- Sau đại học: Bác sĩ chuyên khoa I chuyên ngành Y học cổ truyền (mã đào tạo CK60 72 60).

- Đại học: Y khoa (mã đào tạo 7720101), Y học cổ truyền (mã đào tạo 7720115), Kỹ thuật phục hồi chức năng (mã đào tạo 7720603), Điều dưỡng (mã đào tạo 7720301), Y học dự phòng (mã đào tạo 7720110), Kỹ thuật xét nghiệm y học (mã đào tạo 7720601).

- Cao đẳng: Y học cổ truyền (mã đào tạo 6720102), Kỹ thuật phục hồi chức năng (mã đào tạo 6720603), Kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng (mã đào tạo 6720604), Điều dưỡng (mã đào tạo 6720301).

- Trung cấp: Y học cổ truyền (mã đào tạo 5720102).

2. Trình độ đào tạo thực hành: Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, Sau Đại học.

3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): *Chi tiết tại phụ lục 01.*

4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: *Chi tiết tại phụ lục 02.*

5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh: *Chi tiết tại phụ lục 01.*

6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: *Chi tiết phụ lục 03*.

Bản công bố này thay thế cho bản công bố số 0110/BCB-BVYHCT ngày 19/8/2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk.

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ

SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH ĐẮK LẮK

Trịnh Đăng Anh

SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 01
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TRONG KHỐI NGÀNH SỨC KHỎE TẠI BỆNH VIỆN
(Tại 1 thời điểm)

(Kèm theo bản công bố số: 0852 /BCB- BVYHCT ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk)

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ Đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường/ tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang theo học	Số lượng có thể nhận thêm theo NGD
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
I. Sau đại học												
1	CK60 72 60	Chuyên khoa I	Y học cổ truyền	- Lý luận Y học cổ truyền - Thương hàn-ôn bệnh - Các phương pháp không dùng thuốc - Dược học cổ truyền - Nội khoa, Nhi khoa - Ngoại khoa, Phụ khoa - Thuốc nam chữa bệnh - Phương tễ	- Chẩn đoán và biện chứng luận trị theo YHCT để ứng dụng vào điều trị từng thế bệnh của y học cổ truyền. - Chẩn đoán, điều trị một số chứng bệnh thường gặp của thương hàn-ôn bệnh theo YHCT. - Chẩn đoán, điều trị bệnh bằng các phương pháp điều trị không dùng thuốc của YHCT.	- Khoa Châm cứu dưỡng sinh - Khoa Nội-Nhi - Khoa Lão khoa - Khoa Ngoại tổng hợp - Khoa Phục hồi chức năng - Khoa Dược - Vật tư y tế	7	35	400	1200	0	35

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ Đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường/ tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang theo học	Số lượng có thể nhận thêm theo NGD
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
				- Bào chế đông dược - Phục hồi chức năng - Tốt nghiệp	- Tìm hiểu, phân loại từng nhóm thuốc để ứng dụng vào điều trị từng thế bệnh của y học cổ truyền. - Điều trị từng thế bệnh của y học cổ truyền. - Chẩn đoán, điều trị các chứng bệnh bằng thuốc nam của YHCT. - Chẩn đoán, điều trị các chứng bệnh bằng thuốc của YHCT. - Thực hành chế biến, bào chế một số thuốc đông dược nhằm giảm tác dụng không mong muốn, tăng tác dụng điều trị. - Chẩn đoán, lượng giá chức năng, xác định mục tiêu trong điều trị và áp dụng điều trị phục hồi chức năng cho một số bệnh lý Y học cổ truyền. - Chẩn đoán, điều trị và dự phòng các chứng bệnh YHCT thường gặp						

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ Đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường/ tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang theo học	Số lượng có thể nhận thêm theo NGD
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
II. Đại học												
1	7720101	Đại học	Y khoa	- Y học cổ truyền TH - Phục hồi chức năng TH	- Thực hành kỹ thuật châm cứu, phương pháp làm bệnh án, bình bệnh án; nhận biết các dược liệu khám, phân tích, biện chứng luận trị, chẩn đoán, điều trị một số bệnh thường gặp. - Khám, lượng giá và phục hồi chức năng một số bệnh lý thường gặp, làm bệnh án phục hồi chức năng	- Khoa Châm cứu dưỡng sinh - Khoa Nội - Nhi - Khoa Lão khoa - Khoa Ngoại tổng hợp - Khoa Phục hồi chức năng - Khoa Khám đa khoa	14	140	400	1200	00	140
2	7720110	Đại học	Y học dự phòng	Y học cổ truyền TH	Hướng dẫn cho sinh viên: Thăm khám, chẩn đoán, các phương pháp điều trị không sử dụng thuốc (châm cứu, xoa bóp), thuốc nam cơ bản trong điều trị. Thực hiện các biện pháp bảo vệ nâng cao sức khỏe cộng đồng bằng biện pháp y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại.	- Khoa Châm cứu dưỡng sinh - Khoa Nội - Nhi - Khoa Lão khoa - Khoa Ngoại tổng hợp - Khoa Phục hồi chức năng - Khoa Khám đa khoa	14	140	400	1200	00	140

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ Đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường/ tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang theo học	Số lượng có thể nhận thêm theo NGD
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3	7720115	Đại học	Y học cổ truyền	- Phục hồi chức năng - Lý luận y học cổ truyền lâm sàng - Châm cứu lâm sàng - PP điều trị không dùng thuốc (xoa bóp dưỡng sinh) - Thuốc Y học cổ truyền lâm sàng - Bào chế đông dược - Phương tễ lâm sàng - Bệnh học nội Y học cổ truyền lâm sàng - Ngoại Y học cổ truyền lâm sàng - Nhi khoa Y học cổ truyền lâm sàng - Bệnh học ngũ quan Y học cổ truyền - Bệnh học Lão khoa Y học cổ truyền	Khám, chẩn đoán và điều trị bằng y học cổ truyền, các phương pháp không dung thuốc đối với các nhóm bệnh lý.	- Khoa Châm cứu dưỡng sinh - Khoa Nội - Nhi - Khoa Lão khoa - Khoa Ngoại tổng hợp - Khoa Phục hồi chức năng - Khoa Khám đa khoa - Khoa Dược - Vật tư y tế	14	140	400	1200	00	140

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ Đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường/ tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang theo học	Số lượng có thể nhận thêm theo NGD
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
4	7702031	Đại học	Điều dưỡng	- Y học cổ truyền - Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	- Thực hiện một số kỹ năng điều dưỡng cơ bản - Khai thác tiền sử, bệnh sử, khám y học cổ truyền; phân tích và tổng hợp các triệu chứng, dấu hiệu để chẩn đoán một số chứng trạng và chứng hậu y học cổ truyền thường gặp. - Thiết lập được kế hoạch điều trị và chăm sóc cho người bệnh -Báo cáo/trình bày được một số trường hợp bệnh y học cổ truyền thường gặp. - Thực hiện các kỹ thuật phục hồi chức năng, vật lý trị liệu.	- Khoa Châm cứu dưỡng sinh - Khoa Nội - Nhi - Khoa Lão khoa - Khoa Ngoại tổng hợp - Khoa Phục hồi chức năng - Khoa Khám đa khoa	18	180	400	1200	00	180
5	7720601	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	- Thực tập Kỹ thuật xét nghiệm 1: Vi sinh-Ký sinh trùng - Thực tập Kỹ thuật xét nghiệm 2: Hóa sinh - Thực tập Kỹ thuật xét nghiệm 3: Huyết học	- Giải thích được nguyên lý và cơ chế của các xét nghiệm y học, quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng một số loại trang thiết bị thuộc ngành Kỹ thuật xét nghiệm Y học.	- Khoa chẩn đoán hình ảnh- xét nghiệm- thăm dò chức năng	02	20	00	00	00	20

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ Đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường/ tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang theo học	Số lượng có thể nhận thêm theo NGD
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
					- Thực hiện được các xét nghiệm thường quy bệnh viện thuộc các lĩnh vực chuyên môn (Huyết học - Truyền máu, Hóa sinh, Vi - Ký sinh, giải phẫu bệnh và Sinh học phân tử). Đọc và phân tích chính xác kết quả các xét nghiệm. Tham gia tổ chức và quản lý hoạt động của một phòng xét nghiệm Y học.	- Khoa chẩn đoán hình ảnh- xét nghiệm- thăm dò chức năng						
6	7720603	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	- Phương pháp điều trị trong Vật lý trị liệu-Phục hồi chức năng. - Bệnh lý ngoại khoa, nội khoa và Vật lý trị liệu-Phục hồi chức năng. - Bệnh lý nhi khoa và Vật lý trị liệu-Phục hồi chức năng.	-Lượng giá, lập kế hoạch điều trị về Vật lý trị liệu-Phục hồi chức năng cho các bệnh lý. - Thực hiện được các kỹ thuật vật lý trị liệu-phục hồi chức năng.	- Khoa Phục hồi chức năng - Khoa Nội-Nhi - Khoa Ngoại tổng hợp - Khoa Lão khoa - Khoa Châm cứu dưỡng sinh	05	50	400	1200	00	1200

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ Đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường/ tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang theo học	Số lượng có thể nhận thêm theo NGD
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
III. Cao đẳng												
1	6720102	Cao đẳng	Y học cổ truyền	- Thực tập y học cổ truyền 1,2 - Thực tập lâm sàng dược học cổ truyền - Thực tập châm cứu; xoa bóp-bấm huyệt-dưỡng sinh - Thực tập phục hồi chức năng - Thực hành nghề nghiệp	- Chẩn đoán, xây dựng kế hoạch điều trị theo Y học cổ truyền, các phương pháp không dùng thuốc, phục hồi chức năng trong một số bệnh lý Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi khoa; - Thực hiện thành thạo các kỹ thuật Y học cổ truyền, phục hồi chức năng	- Khoa Nội - Nhi - Khoa Ngoại tổng hợp - Khoa Lão khoa -Khoa Châm cứu - Dưỡng sinh - Khoa Dược - Vật tư y tế - Khoa phục hồi chức năng	15	225	400	1200	00	225
2	6720603	Cao đẳng	Kỹ thuật phục hồi chức năng	- Thực tập bệnh viện 1 - Thực tập bệnh viện 2 - Thực tập bệnh viện 3 - Thực tập tốt nghiệp	- Kiến thức, kỹ năng cơ bản về cấp cứu ban đầu và các kỹ thuật chăm sóc người bệnh. - Lượng giá chức năng, các phương pháp điều trị bằng tác nhân vật lý, ngôn ngữ trị liệu, hoạt động trị liệu đối với các bệnh lý cơ xương khớp, nội khoa, ngoại khoa, thần kinh, nhi khoa.	- Khoa phục hồi chức năng - Khoa Nội - Nhi - Khoa Ngoại tổng hợp - Khoa Lão khoa -Khoa Châm cứu - Dưỡng sinh	09	135	400	1200	00	225

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ Đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường/ tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang theo học	Số lượng có thể nhận thêm theo NGD
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
3	6720603	Cao đẳng	Kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng	- Thực tập vật lý trị liệu, phục hồi chức năng nội khoa - Thực tập vật lý trị liệu, phục hồi chức năng ngoại khoa - Thực tập tốt nghiệp	- Đánh giá lâm sàng, đo lường chức năng, áp dụng các kỹ thuật vật lý trị liệu, vận động trị liệu,.. phù hợp cho từng nhóm bệnh. - Thực hiện ghi chép, theo dõi, quản lý hồ sơ bệnh án.	- Khoa phục hồi chức năng - Khoa Nội - Nhi - Khoa Ngoại tổng hợp - Khoa Lão khoa -Khoa Châm cứu - Dưỡng sinh	09	135	400	1200	00	225
4	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Thực tập chăm sóc người bệnh phục hồi chức năng	- Nhận định được các triệu chứng, lập và thực hiện được kế hoạch các vấn đề cần chăm sóc trên mỗi người bệnh chuyên khoa YHCT- PHCN - Thực hiện được các kỹ thuật VLTL-PHCN người bệnh chuyên khoa YHCT-PHCN thường gặp.	- Khoa phục hồi chức năng - Khoa Nội - Nhi - Khoa Ngoại tổng hợp - Khoa Lão khoa -Khoa Châm cứu - Dưỡng sinh - Khoa khám	15	225	400	1200	00	225

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ Đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường/ tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang theo học	Số lượng có thể nhận thêm theo NGD
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
IV. Trung cấp												
1	5720102	Trung cấp	Y học cổ truyền	- Thực tập bệnh học Y học hiện đại - Thực tập Bệnh học Y học cổ truyền - Thực tập Châm cứu-xoa bóp bấm huyệt dưỡng sinh - Thực tập tốt nghiệp	Xây dựng hồ sơ bệnh án cơ bản, thực hiện đúng và an toàn các kỹ thuật điều trị không dung thuốc như chấm cứu, xoá bóp, bấm huyệt dưỡng sinh, kết hợp điều trị giữa y học cổ truyền và y học hiện đại	- Khoa Nội - Nhi - Khoa Ngoại tổng hợp - Khoa Lão khoa -Khoa Châm cứu - Dưỡng sinh - Khoa phục hồi chức năng	11	165	400	1200	00	165

SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 02
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TRONG ĐÀO TẠO KHỐI NGÀNH SỨC KHỎE TẠI BỆNH VIỆN

(Kèm theo bản công bố số: 0852 /BCB BVYHCT ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk)

TT	Họ tên	Trình độ chuyên môn	Ngành/ chuyên ngành đã được đào tạo	Năm tốt nghiệp	Chứng chỉ hành nghề KBCB	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KBCB	Chứng chỉ bồi dưỡng phương pháp dạy - học lâm sàng	Môn học/ Học phần giảng dạy	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
1	Phạm Ngọc Liễu	Bác sĩ chuyên khoa I	Y học cổ truyền	2013	000890/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	13 năm	Cấp ngày 22/10/2021	Các môn học/học phần thực hành về học cổ truyền	
2	Nguyễn Thị Thúy	Bác sĩ chuyên khoa I	Y học cổ truyền	2014	001627/ĐL-CCHN, QĐ bổ sung phạm vi hành nghề số 0186/QĐ-SYT ngày 24/02/2026	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Khám bệnh, chữa bệnh phục hồi chức năng	13 năm	Cấp ngày 22/10/2021	Các môn học/học phần thực hành về học cổ truyền, phục hồi chức năng	
3	Phạm Thị Hiền	Bác sĩ chuyên khoa I	Y học cổ truyền	2020	000942/ĐL-CCHN, QĐ bổ sung phạm vi hành nghề số 646/QĐ-SYT ngày 14/6/2024	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Khám bệnh, chữa bệnh phục hồi chức năng	13 năm	Cấp ngày 22/10/2021	Các môn học/học phần thực hành về học cổ truyền, phục hồi chức năng	
4	Dương Thị Ánh Ngọc	Bác sĩ chuyên khoa I	Y học cổ truyền	2023	001622/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	07 năm	Cấp ngày 22/10/2021	Các môn học/học phần thực hành về học cổ truyền	
5	Phạm Tiến Hưng	Bác sĩ chuyên khoa I	Y học cổ truyền	2023	000951/ĐL-CCHN, QĐ bổ sung phạm vi hành nghề số 0183/QĐ-SYT ngày 24/02/2026	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Khám bệnh, chữa bệnh phục hồi chức năng	06 năm	Cấp ngày 11/9/2023	Các môn học/ học phần thực hành về học cổ truyền, phục hồi chức năng	

6	Đặng Viết Nguyên	Bác sĩ chuyên khoa I	Y học cổ truyền	2023	003520/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	06 năm	Cấp ngày 03/5/2025	Các môn học/học phần thực hành về học cổ truyền	
7	Vũ Thị Thương Thương	Bác sĩ chuyên khoa I	Y học cổ truyền	2023	009619/ĐL-CCHN, QĐ bổ sung phạm vi hành nghề số 1873/QĐ-SYT ngày 26/8/2026	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Khám bệnh, chữa bệnh phục hồi chức năng	05 năm	Cấp ngày 03/5/2025	Các môn học/ học phần thực hành về học cổ truyền, phục hồi chức năng	
8	Bùi Viết Trí	Bác sĩ chuyên khoa I	Y học cổ truyền	2025	010058/ĐL-CCHN, QĐ bổ sung phạm vi hành nghề số 01737/QĐ-SYT ngày 04/8/2026	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Khám bệnh, chữa bệnh phục hồi chức năng	04 năm	Cấp ngày 03/5/2025	Các môn học/ học phần thực hành về học cổ truyền, phục hồi chức năng	
9	Nông Thu Hiền	Bác sĩ chuyên khoa I	Y học cổ truyền	2025	009691/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	05 năm	Cấp ngày 11/9/2023	Các môn học/học phần thực hành về học cổ truyền	
10	Dương Thị Ly	Bác sĩ chuyên khoa I	Y học cổ truyền	2024	002695/TNG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	06 năm	Cấp ngày 08/9/2020	Các môn học/học phần thực hành về học cổ truyền	
11	Đỗ Thị Tuyết Nhung	Bác sĩ	Y học cổ truyền	1998	000446/ĐL-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	13 năm	Cấp ngày 03/5/2025	Các môn học/học phần thực hành về học cổ truyền	
12	Hoa Thị Tuyến	Bác sĩ chuyên khoa I	Phục hồi chức năng	2022	002400/ĐL-CCHN, QĐ bổ sung bổ sung phạm vi hành nghề số 848/QĐ-SYT ngày 19/7/2022	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa/Khám bệnh, chữa bệnh Phục hồi chức năng	04 năm	Cấp ngày 11/9/2023	Các môn học/ học phần thực hành về học cổ truyền, phục hồi chức năng	

13	Trần Xuân Thảo	Bác sĩ chuyên khoa I	Phục hồi chức năng	2024	003322/ĐL-CCHN, QĐ bổ sung phạm vi hành nghề số 1313/QĐ-SYT ngày 10/12/2024	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa/Khám bệnh, chữa bệnh Phục hồi chức năng	01 năm	Cấp ngày 06/11/2025	Các môn học/ học phần thực hành về học cổ truyền, phục hồi chức năng	
14	Ngô Thanh Tân	Cử nhân	Phục hồi chức năng	2017	001865/ĐL-CCHN	Thực hiện chức năng chuyên môn kỹ thuật viên vật lý trị liệu - phục hồi chức năng	02 năm	Cấp ngày 11/9/2023	Các môn học/ học phần thực hành về học cổ truyền, phục hồi chức năng	
15	Nguyễn Văn Thống	Cử nhân	Phục hồi chức năng	2023	000277/ĐL-GPHN	Thực hiện chức năng chuyên môn kỹ thuật viên vật lý trị liệu - phục hồi chức năng	02 năm	Cấp ngày 03/5/2025	Các môn học/học phần thực hành về phục hồi chức năng	
16	Nguyễn Thị Phương Mai	Cử nhân	Điều dưỡng	2016	001840/ĐL-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức Y tế điều dưỡng	02 năm	Cấp ngày 03/5/2025	Các môn học/học phần thực hành về Điều dưỡng	
17	Nguyễn Thị Thanh	Cử nhân	Điều dưỡng	2009	001384/ĐL-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức Y tế điều dưỡng	13 năm	Cấp ngày 22/10/2021	Các môn học/học phần thực hành về Điều dưỡng	

18	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Cử nhân	Điều dưỡng	2008	001828/ĐL-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức Y tế điều dưỡng	13 năm	Cấp ngày 07/7/2026	Các môn học/học phần thực hành về Điều dưỡng	
19	Vũ Kim Hoàn	Cử nhân	Điều dưỡng	2013	001681/ĐL-CCHN	Thực hiện chức năng chuyên môn theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức điều dưỡng	13 năm	Cấp ngày 07/7/2026	Các môn học/học phần thực hành về Điều dưỡng	
20	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Cử nhân	Điều dưỡng	2011	001955/ĐL-CCHN	Quy định tại QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức Y tế điều dưỡng	12 năm	Cấp ngày 07/7/2026	Các môn học/học phần thực hành về Điều dưỡng	

21	Nguyễn Thị Thoa	Cử nhân	Điều dưỡng	2019	002251/ĐL-CCHN	Thực hiện theo Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	03 năm	Cấp ngày 07/7/2026	Các môn học/học phần thực hành về Điều dưỡng	
22	Nguyễn Thị Kim Ngân	Cử nhân	Xét nghiệm	2019	004154/ĐL-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Kỹ thuật viên xét nghiệm	06 năm	Cấp ngày 03/5/2025	Các môn học/học phần thực hành về xét nghiệm	
23	Đỗ Thị Lan	Cử nhân	Xét nghiệm	2019	009346/ĐL-CCHN	Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Kỹ thuật viên xét nghiệm	05 năm	Cấp ngày 03/5/2025	Các môn học/học phần thực hành về xét nghiệm	

Danh sách bao gồm: 23 người./.

SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 03
DANH SÁCH CÁC THIẾT BỊ TẠI CÁC KHOA, ĐƠN VỊ CỦA BỆNH VIỆN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TRONG KHỐI NGÀNH SỨC KHOẺ
(Kèm theo bản công bố số: 0852 /BCB BVYHCT ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Hội trường	02 phòng	Hội trường 1: Sức chứa 80 người; Hồi trường 2: Sức chứa 150 người; Hội trường bệnh viện: Trang bị laptop, máy chiếu, âm thanh, ánh sáng, bảng meca, màn hình led, màn chiếu,…
2	Phòng họp	01 phòng	Sức chứa 20 người
Khoa Châm cứu dưỡng sinh			
1	Phòng giao ban	01 phòng	Bàn ghế làm việc
2	Phòng trực	01 phòng	Bàn ghế làm việc, tủ quần áo, …
3	Giường bệnh	160 giường	
4	Máy đo huyết áp	15 máy	
5	Đèn gù	15 cái	
6	Đèn gù (Đèn hồng ngoại chân cao)	15 cái	
7	Đèn hồng ngoại chân cao	4 cái	
8	Đèn hồng ngoại chân đế cao	1 cái	
9	Đèn hồng ngoại dimmer cao 1.7m, đế gang	8 cái	
10	Giường xiên quay	1 giường	
11	Hệ thống kéo giãn	1 hệ thống	
12	Máy châm cứu kết hợp kích thích điện	16 máy	
13	Máy châm cứu Model MDC-06	27 máy	
14	Máy điện châm	8 máy	
15	Máy điện châm 5 cọc	20 máy	
16	Máy điện châm 6 cọc	40 máy	
17	Máy điện châm 6 giắc Unicare	35 máy	

18	Máy điện xung	5 máy	
19	Máy điều trị bằng áp lực hơi dùng trong y tế	1 máy	
20	Máy điều trị bằng áp lực hơi dùng trong y tế (Máy xoa bóp áp lực hơi)	3 máy	
21	Máy hiệu ứng nhiệt Model VL03	3 máy	
22	Máy hiệu ứng nhiệt VL03 (Máy bó thuốc)	19 máy	
23	Máy hiệu ứng nhiệt (Máy bó thuốc)	5 máy	
24	Máy kéo giãn cột sống	1 máy	
25	Máy kích thích điện, điện phân	1 máy	
26	Máy siêu âm trị liệu	3 máy	
27	Máy siêu âm trị liệu (Máy siêu âm điều trị)	1 máy	
28	Máy siêu âm trị liệu (Máy siêu âm)	2 máy	
29	Máy xét nghiệm điện giải	1 máy	
Khoa lão khoa			
1	Phòng giao ban	01 phòng	Bàn ghế làm việc
2	Phòng trực	01 phòng	Bàn ghế làm việc, tủ quần áo, …
3	Giường bệnh	80 giường	
4	Máy đo huyết áp	4 máy	
5	Đèn gù (Đèn hồng ngoại chân cao)	6 cái	
6	Đèn hồng ngoại chân cao	2 cái	
7	Giường kéo nắn cổ, cột sống	1 giường	
8	Máy châm cứu Model MDC-06	18 máy	
9	Máy châm cứu Model MDC-06 (Máy điện châm 5 cọc)	2 máy	
10	Máy điện châm	1 máy	
11	Máy điện châm 5 cọc	16 máy	
12	Máy điện châm 6 cọc	19 máy	
13	Máy điện châm 6 giắc Unicare	20 máy	
14	Máy điện trị liệu	1 máy	
15	Máy điện xung	2 máy	
16	Máy điện xung trị liệu	2 máy	
17	Máy điều trị bằng áp lực hơi dùng trong y tế (Máy xoa bóp áp lực hơi)	1 máy	
18	Máy điều trị siêu âm Nhật	1 máy	
19	Máy hiệu ứng nhiệt Model VL03	4 máy	

20	Máy hiệu ứng nhiệt VL03 (Máy bó thuốc)	16 máy	
21	Máy hiệu ứng nhiệt (Máy bó thuốc)	2 máy	
22	Máy siêu âm điều trị	1 máy	
23	Máy siêu âm trị liệu	1 máy	
24	Máy xoa bóp áp lực hơi	1 máy	
Khoa Ngoại tổng hợp			
1	Phòng giao ban	01 phòng	Bàn ghế làm việc
2	Phòng trực	01 phòng	Bàn ghế làm việc, tủ quần áo, …
3	Giường bệnh	40 giường	
4	Máy đó huyết áp	5 máy	
5	Đèn gù	4 cái	
6	Đèn gù (Đèn hồng ngoại chân cao)	2 cái	
7	Đèn hồng ngoại chân cao	6 cái	
8	Đèn hồng ngoại chân đế cao	1 cái	
9	Đèn hồng ngoại dimmer cao 1.7m, đế gang	2 cái	
10	Máy Laser CO2	1 máy	
11	Hệ thống kéo giãn	1 hệ thống	
12	Máy châm cứu Model MDC-06	11 máy	
13	Máy điện châm	7 máy	
14	Máy điện châm 5 cọc	1 máy	
15	Máy điện châm 6 cọc	20 máy	
16	Máy điện châm 6 giắc Unicare	12 máy	
17	Máy điện trị liệu	1 máy	
18	Máy hiệu ứng nhiệt Model VL03	4 máy	
19	Máy hiệu ứng nhiệt VL03 (Máy bó thuốc)	8 máy	
20	Máy hiệu ứng nhiệt (Máy bó thuốc)	4 máy	
21	Máy Plasma phẩu thuật VN	1 máy	
22	Máy siêu âm trị liệu (Máy siêu âm)	1 máy	
23	Máy xoa bóp áp lực hơi	1 máy	
Khoa Nội-Nhi			
1	Phòng giao ban	01 phòng	Bàn ghế làm việc
2	Phòng trực	01 phòng	Bàn ghế làm việc, tủ quần áo, …
3	Giường bệnh	50 giường	
4	Máy đo huyết áp	8 máy	
5	Đèn gù	3 cái	

6	Đèn gù (Đèn hồng ngoại chân cao)	5 cái	
7	Đèn hồng ngoại chân cao	8 cái	
8	Giường xiên quay	1 giường	
9	Hệ thống kéo giãn	1 hệ thống	
10	Máy châm cứu kết hợp kích thích điện	8 máy	
11	Máy châm cứu Model MDC-06	34 máy	
12	Máy điện châm	5 máy	
13	Máy điện châm 5 cọc	7 máy	
14	Máy điện châm 6 cọc	20 máy	
15	Máy điện châm 6 giắc Unicare	10 máy	
16	Máy điện trị liệu	1 máy	
17	Máy điều trị bằng áp lực hơi dùng trong y tế	1 máy	
18	Máy điều trị siêu âm Nhật	1 máy	
19	Máy đo nồng độ bão hòa Oxy	1 máy	
20	Máy hiệu ứng nhiệt (bó thuốc)	5 máy	
21	Máy hiệu ứng nhiệt Model VL03	4 máy	
22	Máy hiệu ứng nhiệt VL03 (Máy bó thuốc)	3 máy	
23	Máy hiệu ứng nhiệt (Máy bó thuốc)	4 máy	
24	Máy hút dịch	1 máy	
25	Máy Monitor 5 thành phần	1 máy	
26	Máy siêu âm trị liệu	1 máy	
Khoa Phục hồi chức năng			
1	Phòng giao ban	01 phòng	Bàn ghế làm việc
2	Phòng trực	01 phòng	Bàn ghế làm việc, tủ quần áo, …
3	Giường bệnh	70 giường	
4	Máy đo huyết áp	6 máy	
5	Đèn gù	2 cái	
6	Đèn gù (Đèn hồng ngoại chân cao)	22 cái	
7	Đèn hồng ngoại chân cao	2 cái	
8	Hệ thống kéo giãn	1 hệ thống	
9	Máy châm cứu Model MDC-06	9 máy	
10	Máy điện châm	3 máy	
11	Máy điện châm 5 cọc	3 máy	
12	Máy điện châm 6 cọc	40 máy	
13	Máy điện châm 6 giắc Unicare	8 máy	

14	Máy điện trị liệu	1 máy	
15	Máy châm cứu kết hợp kích thích điện	4 máy	
16	Bộ dụng cụ tập chi dưới	1 bộ	
17	Máy điện xung	1 máy	
18	Máy điều trị bằng áp lực hơi dùng trong y tế	1 máy	
19	Máy điều trị bằng áp lực hơi dùng trong y tế (Máy xoa bóp áp lực hơi)	1 máy	
20	Máy điều trị sóng ngắn	4 máy	
21	Máy điều trị sóng xung kích	1 máy	
22	Máy hiệu ứng nhiệt (bó thuốc)	15 máy	
23	Máy kéo dãn cổ, cột sống	1 máy	
24	Máy laser nội mạch	3 máy	
25	Máy siêu âm điều trị	1 máy	
26	Máy siêu âm trị liệu (Máy siêu âm)	1 máy	
27	Máy sóng xung kích điều trị	1 máy	
28	Máy tập có giàn treo	1 máy	
29	Máy tập đi bộ phục hồi chức năng có đai nâng	2 máy	
30	Máy tập vận động thụ động	1 máy	
31	Máy từ trường điều trị	1 máy	
32	Máy từ trường M392	1 máy	
33	Máy từ trường siêu dẫn	1 máy	
34	Máy vi sóng xung và liên tục	1 máy	
35	Nồi nấu Parafin	1 máy	
36	Thiết bị CPM cho khớp vai và khớp khuỷu tay	1 thiết bị	
37	Thiết bị Lazer nội mạch 2 đầu điều trị	6 thiết bị	
38	Xe đạp tập kết hợp chi trên, chi dưới có ghế ngồi	4 xe	
39	Xe đạp tập luyện thể chất	6 xe	
40	Xe đạp tập phục hồi chức năng	6 xe	
Khoa Dược-Vật tư Y tế			
1	Phòng giao ban	01 phòng	Bàn ghế làm việc
2	Phòng trực	01 phòng	Bàn ghế làm việc, tủ quần áo, …
3	Tiêu bản thuốc nam- bắc	80 mẫu	Sinh viên nhận biết các mặt vị thuốc
4	Tủ sấy DL inox VN+SC	1 tủ	
5	Tủ sấy chai 2 cửa	1 tủ	
6	Máy sắc, chiết, đóng gói thuốc	1 máy	

7	HT sắc thuốc sử dụng nồi hơi TT	1 HT	
8	Máy sao dược liệu VN	1 máy	
9	Tháp đôi ngâm kiệt VN	1 máy	
10	Máy xay dược liệu	1 máy	
11	Máy trộn tể	1 máy	
12	Hệ thống lò hơi đốt điện	1 hệ thống	
13	Máy sắc thuốc và đóng gói tự động	1 máy	
14	Máy sắc thuốc đóng gói tự động 1 nồi	1 máy	
15	Máy sắc thuốc đóng túi tự động	1 máy	
Khoa Chuẩn đoán hình ảnh-Thăm dò chức năng-Xét nghiệm			
1	Phòng giao ban	01 phòng	Bàn ghế làm việc
2	Phòng trực	01 phòng	Bàn ghế làm việc, tủ quần áo, …
3	Máy đo HBA1C	1 máy	
4	Máy điện tim 6 cần	1 máy	
5	Hệ thống nội soi mềm đại tràng sigma & ống nội soi mềm dạ dày tá tràng	1 hệ thống	
6	Hệ thống X quang chiếu, chụp cao tần Shimadzu	1 máy	
7	Hệ thống xử lý Xquang kỹ thuật số	1 hệ thống	
8	Máy siêu âm Doppler màu	1 máy	
9	Máy xét nghiệm huyết học tự động 22 thông số	1 máy	
10	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	1 máy	
11	Máy phân tích nước tiểu bán tự động	1 máy	
12	Máy điện giải đồ 5 thông số	1 máy	
13	Máy đo loãng xương toàn thân bằng tia X	1 máy	
14	Máy in phim X-Quang khô y tế Drypix Smart 200V E	1 máy	
15	Điện tâm đồ 3 cần	1 máy	
16	Máy phân tích huyết học tự động	1 máy	
17	Máy phân tích sinh hoá tự động	1 máy	
Khoa Khám đa khoa			
1	Phòng giao ban	01 phòng	Bàn ghế làm việc
2	Phòng trực	01 phòng	Bàn ghế làm việc, tủ quần áo, …
3	Máy đo huyết áp	5 máy	
4	Cân sức khoẻ	1 cái	
5	Đèn gù	2 cái	

6	Đèn hồng ngoại chân cao	8 cái	
7	Giường kéo cột sống 4 đoạn nâng hạ bằng điện	1 giường	
8	Máy châm cứu kết hợp kích thích điện	2 máy	
9	Máy châm cứu Model MDC-06	3 máy	
10	Máy điện châm (điện xung)	2 máy	
11	Máy điện châm 6 cọc	20 máy	
12	Máy điện châm 6 giắc Unicare	18 máy	
13	Máy điện trị liệu	2 máy	
14	Máy điều trị điện và siêu âm kết hợp	1 máy	
15	Máy hiệu ứng nhiệt Model VL03	4 máy	
16	Máy hiệu ứng nhiệt VL03 (Máy bó thuốc)	13 máy	
17	Máy hiệu ứng nhiệt (Máy bó thuốc)	2 máy	
18	Máy xoa bóp áp lực hơi	1 máy	

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ Y TẾ

Số: 000813 /ĐL- GPHĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;
Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược,

CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH ĐẮK LẮK

Hình thức tổ chức: Bệnh viện chuyên khoa

Địa điểm hành nghề: 07 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện kỹ thuật chuyên môn được Giám đốc Sở Y tế phê duyệt

Thời gian làm việc hằng ngày: 24/24 giờ, 07 ngày/tuần

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 7 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐẮK LẮK

NGUYỄN HỮU VŨ QUANG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 656 QĐ-UBND	*Đắk Lắk, ngày 09 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Khám bệnh chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 283/2025/NĐ-CP ngày 31/10/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 56/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về điều trị ban ngày bằng y học cổ truyền tại Bệnh viện;

Căn cứ Thông tư số 54/2025/TT-BYT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Y học cổ truyền công lập thuộc tỉnh, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế bệnh viện; Thông tư số 18/2024/TT-BYT ngày 01/10/2024 của Bộ Y tế bãi bỏ một số nội dung trong Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế bệnh viện;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2025 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 0132/QĐ-UBND ngày 02/7/2025 của UBND tỉnh về việc quy định cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 0500/QĐ-UBND ngày 21/7/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 1 Quyết định số 0132/QĐ-UBND ngày 02/7/2025 của UBND tỉnh về việc quy định cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết số 121/NQ-UBND ngày 05/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk về nội dung trình xin ý kiến thành viên UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 023/TTr-SYT ngày 06/02/2026 và ý kiến của Sở Nội vụ tại Công văn số 637/SNV-TCCB ngày 28/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk là đơn vị sự nghiệp công lập hạng II trực thuộc Sở Y tế; có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có con dấu riêng, được mở tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản ly trực tiếp về tổ chưc, biên chế, chuyên môn ky thuật, nghiệp vụ và hoạt động tài chinh, cơ sở vật chất của Sở Y tế nhăm đảm bảo thống nhất quản ly của ngành y tế; chịu sự quản lý hành chính theo lanh thổ của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk có chưc năng thực hiện khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chưc năng; đào tạo và tham gia đào tạo nhân lực y tế; nghiên cưu khoa học, triển khai ưng dụng khoa học, công nghệ, ky thuật hiện đại để phục vụ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, nghiên cưu khoa học và đào tạo nhân lực y tế; thực hiện hỗ trợ chuyên môn, chuyển giao ky thuật, chuyển giao công nghệ và xây dựng, phát triển mạng lưới y học cổ truyền; nghiên cưu, đề xuất các chiến lược và chinh sách phát triển hệ thống y tế thuộc phạm vi, chưc năng, nhiệm vụ được giao; dự phòng bệnh, tật; tham gia phòng, chống dịch bệnh, thiên tai, thảm họa; chế biến, bào chế dược liệu, vị thuốc cổ truyền, thuốc cổ truyền.

Điều 2. Nhiệm vụ

1. Khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chưc năng theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Tiếp nhận để khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chưc năng cho người bệnh;

b) Tiếp nhận cấp cưu; khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền và y học hiện đại theo phạm vi hoạt động chuyên môn được cấp có thẩm quyền phê duyệt; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu; khám sưc khỏe; khám bệnh, chữa bệnh từ xa; khám bệnh, chữa bệnh lưu động và các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh khác;

c) Thực hiện kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh khác theo sự phân công, huy động, điều động của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đào tạo và tham gia đào tạo nhân lực y tế theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Là cơ sở đào tạo, đào tạo lại và cập nhật kiến thưc y khoa liên tục về lĩnh vực y học cổ truyền, bao gồm cả dược cổ truyền (sau đây gọi chung là y học cổ truyền) và khám bệnh, chữa bệnh kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại cho nhân viên y tế trong nước và nước ngoài;

b) Là cơ sở thực hành của các của cơ sở giáo dục trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

c) Phối hợp với các cơ sở, đối tác trong nước và nước ngoài nghiên cưu, trao đổi kinh nghiệm, đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực y học cổ truyền.

3. Nghiên cưu khoa học, triển khai ưng dụng khoa học, công nghệ, ky thuật hiện đại theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Triển khai ưng dụng khoa học và công nghệ để phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chưc năng, phòng bệnh, đào tạo và chuyển giao công nghệ về lĩnh vực y học cổ truyền;

b) Chủ trì và tham gia các công trình, chương trình nghiên cưu khoa học các cấp về lĩnh vực y học cổ truyền;

c) Tổ chưc các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế; cử cán bộ đi học tập, nghiên cưu ở nước ngoài; mời chuyên gia nước ngoài, tiếp nhận người nước ngoài đến nghiên cưu, trao đổi kinh nghiệm và học tập tại bệnh viện;

d) Thực hiện các chương trình hợp tác nghiên cưu khoa học với các cơ quan, đơn vị, tổ chưc, cá nhân trong và ngoài nước;

đ) Phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cưu bảo tồn cây thuốc.

4. Hỗ trợ chuyên môn, chuyển giao ky thuật, chuyển giao công nghệ và xây dựng, phát triển mạng lưới y học cổ truyền:

a) Là đầu mối tham mưu cho Sở Y tế chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ, xây dựng và phát triển mô hình, mạng lưới, chương trình về y học cổ truyền trong phạm vi tỉnh;

b) Là đầu mối xây dựng, đề xuất chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm thuộc chương trình, dự án về y học cổ truyền trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chưc triển khai theo phân công;

c) Tham gia xây dựng các hướng dẫn, quy trình ky thuật khám bệnh, chữa bệnh thuộc lĩnh vực y học cổ truyền; biên soạn, phát hành các tài liệu giảng dạy, tài liệu chuyên môn thuộc lĩnh vực y học cổ truyền;

d) Tiếp nhận và triển khai các phương pháp, ky thuật chuyên môn y học cổ truyền, y học hiện đại và kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại theo quy định của pháp luật;

đ) Chuyển giao và hỗ trợ các ky thuật chuyên môn cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác theo chỉ đạo, phân công của cơ quan có thẩm quyền và theo nhu cầu;

e) Phối hợp với các đơn vị có liên quan chỉ đạo xây dựng vườn thuốc nam trong các cơ sở y tế và thực hiện công tác chăm sóc sưc khỏe cộng đồng bằng y học cổ truyền;

g) Thực hiện theo dõi và đánh giá hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ y học cổ truyền trong phạm vi tỉnh theo phân công của cấp có thẩm quyền.

5. Nghiên cưu và đề xuất chiến lược, chính sách

Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng y học cổ truyền và đánh giá quá trình triển khai các chiến lược, chính sách y học cổ truyền trên phạm vi tỉnh và báo cáo Sở Y tế kết quả thực hiện, tham mưu, đề xuất các giải pháp phát triển mạng lưới y học cổ truyền của tỉnh.

6. Dự phòng bệnh, tật; tham gia phòng, chống dịch bệnh, thiên tai, thảm họa

a) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan trong và ngoài ngành y tế để thực hiện công tác truyền thông, giáo dục sưc khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống tai nạn thương tich, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, tai nạn sinh hoạt;

b) Thực hiện các nhiệm vụ phòng bệnh, phòng chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền.

7. Chế biến, bào chế dược liệu, vị thuốc cổ truyền, thuốc cổ truyền để cung cấp thuốc cho người bệnh tại bệnh viện và cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, các tổ chưc, cá nhân khác khi đáp ưng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 70 Luật Dược và các quy định có liên quan.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Giám đốc Sở Y tế và cấp có thẩm quyền giao.

Điều 3. Quyền hạn bệnh viện

1. Bệnh viện được tự chủ trong việc tổ chưc các hoạt động của bệnh viện trong phạm vi chưc năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật.

2. Bệnh viện được hưởng các chế độ, chinh sách ưu đai theo quy định của pháp luật.

3. Bệnh viện được quyền yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp các thông tin, tài liệu phục vụ công tác chuyên môn và các công tác khác theo quy định của pháp luật.

4. Bệnh viện được đưa ra những kết luận khoa học làm cơ sở pháp lý cho các cơ quan chưc năng xem xét, xử lý và ưng dụng thực tiễn; được đề xuất với các cấp có thẩm quyền về các giải pháp triển khai chiến lược, chính sách y học cổ truyền.

5. Bệnh viện được quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, khởi kiện các hành vi xâm hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của bệnh viện và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức và biên chế

1. Lanh đạo Bệnh viện: Gồm Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc (số lượng Phó Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành).

Giám đốc Bệnh viện là người đưng đầu, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Bệnh viện.

Phó Giám đốc Bệnh viện là người giúp Giám đốc Bệnh viện phụ trách một số lĩnh vực công tác; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Bệnh viện và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chưc, từ chưc, khen thưởng, kỷ luật, điều động, luân chuyển, thực hiện chế độ, chinh sách đối với các chưc danh Giám đốc, Phó Giám đốc Bệnh viện thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh và quy định của pháp luật.

2. Các phòng chưc năng, các khoa chuyên môn thuộc Bệnh viện

a) Các phòng chưc năng: Gồm 04 phòng

- Phòng Tổ chưc - Hành chính;

- Phòng Tài chinh kế toán;

- Phòng Kế hoạch tổng hợp - Công nghệ thông tin;

- Phòng Điều dưỡng - Công tác xa hội.

b) Các khoa chuyên môn: Gồm 9 khoa

- Khoa Khám đa khoa;

- Khoa Nội - Nhi;

- Khoa Phục hồi chưc năng;

- Khoa Châm cưu dưỡng sinh;

- Khoa Lão khoa;

- Khoa Ngoại tổng hợp;

- Khoa Dược - Vật tư y tế;

- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;

- Khoa Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chưc năng - Xét nghiệm.

c) Số lượng cấp phó của các khoa, phòng trực thuộc Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

d) Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, cách chưc, từ chưc, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chinh sách đối với các chưc danh Trưởng phòng và tương đương, Phó Trưởng phòng và tương đương theo quy định của pháp luật và theo phân cấp quản ly cán bộ của tỉnh, của Sở Y tế.

3. Số lượng người làm việc của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk thực hiện theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thưởng xuyên (nhóm II) được quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chinh phủ quy định cơ chế tự chủ tài chinh của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số

111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Giao Giám đốc Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; bai bỏ Quyết định số 3314/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Y học cổ truyền.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Y tế; Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như khoản 2 Điều 6;
- Các Bộ: Y tế, Nội vụ (để b/c);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các xa, phường;
- Các phòng, ban, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NV (V-05b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Mỹ

UBND TỈNH ĐẮK LẮK **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 162 /QĐ-SYT	*Đắk Lắk, ngày 24 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh giấy phép hoạt động do thay đổi quy mô giường bệnh đối với Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk;

Xét hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh do thay đổi quy mô hoạt động của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk và Biên bản thẩm định của Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk – Địa chỉ: 07 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với quy mô hoạt động: 400 giường bệnh, cụ thể như sau:

- Khoa Nội - Nhi: 50 giường bệnh.
- Khoa Ngoại Tổng hợp: 40 giường bệnh.
- Khoa Châm cứu dưỡng sinh: 160 giường bệnh.
- Khoa Lão khoa: 80 giường bệnh.
- Khoa Phục hồi chức năng: 70 giường bệnh.

Điều 2. Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh căn cứ quy mô giường bệnh được duyệt để bố trí nhân lực và thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn khám chữa bệnh tại Bệnh viện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Trưởng các tổ chức tham mưu tổng hợp – chuyên môn nghiệp vụ Sở Y tế; Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- GĐ, các PGĐ Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVYD (02b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐẮK LẮK

Nguyễn Hữu Vũ Quang

UBND TỈNH ĐẮK LẮK

SỞ Y TẾ

Số: 000890 /ĐL - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ và Tổ thẩm định cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **PHẠM NGỌC LIỄU.**

Ngày **27** tháng **7** năm sinh **1969.**

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số: **240 563 162.**

Ngày cấp: **26/01/2011** Nơi cấp: **Công An Đắk Lắk**

Chỗ ở hiện nay: **Phường Tân Lợi, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk.**

Văn bằng chuyên môn: **Bác sỹ .**

Phạm vi hoạt động chuyên môn: **Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền.**

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 01 năm 2013

KT. GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

PHÓ GIÁM ĐỐC

BS. Cao Minh Toàn

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp chuyên khoa cấp I
Số: 376/QĐ-BYT ngày 31 tháng 01 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Y tế

HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH

CẤP BẰNG

CHUYÊN KHOA CẤP I

Cho: *Phạm Ngọc Liễu*

Sinh ngày: 27/07/1969 Nơi sinh: Nam Định

Chuyên ngành: Y học cổ truyền

Hệ đào tạo: Tập trung

Khóa học: 2010-2012 Xếp loại: Khá

TP. Hồ Chí Minh, *ngày* 25 *tháng* 4 *năm* 2013

HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. Võ Tấn Sơn

Số hiệu bằng B: 0025123
Số vào sổ bằng: 03117
Chữ ký của người được cấp bằng

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
Số: 3345/CC A100

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

Phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Cấp cho: Ông **Phạm Ngọc Liễu**

Sinh ngày: 27/07/1969

Nơi sinh: Nam Định

Đã hoàn thành **Chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.**

Thời gian học: Từ ngày 06 tháng 10 năm 2021, đến ngày 15 tháng 10 năm 2021.

Tổng số: 40 tiết học (Bằng chữ: Bốn mươi tiết học)

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2021

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

Phạm Trung Kiên

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Lê Ngọc Thành

UBND TỈNH ĐẮK LẮK

SỞ Y TẾ

Số: 001389 /ĐL - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ và Tổ thẩm định cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **NGUYỄN THỊ THÚY.**
Ngày **20** tháng **10** năm sinh **1974.**
Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số: **241 305 214.**
Ngày cấp: **08/10/2008** Nơi cấp: **Công An Đắk Lắk**
Chỗ ở hiện nay: **Phường Tân Thành, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk.**
Văn bằng chuyên môn: **Bác sỹ .**
Phạm vi hoạt động chuyên môn: **Khám bệnh, chữa bệnh Y học cổ truyền.**

Đắk Lắk, ngày 25 tháng 4 năm 2013

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK

PHÓ GIÁM ĐỐC
BS. Cao Minh Toàn

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ Y TẾ

Số: 0186/QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 24 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh bổ sung phạm vi hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk;

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh bổ sung phạm vi hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của Ông/bà: Nguyễn Thị Thuý (Số hồ sơ: H15.17-260210-180022);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Dược, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh bổ sung phạm vi hành nghề cho Ông/bà:

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ THUÝ**
- Ngày, tháng, năm sinh: 20/10/1974
- Số CMND trong CCHN: 241305214, cấp ngày: 08/10/2008, nơi cấp: Đắk Lắk
- Căn cước công dân số: 015174013171, ngày cấp: 16/09/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Số CCHN đã cấp: 001389/ĐL-CCHN; ngày cấp: 25/04/2013, nơi cấp: Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk
- Văn bằng chuyên môn: Bác sĩ Y học cổ truyền; Chứng chỉ chuyên khoa cơ bản chuyên ngành Phục Hồi Chức Năng do Đại học Y Dược Cần Thơ cấp ngày 14/03/2025;
- Thời gian thực hành chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh theo chuyên khoa tương ứng với chuyên khoa đã được đào tạo ghi trên Chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản: từ ngày 15/3/2025 đến ngày 31/5/2025 và từ ngày 21/7/2025 đến ngày 04/02/2026, tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk.
- Phạm vi hành nghề đã được cấp: Khám bệnh, chữa bệnh Y học cổ truyền
- Phạm vi hành nghề được điều chỉnh, bổ sung thêm trong CCHN: Chuyên khoa Phục hồi chức năng

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược Sở Y tế; lãnh đạo các đơn vị liên quan và Ông/bà có tên tại Điều 1 và chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Website Sở Y tế (đăng tải);
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk *(01 bản trả kết quả);*
- Lưu: VT, NVYD (Ph_01b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐẮK LẮK

Nguyễn Hữu Vũ Quang

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp chuyên khoa cấp I
Số: 2896/QĐ-BYT ngày 05 tháng 08 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Y tế
Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược Huế

CẤP BẰNG

CHUYÊN KHOA CẤP I

Cho: *Nguyễn Thị Thúy*
Sinh ngày: 20.10.1974 Nơi sinh: Yên Bái
Chuyên ngành: Y học cổ truyền
Hệ đào tạo: Tập trung
Khóa học: 2012 - 2014 Xếp loại: Giỏi

Số hiệu bằng B: 0029194
Số vào sổ bằng: 4322/CKI-Q10
Chữ ký của người được cấp bằng

Thừa Thiên Huế, ngày 19 tháng 09 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

GS.TS. CAO NGỌC THÀNH

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
Số: 3346/CC A100

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

Phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Cấp cho: Bà **Nguyễn Thị Thúy**

Sinh ngày: 20/10/1974

Nơi sinh: Yên Bái

Đã hoàn thành **Chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.**

Thời gian học: Từ ngày 06 tháng 10 năm 2021, đến ngày 15 tháng 10 năm 2021.

Tổng số: 40 tiết học (Bằng chữ: Bốn mươi tiết học)

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2021

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

Phạm Trung Kiên

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Lê Ngọc Thành

UBND TỈNH ĐẮK LẮK

SỞ Y TẾ

Số: 000942 /ĐL - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ và Tổ thẩm định cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **PHẠM THỊ HIỀN.**

Ngày **12** tháng **9** năm sinh **1975.**

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số: **241 356 710.**

Ngày cấp: **28/9/2009** Nơi cấp: **Công An Đắk Lắk**

Chỗ ở hiện nay: **Phường Ea Tam, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk.**

Văn bằng chuyên môn: **Bác sỹ.**

Phạm vi hoạt động chuyên môn: **Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền.**

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 01 năm 2013

KT. GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

PHÓ GIÁM ĐỐC

BS. Cao Minh Toàn

Scanned with CamScanner

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ Y TẾ

Số: 646 /QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh phạm vi hành nghề

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Dược, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh phạm vi hành nghề cho Ông/Bà:

Họ và tên: **PHẠM THỊ HIỀN.**

Ngày, tháng, năm sinh: 12/9/1975.

Số Căn cước công dân: 038175018431.

Ngày cấp: 12/8/2021. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ cư trú: Phường Ea Tam, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Văn bằng chuyên môn: Bác sỹ chuyên khoa định hướng chuyên ngành Phục hồi chức năng.

Số chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đã cấp: 000942/ĐL-CCHN; ngày cấp: 15/01/2013; nơi cấp: Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk.

Phạm vi hành nghề được điều chỉnh: Bổ sung thêm chuyên khoa Phục hồi chức năng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Ông/bà có tên tại Điều 1 và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Quản lý KCB – BYT (*báo cáo);*
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố (*để biết);*
- Thanh tra Sở Y tế (*theo dõi);*
- Lưu: VT, NVYD (01b).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N. VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐẮK LẮK

Nay Phi La

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp chuyên khoa cấp I
Số: 3528/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Y tế
Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I

Cho: **PHẠM THỊ HIỀN**

Sinh ngày: 12/9/1975 Nơi sinh: Thanh Hóa

Chuyên ngành: Y học cổ truyền

Hệ đào tạo: Tập trung

Khóa học: 2018 - 2020 Xếp loại: Giỏi

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Số hiệu bằng B: 0049741

Số vào sổ bằng: 6492/CKI-2020

Chữ ký của người được cấp bằng

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
ĐẠI HỌC HUẾ

GS.TS. NGUYỄN VŨ QUỐC HUY

Scanned with CamScanner

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
Số: 3347/CC A100

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

Phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Cấp cho: Bà **Phạm Thị Hiền**

Sinh ngày: 12/09/1975

Nơi sinh: Thanh Hóa

Đã hoàn thành **Chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.**

Thời gian học: Từ ngày 06 tháng 10 năm 2021, đến ngày 15 tháng 10 năm 2021.

Tổng số: 40 tiết học (Bằng chữ: Bốn mươi tiết học)

1906

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2021

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

Phạm Trung Kiên

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Lê Ngọc Thành

Scanned with CamScanner

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ Y TẾ

Số: 001622 /ĐL - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Xét đề nghị của ...Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ Y và Tổ thẩm định cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

(Cấp lại lần thứ 1)



Họ và tên: **DƯƠNG THỊ ÁNH NGỌC**

Ngày tháng năm sinh: 02/06/1988

Chứng minh nhân dân/ Số định danh cá nhân/ Số hộ chiếu: 240882980

Ngày cấp: 18/07/2019 Nơi cấp: Đắk Lắk

Địa chỉ cư trú: 25 Tô Hiến Thành, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk

Văn bằng chuyên môn: Bác sỹ

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 08 năm 2019

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐẮK LẮK

Nguyễn Thị Xuân Thủy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BẰNG TỐT NGHIỆP
CHUYÊN KHOA CẤP I

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp chuyên khoa cấp I
Số: 40/QĐ-ĐHYD ngày 11 tháng 01 năm 2023
theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Y tế
HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH

CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I

Cho: **Dương Thị Ánh Ngọc**
Sinh ngày: 02/06/1988 Nơi sinh: Đắk Lắk
Chuyên ngành: Y học cổ truyền
Hệ đào tạo: Tập trung
Khóa học: 2020 - 2022 Xếp loại: Giỏi
TP. Hồ Chí Minh., ngày 11 tháng 01 năm 2023

Số hiệu bằng B: 0060434
Số vào sổ bằng: 855/2022/CKI/ĐHYD
Chữ ký của người được cấp bằng

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Bắc

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
Số: 3348/CC A100

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

Phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Cấp cho: Bà **Dương Thị Ánh Ngọc**

Sinh ngày: 02/06/1988

Nơi sinh: Đắk Lắk

Đã hoàn thành **Chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.**

Thời gian học: Từ ngày 06 tháng 10 năm 2021, đến ngày 15 tháng 10 năm 2021.

Tổng số: 40 tiết học (Bằng chữ: Bốn mươi tiết học)

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2021

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

Phạm Trung Kiên

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Lê Ngọc Thành

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ Y TẾ

Số:..000951...../ĐL - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Xét đề nghị của : Trưởng phòng Quản lý hành nghề Y Dược tư nhân và Tổ thẩm định cấp chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động khám chữa bệnh

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

(Cấp lại lần thứ 1)



Họ và tên: **PHẠM TIẾN HƯNG**

Ngày tháng năm sinh: 26/03/1986

Chứng minh nhân dân/ Số định danh cá nhân/ Số hộ chiếu: 240949592

Ngày cấp: 11/06/2011 Nơi cấp: Đắk Lắk

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 4, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk

Văn bằng chuyên môn: Bác sỹ

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền

Đắk Lắk, ngày 10 tháng 03 năm 2020

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Xuân Thủy

Được quét bằng CamScanner

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ Y TẾ

Số: 0183/QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 24 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh bổ sung phạm vi hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk;

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh bổ sung phạm vi hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của Ông/bà: Phạm Tiến Hưng (Số hồ sơ: H15.17-260210-180020);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Dược, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh bổ sung phạm vi hành nghề cho Ông/bà:

- Họ và tên: **PHẠM TIẾN HƯNG**
- Ngày, tháng, năm sinh: 26/03/1986
- Số CMND trong CCHN: 240949592, cấp ngày: 06/11/2011, nơi cấp: Đắk Lắk
- Căn cước công dân số: 066086013858, ngày cấp: 06/07/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Số CCHN đã cấp: 000951/ĐL-CCHN; ngày cấp: 10/03/2020, nơi cấp: Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk
- Văn bằng chuyên môn: Bác sĩ Y học cổ truyền; Chứng chỉ chuyên khoa cơ bản chuyên ngành Phục Hồi Chức Năng do Đại học Y Dược Cần Thơ cấp ngày 14/03/2025;
- Thời gian thực hành chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh theo chuyên khoa tương ứng với chuyên khoa đã được đào tạo ghi trên Chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản: từ ngày 15/3/2025 đến ngày 31/5/2025 và từ ngày 21/7/2025 đến ngày 04/02/2026, tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk.
- Phạm vi hành nghề đã được cấp: Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền
- Phạm vi hành nghề được điều chỉnh, bổ sung thêm trong CCHN: Chuyên khoaa Phục hồi chức năng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược Sở Y tế; lãnh đạo các đơn vị liên quan và Ông/bà có tên tại Điều 1 và chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Website Sở Y tế (đăng tải);
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk *(01 bản trả kết quả);*
- Lưu: VT, NVYD (Ph_01b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐẮK LẮK

Nguyễn Hữu Vũ Quang

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp chuyên khoa cấp I
Số: 40/QĐ-ĐHYD ngày 11 tháng 01 năm 2023

theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Y tế
HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH

CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I

Cho: **Phạm Tiến Hưng**

Sinh ngày: 26/03/1986 Nơi sinh: Đắk Lắk

Chuyên ngành: Y học cổ truyền

Hệ đào tạo: Tập trung

Khóa học: 2020 - 2022 Xếp loại: Giỏi

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 01 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Bắc

Số hiệu bằng B: 0060430

Số vào sổ bằng: 851/2022/CKI/ĐHYD

Chữ ký của người được cấp bằng

Được quét bằng CamScanner

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Số: 551/2023/ĐTBDCBYT/CC-A012

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

Phương pháp dạy - học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Cấp cho ông/bà: **PHẠM TIẾN HƯNG**

Sinh ngày: **26/03/1986**

Nơi sinh: **Đắk Lắk**

Đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy - học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Thời gian học: *Từ ngày 01 tháng 08 năm 2023, đến ngày 05 tháng 08 năm 2023.*

Tổng số: 40 tiết học *(bằng chữ: Bốn mươi tiết học).*

Thừa Thiên Huế, ngày 11 tháng 09 năm 2023

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

TS.BS. Lê Văn Chi

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
ĐẠI HỌC HUẾ

GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ Y TẾ

Số: 003520/DL - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Xét đề nghị của : Trưởng phòng Quản lý hành nghề Y Dược tư nhân và Tổ thẩm định cấp chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động khám chữa bệnh

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **ĐẶNG VIẾT NGUYÊN**

Ngày tháng năm sinh: 04/05/1983

Chứng minh nhân dân/ Số định danh cá nhân/ Số hộ chiếu: 241071909

Ngày cấp: 13/11/2013 Nơi cấp: Đắk Lắk

Địa chỉ cư trú: 9B Nguyễn Du, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk

Văn bằng chuyên môn: Bác sỹ

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền

Đắk Lắk, ngày 13 tháng 07 năm 2020

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Nay Phi La

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XA HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp chuyên khoa cấp I
Số: 40/QĐ-ĐHYD ngày 11 tháng 01 năm 2023
theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Y tế
HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH

CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I

Cho: **Đặng Viết Nguyên**
Sinh ngày: 04/05/1988 Nơi sinh: Đắk Nông
Chuyên ngành: Y học cổ truyền
Hệ đào tạo: Tập trung
Khóa học: 2020 - 2022 Xếp loại: Khá
TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 01 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Bắc

Số hiệu bằng B: 0060435
Số vào sổ bằng: 856/2022/CKI/DHYD
Chữ ký của người được cấp bằng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT
Số: 228-2025/CC-A.108

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

Phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Cấp cho ông/bà: **Đặng Viết Nguyên**

Ngày sinh: **04/05/1988**

Nơi sinh: **Đắk Nông**

Đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Thời gian học: *từ ngày 25 tháng 4 năm 2025 đến ngày 29 tháng 4 năm 2025.*

Tổng số: *40 tiết học (bằng chữ: Bốn mươi tiết học).*

Đắk Lắk, ngày 03 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

ThS.BS. Trần Đại Phước

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT

GS.TS. Cao Tiến Đức

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 009619 /ĐL - CCHN

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Xét đề nghị của Lãnh đạo phòng Nghiệp vụ Y - Dược và căn cứ Biên bản họp Tổ thẩm định cấp chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động khám chữa bệnh, ngày 14/5/2021

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **VŨ THỊ THƯƠNG THƯƠNG**

Ngày, tháng, năm sinh: 06/09/1993

Giấy chứng minh nhân dân: 245188934

Ngày cấp: 19/06/2008 Nơi cấp: Đăk Nông

Địa chỉ cư trú: Bon U2, thị trấn Ea T'Ling, huyện Cư Jút, Đắk Nông

Văn bằng chuyên môn: Bác sỹ

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền

Đắk Lắk, Ngày 14 tháng 05 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

NGUYỄN VĂN HÙNG

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Số: 1873 /QĐ-SYT

Đắk Lắk, ngày 26 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh bổ sung phạm vi hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk;

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh bổ sung phạm vi hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của Ông/bà: Vũ Thị Thương Thương (Số hồ sơ: H15.17-260811-180039);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Dược, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh bổ sung phạm vi hành nghề cho Ông/bà:

- Họ và tên: **VŨ THỊ THƯƠNG THƯƠNG**

- Ngày, tháng, năm sinh: 06/06/1993

- Số chứng minh nhân dân trong CCHN/GPHN: 245188934, cấp ngày: 19/06/2008, nơi cấp: Đăk Nông

- Căn cước công dân số: 067193000073, ngày cấp: 25/03/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

- Số CCHN đã cấp: 009619/ĐL-CCHN;

- Ngày cấp: 14/05/2021, nơi cấp: Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk

- Văn bằng chuyên môn: Bác sĩ, Chứng chỉ chuyên khoa cơ bản chuyên ngành Phục Hồi Chức Năng do Trường Đại học Hồng Bàng cấp ngày 11/10/2025;

- Thời gian thực hành chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh theo chuyên khoa tương ứng với chuyên khoa đã được đào tạo ghi trên Chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản: từ ngày 03/11/2025 đến hết ngày 03/8/2026, tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk.

- Phạm vi hành nghề đã được cấp: Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền.

- Phạm vi hành nghề được điều chỉnh, bổ sung thêm trong CCHN: Chuyên khoa Phục hồi chức năng

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược Sở Y tế; lãnh đạo các đơn vị liên quan và Ông/bà có tên tại Điều 1 và chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Website Sở Y tế (đăng tải);
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk *(01 bản trả kết quả)*;
- Lưu: VT, NVYD (Ph_01b).

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐẮK LẮK

Nguyễn Hữu Vũ Quang

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 2435 Quyển số: SCT/BS
10 -09- 2026

S.Đ.K.H.Đ: 66.2017.02.0017 - C.T.H.Đ
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐẠI AN
P. BUÔN MA THUỘT - T. ĐẮK LẮK

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Thị Minh

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp chuyên khoa cấp I
Số: 6050/QĐ-ĐHYD ngày 25 tháng 12 năm 2023

theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Y tế
HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH

CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I

Cho: *Võ Thị Thương Thương*

Sinh ngày: 06/09/1993 Nơi sinh: Đắk Lắk

Chuyên ngành: Y học cổ truyền

Hệ đào tạo: Tập trung

Khóa học: 2021 - 2023 Xếp loại: Giỏi

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ngô Quốc Đạt

Số hiệu bằng B: 0065952

Số vào sổ bằng: 753/2023/CKI/ĐHYD

Chữ ký của người được cấp bằng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT

Số: 231-2025/CC-A.108

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

Phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Cấp cho ông/bà: **Vũ Thị Thương Thương**

Ngày sinh: **06/09/1993**

Nơi sinh: **Đắk Lắk**

Đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Thời gian học: *từ ngày 25 tháng 4 năm 2025 đến ngày 29 tháng 4 năm 2025.*

Tổng số: *40 tiết học (bằng chữ: Bốn mươi tiết học).*

Đắk Lắk, ngày 03 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

ThS.BS. Trần Đại Phước

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT

GS.TS. Cao Tiến Đức

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ Y TẾ

Số: 010058 /ĐL - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Xét đề nghị của Lãnh đạo phòng Nghiệp vụ Y - Dược và căn cứ Biên bản họp Tổ thẩm định cấp chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động khám chữa bệnh, ngày 09/5/2022.

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **BÙI VIẾT TRÍ**

Ngày, tháng, năm sinh: 18/01/1995

Giấy chứng minh nhân dân/ Số định danh cá nhân/ Số hộ chiếu: 241412852

Ngày cấp: 27/10/2010 Nơi cấp: Đắk Lắk

Địa chỉ cư trú: Xã Hòa Sơn, huyện Krông Bông, Đắk Lắk

Văn bằng chuyên môn: Bác sỹ Y học cổ truyền

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 05 năm 2022

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐẮK LẮK

NGUYỄN VĂN HÙNG

UBND TỈNH ĐẮK LẮK **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01737 /QĐ-SYT	*Đắk Lắk, ngày 04 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh bổ sung phạm vi hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk;

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh bổ sung phạm vi hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của Ông/bà: Bùi Viết Trí (Số hồ sơ: H15.17-260722-180029);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Dược, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh bổ sung phạm vi hành nghề cho Ông/bà:

- Họ và tên: **BÙI VIẾT TRÍ**

- Ngày, tháng, năm sinh: 18/01/1995

- Số chứng minh nhân dân trong CCHN/GPHN: 241412852, cấp ngày: 27/10/2010, nơi cấp: Đắk Lắk

- Căn cước công dân số: 066095007620, ngày cấp: 19/09/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

- Số CCHN đã cấp: 010058/ĐL-CCHN;

- Ngày cấp: 12/05/2022, nơi cấp: Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk

- Văn bằng chuyên môn: Bác sĩ Y học cổ truyền, Chứng chỉ chuyên khoa cơ bản chuyên ngành Phục Hồi Chức Năng do Trường Đại học y dược Cần Thơ cấp ngày 14/3/2025

- Thời gian thực hành chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh theo chuyên khoa tương ứng với chuyên khoa đã được đào tạo ghi trên Chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản: từ ngày 17/10/2025 đến ngày 17/07/2026, tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk.

- Phạm vi hành nghề đã được cấp: Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền

- Phạm vi hành nghề được điều chỉnh, bổ sung thêm trong CCHN: Chuyên khoa Phục hồi chức năng

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược Sở Y tế; lãnh đạo các đơn vị liên quan và Ông/bà có tên tại Điều 1 và chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Website Sở Y tế (đăng tải);
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk *(01 bản trả kết quả);*
- Lưu: VT, NVYD (Ph_01b).

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐẮK LẮK

Nguyễn Hữu Vũ Quang

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp chuyên khoa cấp I
Số: QĐ 233/QĐ-HVYDCT ngày 17 tháng 01 năm 2025

Theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Y tế
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I

Cho: Ông *Bùi Viết Trí*

Sinh ngày: 18/01/1995 Nơi sinh: Đắk Lắk

Chuyên ngành: Y học cổ truyền

Hệ đào tạo: Tập trung

Khóa học: 2022 - 2024 Xếp loại: Giỏi

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Nguyễn Quốc Huy

Số hiệu bằng B: 0073842

Số vào sổ bằng: *121 /CKI-HV2025*

Chữ ký của người được cấp bằng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT

Số: 233-2025/CC-A.108

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

Phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Cấp cho ông/bà: **Bùi Viết Trí**

Ngày sinh: **18/01/1995**

Nơi sinh: **Đắk Lắk**

Đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Thời gian học: *từ ngày 25 tháng 4 năm 2025 đến ngày 29 tháng 4 năm 2025.*

Tổng số: *40 tiết học (bằng chữ: Bốn mươi tiết học).*

Đắk Lắk, ngày 03 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

ThS.BS. Trần Đại Phước

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT

GS.TS. Cao Tiến Đức

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ Y TẾ

Số: 009691 /ĐL - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Xét đề nghị của Lãnh đạo phòng Nghiệp vụ Y - Dược và căn cứ Biên bản họp Tổ thẩm định cấp chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động khám chữa bệnh, ngày 16/7/2021

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **NÔNG THU HIỀN**
Ngày, tháng, năm sinh: 20/06/1993
Giấy chứng minh nhân dân số: 245181090
Ngày cấp: 18/06/2019 Nơi cấp: Đăk Nông
Địa chỉ cư trú: Thôn 11, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông
Văn bằng chuyên môn: Bác sỹ
Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền

Đắk Lắk, Ngày 16 tháng 07 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN HÙNG

BỘ Y TẾ



Số hiệu bằng B: 0073780

Số vào sổ bằng: 059 /CKI-HV2025

Chữ ký của người được cấp bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp chuyên khoa cấp I
Số: QĐ 233/QĐ-HVYDCT ngày 17 tháng 01 năm 2025

Theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Y tế
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I

Cho: Bà *Nông Thu Hiền*

Sinh ngày: 20/06/1993 Nơi sinh: Đắk Nông

Chuyên ngành: Y học cổ truyền

Hệ đào tạo: Tập trung

Khóa học: 2022 - 2024 Xếp loại: Khá

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Nguyễn Quốc Huy

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Số: 550/2023/ĐTBDCBYT/CC-A012

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

Phương pháp dạy - học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Cấp cho ông/bà: **NÔNG THU HIỀN**

Sinh ngày: **20/06/1993**

Nơi sinh: **Đắk Nông**

Đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy - học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Thời gian học: *Từ ngày 01 tháng 08 năm 2023, đến ngày 05 tháng 08 năm 2023.*

Tổng số: 40 tiết học *(bằng chữ: Bốn mươi tiết học).*

Thừa Thiên Huế, ngày 11 tháng 09 năm 2023

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

TS.BS. Lê Văn Chi

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
ĐẠI HỌC HUẾ

GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 002695/ TNG-CCHN

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề Y, Dược - Sở Y tế,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

(Cấp lại lần thứ 1)



Họ và tên: **DƯƠNG THỊ LY**
Ngày, tháng, năm sinh: **09/10/1987**
Giấy chứng minh nhân dân/ Số định danh cá nhân/ Số hộ chiếu: **091075987**
Ngày cấp: **09/7/2007.** Nơi cấp: **Công an tỉnh Thái Nguyên**
Địa chỉ cư trú: **Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.**
Văn bằng chuyên môn: **Bác sỹ YHCT**
Phạm vi hoạt động chuyên môn: **Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền./.**

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 9 năm 2020
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Nguyễn Thị Bích Hải



BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp chuyên khoa cấp I
Số: 7064/QĐ-ĐHYHN ngày 01 tháng 11 năm 2024

Theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Y tế
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I

Cho: Dương Thị Ly

Sinh ngày: 09/10/1987 Nơi sinh: Thái Nguyên

Chuyên ngành: Y học cổ truyền

Hệ đào tạo: Tập trung

Khóa học: 2022-2024 Xếp loại: Khá

Số hiệu bằng B: 0071525

Số vào sổ bằng: 0978 - CKI/2024

Chữ ký của người được cấp bằng

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Nguyễn Hữu Tú

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



BẰNG TỐT NGHIỆP
CHUYÊN KHOA CẤP I

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT

Số: 225-2025/CC-A.108

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

Phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Cấp cho ông/bà: **Dương Thị Ly**

Ngày sinh: **09/10/1987**

Nơi sinh: **Thái Nguyên**

Đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Thời gian học: *từ ngày 25 tháng 4 năm 2025 đến ngày 29 tháng 4 năm 2025.*

Tổng số: *40 tiết học (bằng chữ: Bốn mươi tiết học).*

Đắk Lắk, ngày 03 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

ThS.BS. Trần Đại Phước

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT

GS.TS. Cao Tiến Đức

UBND TỈNH ĐẮK LẮK

SỞ Y TẾ

Số: 000446 .../ĐL - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ và Tổ thẩm định cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **ĐỖ THỊ TUYẾT NHUNG.**

Ngày **30** tháng **10** năm sinh **1972.**

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số: **240 422 070.**

Ngày cấp: **23/8/2001** Nơi cấp: **Công An Đắk Lắk**

Chỗ ở hiện nay: **53/22 Lê Duẩn, Phường Tân Thành, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.**

Văn bằng chuyên môn: **Bác sỹ.**

Phạm vi hoạt động chuyên môn: **Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền.**

Đắk Lắk, ngày 09 tháng 10 năm 2012

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

PHÓ GIÁM ĐỐC

BS Cao Minh Toàn

Được quét bằng CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thực hiện kế hoạch của Bộ y tế giao cho Viện y học cổ truyền Việt Nam năm 1997-
Về việc bồi dưỡng y học cổ truyền cho Bác sĩ, Dược sĩ.

VIỆN TRƯỞNG VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CHỨNG NHẬN



Ông, bà : Bác sĩ Đỗ Thị Tuyết Nhung

Ngày, tháng, năm sinh : 1972

Đơn vị công tác : Bệnh viện Y học dân tộc tỉnh Đắc-lắc.

Đã học hết chương trình : Lớp Bác sĩ Học Y học cổ truyền khoá 1997-1998

Từ ngày 04 tháng 10 năm 97 đến ngày 04 tháng 7 năm 1998

Hình thức học tập : Tập trung

Kết quả : Khá.

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 1998

VIỆN TRƯỞNG

GIÁO SƯ BÁC SĨ

CHỨNG NHẬN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CHỨNG NHẬN 32 110
QUYỂN SỐ 5 TP/CC
Ngày 1 tháng 6

Số 76/98 V.Y.H.C.T/CN

CHỨNG SỐ

CÔNG CHỨNG VIÊN
PHAN THỊ HỒNG TAM

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ ĐẮKLẮK
TEM CÔNG CHỨNG
Loại : 1.000 đ
2/2001
IN TẠI XN IN ĐAK LAK

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT

Số: 229-2025/CC-A.108

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

Phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Cấp cho ông/bà: **Đỗ Thị Tuyết Nhung**

Ngày sinh: **30/10/1972**

Nơi sinh: **Đắk Lắk**

Đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Thời gian học: *từ ngày 25 tháng 4 năm 2025 đến ngày 29 tháng 4 năm 2025.*

Tổng số: *40 tiết học (bằng chữ: Bốn mươi tiết học).*

Đắk Lắk, ngày 03 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

ThS.BS. Trần Đại Phước

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT

GS.TS. Cao Tiến Đức

Được quét bằng CamScanner

UBND TỈNH ĐẮK LẮK

SỞ Y TẾ

Số: 002400 /ĐL - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kế Hoạch Nghiệp Vụ Y và Tổ thẩm định cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **HOA THỊ TUYẾN**

Ngày, tháng, năm sinh: **17/9/1977**

Giấy chứng minh nhân dân số: **241502409**

Ngày cấp: **16/5/2012**; Nơi cấp: **Đăk Lăk**

Chỗ ở hiện nay: **Xã Ea Lê, huyện Ea Súp, Đắk Lắk.**

Văn bằng chuyên môn: **Bác sỹ**

Phạm vi hoạt động chuyên môn: **Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa**

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 11 năm 2013

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

PHÓ GIÁM ĐỐC

BS. Cao Minh Toàn

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 848 /QĐ-SYT

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Căn cứ Thông tư số 41/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2011/TT-BYT;

Theo đề nghị của Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ Y - Dược, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám chữa bệnh cho Ông/Bà:

Họ và tên: **HOA THỊ TUYẾN.**

Ngày, tháng, năm sinh: 17/9/1977.

Số chứng minh nhân dân: 241502409.

Ngày cấp: 16/5/2012. Nơi cấp: Đắk Lắk.

Địa chỉ cư trú: Xã Ea Lê, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Văn bằng chuyên môn: Bác sĩ y khoa, Chuyên khoa cấp I chuyên ngành Phục hồi chức năng.

Số chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đã cấp: 002400/ĐL-CCHN.

Ngày cấp: 15/11/2013. Nơi cấp: Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk. Phạm vi hoạt động chuyên môn đã cấp: Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa.

Phạm vi hoạt động chuyên môn bổ sung: Khám bệnh, chữa bệnh Phục hồi chức năng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Cá nhân có tên tại Điều 1 và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 7526 Quyển số: 4 UBND/SCT/BS
UBND PHƯỜNG TÂN AN

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NVYD (01b).

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Tổng Đăng

Nguyễn Văn Hùng

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp chuyên khoa cấp I
Số: 383/QĐ-ĐHYD ngày 14 tháng 02 năm 2022

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Y tế
Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I

Cho: **HOA THỊ TUYẾN**

Sinh ngày: 17/09/1977 Nơi sinh: Cao Bằng

Chuyên ngành: Phục hồi chức năng

Hệ đào tạo: Tập trung

Khóa học: 2019 - 2021 Xếp loại: Khá

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 02 năm 2022

Số hiệu bằng B: 0053803

Số vào sổ bằng: 6935/CKI-2022

Chữ ký của người được cấp bằng

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
ĐẠI HỌC HUẾ

GS.TS. NGUYỄN VŨ QUỐC HUY

Scanned with CamScanner

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
Số: 553/2023/ĐTBDCBYT/CC-A012

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

Phương pháp dạy - học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Cấp cho ông/bà: **HOA THỊ TUYẾN**

Sinh ngày: **17/09/1977**

Nơi sinh: **Cao Bằng**

Đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy - học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Thời gian học: *Từ ngày 01 tháng 08 năm 2023, đến ngày 05 tháng 08 năm 2023.*

Tổng số: 40 tiết học *(bằng chữ: Bốn mươi tiết học).*

Thừa Thiên Huế, ngày 11 tháng 09 năm 2023

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

TS.BS. Lê Văn Chi

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ Y TẾ
Số: 003322/ĐL - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Xét đề nghị của Lãnh đạo phòng Nghiệp vụ Y - Dược và căn cứ Biên bản họp Tổ thẩm định cấp chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động khám chữa bệnh, ngày 11../..6.../2021..

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

(Cấp lại lần thứ 1)



Họ và tên: **TRẦN XUÂN THẢO**
Ngày, tháng, năm sinh: 19/02/1991
Giấy chứng minh nhân dân: 241229915
Ngày cấp: 26/04/2012 Nơi cấp: Đắk Lắk
Địa chỉ cư trú: 26 Trần Phú, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Văn bằng chuyên môn: Bác sỹ
Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội

Đắk Lắk, Ngày 11 tháng 06 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN HÙNG

UBND TỈNH ĐẮK LẮK **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1313 /QĐ-SYT	*Đắk Lắk, ngày 10 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh bổ sung phạm vi hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96 /2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Dược, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh bổ sung phạm vi hành nghề cho ông/bà:

- Họ và tên: **TRẦN XUÂN THẢO**
- Ngày, tháng, năm sinh: 19/2/1991
- CMND số: 241229915, ngày cấp: 26/4/2012, nơi cấp: Đắk Lắk.
- Địa chỉ cư trú: 26 Trần Phú, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Văn bằng chuyên môn: Chuyên khoa cấp I chuyên ngành Phục hồi chức năng.
- Số CCHN/GPHN đã cấp: 003322/ĐL-CCHN;
- Ngày cấp: 11/6/2021, nơi cấp: Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk.
- Phạm vi hành nghề được điều chỉnh bổ sung thêm trong CCHN/GPHN: Chuyên khoa Phục hồi chức năng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Ông/bà có tên tại Điều 1 và Trưởng các phòng chức năng Sở Y tế; lãnh đạo các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Website Sở Y tế (đăng tải);
- Lưu: VT, NVYD (01b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐẮK LẮK

Nguyễn Hữu Vũ Quang

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ Quyết định công nhận tốt nghiệp chuyên khoa cấp I
Số: 1721/QĐ-ĐHYDCT ngày 21 tháng 6 năm 2024
theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Y tế
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ



Số hiệu bằng B: 0070055
Số vào sổ bằng: 1066/CKI.24
Chữ ký của người được cấp bằng

CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I

Cho: *Trần Xuân Thảo*
Sinh ngày: 19/02/1991 Nơi sinh: Đắk Lắk
Chuyên ngành: Phục hồi chức năng
Hệ đào tạo: Tập trung
Khóa học: 2022-2024 Xếp loại: Giỏi

Cần Thơ, ngày 24 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

GS.TS. NGUYỄN TRUNG KIÊN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG
Số: 252225/CC-A019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

Phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Cấp cho: Bà *Trần Xuân Thảo*
Sinh ngày: 19/02/1991
Nơi sinh: tỉnh Đắk Lắk
Đã hoàn thành Chương trình:
Bồi dưỡng phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe
Thời gian học: *Từ ngày 16 tháng 10 năm 2025 đến ngày 05 tháng 11 năm 2025*
Tổng số: 40 tiết học *(Bốn mươi tiết học)*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

PGS.TS Nguyễn Phương Dung

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG

GS.TS.BS Phạm Văn Linh

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 000407 /ĐL - GPHN

GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược,

CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **NGÔ THANH TÂN**

Ngày, tháng, năm sinh: 18/9/1983

Căn cước công dân/Số định danh cá nhân/Số hộ chiếu: 031083018582

Ngày cấp: 15/9/2023 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Quốc tịch: Việt Nam

Chức danh chuyên môn: Kỹ thuật Y

Phạm vi hành nghề: Phục hồi chức năng

Giấy phép này có thời hạn đến ngày 26 tháng 6 năm 2029

Đắk Lắk, ngày 26 tháng 6 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Nay Phi La

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

PRESIDENT

HAI DUONG MEDICAL TECHNICAL UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR

REHABILITATION

on: *Mr Ngo Thanh Tan*

Date of birth: **September 18th, 1983**

Year of graduation: **2017.**

Degree classification: **Very good .**

Mode of study: **Part - time.**



Haiduong, April 18th, 2017

Reg. No: **137/2017/ĐHLT ;**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

cấp

BẰNG CỬ NHÂN

PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Cho: *Ông Ngô Thanh Tân*

Ngày sinh: 18/09/1983

Năm tốt nghiệp: 2017.

Xếp loại tốt nghiệp: Giỏi.

Hình thức đào tạo: **Vừa làm vừa học.**

Hải Dương *ngày* 18 *tháng* 04 *năm* 20..

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

TS.Đinh Thị Diệu Hằng

Số hiệu: 1519899

Số vào sổ cấp bằng: 137/2017/ĐHLT ;

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Số: 552/2023/ĐTBDCBYT/CC-A012

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

Phương pháp dạy - học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Cấp cho ông/bà: **NGÔ THANH TÂN**

Sinh ngày: **18/09/1983**

Nơi sinh: **Hải Phòng**

Đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy - học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Thời gian học: *Từ ngày 01 tháng 08 năm 2023, đến ngày 05 tháng 08 năm 2023.*

Tổng số: 40 tiết học *(bằng chữ: Bốn mươi tiết học).*

Thừa Thiên Huế, ngày 11 tháng 09 năm 2023

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

TS.BS. Lê Văn Chi

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
ĐẠI HỌC HUẾ

GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ Y TẾ

Số: 000277/ĐL - GPHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược,

CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **NGUYỄN VĂN THỐNG**

Ngày, tháng, năm sinh: 16/01/1976

Căn cước công dân/Số định danh cá nhân/Số hộ chiếu: 027076013420

Ngày cấp: 10/8/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Quốc tịch: Việt Nam Việt Nam

Chức danh chuyên môn: Kỹ thuật Y

Phạm vi hành nghề: Phục hồi chức năng

Giấy phép này có thời hạn đến ngày 30 tháng 5 năm 2029

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 5 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N. VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐẮK LẮK

Nguyễn Trung Thành

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE DEGREE OF BACHELOR

REHABILITATION

HAIDUONG MEDICAL TECHNICAL UNIVERSITY

has conferred upon:

Mr Nguyen Van Thong

Date of birth: **16 January 1976**

Degree classification: **Very good**

Haiduong, 19 May 2023



Reg. No: **226/2023/CN;**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẰNG CỬ NHÂN

KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

cấp cho:

Ông Nguyễn Văn Thống

Ngày sinh: **16/01/1976**

Hạng tốt nghiệp: **Giỏi**

Hải Dương, ngày 19 tháng 05 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS.BS. Phạm Thị Cẩm Hương

Số hiệu: **HMTU 001984-CN**

Số vào sổ gốc cấp văn bằng: **226/2023/CN;**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE DEGREE OF BACHELOR

REHABILITATION

HAIDUONG MEDICAL TECHNICAL UNIVERSITY

has conferred upon:

Mr Nguyen Van Thong

Date of birth: **16 January 1976**

Degree classification: **Very good**

Haiduong, 19 May 2023



Reg. No: **226/2023/CN;**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẰNG CỬ NHÂN

KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

cấp cho:

Ông Nguyễn Văn Thống

Ngày sinh: 16/01/1976

Hạng tốt nghiệp: Giỏi

Hải Dương, ngày 19 tháng 05 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS.BS. Phạm Thị Cẩm Hưng

Số hiệu: **HMTU 001984-CN**
Số vào sổ gốc cấp văn bằng: **226/2023/CN;**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT
Số: 230-2025/CC-A.108

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

Phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Cấp cho ông/bà: **Nguyễn Văn Thống**

Ngày sinh: **16/01/1976**

Nơi sinh: **Bắc Ninh**

Đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Thời gian học: *từ ngày 25 tháng 4 năm 2025 đến ngày 29 tháng 4 năm 2025.*

Tổng số: *40 tiết học (bằng chữ: Bốn mươi tiết học).*

Đắk Lắk, ngày 03 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

ThS.BS. Trần Đại Phước

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT

GS.TS. Cao Tiến Đức

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ Y TẾ
Số 001840/ĐL - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009.
Xét đề nghị của Lãnh đạo phòng Nghiệp vụ Y - Dược và căn cứ Biên bản họp Tổ thẩm định cấp chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động khám chữa bệnh, ngày 9 / 01 /2024.

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



(Cấp lại lần thứ 1)

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI**

Ngày, tháng, năm sinh: 21/03/1984

Giấy chứng minh nhân dân/ Số định danh cá nhân/ Số hộ chiếu: 066184011287

Ngày cấp: 09/08/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ cư trú: Phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Văn bằng chuyên môn: Cử nhân Điều dưỡng

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y

Đắk Lắk, ngày 10 tháng 01 năm 2024

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Nay Phi La

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

TAY NGUYEN UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR

Nurse

Upon: Ms **Nguyen Thi Phuong Mai**

Date of birth: 21 March 1984

Year of graduation: 2016

Degree classification: Very good

Mode of study: Part - time

Daklak, 25 April 2016

Reg. No: VLVH-2016/031

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

cấp

BẰNG CỬ NHÂN

Điều dưỡng

Cho: Bà **Nguyễn Thị Phương Mai**

Ngày sinh: 21/3/1984

Năm tốt nghiệp: 2016

Xếp loại tốt nghiệp: Giỏi

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

Đắk Lắk, ngày 25 tháng 04 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

PGS.TS. Nguyễn Tấn Thi

Số hiệu: 1130403

Số vào sổ cấp bằng: VLVH-2016/033

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT
Số 226-2025 CC-A 108

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

Phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Cấp cho ông/bà: **Nguyễn Thị Phương Mai**

Ngày sinh: **21/03/1984**

Nơi sinh: **Đắk Lắk**

Đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Thời gian học: *từ ngày 25 tháng 4 năm 2025 đến ngày 29 tháng 4 năm 2025.*

Tổng số: *40 tiết học (bằng chữ: Bốn mươi tiết học)*

Đắk Lắk, ngày 03 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

ThS.BS. Trần Đại Phước

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT

GS.TS. Cao Tiến Đức

UBND TỈNH ĐẮK LẮK

SỞ Y TẾ

Số: 001384 /ĐL - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ và Tổ thẩm định cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **NGUYỄN THỊ THANH.**

Ngày **15** tháng **11** năm sinh **1975.**

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số: **241 339 230.**

Ngày cấp: **12/6/2009** Nơi cấp: **Công An Đắk Lắk**

Chỗ ở hiện nay: **Phường Tân Thành, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk.**

Văn bằng chuyên môn: **Điều dưỡng viên.**

Phạm vi hoạt động chuyên môn: **Thực hiện chức năng chuyên môn theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức điều dưỡng .**

Đắk Lắk, ngày 25 tháng 4 năm 2013.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

BS. Cao Minh Toàn



BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC



Số hiệu bằng

A 0062040

Số vào sổ

39

Chữ ký của người được cấp bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường

ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo **TẠI CHỨC**

ngành **ĐIỀU DƯỠNG**

hạng Khá năm tốt nghiệp 2009

và công nhận danh hiệu

CỬ NHÂN

cho ***Nguyễn Thị Thanh***

sinh ngày 15/11/1975 tại Hà Nam

Buôn Ma Thuột, ngày 09 *tháng* 11 *năm* 2009

Hiệu trưởng

Khoa trưởng

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Xuân Thảo

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
Số: 3349/CC A100

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

Phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Cấp cho: **Bà Nguyễn Thị Thanh**

Sinh ngày: 15/11/1975

Nơi sinh: Hà Nam

Đã hoàn thành **Chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.**

Thời gian học: Từ ngày 06 tháng 10 năm 2021, đến ngày 15 tháng 10 năm 2021.

Tổng số: 40 tiết học (Bằng chữ: Bốn mươi tiết học)

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2021

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

Phạm Trung Kiên

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Lê Ngọc Thành

UBND TỈNH ĐẮK LẮK

SỞ Y TẾ

Số: 001828 /ĐL - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng KHNV và Tổ thẩm định cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI**

Ngày, tháng, năm sinh: **07/05/1986**

Giấy chứng minh nhân dân số: **241672557**

Ngày cấp: **12/07/2013**; Nơi cấp: **CA ĐắkLắk**

Chỗ ở hiện nay: **93/38 Nguyễn Văn Cừ, Phường Tân Lập, Thành Phố Buôn Ma Thuột, Đắc Lắc**

Văn bằng chuyên môn: **Điều dưỡng viên (Cử nhân)**

Phạm vi hoạt động chuyên môn: **Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.**

Đắk Lắk, ngày 10 tháng 9 năm 2013

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

PHÓ GIÁM ĐỐC

BS Cao Minh Toàn



Số hiệu bằng

A 0213020

Số vào sổ

821

Chữ ký của người được cấp bằng

'CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường

.....ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN.....

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo **CHÍNH QUY**

ngành .....CN ĐIỀU DƯỠNG.....

hạng ..TB Khá..... năm tốt nghiệp ..2008....

và công nhận danh hiệu

.....CỬ NHÂN.....

cho.....*Nguyễn Thị Tuyết Mai*.....

sinh ngày..7/5/1986..... tại ....Hà Tây.....

Buôn Ma Thuột, ngày 24 tháng 10 năm 2008

Hiệu trưởng

Khoa trưởng

HIỆU TRƯỞNG
PGS-TS. Nguyễn Xuân Thao



BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 782/2026/PPDHLS/CC-A074

CHỨNG CHỈ

Phương pháp dạy - học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành
Trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Cấp cho ông/bà: **NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI**

Sinh ngày: **07/05/1986**

Nơi sinh: **Hà Nội**

Đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy - học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Thời gian học: *Từ ngày 28 tháng 6 năm 2026, đến ngày 05 tháng 7 năm 2026*

Tổng số: 40 tiết học *(bằng chữ: Bốn mươi tiết học).*

Đắk lắk, ngày 07 tháng 7 năm 2026

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

Nguyễn Thảo Trúc Chi

HIỆU TRƯỞNG

Tạ Thị Nhất Sương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỨNG CHỈ

UBND TỈNH ĐẮK LẮK

SỞ Y TẾ

Số: 001681 /ĐL - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ và Thẩm định cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **VŨ KIM HOÀN.**

Ngày **28** tháng **8** năm sinh **1980.**

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số: **240 647 354.**

Ngày cấp: **16/12/1998** Nơi cấp: **Công An Đắk Lắk**

Chỗ ở hiện nay: **Phường Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk.**

Văn bằng chuyên môn: **Điều dưỡng viên (Cử nhân).**

Phạm vi hoạt động chuyên môn: **Thực hiện chức năng chuyên môn theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức điều dưỡng.**

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 7 năm 2013.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

PHÓ GIÁM ĐỐC

BS Cao Minh Toàn

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

TAY NGUYEN UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR

Nurse

Upon: *Mrs Vu Kim Hoan*

Date of birth: 28 August 1980

Year of graduation: 2012

Degree classification: Good

Mode of study: Part - time

Daklak, 18 March 2013

Reg. No: YD-TC-2012/008

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

cấp

BẰNG CỬ NHÂN

Ngành Điều dưỡng

Cho: *Bà Vũ Kim Hoàn*

Ngày sinh: 28/8/1980

Năm tốt nghiệp: 2012

Xếp loại tốt nghiệp: Khá

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

Đắk Lắk, ngày 18 tháng 03 năm 2013

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

TS. Nguyễn Tấn Vũ

Số hiệu: 355306

Số vào sổ cấp bằng: YD-TC-2012/008

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 782/2026/PPDHLS/CC-A074

CHỨNG CHỈ

Phương pháp dạy - học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành Trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Cấp cho ông/bà: **VŨ KIM HOÀN**

Sinh ngày: **28/08/1980**

Nơi sinh: **Đắk Lắk**

Đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy - học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Thời gian học: *Từ ngày 28 tháng 6 năm 2026, đến ngày 05 tháng 7 năm 2026*

Tổng số: 40 tiết học *(bằng chữ: Bốn mươi tiết học).*

Đắk lắk, ngày 07 tháng 7 năm 2026

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

Nguyễn Thảo Trúc Chi

HIỆU TRƯỞNG



Tạ Thị Nhất Sương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỨNG CHỈ

UBND TỈNH ĐẮK LẮK

SỞ Y TẾ

Số: 001955 /ĐL - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ và Tổ thẩm định cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **NGUYỄN THỊ CẨM TÚ**

Ngày, tháng, năm sinh: **20/03/1989**

Giấy chứng minh nhân dân số: **241116213**

Ngày cấp: **30/08/2006**; Nơi cấp: **CA Đắk Lắk**

Chỗ ở hiện nay: **Phường Thành Nhất, Thành Phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk**

Văn bằng chuyên môn: **Điều dưỡng viên (Cử nhân)**

Phạm vi hoạt động chuyên môn: **Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ – BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.**

Đắk Lắk..., ngày 10...tháng 10.năm 2013...

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

PHÓ GIÁM ĐỐC

BS. Cao Minh Toàn

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

TAY NGUYEN UNIVERSITY

confers

THE DEGREE OF BACHELOR

Upon: (Mr, Ms) *Ms Nguyen Thi Cam Tu*

Born on: 20 March 1989

Major in: Nurse

Ranking: Good

Mode of study: Full-time

Daklak, 10 September 2011

Serial number:

Reference number: *YDUOC-2011/154*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Danh hiệu: Cử nhân

Cho: *Nguyễn Thị Cẩm Tú*

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 20/3/1989

Ngành đào tạo: Điều dưỡng

Xếp loại tốt nghiệp: Khá

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đắk Lắk, ngày 10 tháng 9 năm 2011

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

PGS.TS. Nguyễn Xuân Thao

Số hiệu: A 083567

Số vào sổ cấp bằng: *YDUOC-2011/154*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 782/2026/PPDHLS/CC-A074

CHỨNG CHỈ

Phương pháp dạy - học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành Trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Cấp cho ông/bà: **NGUYỄN THỊ CẨM TÚ**

Sinh ngày: **20/03/1989**

Nơi sinh: **Đắk Lắk**

Đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy - học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Thời gian học: *Từ ngày 28 tháng 6 năm 2026, đến ngày 05 tháng 7 năm 2026*

Tổng số: 40 tiết học *(bằng chữ: Bốn mươi tiết học).*

Đắk lắk, ngày 07 tháng 7 năm 2026

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

Nguyễn Thảo Trúc Chi

HIỆU TRƯỞNG



Tạ Thị Nhất Sương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỨNG CHỈ

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ Y TẾ

Số: 002251/ĐL - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Xét đề nghị của Lãnh đạo phòng Nghiệp vụ Y - Dược và căn cứ Biên bản họp Tổ thẩm định cấp chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động khám chữa bệnh, ngày 10/5/2023

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



(Cấp lại lần thứ 1)

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ THOA**

Ngày, tháng, năm sinh: 13/03/1986

Giấy chứng minh nhân dân/ Số định danh cá nhân/ Số hộ chiếu: 240931013

Ngày cấp: 09/09/2019 Nơi cấp: Đắk Lắk

Địa chỉ cư trú: Phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Văn bằng chuyên môn: Cử nhân Điều dưỡng

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y

Đắk Lắk, ngày 10 tháng 05 năm 2023

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N. VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐẮK LẮK

Nguyễn Trung Thành

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR OF
TRA VINH UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR

Nursing

Upon: Ms NGUYEN THI THOA

Date of birth: 13 March 1986

Year of graduation: 2019

Degree classification: Very good

Mode of study: Part - time

Travinh, 25 October 2019

Reg. No: CDE16.2906/19

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

cấp

BẰNG CỬ NHÂN

Điều dưỡng

Cho: Bà NGUYỄN THỊ THOA

Ngày sinh: 13/3/1986

Năm tốt nghiệp: 2019

Xếp loại tốt nghiệp: Giỏi

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

Trà Vinh , ngày 25 tháng 10 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

Số hiệu: TVU 038068

Số vào sổ cấp bằng: CDE16.2906/19

PGS.TS. Phạm Tiết Khánh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 782/2026/PPDHLS/CC-A074

CHỨNG CHỈ

Phương pháp dạy - học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành
Trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Cấp cho ông/bà: **NGUYỄN THỊ THOA**

Sinh ngày: **13/03/1986**

Nơi sinh: **Đắk Lắk**

Đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy - học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Thời gian học: *Từ ngày 28 tháng 6 năm 2026, đến ngày 05 tháng 7 năm 2026*

Tổng số: 40 tiết học *(bằng chữ: Bốn mươi tiết học).*

Đắk lắk, ngày 07 tháng 7 năm 2026

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

Nguyễn Thảo Trúc Chi

HIỆU TRƯỞNG



Tạ Thị Nhất Sương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỨNG CHỈ

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ Y TẾ

Số: 0004154/ĐL - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Xét đề nghị của : Trưởng phòng Quản lý hành nghề Y Dược tư nhân và Tổ thẩm định cấp chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động khám chữa bệnh

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



(Cấp lại lần thứ 1)

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ KIM NGÂN**

Ngày tháng năm sinh: 02/01/1991

Chứng minh nhân dân/ Số định danh cá nhân/ Số hộ chiếu: 241142117

Ngày cấp: 07/01/2007 Nơi cấp: Đắk Lắk

Địa chỉ cư trú: 42/17 Y ngông, phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk

Văn bằng chuyên môn: Kỹ thuật viên

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Chuyên khoa xét nghiệm-Cử nhân

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 11 năm 2020

GIÁM ĐỐC

Nay Phi La

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR OF
TRA VINH UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR

Laboratory Medicine Technique

Upon: Ms NGUYEN THI KIM NGAN

Date of birth: 02 January 1991

Year of graduation: 2019

Degree classification: Very good

Mode of study: Part - time

Travinh, 25 October 2019

Reg. No: CDE16.3317/19

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

cấp

BẰNG CỬ NHÂN

Xét nghiệm y học

Cho: Bà NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

Ngày sinh: 02/01/1991

Năm tốt nghiệp: 2019

Xếp loại tốt nghiệp: Giỏi

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

Trà Vinh , ngày 25 tháng 10 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

Số hiệu: TVU 038481

Số vào sổ cấp bằng: CDE16.3317/19

PGS.TS. Phạm Tiết Khánh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT

Số: 227-2025/CC-A.108

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

Phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Cấp cho ông/bà: **Nguyễn Thị Kim Ngân**

Ngày sinh: **02/01/1991**

Nơi sinh: **Đắk Lắk**

Đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Thời gian học: *từ ngày 25 tháng 4 năm 2025 đến ngày 29 tháng 4 năm 2025.*

Tổng số: *40 tiết học (bằng chữ: Bốn mươi tiết học).*

Đắk Lắk, ngày 03 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

ThS.BS. Trần Đại Phước

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT

GS.TS. Cao Tiến Đức

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ Y TẾ

Số:009346/ĐL - CCHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Xét đề nghị của : Trưởng phòng Quản lý hành nghề Y Dược tư nhân và Tổ thẩm định cấp chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động khám chữa bệnh

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **ĐỖ THỊ LAN**

Ngày tháng năm sinh: 16/07/1997

Chứng minh nhân dân/ Số định danh cá nhân/ Số hộ chiếu: 174821331

Ngày cấp: 26/03/2014 Nơi cấp: Thanh Hóa

Địa chỉ cư trú: Thôn Vũ Thượng, xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa

Văn bằng chuyên môn: Kỹ thuật viên

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Chuyên khoa xét nghiệm-Cử nhân

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 10 năm 2020

GIÁM ĐỐC

Nay Phi La

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

TAY NGUYEN UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR

Laboratory Medicine Technique

Upon: *Ms* **Do Thi Lan**

Date of birth: 16 July 1997

Year of graduation: 2019

Degree classification: Very good

Mode of study: Full - time

Daklak, 02 September 2019

Reg. No: ĐH-2019/1213

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

cấp

BẰNG CỬ NHÂN

Kỹ thuật xét nghiệm y học

Cho: *Bà* **Đỗ Thị Lan**

Ngày sinh: 16/7/1997

Năm tốt nghiệp: 2019

Xếp loại tốt nghiệp: Giỏi

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 9 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

TS. Nguyễn Thanh Trúc

Số hiệu: 1839488

Số vào sổ cấp bằng: ĐH-2019/1213

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT
Số: 224-2025/CC-A.108

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

Phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Cấp cho ông/bà: **Đỗ Thị Lan**

Ngày sinh: **16/07/1997**

Nơi sinh: **Thanh Hóa**

Đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy – học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Thời gian học: *từ ngày 25 tháng 4 năm 2025 đến ngày 29 tháng 4 năm 2025.*

Tổng số: *40 tiết học (bằng chữ: Bốn mươi tiết học).*

Đắk Lắk, ngày 03 tháng 5 năm 2025

PHỤ TRÁCH KHÓA HỌC

ThS.BS. Trần Đại Phước

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT

GS.TS. Cao Tiến Đức

SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN
AN TOÀN NGƯỜI BỆNH, GIÁO DỤC Y ĐỨC VÀ QUY TẮC ỨNG XỬ ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN

I. Căn cứ pháp lý

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư số 23/2011/TT-BYT ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn sử dụng thuốc trong các cơ sở y tế có giường bệnh;
- Thông tư số 07/2014/TT-BYT ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế.
- Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
- Thông tư số 43/2018/TT-BYT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn phòng ngừa sự cố y khoa trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Quyết định số 2088/QĐ-BYT ngày 06 tháng 11 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành "Quy định về y đức".
- Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 09/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk;
- Các yêu cầu thực tế trong công tác tiếp nhận, quản lý, hướng dẫn và tổ chức thực hành cho người học thuộc khối ngành sức khỏe tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk;

Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk xây dựng Nội dung hướng dẫn về an toàn người bệnh, giáo dục y đức và quy tắc ứng xử cho người học thực hành trong quá trình thực hành tại cơ sở thực hành. Nội dung này được triển khai tích hợp trong quá trình người học thực hành tại Bệnh viện.

II. Mục tiêu

- Giúp cho người học nhận thức đúng về trách nhiệm bảo đảm an toàn người bệnh, nâng cao ý thức, trách nhiệm nghề nghiệp, tính trung thực, tận tụy và tôn trọng người bệnh.

- Nắm được những nguyên tắc cơ bản về: Nhận diện người bệnh, quyền của người bệnh; bảo mật thông tin người bệnh; kiểm soát nhiễm khuẩn; sử dụng thuốc an toàn; phòng ngừa sai sót chuyên môn, báo cáo và xử lý sự cố y khoa.

- Thực hiện đúng quy tắc giao tiếp, ứng xử với: Người bệnh; người nhà người bệnh; người hướng dẫn thực hành; nhân viên y tế; người học khác; các khoa, phòng và bộ phận liên quan.

III. Nội dung chi tiết

1. Tổng quan về an toàn người bệnh

Người học được giới thiệu:

- Khái niệm về an toàn người bệnh và sự cố y khoa.
- Mối quan hệ giữa an toàn người bệnh với chất lượng khám bệnh, chữa bệnh.
- Trách nhiệm của từng cá nhân trong bảo đảm an toàn người bệnh.
- Vai trò của người học thực hành trong hệ thống an toàn người bệnh.

2. Nhận diện người bệnh chính xác

Người học được hướng dẫn thực hiện đúng quy trình nhận diện người bệnh trước khi:

- Khám bệnh
- Thực hiện kỹ thuật
- Dùng thuốc
- Lấy mẫu xét nghiệm
- Thực hiện thủ thuật
- Chuyển người bệnh
- Bàn giao người bệnh

Nguyên tắc: Không được chỉ dựa vào: Số giường; vị trí nằm; đặc điểm nhận dạng bên ngoài; việc người bệnh hoặc người nhà tự xưng tên. phải đối chiếu các thông tin nhận diện theo quy định của cơ sở thực hành.

Người học phải đặc biệt lưu ý: Người bệnh có tên giống nhau; người bệnh không tỉnh táo; người bệnh không có khả năng giao tiếp; trẻ em; người bệnh cao tuổi; người bệnh có rối loạn nhận thức.

3. An toàn trong sử dụng thuốc

Người học được giáo dục các nguyên tắc:Không tự ý kê đơn, thay đổi thuốc hoặc điều chỉnh liều khi chưa được phép.

- Không tự ý sử dụng thuốc cho người bệnh.
- Kiểm tra đúng người bệnh, đúng thuốc, đúng liều, đúng đường dùng, đúng thời điểm theo quy định chuyên môn.
- Kiểm tra dị ứng thuốc và các thông tin liên quan trước khi thực hiện.
- Không sử dụng thuốc khi chưa xác định rõ tên thuốc, hàm lượng, hạn dùng hoặc tình trạng thuốc.
- Không sử dụng thuốc khi nghi ngờ có sai sót mà chưa báo cáo người hướng dẫn.

- Báo ngay cho người hướng dẫn khi phát hiện: Nhầm thuốc; nhầm người bệnh; sai liều; sai đường dùng; thuốc hết hạn; thuốc có dấu hiệu bất thường; người bệnh có phản ứng bất lợi.

Nguyên tắc quan trọng: Khi phát hiện sai sót phải báo cáo ngay, không che giấu, không tự ý xử lý vượt quá khả năng chuyên môn.

4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn

Người học phải thực hiện nghiêm:

4.1. Vệ sinh tay: Vệ sinh tay đúng thời điểm, vệ sinh tay trước và sau khi tiếp xúc người bệnh, vệ sinh tay trước khi thực hiện thủ thuật, vệ sinh tay sau khi tiếp xúc với dịch tiết hoặc vật dụng có nguy cơ nhiễm khuẩn.

4.2. Phương tiện phòng hộ cá nhân

Sử dụng phù hợp: Khẩu trang; găng tay; áo choàng; kính bảo hộ; các phương tiện phòng hộ khác theo yêu cầu.

4.3. Xử lý vật sắc nhọn

Người học phải:

- Không tự ý thu gom vật sắc nhọn bằng tay;
- Không đậy lại kim tiêm bằng tay nếu quy trình không cho phép;
- Bỏ vật sắc nhọn đúng dụng cụ;
- Báo cáo ngay khi xảy ra tai nạn nghề nghiệp hoặc phơi nhiễm.

5. Phòng ngừa sự cố y khoa

Người học cần được hướng dẫn nhận diện các nguy cơ thường gặp: Nhầm người bệnh; nhầm thuốc; nhầm mẫu bệnh phẩm; nhầm vị trí thực hiện thủ thuật; sai sót trong bàn giao; sai sót trong ghi chép hồ sơ; té ngã; nhiễm khuẩn; tai nạn do vật sắc nhọn; sai sót khi sử dụng thiết bị y tế.

Quy trình xử lý khi phát hiện nguy cơ/sự cố: Phát hiện → dừng hành động nguy cơ nếu an toàn → báo ngay người hướng dẫn/người phụ trách → hỗ trợ xử trí người bệnh theo chỉ đạo → ghi nhận/báo cáo sự cố theo quy định → tổ chức rút kinh nghiệm.

Đặc biệt giáo dục người học: Không che giấu sai sót, không tự ý sửa chữa hồ sơ, không đổ lỗi cho người khác và không trì hoãn việc báo cáo khi sự cố có nguy cơ ảnh hưởng đến người bệnh.

6. An toàn trong thực hiện kỹ thuật chuyên môn

Người học phải tuân thủ nguyên tắc: "Được hướng dẫn – được phân công – được giám sát – đúng phạm vi"

Không tự ý:

- Khám, chẩn đoán hoặc điều trị độc lập khi chưa đủ điều kiện
- Thực hiện kỹ thuật chưa được hướng dẫn
- Thực hiện kỹ thuật ngoài phạm vi được phân công
- Ký thay hồ sơ chuyên môn
- Ký thay người hướng dẫn
- Tự ý chỉ định xét nghiệm

- Tự ý kê đơn
- Tự ý thay đổi phương pháp điều trị.

Trước khi thực hiện kỹ thuật, người học phải:

- Xác định đúng người bệnh.
- Kiểm tra chỉ định/phân công.
- Giải thích cho người bệnh theo phạm vi được phép.
- Chuẩn bị đầy đủ phương tiện.
- Thực hiện đúng quy trình.
- Có người hướng dẫn giám sát khi quy định yêu cầu.
- Theo dõi người bệnh sau thực hiện.
- Báo ngay bất thường.

7. An toàn trong ghi chép và quản lý hồ sơ bệnh án

Người học phải hiểu rằng hồ sơ bệnh án là tài liệu chuyên môn và có yêu cầu nghiêm ngặt về tính chính xác, trung thực và bảo mật.

Không được:

- Ghi chép sai sự thật
- Ghi khống nội dung
- Ký thay;
- Sửa chữa hồ sơ không đúng quy định
- Tự ý chụp ảnh hồ sơ;
- Sao chép thông tin người bệnh ra ngoài
- Chia sẻ thông tin người bệnh trên mạng xã hội.
- Khi phát hiện sai sót trong hồ sơ phải báo người hướng dẫn để xử lý theo đúng quy định.

8. Bảo mật thông tin và quyền riêng tư của người bệnh

Đây là nội dung đặc biệt nhấn mạnh đối với người học.

Người học phải:

- Tôn trọng quyền riêng tư của người bệnh.
- Không tiết lộ tên, tuổi, địa chỉ, bệnh án, hình ảnh hoặc tình trạng bệnh của người bệnh khi không được phép.
- Không chụp ảnh người bệnh để phục vụ mục đích cá nhân.
- Không đăng hình ảnh người bệnh lên Facebook, Zalo, TikTok hoặc mạng xã hội khác.
- Không thảo luận về bệnh tình của người bệnh ở nơi công cộng.
- Không sử dụng thông tin người bệnh cho mục đích cá nhân.
- Khi sử dụng trường hợp bệnh để học tập, nghiên cứu phải thực hiện theo quy định của cơ sở thực hành và cơ sở đào tạo.

9. Quyền của người bệnh và giao tiếp trong chăm sóc người bện

- Người học được giáo dục tôn trọng: Quyền được cung cấp thông tin; Quyền được tôn trọng; Quyền được bảo mật; Quyền được lựa chọn trong phạm vi pháp luật; Quyền được chăm sóc an toàn; Quyền được đối xử bình đẳng; Quyền được tiếp nhận ý kiến, phản ánh.

- Không phân biệt đối xử với người bệnh vì: Hoàn cảnh kinh tế; Nghề nghiệp; Tuổi; Giới; Dân tộc; Địa vị xã hội; Tình trạng bệnh; Khả năng chi trả.

10. Giáo dục y đức

10.1. Những phẩm chất cơ bản của người học ngành sức khỏe

Người học phải rèn luyện:

- Tận tâm: Đặt sự an toàn, sức khỏe và quyền lợi chính đáng của người bệnh lên hàng đầu.
- Trung thực: Trung thực trong học tập; Trung thực trong thực hành; Trung thực khi báo cáo kết quả; Không che giấu sai sót.
- Trách nhiệm: Có mặt đúng thời gian; Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ; Không bỏ vị trí thực hành khi chưa được phép; Chịu trách nhiệm về hành vi của mình trong phạm vi được giao.
- Tôn trọng: Tôn trọng người bệnh, người nhà người bệnh, người hướng dẫn, đồng nghiệp và người học khác.
- Khiêm tốn học hỏi: Không ngại hỏi khi chưa biết; không giả vờ biết; không thực hiện kỹ thuật khi chưa đủ khả năng.
- Kỷ luật: Chấp hành nội quy bệnh viện, quy chế chuyên môn và hướng dẫn của người phụ trách.

11. Những hành vi người học tuyệt đối không được thực hiện

- Tự ý thực hiện kỹ thuật khi chưa được phép.
- Thực hiện kỹ thuật vượt quá phạm vi được phân công.
- Cung cấp thông tin chuyên môn cho người bệnh khi chưa được phân công.
- Tự ý tư vấn hoặc cam kết về kết quả điều trị.
- Tự ý sử dụng thuốc hoặc chỉ định điều trị.
- Làm giả hoặc sửa chữa hồ sơ.
- Ký thay người hướng dẫn.
- Tiết lộ thông tin người bệnh.
- Chụp, quay, phát tán hình ảnh người bệnh trái quy định.
- Có hành vi thiếu tôn trọng người bệnh.
- Tranh luận, to tiếng hoặc ứng xử không phù hợp trước mặt người bệnh.
- Nhận tiền, quà hoặc lợi ích vật chất trái quy định.
- Sử dụng rượu bia, chất kích thích trong thời gian thực hành.
- Tự ý bỏ ca, bỏ vị trí thực hành.
- Che giấu sự cố hoặc sai sót chuyên môn.

12. Quy tắc ứng xử với người bệnh

Người học thực hành cần thực hiện phương châm: "Tôn trọng – Lắng nghe – Giải thích – Hướng dẫn – Đồng cảm – Trách nhiệm."

Khi gặp người bệnh:

- Chủ động chào hỏi.
- Giới thiệu tên và vai trò của mình.
- Xin phép trước khi tiếp xúc, thăm khám hoặc thực hiện hoạt động chuyên môn.
- Sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu.

- Không sử dụng từ ngữ thiếu lịch sự.
- Không quát mắng, cáu gắt.
- Không tranh luận với người bệnh.
- Không thể hiện thái độ thờ ơ, thiếu trách nhiệm.

Khi người bệnh phàn nàn, người học phải: Lắng nghe → Giữ thái độ bình tĩnh → Thể hiện sự tôn trọng → Giải thích trong phạm vi được phép → Báo người phụ trách khi vượt thẩm quyền.

Không tự ý tranh luận hoặc giải quyết khiếu nại vượt quá thẩm quyền.

13. Quy tắc ứng xử với người nhà người bệnh

- Tôn trọng và lịch sự.
- Cung cấp thông tin trong phạm vi được phân công.
- Không tự ý cung cấp thông tin chuyên môn chưa được người có thẩm quyền xác nhận.
- Không tranh cãi với người nhà.
- Không thể hiện thái độ khó chịu khi người nhà hỏi nhiều lần.
- Khi câu hỏi vượt quá phạm vi, hướng dẫn người nhà liên hệ bác sĩ/điều dưỡng/người phụ trách.

14. Quy tắc ứng xử với người hướng dẫn thực hành

Người học phải:

- Chấp hành sự phân công.
- Có thái độ cầu thị.
- Chủ động báo cáo quá trình thực hành.
- Hỏi lại khi chưa hiểu.
- Tiếp thu góp ý.
- Không tự ý bỏ vị trí thực hành.
- Không tranh luận thiếu tôn trọng.
- Báo ngay khi không đủ khả năng thực hiện nhiệm vụ.
- Đồng thời, người học có quyền đề nghị người hướng dẫn giải thích lại khi chưa hiểu hoặc nhận thấy nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn người bệnh.

15. Quy tắc ứng xử với nhân viên y tế và người học khác

- Hợp tác, hỗ trợ nhau trong học tập.
- Không tranh giành người bệnh để thực hành.
- Không tự ý thực hiện kỹ thuật trên người bệnh chỉ để đạt đủ số lượng thực hành.
- Không che giấu sai sót của bản thân hoặc đồng nghiệp.
- Không xúc phạm, chế giễu hoặc phân biệt đối xử.
- Không gây mất đoàn kết trong khoa/phòng.
- Tôn trọng sự khác biệt về trình độ, kinh nghiệm và chuyên ngành.

16. Ứng xử trong môi trường bệnh viện

Người học phải:

- Mặc trang phục đúng quy định.
- Đeo thẻ người học.

- Giữ vệ sinh, tác phong chuyên nghiệp.
- Không gây ồn ào tại khu vực điều trị.
- Không sử dụng điện thoại cho mục đích cá nhân trong khi đang chăm sóc người bệnh.
- Không ăn uống tại khu vực không được phép.
- Giữ gìn tài sản, trang thiết bị của bệnh viện.
- Thực hiện phân loại và bỏ rác đúng quy định.

- Tuân thủ quy định về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và kiểm soát nhiễm khuẩn.

17. Quy định về việc sử dụng mạng xã hội và công nghệ tại Bệnh viện

Người học không được tự ý:

- Livestream trong khu vực khám, chữa bệnh khi chưa được phép.
- Chụp ảnh người bệnh.
- Đăng hình ảnh người bệnh lên mạng xã hội.
- Đăng thông tin hồ sơ bệnh án.
- Bình luận về tình trạng bệnh của người bệnh.
- Đăng nội dung làm ảnh hưởng đến uy tín của người bệnh, cơ sở thực hành hoặc người hành nghề.
- Khi sử dụng công nghệ AI hoặc các nền tảng số trong học tập, người học phải tuyệt đối không đưa thông tin nhận diện người bệnh hoặc dữ liệu cá nhân, hồ sơ bệnh án lên các nền tảng không được cơ sở cho phép.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
Số 313 /QĐ-ĐHYD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 2 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa I chuyên ngành Y học cổ truyền

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2672/QĐ-ĐHYD ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/04/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành mẫu Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Công văn số 1398/ĐHYD-TTKT ngày 22/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc thống nhất cách viết mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT sau đại học theo mẫu chung;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa I chuyên ngành Y học cổ truyền *(kèm theo).*

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2021-2022.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT, TT-KT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN KHOA I CHUYÊN NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 313 /QĐ-ĐHYD ngày 21 tháng 2 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)

I. Thông tin chung (General Information)

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*

2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*

3. Tên chương trình đào tạo

- Tên tiếng Việt: *Chuyên khoa I chuyên ngành Y học cổ truyền*
- Tên tiếng Anh: *The First Level Specialist in Traditional Medicine.*

4. Thông tin về kiểm định: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường Đại học cao đẳng Việt Nam.*

5. Trình độ đào tạo: *Chuyên khoa I*

6. Ngành đào tạo: *Y học cổ truyền*

7. Mã ngành đào tạo: *CK60 72 60*

8. Thời gian đào tạo: *3 năm*

9. Ngôn ngữ đào tạo: *Tiếng Việt.*

10. Hình thức đào tạo: *Tập trung theo đợt*

11. Danh hiệu văn bằng

- Tên tiếng Việt: *Chuyên khoa I chuyên ngành Y học cổ truyền*
- Tên tiếng Anh: *The First Level Specialist in Traditional Medicine*

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

Mục tiêu	**Mô tả mục tiêu** *Người học sau khi tốt nghiệp:*	**Phù hợp**		
		Sứ mạng	***Tầm nhìn***	***Luật Giáo dục Đại học***
I. Kiến thức				
PEO 1	Vận dụng hiệu quả kiến thức về khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành và phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	✓		✓

II. Kỹ năng				
PEO 2	Chẩn đoán và điều trị được các chứng bệnh thường gặp bằng các phương pháp dùng thuốc và không dùng thuốc của Y học cổ truyền ở mức độ chuyên sâu, bước đầu điều trị kết hợp YHCT và YHHĐ những bệnh thường gặp trong Nội nhi, Ngoại phụ.	✓		✓
PEO 3	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	✓	✓	✓
III. Mức tự chủ và trách nhiệm				
PEO 4	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp. Chủ động trong học tập, nghiên cứu, quản lý, hướng dẫn, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	✓	✓	✓

III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO)

Chuẩn đầu ra	**Mô tả chuẩn đầu ra** *Người học tại thời điểm tốt nghiệp:*	**Phân loại**	
		Chuẩn đầu ra chung	***Chuẩn đầu ra chuyên biệt***
I. Kiến thức			
PLO 1	Vận dụng được kiến thức về triết học, phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	✓	
PLO 2	Vận dụng hiệu quả kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng và dự phòng một số bệnh Y học cổ truyền thường gặp.		✓

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra *Người học tại thời điểm tốt nghiệp:*	Phân loại	
		Chuẩn đầu ra chung	***Chuẩn đầu ra chuyên biệt***
II. Kỹ năng			
PLO 3	Chẩn đoán và điều trị được các bệnh thường gặp bằng phương pháp Y học cổ truyền ở mức độ chuyên sâu.		✓
PLO 4	Thực hiện thành thạo một số thủ thuật chủ yếu: châm cứu, xoa bóp bấm huyệt và bào chế được một số dạng thuốc cổ truyền thông thường.		✓
PLO 5	Phát hiện và xử trí được các cấp cứu thường gặp tại tuyến Y tế cơ sở		✓
PLO 6	Hướng dẫn được người bệnh tự chăm sóc phục hồi sức khoẻ tại nhà và cộng đồng sau khi ra viện bằng phương pháp Y học cổ truyền.		✓
PLO 7	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp thuộc chuyên ngành Y học cổ truyền.	✓	✓
III. Mức tự chủ và trách nhiệm			
PLO 8	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp.	✓	✓
PLO 9	Chủ động trong học tập và đưa ra được những sáng kiến có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học trong chuyên ngành Y học cổ truyền.	✓	✓
PLO 10	Tự định hướng, quản lý, đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn và hướng dẫn được đồng nghiệp, người học.	✓	✓

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
PEO 1	✓	✓	✓							
PEO 2				✓	✓	✓				
PEO 3							✓			
PEO 4								✓	✓	✓

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Điều kiện tuyển sinh chung

1. Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Y học cổ truyền hoặc Bác sĩ Ykhoa

2. Yêu cầu về chuyên môn: Có chứng chỉ hành nghề hoặc có xác nhận thâm niên ít nhất 01 năm trong lĩnh vực Y học cổ truyền của cơ quan công tác.

3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không bị truy cứu hình sự.

4. Yêu cầu về sức khỏe: Có đủ sức khỏe để học tập (Theo Quy định hiện hành).

2. Điều kiện tốt nghiệp

1. Hoàn thành, thi đạt toàn bộ chứng chỉ chuyên ngành và các môn chung, môn hỗ trợ.

2. Không trong thời gian chịu thi hành kỷ luật.

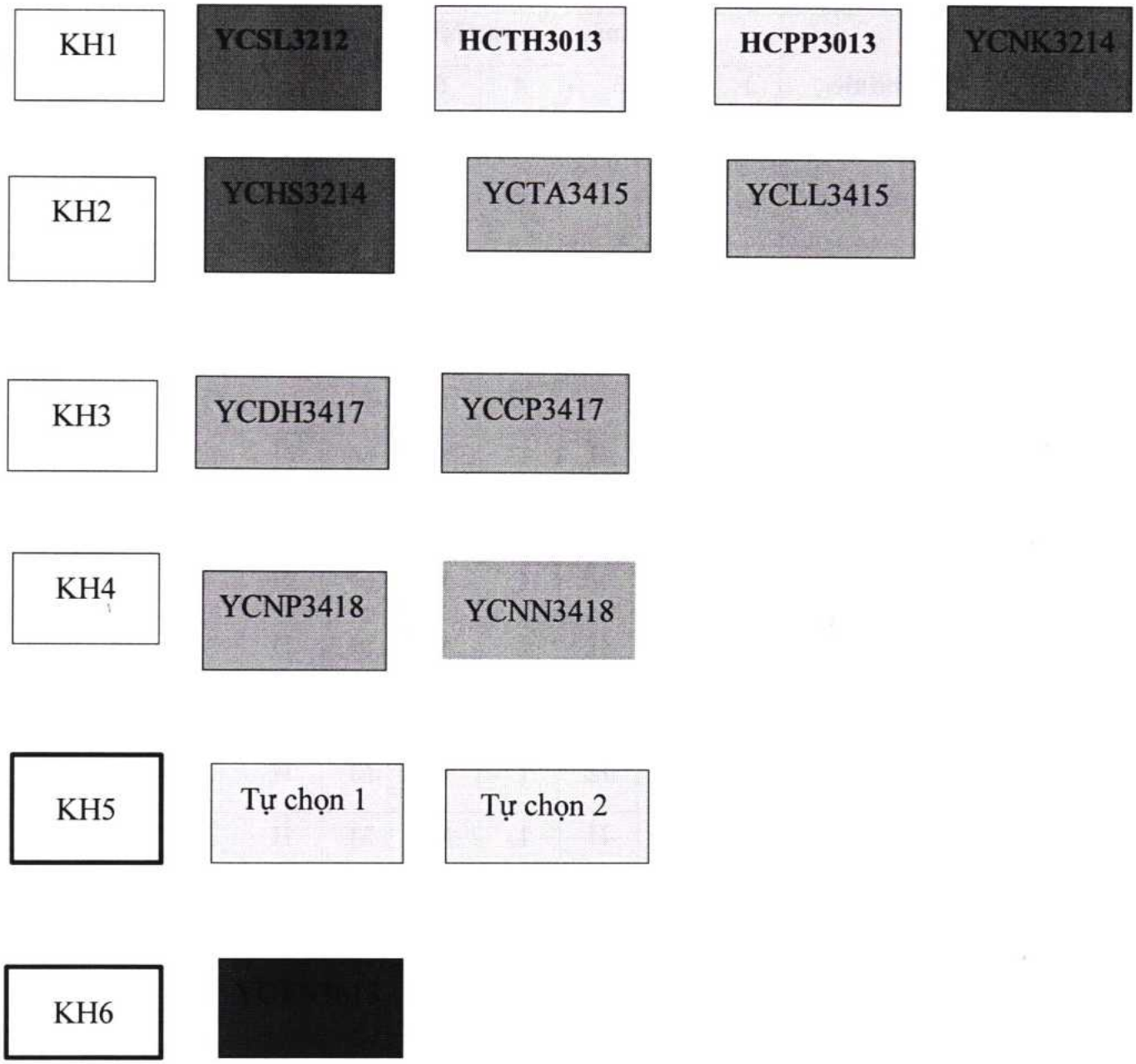
3. Hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với nhà trường.

VI. Cấu trúc chương trình (Curiculum Structure)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	*Thực hành*	*Tự học*				
I.	**Khối kiến thức cơ bản 6** (8,6%)									
1.1	**Học phần bắt buộc: 6 (5/1)**									
1.	HCTH3013	Triết học	3/0	45	0	105				1
2.	HCPP3013	Phương pháp giảng dạy lâm sàng	2/1	30	30	90				1
II.	**Khối kiến thức cơ sở ngành 10** (14,3%)									
2.1	**Học phần bắt buộc: 10 (5/5)**									
3.	YCSL3212	Sinh lý học	2/0	30	0	70	HP I			1
4.	YCNK3214	Nội khoa y học hiện đại	2/2	30	60	110	HP I			1
5.	YCHS3214	Hồi sức cấp cứu	1/3	15	90	95	HP I			2
III.	**Khối kiến thức chuyên ngành 51 (72,9%)**							HP I, II		
3.1	**Học phần bắt buộc: 40** (10/30) **(57,1%)**									
6.	YCLL3415	Lý luận y học cổ truyền	2/3	30	90	130	HP I, II			2
7.	YCTA3415	Thương hàn- ôn bệnh	2/3	30	90	130	YCLL3415			2

8.	YCCP3417	Các phương pháp không dùng thuốc	1/6	15	180	155				3
9.	YCDH3417	Dược học cổ truyền	1/6	15	180	155	YCCP3417			3
10	YCNN3418	Nội khoa, Nhi khoa	2/6	30	180	190	YCDH3417			4
11	YCNP3418	Ngoại khoa, Phụ khoa	2/6	30	180	190	YCNN3418			4
3.2	**Học phần tự chọn: 11 (15,7%).** Học viên chọn 1 học phần 6 TC, 1 học phần 5 TC							HP I, II và HP chuyên ngành bắt buộc		
12.	YCTN3516	Thuốc nam chữa bệnh	2/4	30	120	150				5
13.	YCPT3516	Phương tễ	2/4	30	120	150				5
14.	YCBC3515	Bào chế đông dược	2/3	30	90	130				5
15.	YCPH3515	Phục hồi chức năng	2/3	30	90	130				5
IV. Tốt nghiệp: 3 (4,2%)										
16.	YCTN3613	Tốt nghiệp	1/2	15	60	75		Kết thúc các HP		6
	Tổng 100		**70**	**375**	**1350**	**1775**				

VII. Tiến trình dạy - học (Curriculum Mapping)



Ghi chú:

- Khối kiến thức chung
- Khối kiến thức Cơ sở/hỗ trợ
- Ôn và thi Tốt nghiệp
- Khối kiến thức chuyên ngành
- Khối kiến thức tự chọn

VIII. Mức độ đóng góp của các học phần/module vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã HP/Module	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	HCTH3013	M	M					M			
2	HCPP3013	M	M		M						
3	YCSL3212		M				M	M			
4	YCNK3214			H		H			M		M
5	YCHS3214		H	H	M		M				
6	YCLL3415	L	M	H	L	M	M	H	M	M	M
7	YCTA3415	L	M	H	L	M	M	H	M	M	M
8	YCCP3417	L	M	H	L	M	M	H	M	M	M
9	YCDH3417	L	M	H	L	M	M	H	M	M	M
10	YCNN3418	L	M	H	L	M	M	H	M	M	M
11	YCNP3418	L	M	H	L	M	M	H	M	M	M
12	YCTN3516	L	M	H	L	M	M	H	M	M	M
13	YCPT3516	L	M	H	L	M	M	H	M	M	M
14	YCBC3515	L	M	H	L	M	M	H	M	M	M
15	YCPH3515	L	M	H	M	M	M	H	H	H	H
16	YCTN3613	L	M	H	M	M	M	H	H	H	H

Mức độ đóng góp: L: Low = thấp; M: Medium = trung bình; H: High = mức cao

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy-học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thuyết trình	✓	✓				✓				
Thảo luận	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giao ban, đi buồng, ca lâm sàng			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Hướng dẫn thủ thuật					✓	✓	✓	✓	✓	✓
Thực hành thủ thuật trên người bệnh		✓	✓	✓	✓	✓	✓			

X. Đánh giá kết qủa học tập (Learning Assessment)

1. Hình thức, nội dung đánh giá

Hình thức đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	3, 7, 8, 9	- Đi học> 80% buổi học, tham gia tích cực các hoạt động trên lớp. - Hoàn thành các chỉ tiêu lâm sàng >80% số lượng chỉ tiêu	10%
KTTX (Tự luận trên giấy)	1, 4, 5, 6	Làm bài đúng nội dung, đúng đáp án trình bày sạch đẹp.	10%
Thi GHP (Nghiên cứu ca bệnh và đánh giá kỹ năng lâm sàng trên ca bệnh)	2, 7, 9, 10	- Lập luận chặt chẽ đưa ra được chẩn đoán. - Phân tích được các dữ liệu cận lâm sàng đã có, ra quyết định cận lâm sàng cần làm để giúp chẩn đoán và điều trị. - Phân tích và đưa ra phương pháp điều trị đúng với chẩn đoán - Trình bày sạch đẹp	30%

Hình thức đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Thi KTHP (Đánh giá chuyên đề)	2, 8, 9, 10	- Trình bày sạch đẹp, đầy đủ đề mục theo hướng dẫn. - Nội dung có tính cập nhập, chính xác. - Báo cáo rõ ràng, đủ thời gian. - Trả lời được câu hỏi.	50%

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chấm chuyên cần								✓	✓	✓
Chấm tự luận	✓	✓						✓	✓	✓
Chấm trắc nghiệm	✓	✓						✓	✓	✓
Chấm chuyên đề	✓	✓						✓	✓	✓
Chấm bệnh án			✓	✓				✓	✓	✓
Chấm chỉ tiêu thực hành			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Chấm thi vấn đáp trên bệnh án			✓	✓				✓	✓	✓
Chấm kỹ năng thực hành trên người bệnh			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

XI. Đối sánh (Benchmaking)

1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường Đại học Y Hải Phòng		Trường ĐHYD TP Hồ Chí Minh		Đai học Y Dược Thái Nguyên	
	ĐVHT	Tỷ lệ (%)	ĐVHT	Tỷ lệ (%)	ĐVHT	Tỷ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	20.4	20	24	24	6	8.6
Kiến thức cơ sở ngành	10.2	10	8	8	10	14.3
Kiến thức chuyên ngành	63.24	60	60	60	51	72.9
Tốt nghiệp	10.2	10	8	8	3	4.2
Tổng	102	100	100	100	70	100

2. Đối sánh kết quả khảo sát các bên liên quan

Kết quả khảo sát các bên liên quan được tổng hợp, đối sánh làm căn cứ xây dựng/cải thiện chất lượng CTĐT:

Các bên liên quan	Kết quả khảo sát	Nội dung xây dựng/cải thiện CTĐT
Chuyên gia y tế/giáo dục	Lượng kiến thức chuyên ngành sâu rộng chuyên hóa.	Xây dựng chương trình đảm bảo cơ bản phù hợp chuyên ngành Y học cổ truyền
Cựu sinh viên	Cần thiết thực tập tại phòng khám, bệnh viện chuyên khoa Y học cổ truyền	Xây dựng mô hình chuẩn phòng khám chuyên khoa
Nhà tuyển dụng	Cần chú trọng đào tạo kỹ năng mềm.	Chú trọng đào tạo kỹ năng mềm
Giảng viên	Cần chú trọng vào đào tạo thực hành	Xây dựng thời lượng các môn học thực hành tăng lên
Học viên	Cần thiết thực tập tại phòng khám, bệnh viện chuyên khoa Y học cổ truyền	Xây dựng mô hình chuẩn phòng khám chuyên khoa

XII. Mô tả tóm tắt các học phần/module thuộc chương trình đào tạo

1. Học phần Triết học

Học phần triết học thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học I của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về triết học Mác - Lênin, mối quan hệ giữa triết học và khoa học, vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển xã hội. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương thuyết trình, thảo luận, giao bài tập. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra tự luận và báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1, 2, 7 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

2. Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng

Học phần phương pháp dạy-học lâm sàng thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học I của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy-học lâm sàng cho tất cả các cán bộ y tế trực tiếp tham gia khám chữa bệnh. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương thuyết trình, thảo luận, giao bài tập. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra tự luận và báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1, 2, 4 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3. Học phần Sinh lý

Học phần Sinh lý học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này trang bị cho người học các nội dung chuyên sâu về các quy luật hoạt động chức năng và điều hòa hoạt động chức năng ở mức tế bào đến các chức năng chuyên biệt của một số cơ quan trong cơ thể, từ đó giúp giải thích được một số rối loạn hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể. Đây là học phần nền tảng giúp cho người học có thể học tiếp các học phần chuyên ngành YHCT. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình và thảo luận. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận và tiểu luận. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 6,7 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

4. Học phần nội khoa Y học hiện đại

Học phần Nội khoa y học hiện đại thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng cần thiết để phân tích, giải thích triệu chứng, biện luận chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội khoa theo phương pháp y học hiện đại. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo

luận, thực hành bên giường bệnh. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, vấn đáp và bảng kiểm lượng giá. Học phần này đóng góp vào CĐR 8, 10 (mức độ trung bình); 3, 5 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

5. Học phần Hồi sức cấp cứu

Học phần hồi sức cấp cứu thuộc khối kiến thức cơ sở, được dạy - học ở kỳ học II của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng cơ bản của hồi sức cấp cứu, hỗ trợ người học trong chẩn đoán, xử trí ban đầu kịp thời, có hiệu quả một số cấp cứu nội khoa thường gặp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy bên giường bệnh và ngoài giường bệnh. Phương pháp lượng giá người học bao gồm là phương pháp trắc nghiệm, chấm chuyên đề, lượng giá kỹ năng thực hành bên giường bệnh bằng bảng kiểm và chỉ tiêu thực hành. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 4,6 (mức độ trung bình); 2, 3 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

6. Học phần Lý luận YHCT

Học phần lý luận YHCT thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học II của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về nội dung cơ bản của lý luận YHCT và vận dụng vào Y học theo YHCT. Thông qua học phần này, người học sẽ được học về chẩn đoán và biện chứng luận trị theo YHCT để ứng dụng vào điều trị từng thế bệnh của y học cổ truyền. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận, thuyết trình, thực hành, làm việc nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm báo cáo chuyên đề, kiểm tra kỹ thuật theo bảng kiểm và tự luận(trắc nghiệm) và lượng giá chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1, 4 (mức độ thấp); 2, 5, 6, 8, 9, 10 (mức độ trung bình) và 3, 7 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

7. Học phần Thương hàn – Ôn bệnh

Học phần thương hàn – ôn bệnh thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học II của Chương trình đào tạo. học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về chẩn đoán, điều trị một số chứng bệnh thường gặp của thương hàn – ôn bệnh theo YHCT. thông qua học phần này, người học sẽ được học về các hội chứng thương hàn – ôn bệnh để ứng dụng vào điều trị từng thế bệnh của y học cổ truyền. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận, thuyết trình, thực hành, làm việc nhóm… Các phương pháp đánh giá người học bao gồm báo cáo chuyên đề,

kiểm tra kỹ thuật theo bảng kiểm và tự luận (trắc nghiệm) và lượng giá chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1, 4 (mức độ thấp); 2, 5, 6, 8, 9, 10 (mức độ trung bình) và 3, 7 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

8. Học phần Phương pháp điều trị YHCT không dùng thuốc

Học phần các phương pháp điều trị không dùng thuốc thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học III của Chương trình đào tạo. học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về chẩn đoán, điều trị bệnh bằng các phương pháp điều trị không dùng thuốc của YHCT. thông qua học phần này, người học sẽ được học về điều trị từng thế bệnh của y học cổ truyền. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận, thuyết trình, thực hành, làm việc nhóm... Các phương pháp đánh giá người học bao gồm báo cáo chuyên đề, kiểm tra kỹ thuật theo bảng kiểm và tự luận (trắc nghiệm) và lượng giá chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1, 4 (mức độ thấp); 2, 5, 6, 8, 9, 10 (mức độ trung bình) và 3, 7 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

9. Học phần Dược học cổ truyền

Học phần Dược học cổ truyền thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học III của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về dược liệu, đông dược, phân loại và nhận biết các vị thuốc. Thông qua học phần này, người học sẽ được học về 300 vị thuốc đông dược cơ bản, phân loại từng nhóm thuốc để ứng dụng vào điều trị từng thế bệnh của y học cổ truyền. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận, thuyết trình, thực hành, làm việc nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm báo cáo chuyên đề, kiểm tra kỹ thuật theo bảng kiểm và tự luận (trắc nghiệm) và lượng giá chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1, 4 (mức độ thấp); 2, 5, 6, 8, 9, 10 (mức độ trung bình) và 3, 7 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

10. Học phần Bệnh học Nội khoa, Nhi khoa

Học phần Nội khoa, Nhi khoa thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học IV của Chương trình đào tạo. học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về chẩn đoán, điều trị bệnh nội khoa, nhi khoa của YHCT. thông qua học phần này, người học sẽ được học về điều trị từng thế bệnh của y học cổ truyền. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận, thuyết trình, thực hành, làm việc nhóm... Các phương pháp đánh giá người học bao gồm báo cáo chuyên đề, kiểm

tra kỹ thuật theo bảng kiểm và tự luận (trắc nghiệm) và lượng giá chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1, 4 (mức độ thấp); 2, 5, 6, 8, 9, 10 (mức độ trung bình) và 3, 7 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

11. Học phần Ngoại khoa, phụ khoa

Học phần Ngoại khoa, phụ khoa thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học IV của Chương trình đào tạo. học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về chẩn đoán, điều trị bệnh Ngoại khoa, phụ khoa của YHCT. thông qua học phần này, người học sẽ được học về điều trị từng thế bệnh của y học cổ truyền. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận, thuyết trình, thực hành, làm việc nhóm… Các phương pháp đánh giá người học bao gồm báo cáo chuyên đề, kiểm tra kỹ thuật theo bảng kiểm và tự luận (trắc nghiệm) và lượng giá chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1, 4 (mức độ thấp); 2, 5, 6, 8, 9, 10 (mức độ trung bình) và 3, 7 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

12. Học phần Thuốc nam chữa bệnh

Học phần thuốc nam thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học V của Chương trình đào tạo. học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về chẩn đoán, điều trị các chứng bệnh bằng thuốc nam của YHCT. thông qua học phần này, người học sẽ được học về các vị thuốc nam để ứng dụng vào điều trị từng thế bệnh của y học cổ truyền. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận, thuyết trình, thực hành, làm việc nhóm… Các phương pháp đánh giá người học bao gồm báo cáo chuyên đề, kiểm tra kỹ thuật theo bảng kiểm và tự luận (trắc nghiệm) và lượng giá chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này đóng góp vào CĐR 1, 4 (mức độ thấp); 2, 5, 6, 8, 9, 10 (mức độ trung bình); 3, 7 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

13. Học phần Phương tễ

Học phần phương tễ thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học V của Chương trình đào tạo. học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về chẩn đoán, điều trị các chứng bệnh bằng thuốc của YHCT. thông qua học phần này, người học sẽ được học về các bài thuốc cổ phương để ứng dụng vào điều trị từng thế bệnh của y học cổ truyền. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận, thuyết trình, thực hành, làm việc nhóm… Các phương pháp đánh giá người học bao gồm báo cáo chuyên đề, kiểm tra kỹ thuật theo bảng kiểm và tự luận (trắc nghiệm)

và lượng giá chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này đóng góp vào CĐR 1, 4 (mức độ thấp); 2, 5, 6, 8, 9, 10 (mức độ trung bình) và 3, 7 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

14. Học phần Bào chế đông dược

Học phần Bào chế đông dược khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học V của Chương trình đào tạo. học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về bào chế một số phương thuốc Y học cổ truyền để chữa một số bệnh lý y học cổ truyền thường gặp. thông qua học phần này, người học sẽ được học về kiến thức y dược học để giải thích được mối liên quan giữa các hợp chất thiên nhiên trong vị thuốc đến tác dụng của vị thuốc và phương thuốc đông dược, ứng dụng được kiến thức về bào chế đông dược để thực hành chế biến, bào chế một số thuốc đông dược nhằm giảm tác dụng không mong muốn, tăng tác dụng điều trị. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận, thuyết trình, thực hành, làm việc nhóm... Các phương pháp đánh giá người học bao gồm báo cáo chuyên đề, kiểm tra kỹ thuật theo bảng kiểm và tự luận (trắc nghiệm) và lượng giá chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1, 4 (mức độ thấp); 2, 5, 6, 8, 9, 10 (mức độ trung bình) và 3, 7 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

15. Học phần Phục hồi chức năng

Học phần Phục hồi chức năng thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học V của Chương trình đào tạo. học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về chẩn đoán, lượng giá chức năng, xác định mục tiêu trong điều trị và áp dụng điều trị phục hồi chức năng cho một số bệnh lý Y học cổ truyền thường gặp. thông qua học phần này, người học sẽ được học về kiến thức điều trị phục hồi chức năng cho một số bệnh lý Y học cổ truyền thường gặp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận, thuyết trình, thực hành, làm việc nhóm... Các phương pháp đánh giá người học bao gồm báo cáo chuyên đề, kiểm tra kỹ thuật theo bảng kiểm và tự luận (trắc nghiệm) và lượng giá chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1 (mức độ thấp); 2, 4, 5, 6 (mức độ trung bình) và 3, 7, 8, 9, 10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

16. Học phần tốt nghiệp

Học phần tốt nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học VI của Chương trình đào tạo. học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức tổng thể về các lĩnh vực của YHCT bao gồm kiến thức về triệu

chứng, chẩn đoán, điều trị và dự phòng các chứng bệnh YHCT thường gặp. thông qua học phần này, người học sẽ được học về kiến thức về các lĩnh vực của YHCT bao gồm kiến thức về triệu chứng, chẩn đoán, điều trị và dự phòng các chứng bệnh YHCT thường gặp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận, thuyết trình, thực hành, làm việc nhóm… Các phương pháp đánh giá người học bao gồm báo cáo chuyên đề, kiểm tra kỹ thuật theo bảng kiểm và tự luận (trắc nghiệm) và lượng giá chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1 (mức độ thấp); 2, 4, 5, 6 (mức độ trung bình) và 3, 7, 8, 9, 10 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

XIII. Đội ngủ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Đội ngũ giảng viên gồm có 54 giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT này, trong đó có 01 giáo sư, 8 phó giáo sư, 24 tiến sĩ, 9 BSCKII, 12 thạc sĩ. Người học học lý thuyết tại giảng đường, học thực hành tại các bệnh viện thực hành như Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên và bệnh viện YHCT tỉnh Thái Nguyên.

Trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên có hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng nghiên cứu khá hiện đại, đáp ứng được yêu cầu học tập và tự nghiên cứu cho học viên CK I. Các đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên đều được trang bị rất nhiều phương tiện hỗ trợ dạy học và nghiên cứu khoa học như phòng máy tính đa năng, hệ thống đường truyền kết nối internet đến từng phòng học và phòng thí nghiệm - thực hành. Phòng thí nghiệm và thực hành được trang bị thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu (máy vi tính, máy chiếu projector, các thiết bị phục vụ thực tế chuyên môn).

XIV. Ngày phê duyệt lần đầu:

XV. Tiến trình cập nhật

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ rà soát *(Ký, ghi rõ họ tên)*	Trưởng khoa/ Bộ môn *(Ký, ghi rõ họ tên)*
1	Chỉnh sửa mục tiêu và CĐR theo hướng dẫn bản hướng kèm theo CV số 1398/ĐHYD-TTKT	2/2022	Hoàng Văn Thắng	Trần Văn Tuấn

XVI. Thành phần phê duyệt

Ban Giám hiệu	Hội đồng Khoa/Bộ môn	Tổ trưởng xây dựng/ rà soát
HIỆU TRƯỞNG PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng	Trần Văn Tuấn	BSCKII. Hoàng Văn Thắng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN KHOA I CHUYÊN NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN

THÁI NGUYÊN, NĂM 2022

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN Y HỌC CỔ TRUYỀN 1 TH

1. Thông tin học phần

Tên học phần: **Y học cổ truyền 1 TH**

Mã học phần: YD214058

Loại học phần: Bắt buộc

2. Số tín chỉ: 2 tín chỉ thực hành

3. Trình độ: Sinh viên năm 5 y đa khoa

4. Phân bố thời gian:

Thực hành: 90 tiết

Tự học: 90 tiết

5. Học phần tiên quyết:

6. Mục tiêu của học phần

Cung cấp cho sinh viên kiến thức của YHCT về thực hành như: Châm cứu, dùng các bài thuốc điều trị một số bệnh thống thường như: đau vai gáy, liệt nửa người, đau thần kinh hông to, tâm căn suy nhược, viêm khớp…

7. Nội dung của học phần

Trình bày các nội dung sau: Thực hành kỹ thuật châm cứu trên mô hình, trên sinh viên và trên bệnh nhân. Thực hành cách xác định huyệt trên mô hình và trên bệnh nhân. Thực hành phương pháp làm một bệnh án YHCT. Thực hành nhận biết các dược liệu thường dùng. Cách khám, phân tích, biện chứng luận trị, chẩn đoán, điều trị một số bệnh thường gặp trên lâm sang thông qua cách tiếp cận bệnh nhân tại phòng bệnh và bình bệnh án…

8. Nhiệm vụ cuả sinh viên

Tham dự lớp học đầy đủ

Tự tìm kiếm, đọc và phân tích một số kiến thức liên quan đến mục tiêu học tập.

Làm bài kiểm tra.

Đi thực hành bệnh viện YHCT. Làm bệnh án.

9. Tài liệu học tập

Sách giáo trình chính

[1] Bộ môn Y học cổ truyền, 2008, *Bài giảng Y học cổ truyền*, Trường đại học Y Hà nội.

Sách tham khảo

[2] Hoàng Bảo Châu-Trần Thuý (1994) *Y học cổ truyền*, nhà xuất bản y học.

[3] Bành Khừu-Đặng Quốc Khánh (2002) *Những học thuyết cơ bản của y học cổ truyền*, nhà xuất bản Hà Nội.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Điểm đánh giá chuyên cần: 10%

Điểm kiểm tra giữa học phần: 20%

Điểm thi kết thúc học phần: 70%

11. Thang điểm

Thực hiện theo điều 22 và điều 23 "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ" ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ giáo dục và đào tạo.

12. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: KỸ THUẬT CHÂM VÀ CỨU *(10 tiết)*

1.1. Kỹ thuật châm

1.1.1. Định nghĩa:

1.1.2. Sơ lược về các loại kim châm

1.1.3. Những điều cần chú ý khi châm:

1.1.4. Xác định vị trí huyệt

1.1.5. Phương pháp đo lấy huyệt

1.1.6. Phương pháp châm kim

1.1.7. Chỉ định và chống chỉ định của châm

1.1.8. Các tai biến khi châm và cách phòng chống

1.2. Kỹ thuật cứu

1.2.1. Định nghĩa

1.2.2. Những điều cần chú ý khi cứu:

1.2.3. Thái độ của Thầy thuốc

1.2.4. Tư thế BN

1.2.5. Phương tiện

1.2.6. Phương pháp cứu

1.2.7.. Chỉ đinh và chống chỉ định của cứu

1.2.8. Tai biến và cách phòng chống khi cứu

Chương 2: THỰC HÀNH CHÂM CỨU MỘT SỐ HUYỆT ĐIỀU TRỊ MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP TẠI CỘNG ĐỒNG *(10 tiết)*

2.1. Huyệt vùng đầu mặt cổ (13 huyệt)

2.2. Huyệt vùng chi trên (16 huyệt)

2.3. Huyệt vùng ngực bụng (3 huyệt)

2.4. Huyệt vùng lưng (8 huyệt)

2.5. Huyệt vùng chi dưới (20 huyệt)

Chương 3: THỰC HÀNH CÁCH LÀM BỆNH ÁN YHCT *(6 tiết)*

3.1. Phần hành chính

3.2. Lý do vào viện

3.3. Bệnh sử

3.4. Tiền sử

3.5. Thăm khám

3.6. Tóm tắt bệnh án

3.7. Chẩn đoán

3.8. Điều trị

3.9. Tiên lượng

3.10. Phòng bệnh

Chương 4 : THỰC HÀNH THUỐC DƯỢC LIỆU THƯỜNG DÙNG ĐỂ ĐIỀU TRỊ 8 CHỨNG BỆNH THƯỜNG GẶP TẠI CỘNG ĐỒNG *(16 tiết)*

4.1. Thuốc giải biểu

4.2. Thuốc thanh nhiệt

4.3. Thuốc an thần

4.4. Thuốc chữa ho

4.5. Thuốc hành huyết

4.6. Thuốc hành khí

4.7. Thuốc bổ

Chương 5: THỰC HÀNH TÂM CĂN SUY NHƯỢC *(6 tiết)*

5.1. Y học hiện đại

5.1.1. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh

5.1.2. Bệnh cảnh lâm sàng điển hình

5.1.3. Các thể lâm sàng

5.1.4. Chẩn đoán

5.1.5. Điều trị

5.2. Giáo dục sức khỏe về mặt tâm sinh lý

Chương 6: THỰC HÀNH VIÊM KHỚP DẠNG THẤP *(8 tiết)*

6.1. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh

6.2. Triệu chứng lâm sàng

6.2.1. Tại khớp

6.2.2. Triệu chứng toàn thân và ngoài khớp

6.3. Chẩn đoán

6.3.1. Chẩn đoán xác định

6.3.2. Chẩn đoán phân biệt

6.4. Nguyên tắc điều trị theo YHHĐ

6.4.1. Các thể lâm sàng của VKDT theo YHCT

6.4.2. Thể phong hàn thấp tý (đau nhức các khớp không có nóng đỏ)

6.4.3. VKDT có sưng nóng đỏ

6.5. Phương pháp phòng bệnh

Chương 7: THỰC HÀNH ĐAU THẦN KINH HÔNG TO *(8 tiết)*

7.1. Đau thần kinh hông to theo YHHĐ

7.1.1. Nguyên nhân gây bệnh

7.1.2. Các thể lâm sàng

7.1.3. Chẩn đoán phân biệt

7.1.4. Điều trị đau TK hông bằng phương pháp YHHĐ

7.2. Đau thần kinh hông to theo YHCT

7.2.1. Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh

7.2.2. Thể lâm sàng

7.3. Điều trị đau thần kinh hông bằng phương pháp xoa bóp:

7.4. Những bài tập vận động trị liệu đau thần kinh hông to

7.5. Phương pháp phòng bệnh và phòng ngừa tái phát

Chương 8 : THỰC HÀNH ĐAU VAI GÁY *(6 tiết)*

8.1. Đau vai gáy theo YHHĐ

8.1.1. Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh đau vai gáy

8.1.2. Triệu chứng

8.1.3. Các thể lâm sàng

8.1.4. Nguyên tắc điều trị:

8.2. Đau vai gáy theo YHCT (Lạc chẩm)

8.2.1. Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh theo Y học cổ truyền

8.2.2. Thể lâm sàng đau vai gáy

8.3. Bài tập hướng dẫn phòng ngừa đau cổ cơ năng

Chương 9: THỰC HÀNH LIỆT MẶT NGOẠI BIÊN *(6 tiết)*

9.1. Liệt dây 7 ngoại biên theo YHHĐ

9.1.1. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh theo YHHĐ:

9.1.2. Triệu chứng lâm sàng:

9.1.3. Chẩn đoán phân biệt:

9.1.4. Điều trị liệt mặt ngoại biên bằng phương pháp YHHĐ

9.2. Liệt mặt ngoại biên theo YHCT

9.2.1. Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh:

9.2.2. Liệt mặt ngoại biên do lạnh (trúng phong hàn ở kinh lạc)

9.2.3. Liệt mặt ngoại biên do nhiễm trùng (Trúng phong nhiệt ở kinh lạc)

9.2.4. Liệt dây mặt ngoại biên do sang chấn (ứ huyết ở kinh lạc)

9.3. Điều trị liệt mặt ngoại biên bằng phương pháp xoa bóp- bấm huyệt

Chương 10: THỰC HÀNH PHỤC HỒI LIỆT NỬA NGƯỜI DO TAI BIẾN MẠCH MÁU NÃO *(8 tiết)*

10.1. Chẩn đoán và điều trị liệt nữa người theo YHHĐ.

10.1.1. Chẩn đoán khác:

10.1.2. Nguyên tắc và điều trị:

10.2. Liệt nữa người theo YHCT

10.2.1. Nguyên nhân

10.2.2. Chẩn đoán và điều trị chứng Trúng phong

10.3. Dự phòng TBMMN

Chương 11: THỰC HÀNH DỊ ỨNG *(6 tiết)*

11.1. Dị ứng theo Y học hiện đại

11.1.1. Tiêu chuẩn và những triệu chứng dị ứng phổ biến

11.1.2. Điều trị các bệnh dị ứng

11.2. Dị ứng theo y học cổ truyền

11.2.1. Thể lâm sàng

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 4 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG	**NGƯỜI LẬP ĐỀ CƯƠNG**
KT. TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO	
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG	
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT	
BS.CKII. Trần Đức Bảo	**Nguyễn Thanh Tùng**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT
****

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG - TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
MÃ SỐ: 7720301

ĐẮK LẮK – 2023

Mục lục

THỰC HÀNH BỆNH VIỆN ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ 2
THỰC HÀNH CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN CÓ BỆNH NỘI KHOA 8
THỰC HÀNH CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CẤP CỨU VÀ CHĂM SÓC TÍCH CỰC 13
CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI CAO TUỔI 17
THỰC HÀNH CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN CÓ BỆNH NGOẠI KHOA 24
THỰC HÀNH CHĂM SÓC SỨC KHỎE PHỤ NỮ, BÀ MẸ, GIA ĐÌNH 28
THỰC HÀNH CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ EM 33
CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI BỆNH TRUYỀN NHIỄM MÃ MÔN HỌC: 38
CHĂM SÓC SỨC KHỎE TÂM THẦN 44
CHĂM SÓC CHO NGƯỜI CẦN ĐƯỢC PHỤC HỒI CHỨC NĂNG 50
ĐIỀU DƯỠNG PHÒNG MỔ 56
ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN KHOA MẮT 61
ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN KHOA TAI MŨI HỌNG 66
ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN KHOA RĂNG HÀM MẶT 71
ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN KHOA HỒI SỨC TÍCH CỰC 76
CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI BỆNH UNG THƯ VÀ CHĂM SÓC GIẢM NHẸ 81
THỰC TẬP TỐT NGHIỆP 86

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN MÔN HỌC

Tên môn học: THỰC HÀNH BỆNH VIỆN ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ

Mã Môn học: CNDD33

Số tín chỉ: 02 TC (0 lý thuyết, 02 thực hành)

Lý thuyết: 0 tiết

Thực hành: 0 tiết

Thực tập bệnh viện: 90 tiết

Tự học: 90 tiết

Môn học tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở I&II

Đối tượng học: CNĐDCQ năm học thứ 2

Yêu cầu khác: Sinh viên được hướng dẫn quy định tại nơi thực hành trước, chuẩn bị trang phục y tế đầy đủ.

Bộ môn giảng dạy/ giảng viên: Khoa Điều dưỡng

- ThS. Nguyễn Đăng Vương
- CN. La Thanh Hải
- CN. Ngô Thị Bích Nương
- CN. Phạm Thị Thanh

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Trong học phần này, sinh viên sẽ được thực tập tại bệnh viện để thực hành toàn bộ những kỹ năng điều dưỡng đã được học ở hai môn điều dưỡng cơ sở I&II. Đây cũng là môn học đầu tiên để sinh viên tiếp xúc với môi trường bệnh viện, tiếp xúc với bệnh nhân. Ngoài việc học các kỹ năng lâm sàng thì môn học này cũng chú ý tới việc học các quy trình làm việc trong bệnh viện, cách giao tiếp với bệnh nhân

và người nhà.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên điều dưỡng sẽ có năng lực để:

- Nhận định tình trạng người bệnh, xác định nhu cầu cơ bản của người bệnh. (CĐR.1)
- Thực hiện đầy đủ quy trình các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản; các tai biến và cách xử trí trong, sau quá trình chăm sóc người bệnh. (CĐR.4,5,6)
- Trình bày được các nguyên tắc xử trí cấp cứu ban đầu. (CĐR.6)
- Thực hiện khẩn trương, chính xác, đúng thao tác kỹ thuật cấp cứu ban đầu. (CĐR.3,6)
- Ứng dụng các nguyên tắc điều dưỡng, học thuyết điều dưỡng đã được học để đưa ra quyết định chăm sóc trên lâm sàng. (CĐR.2)

4. CHỈ TIÊU LÂM SÀNG

TT	KỸ NĂNG	SỐ TIẾT	GHI CHÚ
I. LÝ THUYẾT LÂM SÀNG (TIỀN LÂM SÀNG)			
1	Các nguyên tắc, lưu ý khi thực hành chăm sóc người bệnh.	2	
2	Nhận định, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh nội khoa, ngoại khoa	2	
3	Các lưu ý khi thực hiện kỹ thuật trên thực tế lâm sàng: – Thực hiện kỹ thuật trên người cao tuổi	2	

	– Thực hiện kỹ thuật trên trẻ em – Các kỹ thuật đặc trưng của khoa phòng thực hành lâm sàng		
4	Tiếp đón người bệnh đến khám bệnh	1	
5	Chuyển bệnh nhân vào khoa - chuyển viện		
6	Chuẩn bị giường bệnh, an toàn bệnh nhân		
7	Vận chuyển nâng đỡ BN		
8	Săn sóc răng miệng	1	
9	Tắm bệnh, gội đầu		
10	Chườm nóng, chườm lạnh		
11	Lấy dấu hiệu sinh tồn	1	
12	Cho ăn bằng ống	1	
13	Cho người bệnh dùng thuốc qua đường uống, nhỏ, ngoài da		
14	Thụt tháo		
16	Rửa dạ dày		
17	Hút dịch vị - tá tràng		
18	Thông tiểu liên tục, thông tiểu thường	1	
19	Rửa bàng quang		
20	Kỹ thuật truyền dịch	1	
21	Tiêm thuốc: IM, IV, SC		
22	Tiêm dưới da, test lẫy da		
23	Kỹ thuật truyền máu		

24	Cho người bệnh thở oxy	1	
25	Hút đàm		
26	Chăm sóc vết thương các loại	1	
24	Cắt chỉ vết khâu		
25	CPR	1	
26	Sơ cứu vết thương, cầm máu		
II. THỰC TẬP LÂM SÀNG			
	Thực tập tại bệnh viên	**70**	
	Thi kết thúc	**5**	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

Giảng dạy: sinh viên sẽ được tham gia thực tập tại bệnh viện, các khoa sẽ được dàn trải đều theo nội dung học tập. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên sử dụng các phương pháp chủ yếu sau:

Học phần này được chia làm 2 phần: lý thuyết lâm sàng (15 tiết) và thực hành lâm sàng 75 tiết.

5.1. Đối với phần lý thuyết lâm sàng:

- Giảng viên giảng dạy cho sinh viên về cách nhận định người bệnh, lập kế hoạch chăm sóc trên thực tế khoa phòng dựa vào các phương pháp như giảng bên giường bệnh, giao ban… tại bệnh viện hoặc tại phòng tiền lâm sàng của trường

5.2. Đối với học phần thực hành lâm sàng:

- Giảng viên, quản lý sinh viên chia sinh viên theo tua trực để sinh viên học tập tất cả những quy trình cần làm, những lưu ý từ khi tiếp nhận một người bệnh vào khoa đến lúc xuất viện.

- Thực hành mẫu, cầm tay chỉ việc. sinh viên chỉ được phép thực hiện kỹ thuật khi có giảng viên hướng dẫn bên cạnh.
- Giảng viên tích cực tìm các tình huống khác nhau trên lâm sàng để sinh viên tự phân tích, tổng hợp và đưa ra các quyết định trong kế hoạch chăm sóc, và giảng viên bình kế hoạch chăm sóc hàng tuần.
- Đối với những kỹ thuật không có tại bệnh viện, giảng viên xây dựng tình huống tại phòng tiền lâm sàng để sinh được thực hành.

Hỗ trợ học tập: Đảm bảo đầy đủ các dụng cụ để thực hiện các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng cơ bản. Đảm bảo an toàn cho bệnh nhân và sinh viên trong quá trình thực tập, phòng học thực hành lâm sàng trang bị: bảng, phấn, máy chiếu để thực hiện bình kế hoạch chăm sóc.

6. NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN

- Tham dự lớp: Sinh viên tham dự đầy đủ các buổi học
- Làm bài tập: Sinh viên được yêu cầu đọc hoặc làm bài tập trong lớp theo phân công mỗi tuần. Đặc biệt chú ý các bài báo cáo nhóm.
- Dụng cụ học tập: Các nhóm báo cáo cần chuẩn bị laptop để báo cáo. Đi học mang đồng phục thực hành.
- Khác: Sinh viên in và mang theo các bài báo và tài liệu liên quan đến nội dung học tập mỗi tuần. Yêu cầu mang theo giáo trình DDCB1,2 (lý thuyết, thực hành) cho các buổi học.

7. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ:

Theo quy chế đánh giá học phần của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột.

8. THANG ĐIỂM:

Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm

10 (làm tròn đến một chữ số thập phân).

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

9.1. Tài liệu bắt buôc:

[1] Trần Thị Thuận (2008), *Điều dưỡng cơ bản* 1, 2, NXB Y học, Hà Nội.

[2] Đoàn Thị Anh Lê và cộng sự (2014), *Kỹ thuật điều dưỡng cơ sở,* NXB Y học

9.2. Tài liệu tham khảo

[3] Bộ Y tế (2008), *Cấp cứu ban đầu*, NXB Y học, Hà Nội.

[4] Bộ Y tế (2006), *Vụ khoa học và Đào tạo: Điều dưỡng cơ bản*, NXB Y học, Hà Nội.

[5] Đỗ Đình Xuân, Trần Thị Thuận (2010), *Hướng dẫn thực hành 55 kỹ thuật điều dưỡng cơ bản*, Tập 1 và 2, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN MÔN HỌC

Tên môn học: THỰC HÀNH CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN CÓ BỆNH NỘI KHOA

Mã môn học: CNCS36

Số tín chỉ: 03 TC (0 lý thuyết, 03 thực hành)

Lý thuyết: 0 tiết

Thực hành bệnh viện: 135 tiết

Tự học: 135 tiết

Môn học tiên quyết: CSSK người lớn có bệnh nội khoa.

Đối tượng: CNDDCQ năm thứ 3

Yêu cầu khác: Sinh viên được hướng dẫn quy định tại nơi thực hành trước, chuẩn bị trang phục y tế đầy đủ.

Bộ môn gảng dạy/giảng viên:

- Th.S Lê Thanh Hòa
- CN. Phạm Thị Thanh

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Môn học này được xây dựng dựa trên kiến thức điều dưỡng đã học cho việc chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa. Nhận định và chăm sóc các bệnh Nội khoa đòi hỏi điều dưỡng phải dựa trên chứng cứ, tình trạng lâm sàng và các nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người bệnh và gia đình của họ.

Thông qua môn học này, sinh viên sẽ thực hiện được những kỹ năng cần thiết để chăm sóc người bệnh Nội khoa, đưa ra quyết định chăm sóc sức khỏe phù hợp cho người bệnh và hợp tác với các nhân viên y tế khác.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên điều dưỡng sẽ có năng lực để:

- Xác định được vai trò và trách nhiệm của điều dưỡng trong việc chăm sóc toàn diện cho người bệnh đã được lựa chọn. (CĐR.1)
- Thực hiện các kỹ năng chăm sóc người bệnh Nội khoa và xây dựng quy trình điều dưỡng phù hợp trên lâm sàng. (CĐR.1,2)
- Phát triển được kế hoạch chăm sóc điều dưỡng dựa trên các bằng chứng tin cậy, các nguyên tắc an toàn và sự lựa chọn của người bệnh. (CĐR.2,4,7,13)
- Lượng giá, báo cáo kết quả thực hiện quy trình chăm sóc. (CĐR.2,4,8,9)
- Phối hợp được với các thành viên nhóm chăm sóc để điều phối và thực hiện chăm sóc người bệnh. (CĐR.2,10)

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

TT	CHỦ ĐỀ/ BÀI HỌC	LT	TH	TỰ HỌC
I. LÝ TUYẾT LÂM SÀNG (TIỀN LÂM SÀNG)				
1	**Bài 1.** Kỹ thuật lấy khí máu động mạch	0	5	5
2	**Bài 2.** Phụ giúp bác sĩ lấy mẫu sinh thiết tuyến giáp, gan, thận	0	5	5
3	**Bài 3.** Kỹ thuật phụ giúp bác sĩ nội soi dạ dày, trực tràng	0	5	5
4	**Bài 4.** Phụ giúp bác sĩ chọc dò màng tim, màng phổi, màng bụng	0	5	5
II. THỰC TẬP LÂM SÀNG				
	– Thực hiện một số kỹ năng ĐDCB: Quản lý buồng bệnh, tiếp đón bệnh nhân vào viện, theo dõi dấu hiệu sinh tồn, tiêm truyền, cho bệnh nhân thở oxy… – Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc Nội khoa: đặt sonde dạ dày, cho ăn qua sonde dạ dày, hút	0	115	115

	đàm nhớt, đặt sonde tiểu, thụt tháo, săn sóc ngừa loét, ngừa tắc mạch... – Nhận định, theo dõi và đánh giá tình trạng người bệnh tại khoa Nội. – Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân và thân nhân. – Thực hiện quy trình chăm sóc nội khoa.			
	TỔNG	**0**	**135**	**135**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

Địa điểm thực tập: Sinh viên được chia thành nhóm nhỏ để thực tập tại các bệnh viện. Hàng ngày sinh viên được bố trí thực tập tại khoa Nội.

Học phần này được chia làm 2 phần: kỹ thuật lâm sàng nội khoa (20 tiết) và thực hành lâm sàng 115 tiết.

5.1. Đối với phần lý tuyết lâm sàng (tiền lâm sàng):

- Sinh viên sẽ được học các kỹ thuật lâm sàng này tại phòng thực hành tiền lâm sàng, hoặc phòng học lâm sàng tại bệnh viện.

5.2. Đối với học phần thực hành lâm sàng:

- Giảng viên, quản lý sinh viên chia sinh viên theo tua trực để sinh viên học tập tất cả những quy trình cần làm, những lưu ý từ khi tiếp nhận một người bệnh vào khoa đến lúc xuất viện.
- Thực hành mẫu, cầm tay chỉ việc. sinh viên chỉ được phép thực hiện kỹ thuật khi có giảng viên hướng dẫn bên cạnh.
- Giảng viên tích cực tìm các tình huống khác nhau trên lâm sàng để sinh viên tự phân tích, tổng hợp và đưa ra các quyết định trong kế hoạch chăm sóc, và giảng

viên bình kế hoạch chăm sóc hàng tuần.

- Đối với những kỹ thuật không có tại bệnh viện, giảng viên xây dựng tình huống tại phòng tiền lâm sàng để sinh được thực hành.

6. NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN

- Tham dự đầy đủ các hoạt động học tập được tổ chức tại lớp.
- Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần nếu không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 ở kỳ thi.
- Tôn trọng giảng viên, học tập nghiêm túc, chủ động và sáng tạo.
- Trong quá trình thực tập lâm sàng tại bệnh viện, sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi lâm sàng, tham gia trực đêm tại Khoa phòng. Sinh viên phải đọc bài trước, chuẩn bị bài báo cáo và thực hiện qui trình điều dưỡng chăm sóc người bệnh Nội khoa theo sự phân công của giảng viên.
- Khác: Sinh viên in và mang theo các bài báo và tài liệu liên quan đến nội dung học tập mỗi tuần. Yêu cầu mang theo giáo trình (lý thuyết, thực hành) cho các buổi học.

7. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ:

Theo quy chế đánh giá học phần của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột.

8. THANG ĐIỂM:

Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 (làm tròn đến một chữ số thập phân).

9. TÀI LIỆU HỌC TẬP

9.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Lê Văn An, Hoàng Văn Ngoạn (2008), *Điều dưỡng nội,* Tập I, II, NXB Y học Hà Nội.

9.2. Tài liêu tham khảo

[1] Đại học Y dược TP.HCM (2009), *Giáo trình điều dưỡng Nội khoa,* Lưu hành nội bộ.

[2] Trường Đại học Y Hà Nội (2008), *Bài giảng Bệnh học Nội khoa*, NXB Y học.

[3] Hoàng Trọng Quang (2000), *Bài giảng bệnh nội khoa tập 2,* NXB Y học.

[4] Hoàng Trọng Quang (2000), *Nội tiết và chuyển hóa,* Kỷ yếu toàn văn, NXB Y học.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN MÔN HỌC

Tên môn học: THỰC HÀNH CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CẤP CỨU VÀ CHĂM SÓC TÍCH CỰC

Mã môn học: CNCS38

Số tín chỉ: 02 TC (0 lý thuyết, 02 thực hành)

Lý thuyết: 0 tiết

Thực hành bệnh viện: 90 tiết

Tự học: 90 tiết

Môn học tiên quyết: Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực

Đối tượng học: CNĐDCQ năm học thứ 4

Yêu cầu khác: Ôn tập lại tài liệu phần lý thuyết, chuẩn bị đồng phục trước khi đi thực hành lâm sàng. Hướng dẫn sinh viên các nội quy của nơi đi thực hành.

Bộ môn gảng dạy/giảng viên:

- Th.S Nguyễn Đăng Vương
- CN. Phạm Thị Thanh

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Môn học này được xây dựng dựa trên kiến thức của điều dưỡng một cách tổng quan về hồi sức cấp cứu. Thông qua môn học này sẽ nắm vững các kiến thức về hồi sức cấp cứu từ đó giúp cho sinh viên có khả năng nhận định và lập kế hoạch chăm sóc về một số bệnh hồi sức cấp cứu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ phát triển kỹ năng trong quản lý và phối hợp giữa các chuyên khoa trong chăm sóc bệnh nhân hồi sức cấp cứu.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên điều dưỡng sẽ có năng lực để:

- Nhận định và phân loại được bệnh nhân cấp cứu. (CĐR.6)
- Xử trí được các trường hợp cấp cứu thông thường. (CĐR.3,6)

- Áp dụng được các phương pháp và kỹ năng đánh giá phù hợp đối với người bệnh. (CĐR.2)
- Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc trong hồi sức. (CĐR.3)
- Phối hợp được với các thành viên nhóm chăm sóc để điều phối và thực hiện chăm sóc người bệnh một cách nhanh chóng và chính xác. (CĐR.2,3,8,10)

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

TT	CHỦ ĐỀ/ BÀI HỌC	LT	TH	TỰ HỌC
I. LÝ TUYẾT LÂM SÀNG (TIỀN LÂM SÀNG)				
1	**Bài 1:** Nhận định và phân loại bệnh nhân cấp cứu	0	4	4
2	**Bài 2:** Quản lý các trường hợp cấp cứu	0	4	4
3	**Bài 3:** Quy trình sử dụng máy thở, chăm sóc NKQ, MKQ	0	4	4
4	**Bài 4:** Chăm sóc người bệnh đặt catheter tĩnh mạch trung tâm	0	4	4
5	**Bài 5:** Chuẩn bị bệnh nhân và phụ giúp bác sĩ làm các thủ thuật cấp cứu: Đường truyền tĩnh mạch bằng bơm tiêm điện, máy truyền dịch	0	4	4
II. THỰC TẬP LÂM SÀNG				
	Thực hiện một số kỹ năng Điều Dưỡng Cơ Bản: – Quản lý buồng bệnh, tiếp đón bệnh nhân vào viện, theo dõi dấu hiệu sinh tồn, tiêm truyền, cho bệnh nhân thở oxy… – Chăm sóc người bệnh ngộ độc: thuốc, thuốc rầy, thức ăn	0	70	70

	– Chăm sóc người bệnh phù phổi cấp – Chăm sóc bệnh nhân phù phổi cấp – Chăm sóc bệnh nhân sốc – Chăm sóc bệnh nhân ngộ độc – Chăm sóc bệnh nhân có đặt catheter0 – Chăm sóc bệnh nhân có đặt nội khí quản – Chăm sóc bệnh nhân thở máy			
	TỔNG	**0**	**90**	**90**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

– Địa điểm thực tập: Sinh viên được chia thành nhóm nhỏ để thực tập tại các bệnh viện. Hàng ngày sinh viên được bố trí thực tập tại khoa Hồi sức – cấp cứu.

5.1. Đối với phần lý tuyết lâm sàng (tiền lâm sàng):

– Phần kỹ thuật lâm sàng hồi sức cấp cứu sinh viên sẽ được thực hành tại phòng tiền lâm sàng trước khi đi lâm sàng.

5.2. Thực tập lâm sàng

– Giảng viên: ứng dụng những bằng chứng mơi về chăm sóc người bệnh hồi sức cấp cứu để hướng dẫn sinh viên.

– Giảng viên sử dụng các phương pháp như giao ban, bình kế hoạch chăm sóc, giảng tại phòng bệnh để sinh viên học một cách trực quan nhất.

– Sinh viên tham gia tua trực cùng các giảng viên lâm sàng để tham gia chăm sóc người bệnh, thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh theo yêu cầu của giảng viên.

6. NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN

– Tham dự đầy đủ các hoạt động học tập được tổ chức tại lớp.

– Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần nếu không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 ở kỳ thi.

- Tôn trọng giảng viên, học tập nghiêm túc, chủ động và sáng tạo.
- Làm bài tập: Sinh viên được yêu cầu đọc hoặc làm bài tập trên lớp theo phân công mỗi tuần. Đặc biệt chú ý các bài báo cáo nhóm.
- Dụng cụ học tập: Các nhóm báo cáo cần chuẩn bị laptop để báo cáo. Đi học thực hành mang đồng phục thực hành
- Khác: Sinh viên in và mang theo các bài báo và tài liệu liên quan đến nội dung học tập mỗi tuần.

7. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ:

Theo quy chế đánh giá học phần của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột.

8. THANG ĐIỂM:

Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 (làm tròn đến một chữ số thập phân).

9. TÀI LIỆU HỌC TẬP

9.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Nguyễn Đạt Anh (2012), *Điều dưỡng hồi sức cấp cứu*, NXB Giáo dục Việt Nam.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1] Vũ Văn Đính (1999), *Hôn mê - Hồi sức cấp cứu,* NXB Y học Hà Nội.

[2] Bộ Y tế (2006), Vụ khoa học và đào tạo, *Chăm sóc người bệnh Nội khoa,* NXB Y học.

[3] Lê Văn An, Hoàng Văn Ngoạn (2008), *Điều dưỡng nội,* Tập 2, NXB Y học Hà Nội.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN MÔN HỌC

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI CAO TUỔI

Mã môn học: CNCS39

Số tín chỉ: 02 TC (01 lý thuyết, 01 thực hành)

Lý thuyết: 15 tiết

Thực hành : 0 tiết

Thực hành bệnh viện: 45 tiết

Tự học: 75 giờ

Môn học tiên quyết: CSSK người lớn bệnh Nội khoa

Môn học song hành: Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng

Đối tượng: CNĐDCQ năm thứ 4

Yêu cầu khác: Sinh viên chuẩn bị các kiến thức về các phần mềm Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint, kỹ năng làm việc nhóm.

Bộ môn giảng dạy/giảng viên:

- Th.S Nguyễn Thảo Trúc Chi

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Điều dưỡng người cao tuổi là trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: những thay đổi do tuổi tác và các vấn đề sức khỏe ở người cao tuổi; lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi; giao tiếp hiệu quả với người bệnh/ gia đình và các thành viên khác của nhóm chăm sóc.

3. CHUẨN ĐẦU RA:

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên điều dưỡng sẽ có năng lực để:

- Trình bày được các bệnh người cao tuổi hay mắc phải và khái quát được những thay đổi về tâm, sinh lý của người cao tuổi. (CĐR.1)
- Trình bày được những sự khác biệt giữa chăm sóc người cao tuổi và chăm sóc những đối tượng khác. (CĐR.1,5)

– Vận dụng các kiến thức đã học xây dựng kế hoạch chăm sóc, chế độ dinh dưỡng cho người cao tuổi. (CĐR.2,4,7)

4. NỘI DUNG MÔN HỌC:

TT	CHỦ ĐỀ/ BÀI HỌC	LT	TH	TỰ HỌC
I. LÝ THUYẾT				
1	**BÀI 1: Thay đổi chức năng do tuổi già và vai trò của người điều dưỡng** – Đại cương – Lập kế hoạch chăm sóc	2	0	4
2	**BÀI 2: Chăm sóc bệnh nhân sa sút trí tuệ** – Đại cương – Định nghĩa bệnh ALZHEIMER – Nguyên nhân của bệnh – Lập kế hoạch chăm sóc	2	0	4
3	**BÀI 3: Chăm sóc người bệnh thoái hóa khớp** – Đại cương – Định nghĩa bệnh thái hóa khớp – Nguyên nhân của bệnh – Lập kế hoạch chăm sóc	2	0	4
4	**BÀI 4: Chăm sóc người bệnh loãng xương tuổi già** – Đại cương – Định nghĩa bệnh loãng xương – Nguyên nhân của bệnh – Lập kế hoạch chăm sóc	2	0	4
5	**BÀI 5: Chăm sóc người bệnh cao tuổi nhiễm**	1	0	2

	trùng – Đại cương – Lập kế hoạch chăm sóc			
6	**BÀI 6: Chế độ dinh dưỡng người cao tuổi** – Đại cương – Yếu tố thuận lợi của bệnh suy dinh dưỡng tuổi già – Biểu hiện suy dinh dưỡng người cao tuổi – Các biện pháp nhằm cải thiện dinh dưỡng cho người cao tuổi	2	0	4
7	**BÀI 7: Tư vấn tăng cường sức khỏe cho người cao tuổi** – Đại cương – Các biện pháp cần thiết nhằm tăng tuổi thọ	1	0	2
8	**Bài 8: Phòng chống nguy cơ té ngã**	1	0	2
9	**Bài 9: Người cao tuổi của Việt nam trước những thách thức bệnh tật hiện tại và tương lai:** – Thực trạng về sức khỏe thể chất, tinh thần, xã hội của người cao tuổi ở Việt Nam. – Giải pháp tăng cường sức khỏe người cao tuổi: sân chơi người cao tuổi, hội người cao tuổi, các hoạt động người cao tuổi có thể tham gia.	2	0	4
	TỔNG	**15**	**0**	**30**

THỰC TẬP BỆNH VIỆN:

TT	TIÊU CHÍ	SỐ TIẾT
I. LÝ TUYẾT LÂM SÀNG (TIỀN LÂM SÀNG)		
1	Sự thay đổi chức năng sinh lý của người cao tuổi	2
2	Tâm lý giao tiếp với người bệnh, giáo dục sức khỏe cho người cao tuổi và gia đình	2
3	Nhu cầu dinh dưỡng người cao tuổi	2
4	Sử dụng thuốc trên người cao tuổi	2
5	Lập kế hoạch chăm sóc người cao tuổi	2
II. THỰC TẬP LÂM SÀNG		
	Thực hiện một số kỹ năng Điều Dưỡng Cơ Bản: – Quản lý buồng bệnh, tiếp đón bệnh nhân vào viện, theo dõi dấu hiệu sinh tồn, tiêm truyền, cho bệnh nhân thở oxy… – Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh sa sút trí tuệ dựa trên nhận định người bệnh – Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh loãng xương tuổi già dựa trên nhận định người bệnh – Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh cao tuổi nhiễm trùng dựa trên nhận định người bệnh – Thực hiện các can thiệp cho người bệnh. – Hướng dẫn người bệnh, gia đình người bệnh các phương pháp tự chăm sóc một cách phù hợp. – Đánh giá kết quả của quá trình chăm sóc và điều chỉnh kế hoạch chăm sóc dựa vào tình trạng sức khỏe người bệnh và kết quả mong đợi.	35

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên sử dụng các phương pháp chủ yếu sau:

5.1. Phần lý thuyết

- Thuyết giảng chủ động
- Thảo luận nhóm: lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân theo tình huống bệnh do giảng viên cung cấp
- Làm việc cá nhân: Tìm kiếm các bằng chứng mới về chăm sóc người bệnh người cao tuổi để đáp ứng nhu cầu chăm sóc
- Sinh viên được giới thiệu môn học, các yêu cầu cần thiết và được cung cấp tài liệu tham khảo và buổi định hướng môn học.

5.2. Phần Lý thuyết lâm sàng:

- Sinh viên sẽ được giảng viên lâm sàng hướng dẫn tại bệnh viện: quan sát, tham gia giao ban, học tại phòng tiền lâm sàng để sinh viên có kiến thức một cách trực quan nhất trước khi áp dụng vào thực tế.

5.3 Phần thực tập lâm sàng:

- Sinh viên được chia thành nhóm nhỏ để thực tập tại các bệnh viện. Hàng ngày sinh viên được bố trí thực tập tại khoa lão.
- Giảng viên: Tích cực ứng dụng những bằng chứng mới về chăm sóc người bệnh hồi sức cấp cứu để hướng dẫn sinh viên.
- Giảng viên sử dụng các phương pháp như giao ban, bình kế hoạch chăm sóc, giảng tại phòng bệnh để sinh viên học một cách trực quan nhất.
- Sinh viên tham gia tua trực cùng các giảng viên lâm sàng để tham gia chăm sóc người bệnh, thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh theo yêu cầu của giảng viên.

6. NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN

- Tham dự đầy đủ các hoạt động học tập được tổ chức tại lớp.
- Sinh viên bắt buộc phải có mặt trong lúc thuyết trình nhóm (trừ khi có lý do thật sự chính đáng), nếu không cũng tính như không hoàn thành phần lý thuyết.
- Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần nếu không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính và chỉ còn quyền dự thi một lần ở kỳ thi phụ (kỳ hè).
- Tôn trọng giảng viên, học tập nghiêm túc, chủ động và sáng tạo.

7. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ:

Theo quy chế đánh giá học phần của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột.

8. THANG ĐIỂM:

Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 (làm tròn đến một chữ số thập phân).

9. TÀI LIỆU HỌC TẬP

9.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Nguyễn Văn Trí (2013). *Bệnh học người cao tuổi tập 1,2*. NXB Y học.

[2] Lê Văn An (2008), *Điều dưỡng nội - Tập 1* NXB Y học Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Đồng Ngọc Đức (2005) *Giáo trình dinh dưỡng*. Sở giáo dục và đào tạo Hà Nội.

[2] Takeuchi Takahito (Nhật Bản), *Cẩm nang chăm sóc sức khỏe người cao tuổi*. Bản quyền cho Viện Sức khỏe Cộng đồng

[3] Trường Đại học Y dược TP.HCM (2009), *Giáo trình điều dưỡng Nội khoa*, Lưu hành nội bộ.

[4] Các bộ môn nội trường Đại học Y Hà Nội (2008), *Bài giảng Bệnh học Nội khoa*. NXB Y học.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN MÔN HỌC

Tên môn học: THỰC HÀNH CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN CÓ BỆNH NGOẠI KHOA

Mã môn học: CNCS41

Số tín chỉ: 03 TC (0 lý thuyết, 03 thực hành)

Lý thuyết: 0 tiết

Thực hành: 0 tiết

Thực hành bệnh viện: 135 tiết

Tự học: 135 giờ

Môn học tiên quyết: Lý thuyết chăm sóc người lớn có bệnh ngoại khoa.

Đối tượng: CNĐDCQ năm thứ 3

Yêu cầu khác: Sinh viên ôn tập lại các bài học lý thuyết của phần chăm sóc người bệnh ngoại khoa. Hướng dẫn các quy định của nơi thực tập cho sinh viên trước khi đi thực tập lâm sàng như trang phục, nội quy…

Bộ môn gảng dạy/giảng viên:

- Th.S Lê Thị Hoàng Anh
- CN. Ngô Thị Bích Nương

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Môn học này được xây dựng dựa trên kiến thức điều dưỡng đã học cho việc chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa. Môn học sẽ hoàn thiện các kỹ năng lâm sàng, nhận định và chăm sóc các bệnh ngoại khoa dựa trên chứng cứ, tình trạng lâm sàng và các nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người bệnh và gia đình của họ.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên điều dưỡng sẽ có năng lực để:

- Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa (CĐR.2,3,8,9,10,12,13)
- Thực hiện các kỹ năng chăm sóc người bệnh ngoại khoa và xây dựng quy trình điều dưỡng phù hợp trên lâm sàng. (CĐR.2,3,7,8,9,10)
- Trao đổi và hợp tác với các nhân viên y tế về quy trình chăm sóc người bệnh

ngoại khoa trên lâm sàng (CĐR.2,10)

– Lượng giá, báo cáo kết quả thực hiện quy trình chăm sóc (CĐR.2,8)

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

TT	CHỦ ĐỀ/ BÀI HỌC	LT	TH	TỰ HỌC
I. LÝ TUYẾT LÂM SÀNG (TIỀN LÂM SÀNG)				
1	Bài 1. Kỹ thuật chăm sóc vết thương có dẫn lưu, chăm sóc dẫn lưu màng phổi	0	4	4
2	Bài 2. Kỹ thuật chăm sóc có dẫn lưu màng não	0	2	2
3	Bài 3: Kỹ thuật chăm sóc hậu môn nhân tạo	0	2	2
4	Bài 4: Kỹ thuật khâu vết thương cơ bản	0	4	4
5	Bài 5. Kỹ thuật phụ giúp bác sĩ bó bột - kéo tạ	0	4	4
6	Bài 6. Kỹ thuật thay băng NKQ, MKQ	0	4	4
II. THỰC TẬP LÂM SÀNG				
	Thực hiện một số kỹ năng Điều Dưỡng Cơ Bản: – Quản lý buồng bệnh, tiếp đón bệnh nhân vào viện, theo dõi dấu hiệu sinh tồn, tiêm truyền, cho bệnh nhân thở oxy… – Thực hiện được việc chăm sóc người bệnh trước mổ và sau mổ – Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc ngoại khoa: thay băng vết thương vô khuẩn, cắt chỉ, vết thương có ống dẫn lưu, meché… – Nhận định, theo dõi và đánh giá tình trạng người bệnh tại khoa Ngoại. – Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân và thân nhân. – Thực hiện quy trình điều dưỡng ngoại khoa.	0	115	
TỔNG		**0**	**135**	**135**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

5.1. Lý tuyết lâm sàng (tiền lâm sàng)

– Sinh viên sẽ được thực hành tại phòng tiền lâm sàng trước khi đi lâm sàng.

5.2. Thực tập lâm sàng: Sinh viên được chia thành nhóm nhỏ để thực tập tại các bệnh viện. Hàng ngày sinh viên được bố trí thực tập tại khoa ngoại.

– Giảng viên: Tích cực ứng dụng những bằng chứng mơi về chăm sóc người bệnh hồi sức cấp cứu để hướng dẫn sinh viên.

– Giảng viên sử dụng các phương pháp như giao ban, bình kế hoạch chăm sóc, giảng tại phòng bệnh để sinh viên học một cách trực quan nhất.

– Sinh viên tham gia tua trực cùng các giảng viên lâm sàng để tham gia chăm sóc người bệnh, thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh theo yêu cầu của giảng viên.

6. NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN

– Tham dự đầy đủ các hoạt động học tập được tổ chức tại lớp.

– Sinh viên bắt buộc phải có mặt trong lúc thuyết trình nhóm (trừ khi có lý do thật sự chính đáng), nếu không cũng tính như không hoàn thành phần lý thuyết.

– Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần nếu không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 ở kỳ thi.

- Tôn trọng giảng viên, học tập nghiêm túc, chủ động và sáng tạo.

7. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ:

Theo quy chế đánh giá học phần của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột.

8. THANG ĐIỂM:

Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 (làm tròn đến một chữ số thập phân).

9. TÀI LIỆU HỌC TẬP

9.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Nguyễn Tấn Cường (2008), *Điều dưỡng ngoại I*, NXB Giáo Dục.

[2] Nguyễn Tấn Cường (2008), *Điều dưỡng ngoại II*, NXB Giáo Dục.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Trần Ngọc Tuấn (2007), *Điều dưỡng Ngoại khoa*, NXB Y học Hà Nội.

[2] Trường Đại học Y dược TP.HCM (2007), Bộ môn Ngoại, *Bệnh học Ngoại khoa*. NXB Y học Hà Nội.

[5] Văn Tần, Lê Văn Cường, Cao Văn Thịnh (2007), *Bài giảng Ngoại khoa đại cương,* NXB Y học Thành phố Hồ Chí Minh.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN MÔN HỌC:

Tên môn học: THỰC HÀNH CHĂM SÓC SỨC KHỎE PHỤ NỮ, BÀ MẸ, GIA ĐÌNH

Mã môn học: CNCS43

Số tín chỉ: 02 (0 lý thuyết, 02 thực hành)

Lý thuyết: 0 tiết

Thực hành: 0 tiết

Thực hành bệnh viện: 90 tiết

Tự học: 90 giờ

Môn học tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản

Môn học song hành:

Đối tượng: CNĐDCQ năm thứ 3

Yêu cầu khác: Sinh viên ôn lại phần lý thuyết trước khi đi lâm sàng, hướng dẫn các nội quy, quy định của nơi đi thực tập.

Bộ môn gảng dạy/giảng viên:

- BS.CKII Trần Thư
- CN. Phạm Thị Thanh

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Môn học được xây dựng dựa trên học phần Sức khoẻ phụ nữ, bà mẹ, gia đình, sinh viên sẽ được tham gia thực tế tại lâm sàng để kiến tập, thực hiện việc chăm sóc phụ nữ từ giai đoạn mang thai đến giai đoạn thai nhi chào đời. Môn học cũng cung cấp cho sinh viên cách tư vấn giáo dục sức khỏe cho phụ nữ, bà mẹ và gia đình(lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh).

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sau khi SV hoàn thành học phần thực hành lâm sàng này, sinh viên điều dưỡng sẽ có năng lực:

- Tư vấn khám thai định kỳ. (CĐR.7)
- Tham gia theo dõi cuộc chuyển dạ của sản phụ như: gắn máy Monitor sản khoa, nghe tim thai, thực hiện thuốc theo y lệnh …(CĐR.1,3)
- Chuẩn bị dụng cụ cho một cuộc sanh thường. (CĐR.3)
- Chăm sóc thiết yếu trẻ ngay sau sanh. (CĐR.3,5,9)
- Tham gia chăm sóc sản phụ sau sanh thường. (CĐR.3,5,9)
- Tắm bé và chăm sóc rốn bé tại khoa hậu sản. (CĐR.3,5,9)

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

4.1. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT:

TT	Nội dung	Số tiết
I. LÝ THUYẾT LÂM SÀNG (TIỀN LÂM SÀNG)		
1	Phụ giúp bác sĩ khám thai	1
2	Chăm sóc sản phụ trước, trong và sau sinh thường	1
3	Chăm sóc sản phụ trước và sau sinh mổ	1
4	Hướng dẫn bà mẹ cho con bú sữa mẹ đúng cách	1
5	Chăm sóc sản phụ trong thời kỳ sổ nhau	1
6	Chăm sóc sản phụ trong thời kỳ hậu sản	1
7	Chăm sóc sản phụ nhiễm trùng hậu sản	1
8	Kỹ thuật tắm sơ sinh và chăm sóc rốn sơ sinh	1
9	Kỹ thuật đỡ đẻ thường ngôi chỏm	2
10	Tư vấn giáo dục sức khỏe sinh sản cho phụ nữ	2
11	Tư vấn kế hoạch hóa gia đình	2
12	Lập kế hoạch chăm sóc cho sản phụ	1
II. THỰC TẬP LÂM SÀNG		
13	Thực tập lâm sàng tại bệnh viện	75
Tổng cộng		90

4.2. NỘI DUNG THỰC HÀNH BỆNH VIỆN:

STT	Nội dung thực hành	Chỉ tiêu thực hành
1	Tư vấn giáo dục sức khỏe sinh sản cho phụ nữ	5
2	Tư vấn kế hoạch hóa gia đình	5
3	Lập kế hoạch chăm sóc một số bệnh thường gặp trong sản khoa	5
4	Khám thai	5
5	Chăm sóc sản phụ trong thời kỳ chuyển dạ	2
6	Chăm sóc sản phụ trong đẻ ngôi chỏm	2
7	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	2 (kiến tập)
8	Chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau khi sanh	2
9	Chăm sóc sản phụ trước khi mổ lấy thai	2
10	Chăm sóc sản phụ sau khi mổ lấy thai	2
11	Chăm sóc thai phụ trong trường hợp đẻ khó	2
12	Chăm sóc sản phụ trong thời kỳ sổ nhau	2
13	Chăm sóc sản phụ trong thời kỳ hậu sản	2
14	Chăm sóc sản phụ nhiễm trùng hậu sản	1
15	Chăm sóc rốn sơ sinh, tắm, mặc áo và quấn tã cho trẻ sơ sinh	3
16	Chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng	3
17	Hướng dẫn bà mẹ cho con bú sữa mẹ đúng cách	3

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

- Địa điểm thực tập: Sinh viên được chia thành nhóm nhỏ để thực tập tại các bệnh viện. Hàng ngày sinh viên được bố trí thực tập tại khoa sản hoặc bệnh viện Phụ sản.
- Giảng viên: Giảng viên của trường, giảng viên thỉnh giảng của khoa lâm sàng: giám sát sinh viên ôn luyện thành thạo các năng lực và các kỹ thuật chăm sóc

đã học để hoàn thành mục tiêu đào tạo.

- Yêu cầu sinh viên làm kế hoạch chăm sóc cụ thể, bình kế hoạch chăm sóc
- Sinh viên tìm các bằng chứng mới về chăm sóc phụ nữ, bà mẹ và gia đình theo yêu cầu của giảng viên

6. NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN

- Tham dự đầy đủ các hoạt động học tập được tổ chức tại lớp.
- Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần nếu không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 ở kỳ thi.
- Tôn trọng giảng viên, học tập nghiêm túc, chủ động và sáng tạo.

7. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ:

Theo quy chế đánh giá học phần của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột.

8. THANG ĐIỂM:

Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 (làm tròn đến một chữ số thập phân).

9. TÀI LIỆU HỌC TẬP

9.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Cao Ngọc Thành (2007), *Điều dưỡng sản phụ khoa*, NXB Y học Hà Nội

[2] Bùi Thị Thu Hà (2009), *Sức khỏe sinh sản*, NXB Giáo dục Việt Nam.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1] Bùi Thị Thu Hà (2009), *Sức khỏe sinh sản*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[2] Lê Thanh Tùng (2008), *Điều dưỡng sản phụ khoa*, NXB Y học Hà Nội.

[3] Đồng Ngọc Đức (2005) *Giáo trình dinh dưỡng.* Sở giáo dục và đào tạo Hà Nội.

[4] Nguyễn Phiên (2006). *Chăm sóc sức khỏe phụ nữ.* NXB Y học

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN MÔN HỌC

Tên môn học: THỰC HÀNH CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ EM

Mã môn học: CNCS45

Số tín chỉ: 02 TC (0 lý thuyết, 02 thực hành)

Lý thuyết: 0 tiết

Thực hành: 0 tiết

Thực hành bệnh viện: 90 tiết

Tự học: 90 giờ

Môn học tiên quyết:

Môn học song hành:

Đối tượng học: CNĐDCQ năm thứ 3

Yêu cầu khác: Ôn tập các tài liệu của phần lý thuyết chăm sóc sức khỏe trẻ em. Hướng dẫn các quy định, nội quy nơi đi thực tập.

Bộ môn giảng dạy/giảng viên:

- Th.S Đoàn Thị Kim Thoa

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng cơ bản trên thực tế lâm sàng về nhận định tình trạng sức khỏe của trẻ; những kiến thức cơ bản về đặc điểm giải phẫu - sinh lý và sự phát triển cơ thể của trẻ; nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của một số bệnh thường gặp ở trẻ em; chế độ nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ em khỏe mạnh và trẻ em bị bệnh; các biện pháp chăm sóc dự phòng; kỹ năng lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc trẻ.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên điều dưỡng sẽ có năng lực để:

– Thực hiện được việc nhận định, xác định vấn đề cần chăm sóc trên bệnh nhi

(CĐR.1,7)

- Xây dựng quy trình chăm sóc trẻ dựa trên tiêu chuẩn tốt nhất, an toàn và hiệu quả. (CĐR.2,3,4,5,7,8,9)
- Thực hiện thành thạo chăm sóc các bệnh thông thường, bệnh cấp tính và dị tật bẩm sinh ở trẻ. (CĐR.3,6,)
- Phát triển chiến lược nâng cao sức khỏe của trẻ. (CĐR.2,8,10)

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

TT	CHỦ ĐỀ/ BÀI HỌC	SỐ TIẾT	TỰ HỌC
I. LÝ THUYẾT LÂM SÀNG (TIỀN LÂM SÀNG)			
1	Lập kế hoạch chăm sóc cho bệnh nhi	4	4
2	Đặc điểm kỹ thuật tiêm truyền cho bệnh nhi	3	3
3	Kỹ thuật đặt sonde dạ dày	2	2
4	Kỹ thuật hút đàm nhớt	1	1
5	Kỹ thuật bóp bóng thở	1	1
6	Kỹ thuật thở oxy qua mặt nạ (có túi khí và không có túi khí)	1	1
7	Bệnh nhi thở CPAP	3	3
II. THỰC HÀNH LÂM SÀNG			
	– Lập kế hoạch chăm sóc bảo đảm an toàn, thoải mái, hiệu quả cho bệnh nhi suy dinh dưỡng do thiếu protein năng lượng – Lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện các can thiệp cho bệnh nhi còi xương do thiếu vitamin D – điều dưỡng, bảo đảm an toàn, thoải mái, hiệu quả cho bệnh nhi có hội chứng co giật	**75**	**75**

	– cho trẻ sơ sinh non tháng – Lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện các can thiệp cho trẻ vàng da tăng bilirubin tự do – Lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện các can thiệp cho bệnh nhi sơ sinh có hội chứng nhiễm khuẩn – Lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện các can thiệp cho bệnh nhi hen phế quản – Lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện các can thiệp cho bệnh nhi nôn trớ, táo bón – Lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện các can thiệp cho bệnh nhi nhiễm khuẩn đường hô hấp – Lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện các can thiệp cho bệnh nhi mắc hội chứng thiếu máu – Lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện các can thiệp cho bệnh nhi tiêu chảy – Lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện các can thiệp cho bệnh nhi mắc hội chứng thận hư – Lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện các can thiệp cho bệnh nhi xuất huyết giảm tiểu cầu – Hướng dẫn gia đình người bệnh nhi các phương pháp chăm sóc một cách phù hợp. Đánh giá kết quả của quá trình chăm sóc và điều chỉnh kế hoạch chăm sóc dựa vào tình trạng sức khỏe người bệnh và kết quả mong đợi.		
Tổng cộng		**75**	75

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

5.1. Lý tuyết lâm sàng (tiền lâm sàng)

- Sinh viên sẽ được thực hành tại phòng tiền lâm sàng trước khi đi lâm sàng.

5.2. Thực tập lâm sàng: Sinh viên được chia thành nhóm nhỏ để thực tập tại các bệnh viện. Hàng ngày sinh viên được bố trí thực tập tại khoa ngoại.

- Giảng viên: Tích cực ứng dụng những bằng chứng mơi về chăm sóc sức khỏe trẻ em để hướng dẫn sinh viên.
- Giảng viên sử dụng các phương pháp như giao ban, bình kế hoạch chăm sóc, giảng tại phòng bệnh để sinh viên học một cách trực quan nhất.
- Sinh viên tham gia tua trực cùng các giảng viên lâm sàng để tham gia chăm sóc người bệnh, thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh theo yêu cầu của giảng viên.
- Giao ban

6. NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN

- Tham dự đầy đủ các hoạt động học tập được tổ chức tại lớp.
- SV bắt buộc phải có mặt trong lúc thuyết trình nhóm (trừ khi có lý do thật sự chính đáng), nếu không cũng tính như không hoàn thành phần lý thuyết.
- Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần nếu không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 ở kỳ thi.
- Tôn trọng giảng viên, học tập nghiêm túc, chủ động và sáng tạo.

7. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ:

Theo quy chế đánh giá học phần của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột.

8. THANG ĐIÉM:

Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá quá trình và điểm thi

kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10, sau đó chuyển thành điểm chữ.

9. TÀI LIỆU HỌC TẬP

9.1. Tài liêu bắt buộc:

[1] Đinh Ngọc Đệ. (2010). *Chăm sóc sức khỏe trẻ em.* NXB GDVN

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Lê Nam Trà (2006). *Bài giảng nhi khoa tập 2.* ĐH Y Hà Nội, NXB Y Học

[3] Vũ Minh Phúc (2011). *Thực hành lâm sàng chuyên khoa nhi.* ĐH Y Dược TPHCM, NXB Y Học

[4] Nguyễn Gia Khánh (2009) *Bài giảng nhi khoa tập 1.* ĐH Y Hà Nội, NXB Y Học

[5] Nguyễn Gia Khánh (2009) *Bài giảng nhi khoa tập 2.* ĐH Y Hà Nội, NXB Y Học

[6] Trần Quỵ (2006). *Điều dưỡng nhi khoa.* Y Học.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN MÔN HỌC:

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI BỆNH TRUYỀN NHIỄM

Mã môn học: CNCS46

Số tín chỉ: 03 TC (02 lý thuyết, 01 thực hành)

Lý thuyết: 30 tiết

Thực hành bệnh viện: 45 tiết

Tự học: 105 giờ

Điều kiện tiên quyết:

Đối tượng: CNĐDCQ năm thứ 03

Yêu cầu khác: Sinh viên chuẩn bị cho các bài báo cáo nhóm. Hướng dẫn các quy định về trang phục, nội quy của nơi đi thực hành.

Bộ môn gảng dạy/giảng viên:

- Th.S Huỳnh Quốc Xi

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Môn học này nhằm cung cấp kiến thức về bệnh truyền nhiễm, quy trình chăm sóc, đồng thời giúp sinh viên biết cách giáo dục sức khoẻ, phòng ngừa bệnh truyền nhiễm cho bệnh nhân, thân nhân bệnh nhân và cộng cồng. Ngoài ra, môn học giúp cho sinh viên nhận định tình hình dịch bệnh tại cộng đồng và tham gia vào công tác phòng chống các dịch bệnh tại cộng đồng.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên điều dưỡng sẽ có năng lực để:

- Nhận biết được các dấu hiệu lâm sàng, cận lâm sàng của người mắc bệnh truyền nhiễm. (CĐR.1)
- Lập được kế hoạch chăm sóc người mắc bệnh truyền nhiễm: đưa ra những chẩn đoán điều dưỡng, can thiệp điều dưỡng phù hợp với tình trạng hiện tại của người bệnh. (CĐR.2,3)

- Cập nhật được các kiến thức mới nhất về tình hình các bệnh truyền nhiễm trên thế giới và tại Việt Nam để ứng dụng vào trong chăm sóc người bệnh. (CĐR.13)
- Hướng dẫn cách phòng ngừa bệnh truyền nhiễm cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng cồng. (CĐR.7)

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

4.1. Phần lý thuyết:

TT	CHỦ ĐỀ/ BÀI HỌC	LT	TH	TỰ HỌC
Chương 1: Đại cương				
1	Đại cương bệnh truyền nhiễm	2	0	4
2	Nguyên tắc trong chăm sóc, điều trị bệnh truyền nhiễm	1	0	2
3	Hội chứng sốt chưa rõ nguyên nhân	1	0	2
Chương 2: Các bệnh truyền nhiễm lây theo đường tiêu hóa				
2	Chăm sóc người bệnh thương hàn	1	0	4
3	Chăm sóc người bệnh mắc bệnh tả	1	0	4
4	Chăm sóc người bệnh lỵ	1	0	4
5	Chăm sóc người bệnh tiêu chảy cấp	1	0	2
Chương 3: Các bệnh truyền nhiễm lây theo đường hô hấp				
5	Chăm sóc người bệnh viêm màng não mủ	2	0	4
6	Chăm sóc người bệnh quai bị	2	0	4
7	Chăm sóc người bệnh sởi	2	0	4
8	Chăm sóc người bệnh bạch hầu	1	0	4

9	Chăm sóc người bệnh cúm	1	0	4
10	Chăm sóc người bệnh thủy đậu	1	0	4
11	Chăm sóc người bệnh Lao	2	0	4
Chương 4: Các bệnh truyền nhiễm lây theo đường máu				
12	Chăm sóc người bệnh nhiễm HIV/AIDS	2	0	6
13	Chăm sóc người bệnh viêm gan vi rút	2	0	4
14	Chăm sóc người bệnh sốt xuất huyết Dengue	2	0	6
15	Chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn huyết và shock nhiễm khuẩn	2	0	4
Chương 5: Các bệnh truyền nhiễm lây theo đường da – niêm mạc				
16	Chăm sóc người bệnh uốn ván	1	0	4
17	Các bệnh viêm da	1	0	2
18	Chăm sóc người bị bệnh dại	1	0	2
	TỔNG	**30**	**0**	**60**

4.2. Phần thực hành bệnh viện:

TT	CHỦ ĐỀ/ BÀI HỌC	LT	THBV	TỰ HỌC
Lý thuyết lâm sàng (tiền lâm sàng)				
1	Phòng ngừa, cách ly các bệnh truyền nhiễm	0	2	2
2	Chăm sóc người bệnh sốt chưa rõ nguyên nhân	0	1	1
3	Hướng dẫn cách làm Kế hoạch chăm sóc (KHCS) người bệnh mắc bệnh truyền nhiễm	0	2	2
Thực tập lâm sàng				

	– Chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh tả – Chăm sóc bệnh nhân lỵ – Chăm sóc bệnh nhân viêm màng não mủ – Chăm sóc bệnh nhân nhiễm HIV – Chăm sóc bệnh nhân viêm gan siêu vi – Chăm sóc bệnh nhân sốt xuất huyết – Chăm sóc bệnh nhân uốn ván – Chăm sóc bệnh nhân bạch hầu – Chăm sóc bệnh nhân sởi – Chăm sóc bệnh nhân thuỷ đậu – Chăm sóc bệnh nhân quai bị	0	40	40
	TỔNG	**0**	**45**	**45**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

5.1. Giảng dạy lý thuyết: Trong quá trình giảng dạy, giảng viên sử dụng các phương pháp chủ yếu sau:

– Thuyết giảng chủ động

– Sinh viên được cung cấp tài liệu, tự đọc theo trình tự các nội dung trong bài học. Phần nào chưa rõ, hoặc có thắc mắc trình bày với giáo viên để được giải đáp.

– Sinh viên chia nhóm thuyết trình các chủ đề "Chăm sóc người bệnh : sởi, cúm, viêm gan vi rút" theo sự phân công của giảng viên. Mỗi nhóm sẽ nộp bài Power point báo cáo cho GV. Báo cáo về chủ đề được phân công trên lớp. Giảng viên đánh giá phần trình bày của nhóm dựa trên tiêu chí: Sự chuẩn bị, Nội dung, Cách trình bày.

Hỗ trợ học tập: Máy chiếu, laptop, bảng, loa để bàn, microphone, bút trình chiếu.

5.2. Giảng dạy thực hành bệnh viện

- Địa điểm thực tập: Sinh viên được chia thành nhóm nhỏ để thực tập tại bệnh viện. Hàng ngày sinh viên được bố trí thực tập tại khoa Nhiễm, phân chia theo buồng bệnh.
- Bài giảng lý thuyết lâm sàng: Giảng viên lâm sàng thực hiện thông qua các phương pháp giảng bên giường bệnh, giao ban, bình kế hoạch chăm sóc
- Thực tập lâm sàng: Sinh viên tham gia tua trực cùng giảng viên lâm sàng để thực hiện việc chăm sóc người bệnh.
- Giảng viên: Giảng viên của trường, giảng viên thỉnh giảng của khoa lâm sàng:
  - Giám sát sinh viên, thành thạo các kỹ thuật chăm sóc.
  - Hướng dẫn sinh viên cách thăm khám điều dưỡng trên lâm sàng, phân tích kết quả cận lâm sàng.
  - Bình Kế hoạch chăm sóc, đánh giá các can thiệp điều dưỡng và sửa lỗi cho sinh viên.
- Giảng viên chủ động xây dựng các kế hoạch chăm sóc cho những bệnh hiện tại có tại khoa dựa trên tình hình dịch bệnh thực tế, có thể nằm ngoài kế hoạch đưa ra để sinh viên được học một cách thực tế hơn.

6. NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN

- Tham khảo tài liệu trước buổi học.
- Tham dự đầy đủ các buổi thực tập lâm sàng tại bệnh viện, thực hiện đúng và đầy đủ các quy trình, kỹ thuật đã được học.
- Sinh viên làm Kế hoạch chăm sóc theo yêu cầu của giảng viên. Thực hiện chính xác các can thiệp điều dưỡng khi có sự giám sát của giảng viên hoặc NVYT.
- Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần (nếu không có lý do chính đáng) thì phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính và chỉ còn quyền dự thi một lần ở kỳ thi phụ (kỳ hè).

– Tôn trọng giảng viên, học tập nghiêm túc, chủ động và sáng tạo, chấp hành các quy định đã đề ra về lâm sàng bệnh viện.

7. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ:

Theo quy chế đánh giá học phần của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột.

8. THANG ĐIỂM:

Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 (làm tròn đến một chữ số thập phân).

9. TÀI LIỆU HỌC TẬP

9.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Bộ Y tế, Vụ Khoa học và Đào Tạo (2008), *Điều dưỡng truyền nhiễm, thần kinh, tâm thần*, NXB Y học.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1] Dương Đình Thiện (2010), *Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm*, NXB Y học , Hà Nội.

[2] Bùi Đại, *Bệnh học truyền nhiễm* (2010), NXB Y học, Hà Nội.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN MÔN HỌC

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE TÂM THẦN

Mã môn học: CNCS47

Số tín chỉ: 03 TC (02 lý thuyết + 01 thực hành)

Lý thuyết: 30 tiết

Thực hành bệnh viện: 45 tiết

Tự học: 105 giờ

Điều kiện tiên quyết:

Đối tượng: CNĐDCQ năm thứ 03

Bộ môn gảng dạy/giảng viên:

- Th.S Huỳnh Quốc Xi

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: nguyên nhân triệu chứng, biến chứng của các bệnh tâm thần; lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh tâm thần; thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh tâm thần; tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên điều dưỡng sẽ có năng lực để:

- Trình bày được các triệu chứng lâm sàng của một số bệnh rối loạn tâm thần. (CĐR.1)
- Lập được kế hoạch chăm sóc người mắc bệnh tâm thần: đưa ra những chẩn đoán, can thiệp điều dưỡng phù hợp với tình trạng hiện tại của người bệnh. (CĐR.2,3)
- Áp dụng can thiệp chính xác với từng chẩn đoán điều dưỡng đưa ra. (CĐR.2)
- Tư vấn cho người bệnh, người nhà người bệnh và cộng cồng. (CĐR.7)

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

4.1. Phần lý thuyết:

TT	CHỦ ĐỀ/ BÀI HỌC	LT	THBV	TỰ HỌC
Chương 1: Đại cương về tâm thần				
1	**Bài 1:** Khái niệm chung về bệnh tâm thần	1	0	2
2	**Bài 2:** Theo dõi - chăm sóc các trường hợp cấp cứu tâm thần	2	0	4
3	**Bài 3:** Phụ giúp bác sĩ khám và làm liệu pháp điều trị bệnh tâm thần	2	0	4
4	**Bài 4:** Nguyên tắc dùng thuốc cho bệnh nhân tâm thần	1	0	2
Chương 2: Các loạn thần thực tổn				
5	**Bài 5:** Chăm sóc người bệnh Alzheimer	2	0	4
6	**Bài 6:** Chăm sóc người bệnh hysteria	2	0	4
Chương 3: Các loạn thần nội sinh				
7	**Bài 7:** Chăm sóc người bệnh động kinh	3	0	6
8	**Bài 8:** Chăm sóc người bệnh tâm thần phân liệt	2	0	4
Chương 4: Các rối loạn tâm thần liên quan đến stress				
9	**Bài 9:** Chăm sóc người bệnh rối loạn tâm thần liên quan đến stress	3	0	6
10	**Bài 10:** Chăm sóc người bệnh trầm cảm	2	0	4
Chương 5: Lạm dụng và nghiện chất				

11	**Bài 12:** Chăm sóc người bệnh nghiện rượu	2	0	4
12	**Bài 13:** Chăm sóc người bệnh nghiện ma túy	2	0	4
13	**Bài 13:** Chăm sóc người bệnh nghiện game	2	0	4
Chương 6: Tâm thần học cộng đồng				
14	**Bài 14:** Chăm sóc người bệnh tâm thần tại cộng đồng	2	0	4
15	**Bài 15:** Quản lý theo dõi người bệnh tâm thần	1	0	2
16	**Bài 16:** Vệ sinh - phòng bệnh tâm thần	1	0	2
	TỔNG	**30**	**0**	**60**

4.2. Phần thực hành bệnh viện:

TT	CHỦ ĐỀ/ BÀI HỌC	LT	THBV	TỰ HỌC
1	Hướng dẫn cách tiếp cận, khai thác triệu chứng lâm sàng người bệnh mắc bệnh tâm thần	0	5	5
2	Hướng dẫn cách làm Kế hoạch chăm sóc (KHCS) người bệnh mắc bệnh tâm thần	0	5	5
3	Nhận định tình trạng người bệnh trầm cảm Lập KHCS và thực hành can thiệp điều dưỡng (CTĐD) người bệnh trầm cảm	0	5	5
4	Theo dõi các CTĐD, bình KHCS bệnh trầm cảm	0	5	5
5	Nhận định tình trạng người bệnh tâm thần phân liệt Lập KHCS và thực hành CTĐD người bệnh tâm thần phân liệt	0	5	5
6	Theo dõi các CTĐD, bình KHCS người bệnh tâm thần phân liệt	0	5	5

7	Nhận định tình trạng người nghiện rượu Lập KHCS và thực hành CTĐD người nghiện rượu	0	5	5
8	Theo dõi các CTĐD, bình KHCS người nghiện rượu	0	5	5
9	Tổ chức tư vấn cho người bệnh và người nhà người bệnh rối loạn tâm thần liên quan đến stress	0	5	5
	TỔNG	**0**	**45**	**45**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

5.1. Giảng dạy lý thuyết: Trong quá trình giảng dạy, giảng viên sử dụng các phương pháp chủ yếu sau:

- Thuyết giảng chủ động: sinh viên tự tìm hiểu các vấn đề tâm lý đã gặp ở bản than cũng như môi trường xung quanh, đưa ra các biểu hiện cơ bản, giúp quá trình giảng dạy thuận lợi hơn.
- Sinh viên được cung cấp tài liệu, tự đọc theo trình tự các nội dung trong bài học. Phần nào chưa rõ, hoặc có thắc mắc trình bày với giáo viên để được giải đáp.
- Sinh viên đóng kịch trong chủ đề: "Chăm sóc người bệnh tâm thần tại cộng đồng, Quản lý theo dõi người bệnh tâm thần" giả lập các tình huống người bệnh tâm thần và cách xử trí của nhân viên y tế.

Hỗ trợ học tập: Máy chiếu, laptop, bảng, loa để bàn, microphone, bút trình chiếu.

5.2. Giảng dạy thực hành bệnh viện

- Địa điểm thực tập: Sinh viên được chia thành nhóm nhỏ để thực tập tại bệnh viện. Hàng ngày sinh viên được bố trí thực tập tại bệnh viện Tâm thần tỉnh Đắk Lắk, phân chia theo khoa (khoa Nam, khoa Nữ, khoa Động kinh và nghiện chất).
- Giảng viên: Giảng viên của trường, giảng viên thỉnh giảng của khoa lâm sàng:
  - Giám sát sinh viên, thành thạo các kỹ thuật chăm sóc.

- Hướng dẫn sinh viên cách thăm khám trên lâm sàng (cần chú trọng vào hỏi bệnh: kỹ thuật phỏng vấn bình thường, giả định triệu chứng, kỹ thuật chuyển tiếp vấn đề).
- Hướng dẫn các phương pháp tư vấn dành cho sinh viên.
- Bình Kế hoạch chăm sóc, đánh giá các can thiệp điều dưỡng và sửa lỗi cho sinh viên.

6. NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN

- Tham khảo tài liệu trước buổi học.
- Tham dự đầy đủ các buổi thực tập lâm sang tại bệnh viện, thực hiện đúng và đầy đủ các quy trình, kỹ thuật đã được học.
- Sinh viên làm Kế hoạch chăm sóc theo yêu cầu của giảng viên. Thực hiện chính xác các can thiệp điều dưỡng khi có sự giám sát của giảng viên hoặc NVYT.
- Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần (nếu không có lý do chính đáng) thì phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính và chỉ còn quyền dự thi một lần ở kỳ thi phụ (kỳ hè).
- Tôn trọng giảng viên, học tập nghiêm túc, chủ động và sáng tạo, chấp hành các quy định đã đề ra về lâm sàng bệnh viện.

7. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ:

Theo quy chế đánh giá học phần của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột.

8. THANG ĐIỂM:

Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 (làm tròn đến một chữ số thập phân).

9. TÀI LIỆU HỌC TẬP

9.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Bộ Y tế, Vụ Khoa học và Đào Tạo (2008), *Điều dưỡng truyền nhiễm, thần kinh, tâm thần*, NXB Y học.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Y tế (2007), *Tài liệu hướng dẫn chuẩn đoán, chăm sóc và quản lý người bệnh tâm thần tại cộng động*, NXB Lao Động.

[2] Bộ Y tế (2007), *Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội (phần thần kinh, tâm thần)*, NXB Y học

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN MÔN HỌC

Tên môn học: CHĂM SÓC CHO NGƯỜI CẦN ĐƯỢC PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Mã môn học: CNCS48

Số tín chỉ: 02 TC (01 lý thuyết, 01 thực hành)

Lý thuyết: 15 tiết

Thực hành bệnh viện: 45 tiết

Tự học: 75 giờ

Môn học tiên quyết: CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa, CSSK người lớn có bệnh Nội khoa.

Môn học song hành: Chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi

Đối tượng học: CNĐDCQ năm học thứ 4

Yêu cầu khác: Sinh viên đọc tài liệu trước do giảng viên cung cấp. Chuẩn bị trang thiết bị liên quan đến môn học tại phòng tiền lâm sàng phục hồi chức năng. Hướng dẫn các quy định cho sinh viên trước khi đi thực hành lâm sàng.

Bộ môn gảng dạy/giảng viên:

- Th.S Nguyễn Thảo Trúc Chi

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng là một môn học bắt buộc, thuộc về nhóm Kiến thức ngành. Môn học này được xây dựng nhằm giới thiệu cho người học quá trình phục hồi chức năng cho khiếm khuyết/ giảm khả năng từ trẻ sơ sinh cho đến người lớn tuổi, những người gánh chịu hậu quả từ các bệnh bẩm sinh, nguyên phát hoặc thứ phát; dẫn đến giảm chất lượng cuộc sống, trì trệ, tàn tật..

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên điều dưỡng sẽ có năng lực để:

– Mô tả quá trình giảm khả năng/ tàn tật. (CĐR.1)

- Trình bày được quá trình phục hồi chức năng ở các dạng bệnh cụ thể. (CĐR.1)
- Áp dụng kiến thức vận động trị liệu để ngăn ngừa biến chứng bất động. (CĐR.3)
- Áp dụng được những kiến thức cơ bản vào công tác chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho cộng đồng. (CĐR.2,3,7)

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

4.1. Lý Thuyết

TT	CHỦ ĐỀ/ BÀI HỌC	LT	TH	TỰ HỌC
1	**BÀI 1:** phục hồi chức năng – một số phương pháp vật lý trị liệu & các kỹ thuật lượng giá trong vật lý trị liệu 1. Khái niệm về phục hồi chức năng– vật lý trị liệu. 2. Các kỹ thuật lượng giá trong vật lý trị liệu. 3. Một số phương pháp vật lý trị liệu phục hồi chức năng.	2	0	4
2	**BÀI 2**: Vai trò cùa người điều dưỡng trong phục hồi chức năng	1	0	2
3	**BÀI 3:** Quá trình tàn tật và các biện pháp phòng ngừa 1. Khái niệm về tàn tật 2. Phân loại tàn tật 3. Nguyên nhân tàn tật 4. Các biện pháp phòng ngừa	1	0	2
4	**BÀI 4:** Phục hồi chức năng cho người có bệnh	3		6

	tổn thương thần kinh tru 1. Phục hồi chức năng cho bệnh nhân tổn thương tủy sống 2. Vật lý trị liệu cho người liệt nửa người do tai biến mạch máu não ở giai đoạn đầu. 3. Phục hồi chức năng bại não 4. Phục hồi chức năng cho người tai biến mạch máu não			
5	**BÀI 5:** Phục hồi chức năng cho người bệnh gãy xương 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Nguyên nhân 4. Triệu chứng 5. Tiến triển gãy xương 6. Biến chứng 7. VLTL/PHCN giai đoạn bất động	2		4
6	**BÀI 6:** Phục hồi chức năng cho người bệnh tổn thương hệ hô hấp.	2		4
7	**Bài 7:** Sử dụng trang thiết bị trong phục hồi chức năng – vật lý trị liệu 1. Giới thiệu các loại trang thiết bị. 2. Công dụng và cách sử dụng. 3. Lựa chọn cách đi nạng. 4. Cách sử dụng xe lăn.	3		6
8	**Bài 8:** Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	1		2

	TỔNG	**15**	**0**	**30**

4.2. Thực hành

TT	CHỦ ĐỀ/ BÀI HỌC	LT	TH	TỰ HỌC
Lý thuyết lâm sàng				
1	**Bài 1:** Nhận định, phân loại, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh cần phục hồi chức	0	2	2
2	**BÀI 2**: Sử dụng trang thiết bị trong phục hồi chức năng – vật lý trị liệu	0	4	4
3	**Bài 3:** Các kỹ thuật phục hồi chức năng không sử dụng trang bị hỗ trợ	0	4	4
Thực tập lâm sàng				
4	- Thực hiện một số kỹ năng Điều Dưỡng Cơ Bản: Quản lý buồng bệnh, tiếp đón bệnh nhân vào viện, theo dõi dấu hiệu sinh tồn, tiêm truyền… Lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện chăm sóc cho người bệnh Phục hồi chức năng cho người bệnh gãy xương Phục hồi chức năng cho bệnh nhân tổn thương tủy sống Vật lý trị liệu cho người liệt nửa người do tai biến mạch máu não ở giai đoạn đầu. Phục hồi chức năng bại não Phục hồi chức năng cho người tai biến mạch máu não.	0	35	35

	Phục hồi chức năng cho người bệnh tàn tật Phục hồi chức năng cho người bệnh tổn thương hệ hô hấp.			
	TỔNG	**0**	**45**	**90**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

5.1. Giảng dạy lý thuyết: Trong quá trình giảng dạy, giảng viên sử dụng các phương pháp chủ yếu sau:

- Thuyết giảng chủ động
- Động não
- Thảo luận nhóm
- Làm việc nhóm
- Sử dụng phim tư liệu.

5.2. Giảng dạy thực hành:

- Địa điểm thực tập: Sinh viên được chia thành nhóm nhỏ để thực tập tại các bệnh viện. Hàng ngày sinh viên được bố trí thực tập tại khoa Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng.
- Lý thuyết lâm sàng: Sinh viên được học các kỹ thuật phục hồi chức năng, sử dụng trang thiết bị phục hồi chức năng tại phòng tiền lâm sàng phục hồi chức năng.
- Thực tập lâm sàng: Sinh viên được chia vào theo các tua trực cùng giảng viên lâm sàng. Nhận định, đánh giá, đưa ra kế hoạch phục hồi chức năng cho người bệnh theo yêu cầu của giảng viên.
- Bình kế hoạch chăm sóc.
- Giao ban tua trực.

6. NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN

- Tham dự đầy đủ các hoạt động học tập được tổ chức tại lớp.
- Sinh viên bắt buộc phải có mặt trong lúc thuyết trình nhóm (trừ khi có lý do thật sự chính đáng), nếu không cũng tính như không hoàn thành phần lý thuyết.
- Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần nếu không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 ở kỳ thi.
- Tôn trọng giảng viên, học tập nghiêm túc, chủ động và sáng tạo.

7. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ:

Theo quy chế đánh giá học phần của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột.

8. THANG ĐIỂM:

Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 (làm tròn đến một chữ số thập phân).

9. TÀI LIỆU HỌC TẬP

9.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Cao Minh Châu (2011), *Phục Hồi Chức Năng (sách đào tạo CNĐD)*, NXB Y học, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Hội Y học Việt Nam (1999), *Phục hồi chức năng*, NXB Y học, Hà Nội.

[2] Bộ Y Tế (1995), *Bệnh học và chăm sóc Ngoại khoa*, NXB Y học, Hà Nội.

[3] Cao Minh Châu (2009), *Phục hồi chức năng*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[4] Trần Trọng Hải (2010), *Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[5] Hội Y học Việt Nam (1999), *Phục hồi chức năng*, NXB Y học, Hà Nội.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN MÔN HỌC

Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG PHÒNG MỔ

Mã môn học: TCDD51

Số tín chỉ: 03 TC (01 lý thuyết, 02 thực hành)

Lý thuyết: 15 tiết

Tự học: 30 tiết

Thực hành bệnh viện: 90 tiết

Môn học tiên quyết: Chăm sóc người lớn có bệnh ngoại khoa

Đối tượng học: CNĐDCQ năm học thứ 4

Bộ môn gảng dạy/giảng viên:

- Th.S Nguyễn Văn Khởi
- CN. Bùi Đức Cường

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức về đặc điểm của phòng mổ, cách sử dụng, sắp xếp trang thiết bị phòng mổ. Môn học này cũng cung cấp cho sinh viên một cách cụ thể nhất về quy trình phẫu thuật diễn ra trong phòng mổ, giúp định hướng cho sinh viên có thể trở thành các điều dưỡng làm tại phòng mổ.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên Điều dưỡng sẽ có năng lực để:

- Xác định được vai trò và trách nhiệm của điều dưỡng trong phòng mổ. (CĐR.7,8,10)
- Quản lý, sử dụng trang thiết bị trong phòng mổ, đảm bảo vô khuẩn trong phòng mổ. (CĐR.9)
- Áp dụng được các phương pháp và kỹ năng đánh giá, theo dõi phù hợp với bệnh nhân trong phòng mổ, đảm bảo an toàn người bệnh. (CĐR.3,4)
- Phát triển được kế hoạch chăm sóc điều dưỡng dựa trên các bằng chứng tin cậy,

các nguyên tắc an toàn và sự lựa chọn của người bệnh. (CĐR.2,4,7,13)

- Phối hợp được với các thành viên nhóm chăm sóc để điều phối và thực hiện cuộc mổ và chăm sóc sau mổ cho người bệnh. (CĐR.8,10)
- Đề xuất được các chương trình GDSK và kế hoạch chăm sóc cho người bệnh sau mổ. (CĐR.7)

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

4.1. Phần lý thuyết:

STT	Chủ đề/ bài học	LT	TH	TỰ HỌC
1	**Bài 1:** Đặc điểm, cấu tạo, dụng cụ, trang thiết bị trong phòng mổ. Các vấn đề vô khuẩn trong phòng mổ.	4	0	8
2	**Bài 2:** Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân gây tê, gây mê.	2	0	4
3	**Bài 3:** Chuẩn bị dụng cụ, chuẩn bị bệnh nhân phẫu thuật	3	0	6
4	**Bài 4:** Các phương pháp phẫu thuật.	2	0	4
5	**Bài 5:** Vai trò của điều dưỡng trong cuộc mổ	2	0	4
6	**Bài 6:** Theo dõi bệnh nhân sau phẫu thuật	2	0	4
Tổng cộng		**15**	**0**	**30**

4.2. Phần thực hành bệnh viện

STT	CHỦ ĐỀ/ BÀI HỌC	LT	TH	TỰ HỌC
Lý thuyết lâm sàng				
1	**Bài 1.** Chuẩn bị bệnh nhân trước mổ	0	4	8
2	**Bài 2.** Chuẩn bị dụng cụ cho một cuộc mổ	0	4	8
3	**Bài 3:** Phụ giúp bác sĩ trong một cuộc mổ:	0	12	24

	– Chấn thương thương chỉnh hình – Tiêu hóa – Thần kinh – Tim mạch Tai mũi họng			
Thực hành lâm sàng				
	– Thực hiện một số kỹ năng Điều Dưỡng Cơ Bản: Quản lý buồng bệnh, tiếp đón bệnh nhân vào viện, theo dõi dấu hiệu sinh tồn, tiêm truyền… – Lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện chăm sóc cho người bệnh – Chuẩn bị người bệnh trước mổ, an toàn về thông tin người bệnh. – Chuẩn bị dụng cụ mổ. – Tham gia cuộc mổ, phụ giúp điều dưỡng phòng mổ: • Chấn thương thương chỉnh hình • Tiêu hóa • Thần kinh • Tim mạch • Tai mũi họng – Xử lý dụng cụ, phòng mổ sau ca mổ. – Chăm sóc người bệnh sau mổ	0	70	70
	TỔNG	0	**90**	**90**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

5.1. Giảng dạy lý thuyết: Trong quá trình học, giảng viên sử dụng các phương pháp chủ yếu sau:

- Thuyết giảng chủ động
- Tổ chức học tập theo nhóm
- Hỏi - đáp
- Phương tiện hỗ trợ: Tài liệu giảng dạy, laptop, máy chiếu, video, phấn, bảng, giấy AO, bút màu, loa để bàn, microphone ...

5.2. Giảng dạy thực hành:

- Địa điểm thực tập: Sinh viên được chia thành nhóm nhỏ để thực tập tại các bệnh viện. Hàng ngày sinh viên được bố trí thực tập tại phòng mổ.
- Lý thuyết lâm sàng: Sinh viên sẽ được học, thực hành trên mô hình giả định tại trung tâm tiền lâm sàng, bệnh viện.
- Thực tập lâm sàng
  - Giảng viên: Giảng viên của trường, giảng viên thỉnh giảng của khoa lâm sàng: Sinh viên tham gia các cuộc mổ và chăm sóc người bệnh tại phòng hồi sức hậu phẫu với tư cách người phụ giúp cho điều dưỡng phòng mổ và điều dưỡng phòng hồi sức sau mổ dưới sự giám sát của giảng viên lâm sàng.
  - Sinh viên đưa ra các nhận định, đánh giá quy trình chăm sóc người bệnh từ lúc chuẩn bị mổ tới lúc về lại khoa ngoại trên bài kế hoạch chăm sóc để so sánh với nhận định, quy trình chăm sóc của giảng viên lâm sàng và nhân viên y tế (Đảm bảo an toàn cho người bệnh).

6. NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN

- Tham dự lớp: Sinh viên được khuyến khích tham dự đầy đủ các buổi lý thuyết và thực hành với tổng số buổi tham dự phải đạt từ 80% trở lên. Các buổi học lý thuyết: Nếu sinh viên vắng mặt sẽ nhận điểm 0 cho bài báo cáo thuyết trình

trước lớp (nếu không có lý do chính đáng) mặc dù có tham gia đóng góp cho bài của nhóm trước buổi báo cáo. Các buổi học thực hành: Nếu sinh viên vắng mặt sẽ nhận điểm 0 cho bài kiểm tra cuối buổi (nếu không có lý do chính đáng).

- Làm bài tập: Các nhóm báo cáo cần chuẩn bị laptop để báo cáo. Đi thực tập bệnh viện mang đồng phục theo quy định.
- Tham gia lịch phân công trực đầy đủ.
- Khác: Sinh viên in và mang tài liệu liên quan đến nội dung học tập mỗi tuần. Yêu cầu mang theo giáo trình cho các buổi học.

7. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ:

Theo quy chế đánh giá học phần của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột.

8. THANG ĐIỂM:

Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 (làm tròn đến một chữ số thập phân).

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

9.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Nguyễn Tấn Cường (2008), *Điều dưỡng ngoại I*, NXB GD

[2] Nguyễn Tấn Cường (2008), *Điều dưỡng ngoại II*, NXB GD

9.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Trần Ngọc Tuấn (2007), *Điều dưỡng Ngoại khoa hệ*, NXB Y học Hà Nội.

[2] Trường Đại học Y dược TP.HCM (2007), Bộ môn Ngoại, *Bệnh học Ngoại khoa*. NXB Y học Hà Nội.

[3] Văn Tần, Lê Văn Cường, Cao Văn Thịnh (2007), *Bài giảng Ngoại khoa đại cương*, NXB Y học Thành phố Hồ Chí Minh.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN MÔN HỌC

Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN KHOA MẮT

Mã môn học: TCDD52

Số tín chỉ: 03 TC (01 lý thuyết, 02 thực hành)

Lý thuyết: 15 tiết

Tự học: 30 tiết

Thực hành bệnh viện: 90 tiết

Môn học tiên quyết: Chăm sóc người lớn có bệnh ngoại khoa.

Đối tượng học: CNĐDCQ năm học thứ 4

Bộ môn gảng dạy/giảng viên:

- Th.S Nguyễn Văn Khởi
- CN. Bùi Đức Cường

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức về đặc điểm của bệnh nhân tại khoa Mắt. Môn học này cũng cung cấp cho sinh viên một cách cụ thể nhất về một số quy trình kỹ thuật sử dụng trong các chuyên khoa Mắt, giúp định hướng cho sinh viên có thể trở thành các điều dưỡng làm tại các chuyên khoa ngoại sau khi tốt nghiệp.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên Điều dưỡng sẽ có năng lực để:

- Trình bày được các triệu chứng chính của các bệnh lý chuyên khoa Mắt thường gặp. (CĐR.1)
- Nhận định, lập kế hoạch chăm sóc cho người bệnh chuyên khoa Mắt. (CĐR.2)
- Áp dụng được các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản vào việc chăm sóc người bệnh tại các chuyên khoa Mắt. (CĐR.3,9)
- Phát triển được kế hoạch chăm sóc điều dưỡng dựa trên các bằng chứng tin cậy,

các nguyên tắc an toàn và sự lựa chọn của người bệnh. (CĐR.2,4,13)

- Phối hợp được với các thành viên nhóm chăm sóc để điều phối và thực hiện chăm (CĐR.10)
- Đề xuất được các chương trình GDSK và kế hoạch chăm sóc cho người bệnh sau mổ. (CĐR.7)

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

4.1. Phần lý thuyết:

STT	Chủ đề/ bài học	LT	TH	TỰ HỌC
ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN KHOA MẮT				
1	**Bài 1:** Một số bệnh lý về mắt	3	0	4
2	**Bài 2:** Chuẩn bị bệnh nhân phẫu thuật mắt	3	0	8
3	**Bài 3:** Chăm sóc người bệnh Glocom mắt	2	0	4
4	**Bài 4:** Chăm sóc người viêm kết mạc, bệnh viêm bờ mi, chắp, lẹo, mộng mắt	3	0	6
5	**Bài 5:** Chăm sóc người bệnh đục thủy tinh thể,	2	0	4
6	**Bài 6:** Chăm sóc người bệnh chấn thương mắt	2	0	4
Tổng cộng		**15**	**0**	**30**

1.2. Phần thực hành bệnh viện

TT	CHỦ ĐỀ/ BÀI HỌC	LT	TH	TỰ HỌC
Lý thuyết lâm sàng				
1	**Bài 1.** Chuẩn bị bệnh nhân phẫu thuật mắt	0	3	4
2	**Bài 2:** Sử dụng, bảo quản trang thiết bị chăm sóc người bệnh chuyên khoa mắt.	0	4	4

3	**Bài 3:** Giáo dục sức khỏe cho người bệnh chuyên khoa mắt	0	4	4
4	**Bài 4:** Lập kế hoạch chăm sóc cho người bệnh chuyên khoa mắt	0	4	4
Thực hành lâm sàng				
	– Thực hiện một số kỹ năng Điều Dưỡng Cơ Bản: Quản lý buồng bệnh, tiếp đón bệnh nhân vào viện, theo dõi dấu hiệu sinh tồn, tiêm truyền… – Lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện chăm sóc cho người bệnh chuyên khoa mắt: – Chuẩn bị người bệnh trước mổ, an toàn về thông tin người bệnh. – Chuẩn bị dụng cụ mổ chuyên khoa mắt – Tham gia cuộc mổ, phụ giúp điều dưỡng phòng mổ. – Xử lý dụng cụ, phòng mổ sau ca mổ.	0	75	75
TỔNG		**0**	**90**	**90**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

5.1. Giảng dạy lý thuyết: Trong quá trình học, giảng viên sử dụng các phương pháp chủ yếu sau:

- Thuyết giảng chủ động
- Tổ chức học tập theo nhóm
- Động não (brainstorming)

- Học tập dựa trên tình huống
- Phương tiện hỗ trợ: Tài liệu giảng dạy, laptop, máy chiếu, video, phấn, bảng, giấy AO, bút màu, loa để bàn, microphone ...

5.2. Giảng dạy thực hành:

- Địa điểm thực tập: Sinh viên được chia thành nhóm nhỏ để thực tập tại các bệnh viện. Hàng ngày sinh viên được bố trí thực tập tại các phòng khám chuyên khoa mắt, hoặc khoa mắt của bệnh viện.
- Lý thuyết lâm sàng: sinh viên sẽ được thực tập trên mô hình giả định tại trung tâm tiền lâm sàng hoặc bệnh viện.
- Giảng viên: Giảng viên của trường, giảng viên thỉnh giảng của khoa lâm sàng: giám sát sinh viên ôn luyện thành thạo các năng lực và các kỹ thuật chăm sóc đã học để hoàn thành mục tiêu đào tạo.
- Bình kế hoạch chăm sóc
- Giao ban tua trực

6. NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN

- Tham dự lớp: Sinh viên được khuyến khích tham dự đầy đủ các buổi lý thuyết và thực hành với tổng số buổi tham dự phải đạt từ 80% trở lên. Các buổi học lý thuyết: Nếu sinh viên vắng mặt sẽ nhận điểm 0 cho bài báo cáo thuyết trình trước lớp (nếu không có lý do chính đáng) mặc dù có tham gia đóng góp cho bài của nhóm trước buổi báo cáo. Các buổi học thực hành: Nếu sinh viên vắng mặt sẽ nhận điểm 0 cho bài kiểm tra (nếu không có lý do chính đáng).
- Làm bài tập: Các nhóm báo cáo cần chuẩn bị laptop đề báo cáo. Đi thực tập bệnh viện mang đồng phục theo quy định
- Dụng cụ học tập: Các nhóm báo cáo cần chuẩn bị laptop đề báo cáo. Một số buổi học cụ thể Giảng viên sẽ yêu cầu sinh viên mang theo máy tính sách tay để thực hành.

– Khác: Sinh viên in và mang tài liệu liên quan đến nội dung học tập mỗi tuần. Yêu cầu mang theo giáo trình cho các buổi học.

7. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ:

Theo quy chế đánh giá học phần của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột.

8. THANG ĐIỂM:

Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 (làm tròn đến một chữ số thập phân).

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

9.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Phạm Thị Kim Dung (2012), *Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại*, NXB Y học.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Trần Ngọc Tuấn chủ biên (2007), *Điều dưỡng Ngoại khoa hệ*, NXB Y học Hà Nội.

[3] Nguyễn Tấn Cường (2008), *Điều dưỡng ngoại II*, NXB GD

[4] Nguyễn Tấn Cường (2008), *Điều dưỡng ngoại I*, NXB GD

[5] Trường Đại học Y dược TP.HCM (2007), Bộ môn Ngoại, *Bệnh học Ngoại khoa*. NXB Y học Hà Nội.

[6] Văn Tần, Lê Văn Cường, Cao Văn Thịnh (2007), *Bài giảng Ngoại khoa đại cương*, NXB Y học Thành phố Hồ Chí Minh.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN MÔN HỌC

Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN KHOA TAI MŨI HỌNG

Mã môn học: TCDD53

Số tín chỉ: 03 TC (01 lý thuyết, 02 thực hành)

Lý thuyết: 15 tiết

Tự học: 30 tiết

Thực hành bệnh viện: 90 tiết

Môn học tiên quyết: Chăm sóc người lớn có bệnh ngoại khoa

Đối tượng học: CNĐDCQ năm học thứ 4

Bộ môn gảng dạy/giảng viên:

- Th.S Nguyễn Văn Khởi
- CN. Bùi Đức Cường

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức về đặc điểm các khoa Tai-Mũi-Họng. Môn học này cũng cung cấp cho sinh viên một cách cụ thể nhất về một số quy trình kỹ thuật sử dụng trong các chuyên khoa Tai-Mũi-Họng, giúp định hướng cho sinh viên có thể trở thành các điều dưỡng làm tại các chuyên khoa ngoại sau khi tốt nghiệp.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên Điều dưỡng sẽ có năng lực để:

- Trình bày được các triệu chứng chính của các bệnh lý chuyên khoa TMH. (CĐR.1)
- Nhận định, lập kế hoạch chăm sóc cho người bệnh chuyên khoa TMH. (CĐR.2)
- Áp dụng được các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản vào việc chăm sóc người bệnh tại các chuyên khoa TMH. (CĐR.3,9)
- Phát triển được kế hoạch chăm sóc điều dưỡng dựa trên các bằng chứng tin cậy,

các nguyên tắc an toàn và sự lựa chọn của người bệnh. (CĐR.2,4,13)

- Phối hợp được với các thành viên nhóm chăm sóc để điều phối và thực hiện chăm sóc. (CĐR.10)
- Đề xuất được các chương trình GDSK và kế hoạch chăm sóc cho người bệnh chuyên khoa TMH. (CĐR.7)

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

4.1. Phần lý thuyết:

STT	Chủ đề/ bài học	LT	TH	TỰ
ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN KHOA TAI-MŨI-HỌNG				
1	**Bài 1:** Chăm sóc người bệnh viêm tai giữa, viêm tai xương chũm	4	0	8
2	**Bài 2:** Chăm sóc người bệnh Viêm mũi, chảy máu mũi viêm xoang	4	0	8
3	**Bài 3:** Chăm sóc người bệnh viêm họng, viêm thanh quản, Viêm V.A, Viêm Amidan	4	0	8
4	**Bài 4:** Dị vật đường ăn – Dị vật đường thở	3	0	6
Tổng cộng		**15**	**0**	**30**

4.2. Phần thực hành bệnh viện:

TT	CHỦ ĐỀ/ BÀI HỌC	LT	TH	TỰ HỌC
1	**Bài 1.** Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh chuyên khoa tai mũi họng	0	2	2
2	**Bài 2:** Sử dụng trang thiết bị chăm sóc người bệnh chuyên khoa TMH	0	3	3
3	**Bài 3.** Kỹ thuật nhét Mèche mũi sau và mũi trước	0	2	2
4	**Bài 4:** Nghiệm pháp Heimlich	0	2	2

5	**Bài 5:** Chuẩn bị người bệnh trước mổ chuyên khoa TMH	0	3	3
6	**Bài 6:** Chăm sóc người bệnh sau mổ chuyên khoa tai mũi họng.	0	3	3
Thực tập lâm sàng				
	– Thực hiện một số kỹ năng Điều Dưỡng Cơ Bản: Quản lý buồng bệnh, tiếp đón bệnh nhân vào viện, theo dõi dấu hiệu sinh tồn, tiêm truyền… – Lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện chăm sóc cho người bệnh chuyên khoa TMH: – Chuẩn bị người bệnh trước mổ, an toàn về thông tin người bệnh. – Chuẩn bị dụng cụ mổ chuyên khoa TMH – Tham gia cuộc mổ, phụ giúp điều dưỡng phòng mổ. – Xử lý dụng cụ, phòng mổ sau ca mổ.	0	75	0
TỔNG		**0**	**90**	**0**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

5.1. Giảng dạy lý thuyết: Trong quá trình học, giảng viên sử dụng các phương pháp chủ yếu sau:

- Thuyết giảng chủ động
- Tổ chức học tập theo nhóm
- Động não (brainstorming)
- Học tập dựa trên tình huống
- Phương tiện hỗ trợ: Tài liệu giảng dạy, laptop, máy chiếu, video, phấn, bảng,

giấy AO, bút màu, loa để bàn, microphone ...

5.2. Giảng dạy thực hành:

- Địa điểm thực tập: Sinh viên được chia thành nhóm nhỏ để thực tập tại các bệnh viện. Hàng ngày sinh viên được bố trí thực tập tại các phòng khám chuyên khoa TMH, hoặc khoa TMH của bệnh viện.
- Lý thuyết lâm sàng: sinh viên sẽ được thực tập trên mô hình giả định tại trung tâm tiền lâm sàng hoặc bệnh viện.
- Giảng viên: Giảng viên của trường, giảng viên thỉnh giảng của khoa lâm sàng: giám sát sinh viên ôn luyện thành thạo các năng lực và các kỹ thuật chăm sóc đã học để hoàn thành mục tiêu đào tạo.
- Bình kế hoạch chăm sóc
- Giao ban tua trực

6. NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN

- Tham dự lớp: Sinh viên được khuyến khích tham dự đầy đủ các buổi lý thuyết và thực hành với tổng số buổi tham dự phải đạt từ 80% trở lên. Các buổi học lý thuyết: Nếu sinh viên vắng mặt sẽ nhận điểm 0 cho bài báo cáo thuyết trình trước lớp (nếu không có lý do chính đáng) mặc dù có tham gia đóng góp cho bài của nhóm trước buổi báo cáo. Các buổi học thực hành: Nếu sinh viên vắng mặt sẽ nhận điểm 0 cho bài kiểm tra (nếu không có lý do chính đáng).
- Khác: Sinh viên in và mang tài liệu liên quan đến nội dung học tập mỗi tuần. Yêu cầu mang theo giáo trình cho các buổi học.

7. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ:

Theo quy chế đánh giá học phần của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột.

8. THANG ĐIỂM:

Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc

học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 (làm tròn đến một chữ số thập phân).

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

9.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Phạm Thị Kim Dung (2012), *Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại*, NXB Y học.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Trần Ngọc Tuấn chủ biên (2007), *Điều dưỡng Ngoại khoa hệ*, NXB Y học Hà Nội.

[3] Nguyễn Tấn Cường (2008), *Điều dưỡng ngoại II*, NXB GD

[4] Nguyễn Tấn Cường (2008), *Điều dưỡng ngoại I*, NXB GD

[5] Trường Đại học Y dược TP.HCM (2007), Bộ môn Ngoại, *Bệnh học Ngoại khoa*. NXB Y học Hà Nội.

[6] Văn Tần, Lê Văn Cường, Cao Văn Thịnh (2007), *Bài giảng Ngoại khoa đại cương*, NXB Y học Thành phố Hồ Chí Minh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN MÔN HỌC

Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN KHOA RĂNG HÀM MẶT

Mã môn học: TCDD54

Số tín chỉ: 03 TC (01 lý thuyết, 02 thực hành)

Lý thuyết: 15 tiết

Tự học: 30 tiết

Thực hành bệnh viện: 90 tiết

Môn học tiên quyết: Chăm sóc người lớn có bệnh ngoại khoa

Đối tượng học: CNĐDCQ năm học thứ 4

Bộ môn gảng dạy/giảng viên:

- Th.S Nguyễn Văn Khởi
- CN. Bùi Đức Cường

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức về đặc điểm các khoa RHM. Môn học này cũng cung cấp cho sinh viên một cách cụ thể nhất về một số quy trình kỹ thuật sử dụng trong các chuyên khoa RHM, giúp định hướng cho sinh viên có thể trở thành các điều dưỡng làm tại các chuyên khoa ngoại sau khi tốt nghiệp.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên Điều dưỡng sẽ có năng lực để:

- Trình bày được các triệu chứng chính của các bệnh lý chuyên khoa RHM thường gặp. (CĐR.1)
- Nhận định, lập kế hoạch chăm sóc cho người bệnh chuyên khoa ngoại. (CĐR.2)
- Áp dụng được các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản vào việc chăm sóc người bệnh tại chuyên khoa Răng hàm mặt. (CĐR.3,9)
- Phát triển được kế hoạch chăm sóc điều dưỡng dựa trên các bằng chứng tin cậy, các nguyên tắc an toàn và sự lựa chọn của người bệnh. (CĐR.2,4,13)

- Phối hợp được với các thành viên nhóm chăm sóc để điều phối và thực hiện chăm sóc. (CĐR.10)
- Đề xuất được các chương trình GDSK và kế hoạch chăm sóc cho người bệnh sau mổ. (CĐR.7)

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

4.1. Phần lý thuyết:

STT	Chủ đề/ bài học	LT	TH	TỰ HỌC
1	**Bài 1:** Chăm sóc người bệnh sâu răng và dự phòng	3	0	6
2	**Bài 2:** Chăm sóc người bệnh viêm tủy- Viêm quanh cuống răng	2	0	4
3	**Bài 3:** Chăm sóc người bệnh viêm lợi – viêm quanh răng	2	0	4
4	**Bài 4:** Chăm sóc người bệnh chấn thương vùng hàm mặt	2	0	4
5	**Bài 5:** Chăm sóc người bệnh dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt	3	0	6
6	**Bài 6:** Các phương pháp làm răng giả.	3	0	6
Tổng cộng		**15**	**0**	**30**

4.2. Phần thực hành bệnh viện:

TT	CHỦ ĐỀ/ BÀI HỌC	LT	TH	TỰ
Lý thuyết lâm sàng				
1	**Bài 1:** Lập kế hoạch chăm sóc người người chuyên khoa RHM	0	4	4

2	**Bài 2:** Chăm sóc người bệnh nhổ răng	0	4	4
3	**Bài 3:** Chăm sóc người bệnh trồng răng	0	3	3
4	**Bài 4:** Nhận định bệnh nhân cấp cứu chấn thương vùng mặt	0	4	4
Thực tập lâm sàng				
	– Thực hiện một số kỹ năng Điều Dưỡng Cơ Bản: Quản lý buồng bệnh, tiếp đón bệnh nhân vào viện, theo dõi dấu hiệu sinh tồn, tiêm truyền… – Lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện chăm sóc cho người bệnh chuyên khoa RHM: – Tham gia phụ giúp điều dưỡng, bác sĩ phòng răng: nhổ răng, trồng răng, lấy cao răng, trám răng.	0	75	75
TỔNG		**0**	**90**	**90**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

5.1. Giảng dạy lý thuyết: Trong quá trình học, giảng viên sử dụng các phương pháp chủ yếu sau:

- Thuyết giảng chủ động
- Tổ chức học tập theo nhóm
- Động não (brainstorming)
- Học tập dựa trên tình huống
- Phương tiện hỗ trợ: Tài liệu giảng dạy, laptop, máy chiếu, video, phấn, bảng, giấy AO, bút màu, loa để bàn, microphone ...

5.2. Giảng dạy thực hành:

- Địa điểm thực tập: Sinh viên được chia thành nhóm nhỏ để thực tập tại các bệnh viện. Hàng ngày sinh viên được bố trí thực tập tại các phòng khám chuyên khoa RHM, hoặc khoa RHM của bệnh viện.
- Lý thuyết lâm sàng: sinh viên sẽ được thực tập trên mô hình giả định tại trung tâm tiền lâm sàng hoặc bệnh viện.
- Giảng viên: Giảng viên của trường, giảng viên thỉnh giảng của khoa lâm sàng: giám sát sinh viên ôn luyện thành thạo các năng lực và các kỹ thuật chăm sóc đã học để hoàn thành mục tiêu đào tạo.
- Bình kế hoạch chăm sóc
- Giao ban tua trực

6. NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN

- Tham dự lớp: Sinh viên được khuyến khích tham dự đầy đủ các buổi lý thuyết và thực hành với tổng số buổi tham dự phải đạt từ 80% trở lên. Các buổi học lý thuyết: Nếu sinh viên vắng mặt sẽ nhận điểm 0 cho bài báo cáo thuyết trình trước lớp (nếu không có lý do chính đáng) mặc dù có tham gia đóng góp cho bài của nhóm trước buổi báo cáo. Các buổi học thực hành: Nếu sinh viên vắng mặt sẽ nhận điểm 0 cho bài kiểm tra (nếu không có lý do chính đáng).
- Làm bài tập: Các nhóm báo cáo cần chuẩn bị laptop đề báo cáo. Đi thực tập bệnh viện mang đồng phục theo quy định
- Dụng cụ học tập: Các nhóm báo cáo cần chuẩn bị laptop đề báo cáo. Một số buổi học cụ thể Giảng viên sẽ yêu cầu sinh viên mang theo máy tính sách tay để thực hành.
- Khác: Sinh viên in và mang tài liệu liên quan đến nội dung học tập mỗi tuần. Yêu cầu mang theo giáo trình cho các buổi học.

7. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ:

Theo quy chế đánh giá học phần của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột.

8. THANG ĐIỂM:

Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 (làm tròn đến một chữ số thập phân).

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

9.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Phạm Thị Kim Dung (2012), *Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại*, NXB Y học.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Trần Ngọc Tuấn (2007), *Điều dưỡng Ngoại khoa hệ*, NXB Y học Hà Nội.

[2] Nguyễn Tấn Cường (2008), *Điều dưỡng ngoại II*, NXB GD

[3] Nguyễn Tấn Cường (2008), *Điều dưỡng ngoại I*, NXB GD

[4] Trường Đại học Y dược TP.HCM (2007), Bộ môn Ngoại, *Bệnh học Ngoại khoa*. NXB Y học Hà Nội.

[5] Văn Tần, Lê Văn Cường, Cao Văn Thịnh (2007), *Bài giảng Ngoại khoa đại cương*, NXB Y học Thành phố Hồ Chí Minh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN MÔN HỌC

Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG CHUYÊN KHOA HỒI SỨC TÍCH CỰC

Mã môn học: TCDD55

Số tín chỉ: 03 TC (01 lý thuyết, 02 thực hành)

Lý thuyết: 15 tiết

Lên lớp: 15 tiết

Thực hành bệnh viện: 90 tiết

Tự học: 30 tiết

Môn học tiên quyết: Chăm sóc người lớn có bệnh nội khoa

Đối tượng học: CNĐDCQ năm học thứ 4

Bộ môn gảng dạy/giảng viên:

- Th.S Nguyễn Đăng Vương
- CN. Phạm Thị Thanh

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức về đặc điểm của khoa hồi sức tích cực, cách sử dụng các trang thiết bị trong khoa hồi sức tích cực để chăm sóc và theo dõi bệnh nhân. Môn học này cũng cung cấp cho sinh viên một cách toàn diện nhất về cách nhận định bệnh nhân hồi sức tích cực dựa trên các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng để đưa ra được quyết định chăm sóc người bệnh phù hợp nhất.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên Điều dưỡng sẽ có năng lực để:

- Nhận định điều dưỡng được bệnh nhân khoa hồi sức tích cực dựa trên lâm sàng và cận lâm sàng. (CĐR.1)
- Sử dụng được trang thiết bị hỗ trợ chăm sóc người bệnh trong khoa hồi sức tích cực. (CĐR.9)
- Lập kế hoạch chăm sóc cho bệnh nhân hồi sức tích cực. (CĐR.2)
- Phát triển được kế hoạch chăm sóc điều dưỡng dựa trên các bằng chứng tin cậy, các nguyên tắc an toàn và sự lựa chọn của người bệnh. (CĐR.2,4,13)
- Phối hợp được với các thành viên nhóm chăm sóc để điều phối và thực hiện chăm sóc người bệnh. (CĐR.10)
- Đề xuất được các chương trình GDSK và kế hoạch chăm sóc cho người bệnh và người nhà khoa hồi sức tích cực. (CĐR.7)

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

4.1. Phần lý thuyết:

STT	CHỦ ĐỀ/ BÀI HỌC	LT	TH	TỰ HỌC
1	**Bài 1:** Nhận định, đánh giá điều dưỡng bệnh nhân hồi sức tích cực – Nhận định đánh giá lâm sàng – Nhận định đánh giá kết quả cận lâm sàng	2	0	4
2	**Bài 2:** Điều dưỡng thuốc trong khoa hồi sức tích cực	2		
3	**Bài 3:** Chăm sóc bệnh nhân được nuôi ăn qua tĩnh mạch	1		

4	**Bài 4:** Sử dụng trang thiết bị chăm sóc, theo dõi người bệnh trong khoa hồi sức tích cực – Máy thở – Mornitor – Máy sốc tim – Máy truyền dịch, bơm tiêm điện	3		
5	**Bài 5:** Chăm sóc người bệnh bỏng nặng	1		
6	**Bài 6:** Chăm sóc người bệnh suy thận, chạy thận nhân tạo.	3		
7	**Bài 7:** Chăm sóc người bệnh đột quỵ	1		
8	**Bài 8:** Chăm sóc bệnh nhân suy đa phủ tạng	1		
9	Kiểm tra	1		
Tổng cộng		**15**	0	**30**

4.**2. Phần thực hành bệnh viện**

TT	CHỦ ĐỀ/ BÀI HỌC	LT	TH	TỰ
1	**Bài 1.** Chuẩn bị bệnh nhân, chuẩn bị dụng cụ chạy thận nhân tạo	0	3	3
2	**Bài 2.** Theo dõi, nhận định điều dưỡng trên lâm sàng cho người bệnh hồi sức tích cực	0	3	3
3	**Bài 3:** Đánh giá chỉ số máy thở, mornitor	0	3	3
4	**Bài 4:** Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh hồi sức tích cực	0	3	3
4	**Bài 4**. Thực hành lâm sàng	0	78	78
TỔNG		**0**	**90**	**90**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

5.1. Giảng dạy lý thuyết: Trong quá trình học, giảng viên sử dụng các phương

pháp chủ yếu sau:

- Thuyết giảng chủ động: Giảng viên yêu cầu sinh viên tìm những bằng chứng mới về chăm sóc cho người bệnh hồi sức tích cực để đọc và phân tích.
- Tổ chức học tập theo nhóm
- Động não (brainstorming)
- Học tập dựa trên tình huống
- Hỏi – đáp
- Phương tiện hỗ trợ: Tài liệu giảng dạy, laptop, máy chiếu, video, phấn, bảng, giấy AO, bút màu, loa để bàn, microphone ...

5.2. Giảng dạy thực hành:

- Địa điểm thực tập: Sinh viên được chia thành nhóm nhỏ để thực tập tại các bệnh viện. Hàng ngày sinh viên được bố trí thực tập tại khoa hồi sức tích cực.
- Các kỹ thuật chăm sóc sinh viên sẽ được thực tập trên mô hình giả định tại trung tâm tiền lâm sàng hoặc bệnh viện.
- Giảng viên: Giảng viên của trường, giảng viên thỉnh giảng của khoa lâm sàng: giám sát sinh viên ôn luyện thành thạo các năng lực và các kỹ thuật chăm sóc đã học để hoàn thành mục tiêu đào tạo.
- Bình kế hoạch chăm sóc.
- Giao ban.

6. NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN

- Tham dự lớp: Sinh viên được khuyến khích tham dự đầy đủ các buổi lý thuyết và thực hành với tổng số buổi tham dự phải đạt từ 80% trở lên. Các buổi học lý thuyết: Nếu sinh viên vắng mặt sẽ nhận điểm 0 cho bài báo cáo thuyết trình trước lớp (nếu không có lý do chính đáng) mặc dù có tham gia đóng góp cho bài của nhóm trước buổi báo **cáo. Các** buổi học thực hành: Nếu sinh viên vắng mặt sẽ nhận điểm 0 cho bài kiểm tra cuối buổi (nếu không có lý do chính đáng).

- Làm bài tập: Các nhóm báo cáo cần chuẩn bị laptop để báo cáo. Đi thực tập bệnh viện mang đồng phục theo quy định
- Dụng cụ học tập: Các nhóm báo cáo cần chuẩn bị laptop để báo cáo. Một số buổi học cụ thể Giảng viên sẽ yêu cầu sinh viên mang theo máy tính sách tay để thực hành.
- Khác: Sinh viên in và mang tài liệu liên quan đến nội dung học tập mỗi tuần. Yêu cầu mang theo giáo trình cho các buổi học.

7. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ:

Theo quy chế đánh giá học phần của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột.

8. THANG ĐIỂM:

Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 (làm tròn đến một chữ số thập phân).

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

9.2. Tài liệu chính

[1] Lê Văn An, Hoàng Văn Ngoạn (2008), *Điều dưỡng nội,* Tập 2, NXB Y học Hà Nội.

[2] Nguyễn Đạt Anh (2012), Điều dưỡng hồi sức cấp cứu, NXB Giáo dục Việt Nam.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1] Vũ Văn Đính (1999), *Hôn mê - Hồi sức cấp cứu,* NXB Y học Hà Nội.

[2] Bộ Y tế (2006), Vụ khoa học và đào tạo, *Chăm sóc người bệnh Nội khoa,* NXB Y học.

[3] Trần Việt Tiến (2008), *Điều dưỡng Ngoại khoa,* NXB Giáo dục Hà Nội.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN MÔN HỌC

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI BỆNH UNG THƯ VÀ CHĂM SÓC GIẢM NHẸ

Mã môn học: TCCS56

Số tín chỉ: 03 TC (01 lý thuyết, 02 thực hành)

Lý thuyết: 15 tiết

Tự học: 30 tiết

Thực hành bệnh viện: 90 tiết

Môn học tiên quyết: các học phần bắt buộc.

Đối tượng học: CNĐDCQ năm học thứ 4

Bộ môn gảng dạy/giảng viên:

- Th. S Mai Thị Thanh Xuân

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức về đặc điểm về tâm lý và thể chất của người bệnh ung thư, các vấn đề mà bệnh ung thư gây nên cho người bệnh. Từ đó điều dưỡng đưa ra các hành động điều dưỡng phù hợp. Ngoài ra, môn học cũng cung cấp cho sinh viên về các vấn đề thường gặp phải khi bệnh nhân được hóa trị, xạ trị cho một số bệnh ung thư thường gặp. Môn học cũng nhấn mạnh về việc giao tiếp với người nhà người bệnh ung thư và tư vấn sức khỏe cho người nhà một cách phù hợp nhất.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên Điều dưỡng sẽ có năng lực đề:

- Nhận định điều dưỡng được bệnh nhân ung thư dựa trên lâm sàng và cận lâm sàng. (CĐR.1)
- Lập kế hoạch chăm sóc cho người bệnh ung thư. (CĐR.2)
- Áp dụng được các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản vào việc chăm sóc người bệnh

ung thư. (CĐR.3,9)

- Phát triển được kế hoạch chăm sóc điều dưỡng dựa trên các bằng chứng tin cậy, các nguyên tắc an toàn và sự lựa chọn của người bệnh. (CĐR.2,4,13)
- Phối hợp được với các thành viên nhóm chăm sóc để điều phối và thực hiện chăm sóc người bệnh. (CĐR.10)
- Đề xuất được các chương trình GDSK và kế hoạch chăm sóc cho người bệnh và người nhà tại khoa ung bướu. (CĐR.7)

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

STT	Chủ đề/ bài học	LT	TH	TỰ HỌC
1	**Chương 1:** Bệnh học ung thư và một số bệnh ung thư thường gặp: 1. Ung thư phổi 2. Ung thư gan 3. Ung thư dạ dày 4. Ung thư máu 5. Ung thư vú	4	0	4
2	**Chương 2:** Các tác động của ung thư trên người bệnh và gia đình người bệnh: 1. Tâm lý người bệnh và gia đình người bệnh ung thư 2. Chất lượng cuộc sống của người bệnh ung thư 3. Giao tiếp với người bệnh và gia đình người bệnh ung thư	2	0	2
3	**Chương 3:** Chăm sóc người bệnh ung thư trong điều trị: 1. Chăm sóc người bệnh ung thư có hóa trị 2. Chăm sóc người bệnh ung thư có xạ trị 3. Chăm sóc người bệnh ung thư có phẫu thuật	2	0	2

4	**Chương 4:** Chăm sóc giảm nhẹ 1. Khái niệm chăm sóc giảm nhẹ 2. Nguyên tắc chăm sóc giảm nhẹ 3. Chăm sóc bệnh nhân giai đoạn cuối đời – Khái niệm – Nguyên tắc CSGĐCĐ	2	0	2
5	**Chương 5:** Tình hình và xu hướng chăm sóc giảm nhẹ trên thế giới. Tình hình và chính sách chăm sóc giảm nhẹ tại Việt Nam	1	0	1
6	**Chương 6:** Các Mô hình chăm sóc giảm nhẹ 1. Lồng ghép CSGN trong ung thư 2. Chăm sóc BN ung thư giai đoạn cuối đời 3. Lồng ghép CSGN và CS cuối đời	2	0	2
7	**Chương 7:** Tâm lý NB và gia đình trong giai đoạn cuối đời. Hỗ trợ tâm lý – xã hội cho BN và gia đình trong CSGN và CSCĐ	1	0	1
8	**Chương 8:** Quản lý đau và các triệu chứng trong	1	0	2
9	Thực hành bệnh viện	0	90	90
Tổng cộng		**15**	**90**	**30**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

5.1. Giảng dạy lý thuyết: Trong quá trình học, giảng viên sử dụng các phương pháp chủ yếu sau:

- Thuyết giảng chủ động
- Tổ chức học tập theo nhóm
- Động não (brainstorming)
- Học tập dựa trên tình huống
- Hỏi - đáp
- Phương tiện hỗ trợ: Tài liệu giảng dạy, laptop, máy chiếu, video, phấn, bảng, giấy AO, bút màu, loa để bàn, microphone ...

5.2. Giảng dạy thực hành:

- Địa điểm thực tập: Sinh viên được chia thành nhóm nhỏ để thực tập tại các bệnh viện. Hàng ngày sinh viên được bố trí thực tập tại khoa ung bướu.
- Các kỹ thuật chăm sóc sinh viên sẽ được thực tập trên mô hình giả định tại trung tâm tiền lâm sàng hoặc bệnh viện.
- Giảng viên: Giảng viên của trường, giảng viên thỉnh giảng của khoa lâm sàng: giám sát sinh viên ôn luyện thành thạo các năng lực và các kỹ thuật chăm sóc đã học để hoàn thành mục tiêu đào tạo.
- Bình kế hoạch chăm sóc.
- Giao ban tua trực.

6. NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN

- Tham dự lớp: Sinh viên được khuyến khích tham dự đầy đủ các buổi lý thuyết và thực hành với tổng số buổi tham dự phải đạt từ 80% trở lên. Các buổi học lý thuyết: Nếu sinh viên vắng mặt sẽ nhận điểm 0 cho bài báo cáo thuyết trình trước lớp (nếu không có lý do chính đáng) mặc dù có tham gia đóng góp cho bài của nhóm trước buổi báo cáo. Các buổi học thực hành: Nếu sinh viên vắng mặt sẽ nhận điểm 0 cho bài kiểm tra cuối buổi (nếu không có lý do chính đáng).
- Làm bài tập: Các nhóm báo cáo cần chuẩn bị laptop để báo cáo. Đi thực tập bệnh viện mang đồng phục theo quy định
- Dụng cụ học tập: Các nhóm báo cáo cần chuẩn bị laptop đề báo cáo. Một số buổi học cụ thể Giảng viên sẽ yêu cầu sinh viên mang theo máy tính sách tay để thực hành.
- Khác: Sinh viên in và mang tài liệu liên quan đến nội dung học tập mỗi tuần. Yêu cầu mang theo giáo trình cho các buổi học.

7. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ:

Theo quy chế đánh giá học phần của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma

Thuột.

8. THANG ĐIỂM:

Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 (làm tròn đến một chữ số thập phân).

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

9.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Lê Văn An, Hoàng Văn Ngoạn (2008), *Điều dưỡng nội, Tập I, II*, NXB Y học Hà Nội.

[2] Nguyễn Bá Đức (2009), *Ung thư học đại cương*, NXB giáo dục.

[3] Nguyễn Bá Đức (2003), *Chăm sóc và điều trị triệu chứng cho bệnh nhân ung thư*, NXB giáo dục

9.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Đại học Y dược TP.HCM (2009), *Giáo trình điều dưỡng Nội khoa*,

[2] Trường Đại học Y Hà Nội (2008), *Bài giảng Bệnh học Nội kho*a, NXB Y học.

[3] Hoàng Trọng Quang (2000), *Bài giảng bệnh nội khoa tập 2*, NXB Y học.

[4] Hoàng Trọng Quang (2000), *Nội tiết và chuyển hóa, kỷ yếu toàn văn,* NXB Y học.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN MÔN HỌC

Tên môn học: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Mã môn học: TNTT57

Số tín chỉ: 04 TC (0 lý thuyết, 04 thực hành)

Lý thuyết: 0 tiết

Tự học: 0 tiết

Thực hành bệnh viện: 180 tiết

Môn học tiên quyết: Hoàn thành tất cả các học phần.

Đối tượng học: CNĐDCQ năm học thứ 4

Bộ môn gảng dạy/giảng viên: khoa Điều dưỡng

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Đợt thực tập tốt nghiệp tổ chức vào cuối khóa học, trước khi thi tốt nghiệp giúp cho sinh viên có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá được mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng, bệnh viện; mô tả và phân tích được chức năng, nhiệm vụ, vai trò của điều dưỡng viên, điều dưỡng trưởng khoa, điều dưỡng trưởng bệnh viện, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc bệnh nhân cho từng loại bệnh, mô tả và đánh giá được mô hình quản lý sức khỏe cộng đồng, mô tả và đánh giá được quy trình vô khuẩn, tiệt khuẩn tại bệnh viện.

Đợt thực tập tốt nghiệp sẽ củng cố kỹ năng tư duy thấu đáo và kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý và lãnh đạo, hoạt động nhóm hiệu quả và an toàn; phát triển kỹ năng duy trì các mối quan hệ hợp tác nhằm xây dựng nhóm chăm sóc sức khỏe hiệu quả. Chăm sóc lấy bệnh nhân và gia đình làm trung tâm trong các môi trường chăm sóc khác nhau; hiểu và quảng bá quan điểm đúng về điều dưỡng trong hệ thống Y tế và cộng đồng.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên điều dưỡng sẽ có năng lực để:

- Xác định được vai trò quản lý, lãnh đạo và trách nhiệm của điều dưỡng trong các tổ chức chăm sóc sức khỏe
- Xác định được các yếu tố về đạo đức, luật pháp và chuyên môn để đảm bảo môi trường chăm sóc sức khỏe an toàn cho các cá nhân, nhóm và cộng đồng
- Áp dụng được các phương pháp giải quyết vấn đề để đưa ra các quyết định lâm sàng để cung cấp chăm sóc an toàn ở các tình huống khác nhau
- Phát triển được kế hoạch chăm sóc điều dưỡng dựa trên bằng chứng, các kế hoạch ra viện và các chương trình GDSK cụ thể cho cá nhân, nhóm và cộng đồng
- Phối hợp với các đồng nghiệp thông qua giao tiếp có hiệu quả để chăm sóc cho cá nhân, nhóm và cộng dồng
- Lượng giá được kết quả chăm sóc và đưa ra được các khuyến nghị để cải thiện chất lượng chăm sóc

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

4.1. Phần lý thuyết:

TT	CHỦ ĐỀ/ BÀI HỌC	YÊU CẦU TAY NGHỀ
1	Tìm hiểu về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của các cơ sở y tế và chức trách, nhiệm vụ của người Điều dưỡng	Mỗi sinh viên (hoặc một nhóm) có một bản báo cáo
2	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người điều dưỡng tại khoa Nội, khoa Ngoại, khoa Sản, khoa Nhi, khoa Truyền nhiễm theo phân công	Hàng ngày sinh viên thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người điều dưỡng tại khoa theo sự phân công và giám sát của trưởng khoa

		thực tập Điều dưỡng
3	Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc Nội khoa	40 lần
4	Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc Ngoại khoa	30 lần
5	Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc kỹ thuật chăm sóc trên người cao tuổi	30 lần
6	Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc Nhi khoa	30 lần
7	Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc bệnh truyền nhiễm	30 lần
8	Làm bệnh án điều dưỡng và lập kế hoạch chăm sóc theo quy trình điều dưỡng	5 bệnh án x 5 khoa
9	Tư vấn và Giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình	5 lần
10	Tham gia trực tại bệnh viện	Theo yêu cầu của khoa

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

- Tập huấn chương trình thực tập cho sinh viên bằng hình thức thuyết trình (có sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên), thảo luận, định hướng tự học.
- Địa điểm thực tập: Sinh viên được chia thành nhóm nhỏ để thực tập tại các bệnh viện. Hàng ngày sinh viên được bố trí thực tập tại các khoa lâm sàng chủ yếu: Khoa Nội, khoa Ngoại, khoa Lão, khoa Nhi, khoa Truyền nhiễm. Thời gian thực tập sẽ được luân chuyển đều giữa các khoa Nội, hoa Ngoại, khoa Lão, khoa Nhi, khoa Truyền nhiễm.
- Mỗi khoa nơi sinh viên thực tập sẽ chịu sự quản lý trực tiếp từ điều dưỡng trưởng và giám sát của trường. Cá nhân và sinh viên hoặc nhóm sinh viên tại khoa/ phòng được thực tập sẽ được phân công cụ thể trách nhiệm cụ thể, hoạt

động độc lập dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng tại chỗ để nâng cao ý thức trách nhiệm, ý thức nghề nghiệp, khả năng làm việc độc lập.

- Mỗi cá nhân/ mỗi nhóm sẽ được phân công nhận xét đánh giá cách quản lý, cách chăm sóc của từng nhóm bệnh. Tìm ra các bằng chứng mới về chăm sóc và báo cáo cho điều dưỡng trưởng/ người chịu trách nhiệm
- Giảng viên: Giảng viên của trường, giảng viên thỉnh giảng của các khoa lâm sàng: chủ yếu là hướng dẫn, giúp đỡ và giám sát sinh viên ôn luyện thành thạo các năng lực và các kỹ thuật chăm sóc đã học để hoàn thành mục tiêu đào tạo, chuẩn bị cho kỳ thi tốt nghiệp.

6. NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN

- Liên hệ cơ sở thực tập
- Tham dự đầy đủ và làm đúng phân công tại cơ sở y tế
- Tuân thủ các quy định của Trường và Cơ sở thực hành

7. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ:

Theo quy chế đánh giá học phần của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột.

8. THANG ĐIỂM:

Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 (làm tròn đến một chữ số thập phân).

9. TÀI LIỆU HỌC TẬP

9.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Lê Văn An, Nguyễn Thị Kim Hoa (2008), *Điều dưỡng nội*, NXB Y học Hà Nội.

[2] Nguyễn Văn Trí (2013). *Bệnh học người cao tuổi.* NXB Y học.

[3] Nguyễn Tấn Cường (2008), Điều dưỡng ngoại I, NXB Giáo Dục.

[4] Nguyễn Văn Trí (2013). *Bệnh học người cao tuổi tập 1,2*. NXB Y học.

[5] Đinh Ngọc Đệ. (2010). *Chăm sóc sức khỏe trẻ em.* NXB GDVN

9.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Trường Đại học Y dược TP.HCM (2009),*Giáo trình điều dưỡng Nội khoa*, Lưu hành nội bộ.

[2] Trường Đại học Y Hà Nội (2008), *Bài giảng Bệnh học Nội khoa*, NXB Y học.

[3] Ngô Xuân Bình (2011), *Tăng huyết áp các chứng liên đới, chuyên khoa cấp cứu, tập 1*, NXB Y học.

[4] Nguyễn Thị Dung (2012), *Bài giảng Triệu chứng nội ngoại khoa*, NXB Y học.

[5] Vũ Văn Đính (1999), *Hôn mê - Hồi sức cấp cứu,* NXB Y học Hà Nội.

[6] Bộ Y tế (2006), Vụ khoa học và đào tạo, *Chăm sóc người bệnh Nội khoa,* NXB Y học.

[7] Khoa Y dược (2010), *Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải*, Tập bài giảng, lưu hành nội bộ.

Đắk Lắk, ngày 10 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT

GS.TS. Đặng Tuấn Đạt

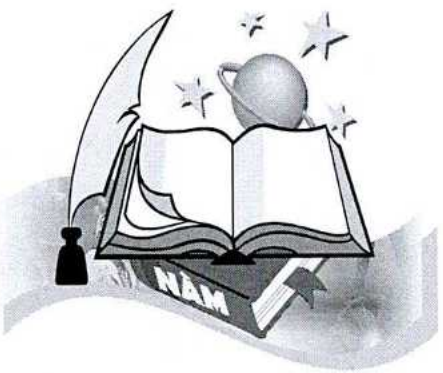
Cán bộ phụ trách lập đề cương

ThS. Nguyễn Tăng Vương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT

---o0o---



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

NGÀNH: Y HỌC CỔ TRUYỀN

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

…., tháng… năm 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN ĐẮK LẮK)

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên chương trình đào tạo:	Bác sĩ Y học cổ truyền (Doctor of Traditional Medicine)
Trình độ đào tạo:	Đại học
Khối ngành:	Khoa học sức khỏe
Ngành đào tạo:	Bác sĩ Y học cổ truyền (Doctor of Traditional Medicine)
Mã ngành:	7720115
Hệ đào tạo:	Chính quy
Hình thức đào tạo:	Tập trung
Thời gian đào tạo:	6 năm
Tên văn bằng tốt nghiệp:	Bác sĩ Y học cổ truyền (Doctor of Tradition Medicine)
Đơn vị đào tạo, cấp bằng:	Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt
Đối tượng áp dụng:	Sinh viên Y học cổ truyền
Thời gian áp dụng:	Năm 2025

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Objectives: PO)

Chương trình đào tạo (CTĐT) Y học cổ truyền được thiết kế nhằm mục tiêu đào tạo:

PO1. Đào tạo Bác sỹ Y học cổ truyền có chất lượng có khả năng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân bằng phương pháp Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại.

PO2. Có khả năng giao tiếp và hợp tác hiệu quả trong giải quyết các vấn đề sức khỏe thường gặp.

PO3. Có khả năng nghiên cứu khoa học, tự học và học tập suốt đời góp phần đáp ứng nhu cầu và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra của CTĐT (Program Learning Outcomes: PLO)

1.1. Về kiến thức

PLO1. Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, y học cổ truyền để giải thích được tình trạng sức khỏe, bệnh tật theo YHHĐ và YHCT.

PLO2. Chẩn đoán được các bệnh thường gặp theo YHHĐ và YHCT dựa trên thăm khám lâm sàng, cận lâm sàng.

1.2. Về kỹ năng

PLO3. Xử trí các vấn đề sức khỏe thường gặp bằng YHCT và YHHĐ.

PLO4. Thực hiện được một số thủ thuật cơ bản theo quy định của Bộ Y tế.

PLO5. Tư vấn dự phòng các vấn đề sức khỏe thường gặp cho người dân và cộng đồng theo nguyên lý y học cổ truyền và Y học hiện đại.

PLO6. Vận dụng kiến thức phương pháp luận khoa học, ngoại ngữ, tin học để xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học.

1.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO7. Tuân thủ các quy định, luật pháp và y đức tại trường học và tại các cơ sở thực hành.

PLO8. Giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả trong thực hành chăm sóc sức khỏe.

2. Các hoạt động chuyên môn chủ chốt

EPA	Diễn giải	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6
1	Khám bệnh				
1A	Khai thác bệnh sử, tiền sử	2	3	4	5
1B	Khám thực thể	2	3	4	5
2	Liệt kê các chẩn đoán sơ bộ	1	2	3	4
3	Chỉ định và phân tích kết quả CLS thông thường	1	2	3	4
4	Kê đơn thuốc theo phạm vi hành nghề của BS YHCT	1	2	3	4
5	Ghi chép hồ sơ, bệnh án	1	2	3	4
6	Trình bày ca lâm sàng	1	2	3	4
7	Tìm kiếm chứng cứ y khoa trong chăm sóc người bệnh	0	1	2	3
8	Bàn giao và tiếp nhận người bệnh	0	0	1	2
9	Hợp tác trong nhóm chăm sóc người bệnh	0	1	2	3
10	Phát hiện và xử trí các tiến triển của người bệnh	0	1	2	3
11	Thảo luận để có sự đồng thuận của người bệnh	0	1	2	3
12	Thực hiện được các thủ thuật/kỹ thuật	0	1	2	3
13	Phòng ngừa được các sự cố y khoa	0	1	2	3
14	Ứng dụng nguyên lý YTCC trong thực hành y khoa	0	1	2	3

Ghi chú

0: chưa làm

1: làm nhưng chưa tin cậy

2: làm chưa tin cậy nhưng có tiến bộ

3: làm tiến bộ hơn

4: làm tiến bộ và tin tưởng

5: tin tưởng hoàn toàn

IV. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Học kỳ	Tên môn học	Tín chỉ				Số tiết			
			Tổng	LT	TH	LS	Tổng	LT	TH	LS
1	9	Phục hồi chức năng	2	1	0	1	55	15	0	40
2	10	Truyền nhiễm Y học hiện đại	2	1	0	1	55	15	0	40
3	6	Lý luận Y học cổ truyền lâm sàng	2	0	0	2	80	0	0	80
4	8	Châm cứu lâm sàng	3	0	0	3	135	0	0	135
5	8	Phương pháp điều trị không dùng thuốc lâm sàng (Xoa bóp dưỡng sinh)	2	0	0	2	80	0	0	80
6	9	Thuốc Y học cổ truyền lâm sàng	2	0	0	2	80	0	0	80
7	11	Bào chế đông dược	2	1	0	1	55	15	0	40
8	11	Phương tễ lâm sàng	1	0	0	1	40	0	0	40
9	10	Bệnh học nội Y học cổ truyền lâm sàng	5	0	0	5	200	0	0	200
10	11	Ngoại Y học cổ truyền lâm sàng	2	0	0	2	80	0	0	80
11	11	Nhi khoa Y học cổ truyền lâm sàng	2	0	0	2	80	0	0	80
12	11	Phụ sản Y học cổ truyền lâm sàng	2	0	0	2	80	0	0	80
13	12	Bệnh học ngũ quan Y học cổ truyền	2	1	0	1	55	15	0	40
14	12	Bệnh học lão khoa YHCT	2	1	0	1	55	15	0	40

VI. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ

Ma trận học phần – phương pháp lượng giá, đánh giá

STT	Môn học	Phương pháp lượng giá							Tổng số phương pháp
		Tự luận	MCQ	Vấn đáp có cấu trúc	Thuyết trình/ báo cáo tiểu luận	Mini - CEX	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên bệnh nhân thật, thi trên công việc thật	
1	Lý luận Y học cổ truyền (Y lý) lâm sàng			x				x	2
2	Ngoại bệnh lý Y học hiện đại lâm sàng							x	1
3	Châm cứu LS						x	x	2
4	Thuốc y học cổ truyền – LS						x		1
5	Bào chế đông dược		x		x				2
6	Phương tễ lâm sàng						x		1
7	Phục hồi chức năng		x					x	2
8	Xoa bóp dưỡng sinh lâm sàng							x	1
9	Nội y học cổ truyền - LS							x	1
10	Da liễu		x					x	2
11	Truyền nhiễm y học hiện đại		x					x	2
12	Ngoại y học cổ truyền lâm sàng							x	1
13	Nhi khoa y học cổ truyền lâm sàng							x	1
14	Phụ sản y học cổ truyền lâm sàng							x	1
15	Bệnh học lão khoa y học cổ truyền		x					x	2
16	Bệnh học ngũ quan y học cổ truyền		x					x	2

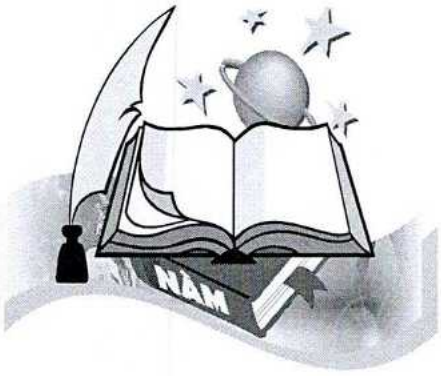
HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Cao Tiến Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT

---o0o---



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

NGÀNH: KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

…., tháng… năm 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC (TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN ĐẮK LẮK)

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên chương trình đào tạo	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm Y học (Medical Laboratory Technique)
Trình độ đào tạo	Đại học
Khối ngành	Khoa học sức khỏe
Ngành đào tạo	Kỹ thuật xét nghiệm y học
Mã ngành	7720601
Hệ đào tạo	Chính quy
Hình thức đào tạo	Tập trung
Thời gian đào tạo	4 năm
Tên văn bằng tốt nghiệp	Tiếng Việt: Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học Tiếng Anh: Bachelor of Medical Laboratory Technique
Đơn vị đào tạo/cấp bằng	Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Đối tượng áp dụng	Sinh viên ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học
Thời gian áp dụng	Năm 2025

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo Kỹ thuật xét nghiệm y học được thiết kế nhằm mục tiêu đào tạo Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm Y học có kiến thức chuyên môn tốt và kỹ năng thành thạo về các kỹ thuật xét nghiệm thuộc ngành Xét nghiệm Y học; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao, tác phong thận trọng, chính xác, chân thành hợp tác với đồng nghiệp; có khả năng nghiên cứu khoa học, tự học nâng cao trình độ chuyên môn trở thành các chuyên gia chuyên ngành xét nghiệm để góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể (PO)

Chương trình đào tạo (CTĐT) được thiết kế nhằm mục tiêu đào tạo ra Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm Y học có khả năng:

PO1: Vận dụng các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở ngành, chuyên ngành học để giải thích được nguyên lý và cơ chế của các xét nghiệm y học, quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng một số loại trang thiết bị thuộc ngành Kỹ thuật xét nghiệm Y học.

PO2: Thực hiện được các xét nghiệm thường quy bệnh viện thuộc các lĩnh vực chuyên môn (Huyết học – Truyền máu, Hóa sinh, Vi – Ký sinh, giải phẫu bệnh và Sinh học phân tử). Đọc và phân tích chính xác kết quả các xét nghiệm. Tham gia tổ chức và quản lý hoạt động của một phòng xét nghiệm Y học.

PO3: Có tác phong hành nghề chuyên nghiệp, tuân thủ pháp luật và tôn trọng các chuẩn mực đạo đức trong hành nghề Y Dược.

III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)

Sau khi tốt nghiệp sinh viên ngành Kỹ thuật xét nghiệm có khả năng:

Về kiến thức:

PLO1. Vận dụng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân

PLO2. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, ngoại ngữ, phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong học tập và nghiên cứu.

PLO3. Áp dụng kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành thuộc lĩnh vực XNYH đề giải thích nguyên lý, cơ chế của các xét nghiệm y học thường quy và một số xét nghiệm chuyên sâu.

Về kỹ năng

PLO4. Thực hiện được các xét nghiệm thường quy và một số xét nghiệm chuyên sâu (Huyết học – Truyền máu, Hóa sinh, Vi – Ký sinh, giải phẫu bệnh, SHPT). Đọc và phân tích chính xác kết quả các xét nghiệm.

PLO5. Sử dụng, bảo dưỡng và quản lý một số loại trang thiết bị, hóa chất, sinh phẩm thuộc ngành xét nghiệm. Đảm bảo chất lượng xét nghiệm, an toàn phòng xét nghiệm và các hoạt động kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện.

PLO6. Tham gia công tác chỉ đạo tuyến, phòng chống dịch/thảm họa khi có yêu cầu.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO7. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và tham gia nghiên cứu khoa học.

PLO8. Tích cực tham gia học tập, nghiên cứu nâng cao kiến thức, thái độ, kỹ năng đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp và cộng đồng.

PLO9. Tuân thủ các quy định của pháp luật, chính sách y tế, các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực hiện xét nghiệm.

PLO10. Tinh thần trách nhiệm cao, tác phong thận trọng, trung thực, khách quan, chính xác trong công tác chuyên môn. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT	Tên môn học	Tín chỉ				Số tiết			
		Tổng	LT	TH	LS	Tổng	LT	TH	LS
1	Thực tập Kỹ thuật xét nghiệm 1: Vi sinh-Ký sinh trùng	3	0	0	3	120	0	0	120
2	Thực tập Kỹ thuật xét nghiệm 2: Hóa sinh	3	0	0	3	120	0	0	120
3	Thực tập Kỹ thuật xét nghiệm 3: Huyết học	3	0	0	3	120	0	0	120

V. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ

Học phần	Phương pháp lượng giá/đánh giá					Tổng số phương pháp
	MCQ	Tự luận	Báo cáo	OSCE	Bảng kiểm	
Thực tập Kỹ thuật xét nghiệm 1: Vi sinh-Ký sinh trùng			x		x	2
Thực tập Kỹ thuật xét nghiệm 2: Hóa sinh			x		x	2
Thực tập Kỹ thuật xét nghiệm 3: Huyết học			x		x	2

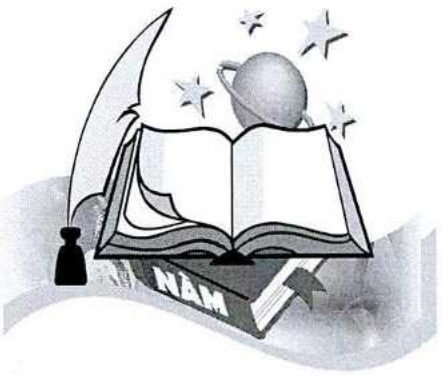
HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Cao Tiến Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT

---o0o---



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

NGÀNH: Y HỌC DỰ PHÒNG

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

…., tháng… năm 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
Y DƯỢC BUÔN MA THUỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH NGÀNH Y HỌC DỰ PHÒNG, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC (TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN ĐẮK LẮK)

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên chương trình đào tạo	Bác sĩ y học dự phòng (Preventive medicine)
Trình độ đào tạo	Đại học
Khối ngành	Khoa học sức khỏe
Ngành đào tạo	Y học dự phòng
Mã ngành	7720110
Hệ đào tạo	Chính quy
Hình thức đào tạo	Tập trung
Thời gian đào tạo	6 năm
Tên văn bằng tốt nghiệp	Bác sĩ y học dự phòng (The Degree of doctor of Preventive Medicine)
Đơn vị đào tạo/cấp bằng	Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Đối tượng áp dụng	Sinh viên ngành Bác sĩ Y học dự phòng
Thời gian áp dụng	Năm 2025

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo (CTĐT) bác sĩ Y học dự phòng được thiết kế nhằm mục tiêu đào tạo bác sĩ Y học dự phòng có đạo đức nghề nghiệp; có kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, y học cơ sở vững chắc; có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp về y học dự phòng để xác định, đề xuất và thực hiện các chương trình chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho cộng đồng; có khả năng nghiên cứu khoa học, tự đào tạo nâng cao và đủ tự tin tiếp cận, giao lưu và hội nhập với thế giới.

1.2. Mục tiêu cụ thể

MT1 ***(Lĩnh vực Kiến thức):*** Có kiến thức khoa học cơ bản, khoa học xã hội, y học cơ sở vững chắc.

MT2 ***(Lĩnh vực Kiến thức):*** Có kiến thức về y tế công cộng vững chắc.

MT3 ***(Lĩnh vực Kiến thức):*** Có kiến thức về pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

MT4 ***(Lĩnh vực Kỹ năng nghề):*** Có kỹ năng thu thập và phân tích thong tin về sức khỏe cộng đồng.

MT5 ***(Lĩnh vực Kỹ năng nghề):*** Có kỹ năng thực hiện các chương trình chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho cộng đồng.

MT6 ***(Lĩnh vực Kỹ năng nghề):*** Có kỹ năng khám bệnh, điều trị bệnh và xử trí các cấp cứu thông thường và một số bệnh chuyên khoa

MT7 ***(Lĩnh vực Kỹ năng nghề):*** Có khả năng nghiên cứu khoa học.

MT8 ***(Lĩnh vực Kỹ năng mềm):*** Có khả năng sử dụng tin học, ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp.

MT9 ***(Lĩnh vực Kỹ năng mềm):*** Có khả năng tự đào tạo nâng cao; đủ tự tin tiếp cận, giao lưu và hội nhập thế giới

MT10 ***(Lĩnh vực Thái độ):*** Có đạo đức nghề nghiệp, đủ tự tin đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cộng đồng.

III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Sau khi tốt nghiệp ngành Bác sĩ Y học dự phòng, sinh viên có khả năng:

CĐR	Năng lực cần đạt
1. Kiến thức	
CĐR1	Trình bày được các kiến thức khoa học cơ bản và y học cơ sở làm nền tảng cho Y học dự phòng
CĐR2	Vận dụng được các kiến thức y khoa trong chẩn đoán, xử trí và điều trị các bệnh thông thường của cộng đồng.
CĐR3	Vận dụng kiến thức cơ bản về y học dự phòng trong việc xác định các yếu tố nguy cơ gây bệnh dịch và ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.
CĐR4	Vận dụng kiến thức về xây dựng kế hoạch cho hoạt động chuyên môn trong bối cảnh cụ thể của cơ sở y tế và cộng đồng.
CĐR5	Vận dụng phương pháp luận khoa học trong các nghiên cứu y học cơ bản.
CĐR6	Vận dụng được chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.
2. Kỹ năng ***2.1. Kỹ năng chuyên ngành***	
CĐR7	Phát hiện được yếu tố nguy cơ gây bệnh dịch và ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng và y tế công cộng.
CĐR8	Thực hiện được các kỹ năng quản lý, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động các chương trình về y tế dự phòng, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho cộng đồng.
CĐR9	Thực hiện kỹ thuật khai thác, thăm khám, phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và xử trí các bệnh thông thường và một số bệnh chuyên khoa.
CĐR10	Tham gia giám sát, phát hiện sớm các dịch bệnh phổ biến và tổ chức phòng chống dịch.
CĐR11	Tư vấn và truyền thông giáo dục sức khỏe cho cộng đồng trong điều trị, dự phòng bệnh tật, phục hồi chức năng và lựa chọn dịch vụ y tế phù hợp.
CĐR12	Thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực sức khỏe
2.2. Kỹ năng mềm	
CĐR13	Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình, báo cáo, tìm tài liệu, kỹ năng tin học ứng dụng.

CĐR14	Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ để cập nhập kiến thức, đọc, hiểu được tài liệu chuyên môn.
CĐR15	Huy động nguồn lực các bên liên quan trong hoạt động nghề nghiệp.
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm	
CĐR16	Nhận thức được tầm quan trọng của nguyên lý y học dự phòng và công tác dự phòng trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.
CĐR17	Tôn trọng, cảm thông và tận tụy phục vụ người bệnh, chân thành lắng nghe ý kiến của cộng đồng.
CĐR18	Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, phong tục, tập quán, tín ngưỡng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam trong hoạt động chăm sóc sức khỏe.
CĐR19	Tôn trọng luật pháp và chính sách chỉ đạo của Nhà nước, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp.
CĐR20	Trung thực, khách quan và có tinh thần tự học tập để nâng cao trình độ.

V. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT	Mã HP	Tên môn học	Tín chỉ				Số tiết			
			Tổng	LT	TH	LS	Tổng	LT	TH	LS
1	YC1027	Y học cổ truyền	2	1	0	1	55	15	0	40

VI. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ

STT	Học phần	Phương pháp lượng giá/đánh giá					Tổng số phương pháp
		MCQ	Tự luận	Báo cáo	OSCE	Bảng kiểm	
1	Y học cổ truyền	x			x	x	3

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Cao Tiến Đức

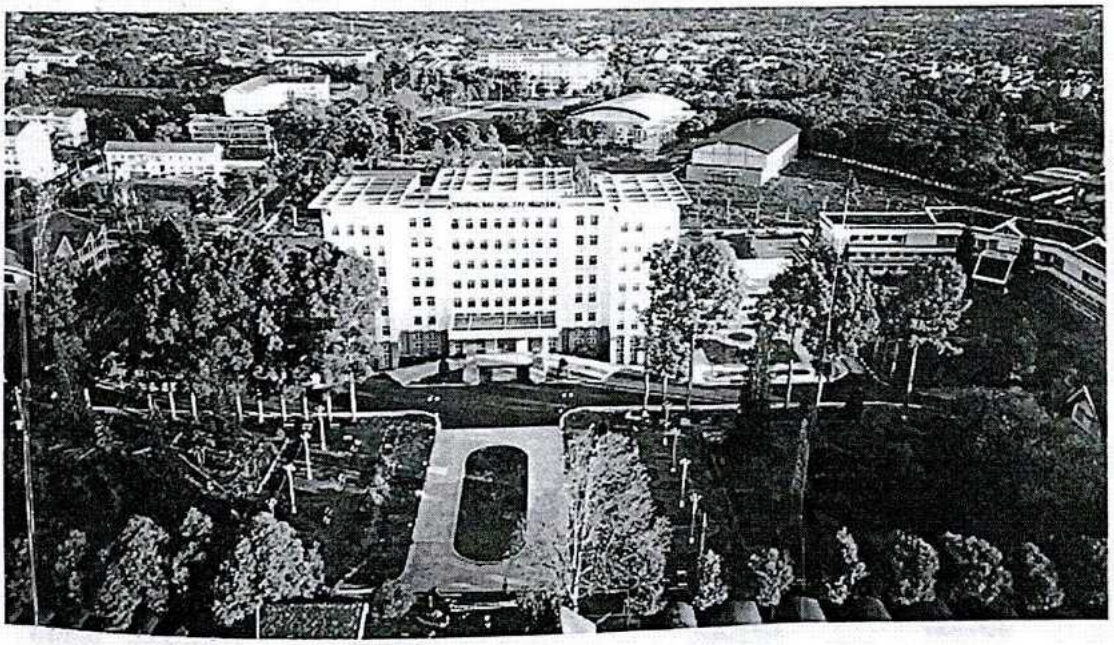
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Y Khoa** ***(General Medicine)***

Tên chuyên ngành: **Y Khoa** Mã ngành: **7720101**

Trình độ đào tạo: **Đại học** Hình thức đào tạo: **Chính quy**



Đắk Lắk, 2023

www.ttn.edu.vn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

BẢN CẬP NHẬT
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: Y KHOA
Tên tiếng Anh: GENERAL MEDICINE
Tên chuyên ngành: Y KHOA
Mã ngành: 7720101

Đắk Lắk, 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN
Số: 1490/QĐ-ĐHTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tây Nguyên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018.

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1574/QĐ-ĐHTN ngày 24 tháng 8 năm 2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Thông báo số 712/TB-ĐHTN ngày 04 tháng 04 năm 2023 của Hiệu trưởng về việc cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học năm 2023.

Căn cứ kết luận cuộc họp ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng Khoa học và đào tạo về việc cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học năm 2023.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành 35 Chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tây Nguyên (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2023 trở về sau.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị liên quan, cán bộ viên chức và người học chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

TS. Nguyễn Thanh Trúc

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1490/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 8 năm 2023)

Stt	Khoa đào tạo	Chương trình đào tạo	Ghi chú
1	Khoa Y Dược	Y khoa	
2		Điều dưỡng	
3		Xét nghiệm y học	
4	Khoa Sư phạm	Giáo dục tiểu học	
5		Giáo dục tiểu học tiếng Jrai	
6		Sư phạm Ngữ văn	
7		Văn học	
8		Giáo dục thể chất	
9		Giáo dục mầm non	
10	Khoa Nông Lâm nghiệp	Bảo vệ thực vật	
11		Khoa học cây trồng	
12		Lâm sinh	
13		Quản lý đất đai	
14		Công nghệ thực phẩm	
15	Khoa Ngoại ngữ	Sư phạmTiếng anh	
16		Ngôn ngữ Anh	
17	Khoa Chăn nuôi - Thú y	Chăn nuôi Thú y	
18		Thú y	
19	Khoa Lý luận chính trị	Giáo dục chính trị	
20		Triết học	
1	Khoa Khoa học tự nhiên & công nghệ	Sư phạm Toán học	
2		Sư phạm Vật lý	
3		Sư phạm Hoá học	
4		Công nghệ thông tin	
5		Sư phạm Sinh học	
6		Sư phạm Khoa học tự nhiên	
7		Công nghệ sinh học	
8	Khoa Kinh tế	Quản trị kinh doanh	
9		Kế toán	
10		Tài chính ngân hàng	
11		Kinh tế	

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: Y HỌC CỔ TRUYỀN THỰC HÀNH
Mã học phần: YD213529

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ thực hành: 02.

Loại môn học: Bắt buộc.

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Giải phẫu, Sinh lý, Sinh lý bệnh-miễn dịch, Nội cơ sở LT.

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Nhựt Hùng; Số điện thoại:.....;
Email: .....

Giảng viên 2: Họ và tên: Lê Thị Mơ; Số điện thoại:.....;
Email:.....

Giảng viên 3: Họ và tên: Trương Thị Ánh Linh; Số điện thoại:.....;

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

- Học phần này có một vai trò trong việc cung cấp, trang bị cho sinh viên các kỹ năng khám, chẩn đoán và điều trị bệnh bằng phương pháp y học cổ truyền, một phương pháp điều trị có hiệu quả gắn liền với nền y học Việt Nam.
- Kiến thức môn học có liên quan đến việc khám bệnh, chẩn đoán bệnh, điều trị một số bệnh thường gặp bằng châm cứu, dùng thuốc đông dược

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Khai thác đầy đủ tiền sử, bệnh sử, khám y học cổ truyền và hoàn thành bệnh án y học cổ truyền đầy đủ, đúng trình tự đối với một số bệnh y học cổ truyền thường gặp.

MT2. Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, dấu hiệu để chẩn đoán một số chứng trạng và chứng hậu YHCT thường gặp.

MT3. Thiết lập được kế hoạch điều trị và chăm sóc đối một số trường hợp bệnh YHCT thường gặp.

MT4. Báo cáo/trình bày được một số trường hợp bệnh YHCT thường gặp.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

Kiến thức

H1. Vận dụng được kiến thức y dược học cơ sở, y học lâm sàng trong chẩn đoán, điều trị một số bệnh YHCT thường gặp.

Kỹ năng:

H2 Thực hiện được phương pháp khám và chẩn đoán bệnh bằng phương pháp YHCT

H3. Xác định được vị trí của 85 huyệt thường dùng điều trị một số bệnh YHCT thường gặp

H4. Thực hiện được kỹ thuật châm, cứu điều trị một số bệnh thường gặp

H5. Khai thác được tiền sử, bệnh sử, khám YHCT và hoàn thành bệnh án YHCT đầy đủ, đúng trình tự đối với một số bệnh YHCT thường gặp.

H6. Khám, chẩn đoán và điều trị được một số bệnh thường gặp bằng phương pháp YHCT

Thái độ

H7. Phân biệt được các giai đoạn cấp và mãn tính của bệnh để có thái độ điều trị đúng có thể điều trị bằng y học hiện đại, điều trị bằng y học cổ truyền, hoặc kết hợp điều trị giữa y học hiện đại và y học cổ truyền

H8. Bệnh lý thường gặp của y học cổ truyền thường tiến triển mãn tính, tỷ lệ tái phát cao, tổn thương thần kinh trung ương hoặc ngoại biên gây liệt, teo cơ... nên thầy thuốc yhct phải kiên trì, ân cần, chăm sóc người bệnh.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo									
	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11
H1	x	x	x							
H2	x			x	x					
H3	x			x						
H4	x			x	x	x	x			
H5	x	x			x	x				
H6	x	x		x	x	x	x	x		
H7	x	x	x		x		x			
H8	x		x					x	x	x

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1. Thực hiện được kỹ thuật châm cứu** 1.1. Kỹ thuật châm 1.1.1. Định nghĩa 1.1.2. Sơ lược về các loại kim châm 1.1.3. Những điều cần chú ý khi châm 1.1.4. Xác định vị trí huyệt 1.1.5. Phương pháp đo lấy huyệt 1.1.7. Chỉ định và chống chỉ định của châm 1.1.8. Các tai biến khi châm và cách phòng chống 1.2. Kỹ thuật cứu 1.2.1. Định nghĩa 1.2.2. Những điều cần chú ý khi cứu 1.2.3. Thái độ của Thầy thuốc 1.2.4. Tư thế BN 1.2.5. Phương tiện 1.2.6. Phương pháp cứu 1.2.7.. Chỉ định và chống chỉ định của cứu 1.2.8. Tai biến và cách phòng chống khi cứu	10 tiết giảng (5tiết chuẩn)	Giáo trình [1] và một số sách tham khảo trong mục 6
2.	**Chương 2. Châm cứu một số huyệt điều trị một số bệnh thường gặp tại cộng đồng** 2.1. Huyệt vùng đầu mặt cổ 2.2. Huyệt vùng chi trên 2.3. Huyệt vùng ngực bụng 2.4. Huyệt vùng lưng 2.5. Huyệt vùng chi dưới	10 tiết giảng (5 tiết chuẩn)	Giáo trình [1] và một số sách tham khảo trong mục 6
3	**Chương 3. Thực hành cách làm bệnh án YHCT** 3.1. Phần hành chính 3.2. Lý do vào viện 3.3. Bệnh sử 3.4. Tiền sử 3.5. Thăm khám 3.5.1. Thăm khám theo YHHĐ	6 tiết giảng (3tiết chuẩn)	Giáo trình [1] và một số sách tham khảo trong mục 6

	3.5.2. Thăm khám theo YHCT 3.6. Tóm tắt bệnh án 3.6.1. Tóm tắt theo YHHĐ 3.6.2. Tóm tắt theo YHCT 3.7. Chẩn đoán 3.7.1. Chẩn đoán theo YHHĐ 3.7.2. Chẩn đoán theo YHCT 3.8. Điều trị 3.8.1. Điều trị theo YHHĐ 3.8.2. Điều trị theo YHCT 3.9. Tiên lượng 3.10. Phòng bệnh		
4	**Chương 4. Thực hành thuốc dược liệu thường dùng điều trị 8 chứng bệnh thường gặp tại cộng đồng** 4.1. Thuốc giải biểu 4.2. Thuốc thanh nhiệt 4.3. Thuốc an thần 4.4. Thuốc chữa ho 4.5. Thuốc hành huyết 4.6. Thuốc hành khí 4.7. Thuốc bổ	16 tiết giảng (8 tiết chuẩn)	Giáo trình [1] và một số sách tham khảo trong mục 6
5	**Chương 5. Thực hành chẩn đoán điều trị tâm căn suy nhược** 5.1. Y học hiện đại 5.1.1. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh 5.1.2. Bệnh cảnh lâm sàng điển hình 5.1.3. Các thể lâm sàng 5.1.4. Chẩn đoán 5.1.5. Điều trị 5.2. Giáo dục sức khỏe về mặt tâm sinh lý	6 tiết giảng (3 tiết chuẩn)	Giáo trình [1] và một số sách tham khảo trong mục 6
6	**Chương 6. Thực hành chẩn đoán điều trị viêm khớp dạng thấp** 6.1. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh 6.2. Triệu chứng lâm sàng 6.2.1. Tại khớp 6.2.2. Triệu chứng toàn thân và ngoài khớp 6.3. Chẩn đoán 6.3.1. Chẩn đoán xác định 6.3.2. Chẩn đoán phân biệt 6.4. Nguyên tắc điều trị theo YHHĐ 6.4.1. Các thể lâm sàng của VKDT theo YHCT 6.4.2. Thể phong hàn thấp tý (đau nhức các khớp không có nóng đỏ) 6.4.3. VKDT có sưng nóng đỏ 6.5. Phương pháp phòng bệnh	8 tiết giảng (4 tiết chuẩn)	Giáo trình [1] và một số sách tham khảo trong mục 6

7	**Chương 7. Thực hành chẩn đoán điều trị đau thần kinh hông to** 7.1. Đau thần kinh hông to theo YHHĐ 7.1.1. Nguyên nhân gây bệnh 7.1.2. Các thể lâm sàng 7.1.3. Chẩn đoán phân biệt 7.1.4. Điều trị đau TK hông bằng phương pháp YHHĐ 7.2. Đau thần kinh hông to theo YHCT 7.2.1. Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh 7.2.2. Thể lâm sàng 7.3. Điều trị đau thần kinh hông bằng phương pháp xoa bóp: 7.4. Những bài tập vận động trị liệu đau thần kinh hông to 7.5. Phương pháp phòng bệnh và phòng ngừa tái phát	8 tiết giảng (4 tiết chuẩn)	Giáo trình [1] và một số sách tham khảo trong mục 6
8	**Chương 8. Thực hành chẩn đoán điều trị đau vai gáy** 8.1. Đau vai gáy theo YHHĐ 8.1.1. Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh đau vai gáy 8.1.2. Triệu chứng 8.1.3. Các thể lâm sàng 8.1.4. Nguyên tắc điều trị 8.2. Đau vai gáy theo YHCT (Lạc chẩm) 8.2.1. Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh theo Y học cổ truyền 8.2.2. Thể lâm sàng đau vai gáy 8.3. Bài tập hướng dẫn phòng ngừa đau cổ cơ năng	6 tiết giảng (3 tiết chuẩn)	Giáo trình [1] và một số sách tham khảo trong mục 6
9	**Chương 9. Thực hành chẩn đoán điều trị liệt mặt ngoại biên** 9.1. Liệt dây 7 ngoại biên theo YHHĐ 9.1.1. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh theo YHHĐ: 9.1.2. Triệu chứng lâm sàng 9.1.3. Chẩn đoán phân biệt 9.1.4. Điều trị liệt mặt ngoại biên bằng phương pháp YHHĐ 9.2. Liệt mặt ngoại biên theo YHCT 9.2.1. Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh 9.2.2. Liệt mặt ngoại biên do lạnh (trúng phong hàn ở kinh lạc) 9.2.3. Liệt mặt ngoại biên do nhiễm trùng (Trúng phong nhiệt ở kinh lạc) 9.2.4. Liệt dây mặt ngoại biên do sang chấn (ứ huyết ở kinh lạc)	6 tiết giảng (3 tiết chuẩn)	Giáo trình [1] và một số sách tham khảo trong mục 6

	9.3. Điều trị liệt mặt ngoại biên bằng phương pháp xoa bóp- bấm huyệt		
10	**Chương 10. Thực hành chẩn đoán điều trị liệt nữa người do tai biến mạch máu não** 10.1. Chẩn đoán và điều trị liệt nữa người theo YHHĐ. 10.1.1. Chẩn đoán khác 10.1.2. Nguyên tắc và điều trị 10.2. Liệt nữa người theo YHCT 10.2.1. Nguyên nhân 10.2.2. Chẩn đoán và điều trị chứng Trúng phong 10.3. Dự phòng TBMMN	8 tiết giảng (4 tiết chuẩn)	
11	**Chương 11. Thực hành chẩn đoán điều trị dị ứng** 11.1. Dị ứng theo Y học hiện đại 11.1.1. Tiêu chuẩn và những triệu chứng dị ứng phổ biến 11.1.2. Điều trị các bệnh dị ứng 11.2. Dị ứng theo y học cổ truyền 11.2.1. Thể lâm sàng	6 tiết giảng (3 tiết chuẩn)	

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi 1 (10 tiết)	**Chương 1. Thực hiện được kỹ thuật châm cứu** *(Trong đầu buổi này bộ môn sẽ thông tin đến sinh viên nội quy, quy chế khi đi học lâm sàng; mục tiêu của học phần, nội dung học phần;các dụng cụ và vật dụng cần thiết cho việc học tập, tài liệu học tập; một số nhiệm vụ của sinh viên; hình thức thi kết thúc học phần).* 1.1. Kỹ thuật châm 1.1.1. Định nghĩa: 1.1.2. Sơ lược về các loại kim châm 1.1.3. Những điều cần chú ý khi châm: 1.1.4. Xác định vị trí huyệt 1.1.5. Phương pháp đo lấy huyệt	H4	**Phương pháp dạy học:** *(Áp dụng linh hoạt)* Thường là dạy học bên giường bệnh; có thể kết hợp thảo luận nhóm nhỏ, dạy học bằng sơ đồ diễn tiến/lưu đồ. **Hình thức tổ chức dạy học:** *(Áp dụng linh hoạt)* Thường là: Dạy học bên giường bệnh có/không kết hợp với thảo luận ở giảng đường bệnh viện; qua buổi đi buồng điểm bệnh; qua buổi trực tại bệnh viện. **Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu (trình bày trong đề cương học phần) theo mục tiêu của học phần; tập trung, chủ động lắng nghe; quan sát và thực hành các kỹ năng thăm khám; suy nghĩ để nêu ra các	Vấn đáp

	1.1.6. Phương pháp châm kim 1.1.7. Chỉ định và chống chỉ định của châm 1.1.8. Các tai biến khi châm và cách phòng chống 1.2. Kỹ thuật cứu 1.2.1. Định nghĩa 1.2.2. Những điều cần chú ý khi cứu: 1.2.3. Thái độ của Thầy thuốc 1.2.4. Tư thế BN 1.2.5. Phương tiện 1.2.6. Phương pháp cứu 1.2.7.. Chỉ đinh và chống chỉ định của cứu 1.2.8. Tai biến và cách phòng chống khi cứu		câu hỏi/vấn đề cần trao đổi/thảo luận; ghi chép đầy đủ; cần có thái độ học tập nghiêm túc. **Địa điểm học:** Phòng bệnh và giảng đường bệnh viện	
Buổi 2 (10 tiết)	**Chương 2. Châm cứu một số huyệt điều trị một số bệnh thường gặp tại cộng đồng** 2.1. Huyệt vùng đầu mặt cổ 2.2. Huyệt vùng chi trên 2.3. Huyệt vùng ngực bụng 2.4. Huyệt vùng lưng 2.5. Huyệt vùng chi dưới	H3, H4	**Phương pháp dạy học:** *(Áp dụng linh hoạt)* Thường là dạy học bên giường bệnh; có thể kết hợp thảo luận nhóm nhỏ, dạy học bằng sơ đồ diễn tiến/lưu đồ. **Hình thức tổ chức dạy học:** *(Áp dụng linh hoạt)* Thường là: Dạy học bên giường bệnh có/không kết hợp với thảo luận ở giảng đường bệnh viện; qua buổi đi buồng điểm bệnh; qua buổi trực tại bệnh viện. **Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu (trình bày trong đề cương học phần) theo mục tiêu của học phần; tập trung, chủ động lắng nghe; quan sát và thực hành các kỹ năng thăm khám; suy nghĩ để nêu ra các câu hỏi/vấn đề cần trao đổi/thảo luận; ghi chép đầy đủ; cần có thái độ học tập nghiêm túc. **Địa điểm học:** Phòng bệnh và giảng đường bệnh viện	Lượng giá kĩ năngchâm cứu Lượng giá lâm sàng bằng các câu hỏi lí thuyết lâm sàng có tính nhớ lại thuần túy.
Buổi 3 (6 tiết)	**Chương 3. Thực hành cách làm bệnh án YHCT** 3.1. Phần hành chính 3.2. Lý do vào viện 3.3. Bệnh sử	H1 đến H8	**Phương pháp dạy học:** Thuyết trình kết hợp với thảo luận nhóm **Hình thức tổ chức dạy học:** Dạy học theo nhóm tại giảng	Báo cáo bệnh án+ vấn đáp; Lượng giá kĩ

	3.4. Tiền sử 3.5. Thăm khám 3.5.1. Thăm khám theo YHHĐ 3.5.2. Thăm khám theo YHCT 3.6. Tóm tắt bệnh án 3.6.1. Tóm tắt theo YHHĐ 3.6.2. Tóm tắt theo YHCT 3.7. Chẩn đoán 3.7.1. Chẩn đoán theo YHHĐ 3.7.2. Chẩn đoán theo YHCT 3.8. Điều trị 3.8.1. Điều trị theo YHHĐ 3.8.2. Điều trị theo YHCT 3.9. Tiên lượng 3.10. Phòng bệnh		dường bệnh viện không có người bệnh. **Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu (trình bày trong đề cương học phần) theo mục tiêu của học phần; tập trung, chủ động lắng nghe; suy nghĩ để nêu ra các câu hỏi/vấn đề để trao đổi, thảo luận; ghi chép đầy đủ; cần có thái độ học tập nghiêm túc. **Địa điểm học:** Giảng đường bệnh viện	năng thăm khám
Buổi 4 (16 tiết)	**Chương 4. Thực hành thuốc dược liệu thường dùng điều trị 8 chứng bệnh thường gặp tại cộng đồng** 4.1. Thuốc giải biểu 4.2. Thuốc thanh nhiệt 4.3. Thuốc an thần 4.4. Thuốc chữa ho 4.5. Thuốc hành huyết 4.6. Thuốc hành khí 4.7. Thuốc bổ	H1 đến H8	Như buổi 3	
Buổi 5 (6 tiết)	**Chương 5. Thực hành chẩn đoán điều trị tâm căn suy nhược** 5.1. Y học hiện đại 5.1.1. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh 5.1.2. Bệnh cảnh lâm sàng điển hình 5.1.3. Các thể lâm sàng 5.1.4. Chẩn đoán 5.1.5. Điều trị 5.2. Giáo dục sức khỏe về mặt tâm sinh lý	H1 đến H8	Như buổi 1	Báo cáo bệnh án+ vấn đáp; Lượng giá kĩ năng thăm khám
Buổi 6 (8 tiết)	**Chương 6. Thực hành chẩn đoán điều trị viêm khớp dạng thấp** 6.1. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh 6.2. Triệu chứng lâm sàng	H1 đến H8	Như buổi 1	Báo cáo bệnh án+ vấn đáp; Lượng giá kĩ năng

	6.2.1. Tại khớp 6.2.2. Triệu chứng toàn thân và ngoài khớp 6.3. Chẩn đoán 6.3.1. Chẩn đoán xác định 6.3.2. Chẩn đoán phân biệt 6.4. Nguyên tắc điều trị theo YHHĐ 6.4.1. Các thể lâm sàng của VKDT theo YHCT 6.4.2. Thể phong hàn thấp tý (đau nhức các khớp không có nóng đỏ) 6.4.3. VKDT có sưng nóng đỏ 6.5. Phương pháp phòng bệnh			thăm khám
Buổi 7 (8 tiết)	**Chương 7. Thực hành chẩn đoán điều trị đau thần kinh hông to** 7.1. Đau thần kinh hông to theo YHHĐ 7.1.1. Nguyên nhân gây bệnh 7.1.2. Các thể lâm sàng 7.1.3. Chẩn đoán phân biệt 7.1.4. Điều trị đau TK hông bằng phương pháp YHHĐ 7.2. Đau thần kinh hông to theo YHCT 7.2.1. Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh 7.2.2. Thể lâm sàng 7.3. Điều trị đau thần kinh hông bằng phương pháp xoa bóp: 7.4. Những bài tập vận động trị liệu đau thần kinh hông to 7.5. Phương pháp phòng bệnh và phòng ngừa tái phát	H1 đến H8	Như buổi 1	Báo cáo bệnh án+ vấn đáp; Lượng giá kĩ năng thăm khám
Buổi 8 (6 tiết)	**Chương 8. Thực hành chẩn đoán điều trị đau vai gáy** 8.1. Đau vai gáy theo YHHĐ 8.1.1. Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh đau vai gáy 8.1.2. Triệu chứng 8.1.3. Các thể lâm sàng 8.1.4. Nguyên tắc điều trị: 8.2. Đau vai gáy theo YHCT (Lạc châm)	H1 đến H8	Như buổi 1	Báo cáo bệnh án/nghiên cứu tình huống + vấn đáp; Lượng giá kĩ năng thăm

	8.2.1. Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh theo Y học cổ truyền 8.2.2. Thể lâm sàng đau vai gáy 8.3. Bài tập hướng dẫn phòng ngừa đau cổ cơ năng			khám
Buổi 9 (6 tiết)	**Chương 9. Thực hành chẩn đoán điều trị liệt mặt ngoại biên** 9.1. Liệt dây 7 ngoại biên theo YHHĐ 9.1.1. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh theo YHHĐ: 9.1.2. Triệu chứng lâm sàng: 9.1.3. Chẩn đoán phân biệt: 9.1.4. Điều trị liệt mặt ngoại biên bằng phương pháp YHHĐ 9.2. Liệt mặt ngoại biên theo YHCT 9.2.1. Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh: 9.2.2. Liệt mặt ngoại biên do lạnh (trúng phong hàn ở kinh lạc) 9.2.3. Liệt mặt ngoại biên do nhiễm trùng (Trúng phong nhiệt ở kinh lạc) 9.2.4. Liệt dây mặt ngoại biên do sang chấn (ứ huyết ở kinh lạc) 9.3. Điều trị liệt mặt ngoại biên bằng phương pháp xoa bóp- bấm huyệt	H1 đến H8	Như buổi 1	Báo cáo bệnh án+ vấn đáp; Lượng giá kĩ năng thăm khám
Buổi 10 (8 tiết)	**Chương 10. Thực hành chẩn đoán điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não** 10.1. Chẩn đoán và điều trị liệt nữa người theo YHHĐ. 10.1.1. Chẩn đoán khác: 10.1.2. Nguyên tắc và điều trị: 10.2. Liệt nữa người theo YHCT 10.2.1. Nguyên nhân 10.2.2. Chẩn đoán và điều trị chứng Trúng phong 10.3. Dự phòng TBMMN	H1 đến H8	Như buổi 1	Báo cáo bệnh án+ vấn đáp; thực hành kỹ năng lâm sàng

Buổi 11(6 tiết)	**Chương 11. Thực hành chẩn đoán điều trị dị ứng** 11.1. Dị ứng theo Y học hiện đại 11.1.1. Tiêu chuẩn và những triệu chứng dị ứng phổ biến 11.1.2. Điều trị các bệnh dị ứng 11.2. Dị ứng theo y học cổ truyền 11.2.1. Thể lâm sàng	H1 đến H8	Như buổi 1	Báo cáo bệnh án+ vấn đáp; thực hành kỹ năng lâm sàng

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Bộ môn Y học cổ truyền, 2008, Bài giảng Y học cổ truyền, Trường đại học Y Hà nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Hoàng Bảo Châu-Trần Thuý (1994) Y học cổ truyền, nhà xuất bản y học.

[3] Bành Khừu-Đặng Quốc Khánh (2002) Những học thuyết cơ bản của y học cổ truyền, nhà xuất bản Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Khi đi học trên lâm sàng

- Đi học đầy đủ (khi vắng cần xin phép).
- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, dụng cụ và các vật dụng cần thiết.
- Tập trung, chủ động lắng nghe, quan sát khi thầy/cô hướng dẫn và ghi chép đầy đủ.
- Chủ động, chăm chỉ rèn luyện các kỹ năng theo mục tiêu của học phần.
- Động não để nêu ra các câu hỏi/vấn đề cần trao đổi, thảo luận.
- Cần có thái độ học tập nghiêm túc. Tuân thủ chặt chẽ các nội quy, quy chế của Bộ môn, Khoa và Nhà trường cũng như của Khoa lâm sàng và Bệnh viện (nơi đang đi thực hành).

7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

8.2. Rubric đánh giá bộ phận

Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đầu ra	Trọng số	Mô tả chất lượng				Điểm
			Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
Chuyên cần	H7, H8	20%	Đi học đầy đủ, đúng giờ	Đi học đầy đủ, trễ dưới 3 buổi có lý do chính đáng.	Đi học không đầy đủ, nghỉ có lý do chính đáng dưới 3 buổi	Đi học không đầy đủ, nghỉ học không lý do hoặc có lý do từ trên 3 buổi	
Thái độ học tập	H7, H8	20%	Chuẩn bị bài tốt Tham gia phát biểu rất tích cực	Có chuẩn bị bài Có tham gia phát biểu	Chuẩn bị bài sơ sài Rất ít tham gia phát biểu	Không chuẩn bị bài Không tham gia phát biểu	
Kỹ năng trình bệnh	H2, H5, H6	20%	Không nhìn bệnh án Nói rõ, tự	Không nhìn bệnh án Nói rõ, tự	Đôi lúc còn phải nhìn bệnh án Nói nhỏ, rõ,	Phải nhìn bệnh án toàn bộ Nói không	

			tin, thuyết phục,giao lưu người nghe	tin, giao lưu người nghe	thiếu tự tin, ít giao lưu người nghe	rõ, không tự tin, không giao tiếp người nghe	
Kỹ năng làm việc nhóm	H2-H6	10%	Tham gia tích cực các bài thảo luận nhóm Tinh thần trách nhiệm, hiệu quả	Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm Có tinh thần trách nhiệm	Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm Tinh thần trách nhiệm chưa cao	Không tham gia thảo luận nhóm Không có tinh thần trách nhiệm	
Bệnh án điều kiện	H1, H5, H6	30%	- Đầy đủ - Hình thức: sạch, đẹp, rõ, không lỗi chính tả. - Nội dung: Đủ mục, đáp ứng 90-100% yêu cầu, có mở rộng.	- Đầy đủ - Hình thức: Sạch, đẹp, rõ, ít lỗi chính tả. - Nội dung: Đủ mục, đáp ứng 70-80% yêu cầu.	- Đầy đủ - Hình thức: gạch xóa, rõ, ít lỗi chính tả. - Nội dung Thiếu mục, đáp ứng 50-60% yêu cầu.	- Thiếu - Hình thức: gạch xóa nhiều, sai chính tả nhiều. - Nội dung: Thiếu nhiều mục, đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
Tổng điểm							

8.3. Rubric đánh giá tổng kết

Tiêu chí đánh giá	**Chuẩn đầu ra**	**Trọng số**	**Mô tả chất lượng**				**Điểm**
			Xuất sắc	**Tốt**	**Đạt yêu cầu**	**Chưa đạt**	
Kỹ năng làm bệnh án	H7, H8	10%	- Đầy đủ - Hình thức: sạch, đẹp, rõ, không lỗi chính tả. - Nội dung: Đủ mục, đáp ứng 90-100% yêu cầu, có mở rộng.	- Đầy đủ - Hình thức: Sạch, đẹp, rõ, ít lỗi chính tả. - Nội dung: Đủ mục, đáp ứng 70-80% yêu cầu.	- Đầy đủ - Hình thức: gạch xóa, rõ, ít lỗi chính tả. - Nội dung Thiếu mục, đáp ứng 50-60% yêu cầu.	- Thiếu - Hình thức: gạch xóa nhiều, sai chính tả nhiều. - Nội dung: Thiếu nhiều mục, đáp ứng dưới 50% nội dung đáp án	
Kỹ năng trình bệnh án	H2, H5 H6	10%	Không nhìn bệnh án Nói rõ, tự tin, thuyết phục,giao lưu người	Không nhìn bệnh án Nói rõ, tự tin, giao lưu người nghe	Đôi lúc còn phải nhìn bệnh án Nói nhỏ, rõ, thiếu tự tin, ít giao lưu người nghe	Phải nhìn bệnh án toàn bộ Nói không rõ, không tự tin, không giao tiếp	

			nghe			người nghe	
Kỹ năng thao tác	H2, H3, H4	40%	- Khám bệnh bằng phương pháp YHCT thành thạo - Xác định đúng, thành thạo huyệt theo vị trí giải phẫu và trên bệnh nhân. - Thực hiện thủ thuật châm, cứu chính xác, thành thạo	- Khám bệnh bằng phương pháp YHCT đầy đủ - Xác định đúng, huyệt theo vị trí giải phẫu và trên bệnh nhân. - Thực hiện thủ thuật châm, cứu đủ thao tác	- Khám bệnh bằng phương pháp YHCT đạt 50% yêu cầu - Xác định huyệt theo vị trí giải phẫu chưa đúng, chỉ được trên bệnh nhân. - Thực hiện được thủ thuật châm, cứu, chưa đầy đủ thao tác	- Không biết khám bệnh bằng phương pháp YHCT - Không xác định được huyệt theo vị trí giải phẫu và trên bệnh nhân. - Không thực hiện được thủ thuật châm, cứu.	
Trả lời câu hỏi	H1-H8	40%	- Trả lời rất thuyết phục các câu hỏi về thuốc, huyệt, lý luận cơ bản và bệnh học, có mở rộng.	- Trả lời tốt các câu hỏi về thuốc, huyệt, lý luận cơ bản và bệnh học đạt 70-80% yêu cầu	- Trả lời được các câu hỏi về thuốc, huyệt, lý luận cơ bản và bệnh học đạt 50-60% yêu cầu	- Trả lời kém các câu hỏi về thuốc, huyệt, lý luận cơ bản và bệnh học đạt dưới 50% yêu cầu	
Tổng điểm							

Ngày 24 tháng 10 năm 2023

Trưởng khoa (biên soạn)

PGS.TS PHÙNG MINH LƯƠNG

Trưởng Bộ môn (biên soạn)

Phùng Thị Xuyến

Người biên soạn

Lê Thị Mơ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Điều Dưỡng *(Nursing)***

Tên chuyên ngành: **Điều Dưỡng** Mã ngành: **7702031**

Trình độ đào tạo: **Đại học** Hình thức đào tạo: **Chính quy**



Đắk Lắk, 2023

www.ttn.edu.vn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: ĐIỀU DƯỠNG

Tên tiếng Anh: NURSING

Tên chuyên ngành: ĐIỀU DƯỠNG

Mã ngành: 7702031

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

Hình thức đào tạo: CHÍNH QUY

Đắk Lắk, 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN
Số: 1490/QĐ-ĐHTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tây Nguyên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018.

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1574/QĐ-ĐHTN ngày 24 tháng 8 năm 2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Thông báo số 712/TB-ĐHTN ngày 04 tháng 04 năm 2023 của Hiệu trưởng về việc cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học năm 2023.

Căn cứ kết luận cuộc họp ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng Khoa học và đào tạo về việc cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học năm 2023.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành 35 Chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tây Nguyên (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2023 trở về sau.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị liên quan, cán bộ viên chức và người học chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

TS. Nguyễn Thanh Trúc

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1490/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 8 năm 2023)

Stt	Khoa đào tạo	Chương trình đào tạo	Ghi chú
1	Khoa Y Dược	Y khoa	
2		Điều dưỡng	
3		Xét nghiệm y học	
4	Khoa Sư phạm	Giáo dục tiểu học	
5		Giáo dục tiểu học tiếng Jrai	
6		Sư phạm Ngữ văn	
7		Văn học	
8		Giáo dục thể chất	
9		Giáo dục mầm non	
10	Khoa Nông Lâm nghiệp	Bảo vệ thực vật	
11		Khoa học cây trồng	
12		Lâm sinh	
13		Quản lý đất đai	
14		Công nghệ thực phẩm	
15	Khoa Ngoại ngữ	Sư phạmTiếng anh	
16		Ngôn ngữ Anh	
17	Khoa Chăn nuôi - Thú y	Chăn nuôi Thú y	
18		Thú y	
19	Khoa Lý luận chính trị	Giáo dục chính trị	
20		Triết học	
21	Khoa Khoa học tự nhiên & công nghệ	Sư phạm Toán học	
22		Sư phạm Vật lý	
23		Sư phạm Hoá học	
24		Công nghệ thông tin	
25		Sư phạm Sinh học	
26		Sư phạm Khoa học tự nhiên	
27		Công nghệ sinh học	
28	Khoa Kinh tế	Quản trị kinh doanh	
29		Kế toán	
30		Tài chính ngân hàng	
31		Kinh tế	

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

TÊN HỌC PHẦN: Y HỌC CỔ TRUYỀN TH

Mã học phần: YD213245

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Ngành Điều dưỡng Chương trình đào tạo: Đại học

Tổng số tín chỉ thực hành: 01.

Loại môn học: Bắt buộc.

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Giải phẫu, Sinh lý, Sinh lý bệnh-miễn dịch, Nội cơ sở LT.

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Nhựt Hùng; Số điện thoại:.....;
Email: .....

Giảng viên 2: Họ và tên: Lê Thị Mơ; Số điện thoại:.....;
Email:.....

Giảng viên 3: Họ và tên: Trương Thị Ánh Linh; Số điện thoại:.....;

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

- Học phần này có một vai trò trong việc cung cấp, trang bị cho sinh viên các kỹ năng khám, chẩn đoán và điều trị bệnh bằng phương pháp y học cổ truyền, một phương pháp điều trị có hiệu quả gắn liền với nền y học Việt Nam.
- Kiến thức môn học có liên quan đến việc khám bệnh, chẩn đoán bệnh, điều trị một số bệnh thường gặp bằng châm cứu, dùng thuốc đông dược

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

Trong học phần này, giảng viên *cung cấp, hướng dẫn và rèn luyện* cho sinh viên một s kiến thức và kỹ năng quan trọng trong thực hành lâm sàng theo các mục tiêu cụ thể sau:

MT1. Khai thác tiền sử, bệnh sử, khám y học cổ truyền và hoàn thành bệnh án y học c truyền đầy đủ, đúng trình tự đối với một số bệnh y học cổ truyền thường gặp.

MT2. Phân tích và tổng hợp các triệu chứng, dấu hiệu để chẩn đoán một số chứng trạn và chứng hậu YHCT thường gặp.

MT3. Thiết lập được kế hoạch điều trị và chăm sóc đối một số trường hợp bệnh YHC thường gặp.

MT4. Báo cáo/trình bày được một số trường hợp bệnh YHCT thường gặp.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

Kiến thức

H1. Vận dụng được kiến thức y dược học cơ sở, y học lâm sàng trong chẩn đoán, điề trị một số bệnh YHCT thường gặp.

Kỹ năng:

H2 Thực hiện được phương pháp khám và chẩn đoán bệnh bằng phương pháp YHCT

H3. Xác định được vị trí của 85 huyệt thường dùng điều trị một số bệnh YHCT thường gặp

H4. Thực hiện được kỹ thuật châm, cứu điều trị một số bệnh thường gặp

H5. Khai thác được tiền sử, bệnh sử, khám YHCT và hoàn thành bệnh án YHCT đầy đủ, đúng trình tự đối với một số bệnh YHCT thường gặp.

H6. Khám, chẩn đoán và điều trị được một số bệnh thường gặp bằng phương pháp YHCT

Thái độ

H7. Phân biệt được các giai đoạn cấp và mãn tính của bệnh để có thái độ điều trị đúng có thể điều trị bằng y học hiện đại, điều trị bằng y học cổ truyền, hoặc kết hợp điều trị giữa y học hiện đại và y học cổ truyền

H8. Bệnh lý thường gặp của y học cổ truyền thường tiến triển mãn tính, tỷ lệ tái phát cao, tổn thương thần kinh trung ương hoặc ngoại biên gây liệt, teo cơ... nên thầy thuốc yhct phải kiên trì, ân cần, chăm sóc người bệnh.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	C7	C9	C11	C12	C16	C17
H1	×					
H2	×	×				
H3	×			×		
H4	×					
H5	×			×		
H6	×		×	×		
H7					×	×
H8					×	×

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1. Phương pháp chẩn đoán và điều trị y học cổ truyền** 1.1. Định nghĩa tứ chẩn 1.2. Nội dung tứ chẩn 1.2.1. Vọng chẩn: Nhìn, quan sát người bệnh 1.2.2. Văn chẩn 1.2.3. Vấn chẩn 1.2.4. Thiết chẩn 1.3. Bát cương 1.3.1. Nội dung bát cương	06 tiết giảng (3 tiết chuẩn)	Giáo trình [1] và một số sách tham khảo trong mục 6
2.	**Chương 2. Kỹ thuật châm và cứu** 2.1. Kỹ thuật châm 2.1.1 Định nghĩa 2.1.2. Sơ lược về các loại kim châm 2.1.3. Những điều cần chú ý khi châm 2.1.4. Xác định vị trí huyệt 2.1.5. Phương pháp châm kim 2.1.6. Chỉ định và chống chỉ định của châm 2.1.7. Các tai biến khi châm và cách	06 tiết giảng (3 tiết chuẩn)	Giáo trình [1] và một số sách tham khảo trong mục 6

	phòng chống 2.2. Kỹ thuật cứu 2.2.1. Định nghĩa 2.2.2. Những điều cần chú ý khi cứu 2.2.3. Phương tiện 2.2.4. Phương pháp cứu 2.2.5. Chỉ định và chống chỉ định của cứu 2.2.6. Tai biến và cách phòng chống khi cứu		
3	**Chương 3. Kỹ thuật xoa bóp bấm huyệt** 3.1. Đại cương 3.2. Tác dụng của xoa bóp 3.2.1. Đối với da 3.2.2. Đối với cơ 3.2.3. Đối với gân, dây chằng, khớp 3.2.4. Đối với tuần hoàn 3.2.5. Đối với hô hấp 3.2.6. Đối với hệ thần kinh 3.2.7. Đối với hệ tiêu hóa 3.2.8. Đối với quá trình trao đổi chất 3.3. Thủ thuật xoa bóp 3.3.1. Thủ thuật tác động vào da: 3.3.2. Thủ thuật tác động vào cơ 3.3.3. Vận động 3.4. Xoa bóp từng bộ phận 3.4.1. Xoa bóp vùng đầu 3.4.2. Xoa bóp vùng cổ gáy 3.4.3. Xoa bóp vùng lưng	6 tiết giảng (3 tiết chuẩn)	Giáo trình [1] và một số sách tham khảo trong mụ 6
4	**Chương 4. Vị trí tác dụng một số huyệt thường dùng điều trị các bệnh thường gặp** 4.1. Đại cương: 4.2. Huyệt thường dùng 4.2.1. Huyệt vùng đầu mặt cổ 4.2.2. Huyệt vùng chi trên 4.2.3. Huyệt vùng ngực bụng 4.2.4. Huyệt vùng lưng	10 tiết giảng (2 tiết chuẩn)	Giáo trình [1] và một số sách tham khảo trong mục 6
5	**Chương 5. Thuốc đông dược thường dùng ở tuyến cơ sở** 5.1. Thuốc giải biểu 5.2. Thuốc thanh nhiệt 5.3. Thuốc an thần	8 tiết giảng (4 tiết chuẩn)	Giáo trình [1] và một số sách tham khảo trong mục 6

	5.4. Thuốc chữa ho 5.5. Thuốc hành huyết 5.6. Thuốc hành khí 5.7. Thuốc bổ		
6	**Chương 6. Kê toa thuốc theo toa căn bản** 6.1. Điều hoà theo hư thực của bệnh 6.1.1. Thực chứng: áp dụng cho các bệnh cấp tính 6.2. Điều hoà theo tính chất hàn nhiệt của bệnh 6.3. Phần chữa bệnh	6 tiết giảng (3 tiết chuẩn)	Giáo trình [1] và một số sách tham khảo trong mục 6
7	**Chương 7. Một số bài thuốc nam dùng ở tuyến cơ sở** 7.1. Bài thuốc giải cảm 7.2. Bài thuốc chữa tiêu chảy 7.3. Bài thuốc chữa lỵ 7.4. Bài thuốc chữa phong thấp 7.5. Bài thuốc chữa ho, suyễn 7.6. Bài thuốc điều kinh 7.7. Bài thuốc tiêu độc 7.8. Bài thuốc bồi bổ cơ thể 7.9. Bài thuốc dạ dày	3 tiết giảng (1.5 tiết chuẩn)	Giáo trình [1] và một số sách tham khảo trong mục 6

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học đáp ứng CĐR	Bài đánh giá
Buổi 1 (6 tiết)	**Chương 1. Phương pháp chẩn đoán và điều trị y học cổ truyền** 1.1. Định nghĩa tứ chẩn 1.2. Nội dung tứ chẩn 1.2.1. Vọng chẩn: Nhìn, quan sát người bệnh 1.2.2. Văn chẩn 1.2.3. Vấn chẩn 1.2.4. Thiết chẩn 1.3. Bát cương 1.3.1. Nội dung bát cương	H4	**Phương pháp dạy học:** *(Áp dụng linh hoạt)* Thường là dạy học bên giường bệnh; có thể kết hợp thảo luận nhóm nhỏ, dạy học bằng sơ đồ diễn tiến/lưu đồ. **Hình thức tổ chức dạy học:** *(Áp dụng linh hoạt)* Thường là: Dạy học bên giường bệnh có/không kết hợp với thảo luận ở giảng đường bệnh viện; qua buổi đi buồng điểm bệnh; qua buổi trực tại bệnh viện. **Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu (trình bày trong đề cương học phần) theo mục tiêu của học phần; tập trung, chủ động lắng nghe; quan sát và	Vấn đáp

			thực hành các kỹ năng thăm khám; suy nghĩ để nêu ra các câu hỏi/vấn đề cần trao đổi/thảo luận; ghi chép đầy đủ; cần có thái độ học tập nghiêm túc. **Địa điểm học:** Phòng bệnh và giảng đường bệnh viện	
Buổi 2 (6 tiết)	**Chương 2. Kỹ thuật châm và cứu** 2.1. Kỹ thuật châm 2.1.1 Định nghĩa 2.1.2. Sơ lược về các loại kim châm 2.1.3. Những điều cần chú ý khi châm 2.1.4. Xác định vị trí huyệt 2.1.5. Phương pháp châm kim 2.1.6. Chỉ định và chống chỉ định của châm 2.1.7. Các tai biến khi châm và cách phòng chống 2.2. Kỹ thuật cứu 2.2.1. Định nghĩa 2.2.2. Những điều cần chú ý khi cứu 2.2.3. Phương tiện 2.2.4. Phương pháp cứu 2.2.5. Chỉ định và chống chỉ định của cứu 2.2.6. Tai biến và cách phòng chống khi cứu	H3, H4	**Phương pháp dạy học:** *(Áp dụng linh hoạt)* Thường là dạy học bên giường bệnh; có thể kết hợp thảo luận nhóm nhỏ, dạy học bằng sơ đồ diễn tiến/lưu đồ. **Hình thức tổ chức dạy học:** *(Áp dụng linh hoạt)* Thường là: Dạy học bên giường bệnh có/không kết hợp với thảo luận ở giảng đường bệnh viện; qua buổi đi buồng điểm bệnh; qua buổi trực tại bệnh viện. **Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu (trình bày trong đề cương học phần) theo mục tiêu của học phần; tập trung, chủ động lắng nghe; quan sát và thực hành các kỹ năng thăm khám; suy nghĩ để nêu ra các câu hỏi/vấn đề cần trao đổi/thảo luận; ghi chép đầy đủ; cần có thái độ học tập nghiêm túc. **Địa điểm học:** Phòng bệnh và giảng đường bệnh viện	Lượng giá kĩ năngchâm cứu Lượng giá lâm sàng bằng các câu hỏi lí thuyết lâm sàng có tính nhớ lại thuần túy.
Buổi 3 (6 tiết)	**Chương 3. Kỹ thuật xoa bóp bấm huyệt** 3.1. Đại cương 3.2. Tác dụng của xoa bóp 3.2.1. Đối với da 3.2.2. Đối với cơ 3.2.3. Đối với gân, dây chằng, khớp 3.2.4. Đối với tuần hoàn 3.2.5. Đối với hô hấp 3.2.6. Đối với hệ thần kinh 3.2.7. Đối với hệ tiêu hóa	H1 đến H8	**Phương pháp dạy học:** *(Áp dụng linh hoạt)* Thường là dạy học bên giường bệnh; có thể kết hợp thảo luận nhóm nhỏ, dạy học bằng sơ đồ diễn tiến/lưu đồ. **Hình thức tổ chức dạy học:** *(Áp dụng linh hoạt)* Thường là: Dạy học bên giường bệnh có/không kết hợp với thảo luận ở giảng đường bệnh viện; qua buổi đi buồng điểm bệnh; qua buổi trực tại	Báo cáo bệnh án+ vấn đáp; Lượng giá kĩ năng thăm khám

	3.2.8. Đối với quá trình trao đổi chất 3.3. Thủ thuật xoa bóp 3.3.1. Thủ thuật tác động vào da: 3.3.2. Thủ thuật tác động vào cơ 3.3.3. Vận động 3.4. Xoa bóp từng bộ phận 3.4.1. Xoa bóp vùng đầu 3.4.2. Xoa bóp vùng cổ gáy 3.4.3. Xoa bóp vùng lưng		bệnh viện. **Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu (trình bày trong đề cương học phần) theo mục tiêu của học phần; tập trung, chủ động lắng nghe; quan sát và thực hành các kỹ năng thăm khám; suy nghĩ để nêu ra các câu hỏi/vấn đề cần trao đổi/thảo luận; ghi chép đầy đủ; cần có thái độ học tập nghiêm túc. **Địa điểm học:** Phòng bệnh và giảng đường bệnh viện	
Buổi 4 (10 tiết)	**Chương 4. Vị trí tác dụng một số huyệt thường dùng điều trị các bệnh thường gặp** 4.1. Đại cương: 4.2. Huyệt thường dùng 4.2.1. Huyệt vùng đầu mặt cổ 4.2.2. Huyệt vùng chi trên 4.2.3. Huyệt vùng ngực bụng 4.2.4. Huyệt vùng lưng	H1 đến H8	Như buổi 3	
Buổi 5 (8 tiết)	**Chương 5. Thuốc đông dược thường dùng ở tuyến cơ sở** 5.1. Thuốc giải biểu 5.2. Thuốc thanh nhiệt 5.3. Thuốc an thần 5.4. Thuốc chữa ho 5.5. Thuốc hành huyết 5.6. Thuốc hành khí 5.7. Thuốc bổ	H1 đến H8	Như buổi 1	Báo cáo bệnh án+ vấn đáp; Lượng giá kĩ năng thăm khám
Buổi 6 (6 tiết)	**Chương 6. Kê toa thuốc theo toa căn bản** 6.1. Điều hoà theo hư thực của bệnh 6.2. Điều hoà theo tính chất hàn nhiệt của bệnh 6.3. Phần chữa bệnh	H1 đến H8	Như buổi 1	Báo cáo bệnh án+ vấn đáp; Lượng giá kĩ năng thăm khám
Buổi 7	**Chương 7. Một số bài thuốc nam dùng ở tuyến cơ sở**	H1 đến	Như buổi 1	Báo cáo bệnh án+

(3 tiết)	7.1. Bài thuốc giải cảm 7.2. Bài thuốc chữa tiêu chảy 7.3. Bài thuốc chữa lỵ 7.4. Bài thuốc chữa phong thấp 7.5. Bài thuốc chữa ho, suyễn 7.6. Bài thuốc điều kinh 7.7. Bài thuốc tiêu độc 7.8. Bài thuốc bồi bổ cơ thể 7.9. Bài thuốc dạ dày	H8		vấn đáp; Lượng giá kĩ năng thăm khám

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Bộ môn Y học cổ truyền, 2008, Bài giảng Y học cổ truyền. Trường đại học Y Hà nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Hoàng Bảo Châu-Trần Thuý (1994) Y học cổ truyền, nhà xuất bản y học.

[3] Bành Khừu-Đặng Quốc Khánh (2002) Những học thuyết cơ bản của y học cổ truyền, nhà xuất bản Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Khi đi học trên lâm sàng

- Đi học đầy đủ (khi vắng cần xin phép).
- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, dụng cụ và các vật dụng cần thiết.
- Tập trung, chủ động lắng nghe, quan sát khi thầy/cô hướng dẫn và ghi chép đầy đủ.
- Chủ động, chăm chỉ rèn luyện các kỹ năng theo mục tiêu của học phần.
- Động não để nêu ra các câu hỏi/vấn đề cần trao đổi, thảo luận.
- Cần có thái độ học tập nghiêm túc. Tuân thủ chặt chẽ các nội quy, quy chế của Bộ môn, Khoa và Nhà trường cũng như của Khoa lâm sàng và Bệnh viện (nơi đang đi thực hành).

7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá đáp ứng CĐR học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần:70%.

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá đáp ứng CĐR	rubric	CĐR học phần	Tỷ lệ
1.	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	x	H1- H9	30%
2.	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	x	H1- H9	70%

		giai đoạn học tập. Đánh giá khả năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau một quá trình học tập.				
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận				100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá đáp ứng CĐR	rubric	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi vấn đáp	x	H1 đến H9	100%

8.4 Mô tả rubric

Rubric đánh giá bộ phận

Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đầu ra	Trọng số	Mô tả chất lượng				Điểm
			Xuất sắc	Tốt	Đạt yêu cầu	Chưa đạt	
Chuyên cần	H7, H8	20%	Đi học đầy đủ, đúng giờ	Đi học đầy đủ, trễ dưới 3 buổi có lý do chính đáng.	Đi học không đầy đủ, nghỉ có lý do chính đáng dưới 3 buổi	Đi học không đầy đủ, nghỉ học không lý do hoặc có lý do từ trên 3 buổi	
Thái độ học tập	H7, H8	20%	Chuẩn bị bài tốt Tham gia phát biểu rất tích cực	Có chuẩn bị bài Có tham gia phát biểu	Chuẩn bị bài sơ sài Rất ít tham gia phát biểu	Không chuẩn bị bài Không tham gia phát biểu	
Kỹ năng trình bệnh	H2, H5, H6	20%	Không nhìn bệnh án Nói rõ, tự tin, thuyết phục,giao lưu người nghe	Không nhìn bệnh án Nói rõ, tự tin, giao lưu người nghe	Đôi lúc còn nhìn bệnh án Nói nhỏ, rõ, thiếu tự tin, ít giao lưu người nghe	Phải nhìn bệnh án toàn bộ Nói không rõ, không tự tin, không giao tiếp người nghe	
Kỹ năng làm việc nhóm	H2-H6	10%	Tham gia tích cực các bài thảo	Tham gia đầy đủ các bài thảo	Tham gia đầy đủ các bài thảo	Không tham gia thảo luận nhóm	

			luận nhóm Tinh thần trách nhiệm, hiệu quả	luận nhóm Có tinh thần trách nhiệm	luận nhóm Tinh thần trách nhiệm chưa cao	Không có tinh thần trách nhiệm	
Bệnh án điều kiện	H1, H5, H6	30%	- Đầy đủ - Hình thức: sạch, đẹp, rõ, không lỗi chính tả. - Nội dung: Đủ mục, đáp ứng 90-100% yêu cầu, có mở rộng.	- Đầy đủ - Hình thức: Sạch, đẹp, rõ, ít lỗi chính tả. - Nội dung: Đủ mục, đáp ứng 70-80% yêu cầu.	- Đầy đủ - Hình thức: gạch xóa, rõ, ít lỗi chính tả. - Nội dung Thiếu mục, đáp ứng 50-60% yêu cầu.	- Thiếu - Hình thức: gạch xóa nhiều, sai chính tả nhiều. - Nội dung: Thiếu nhiều mục, đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
Tổng điểm							

8.3. Rubric đánh giá tổng kết

Tiêu chí đánh giá	**Chuẩn đầu ra**	**Trọng số**	**Mô tả chất lượng**				**Điể**
			Xuất sắc	**Tốt**	**Đạt yêu cầu**	**Chưa đạt**	
Kỹ năng làm bệnh án	H7, H8	10%	- Đầy đủ - Hình thức: sạch, đẹp, rõ, không lỗi chính tả. - Nội dung: Đủ mục, đáp ứng 90-100% yêu cầu, có mở rộng.	- Đầy đủ - Hình thức: Sạch, đẹp, rõ, ít lỗi chính tả. - Nội dung: Đủ mục, đáp ứng 70-80% yêu cầu.	- Đầy đủ - Hình thức: gạch xóa, rõ, ít lỗi chính tả. - Nội dung Thiếu mục, đáp ứng 50-60% yêu cầu.	- Thiếu - Hình thức: gạch xóa, sai chính tả nhiều. - Nội dung: Thiếu nhiều mục, đáp ứng dưới 50% nội dung đáp án	
Kỹ năng trình bệnh án	H2, H5 H6	10%	Không nhìn bệnh án Nói rõ, tự tin, thuyết phục,giao lưu người nghe	Không nhìn bệnh án Nói rõ, tự tin, giao lưu người nghe	Đôi lúc còn phải nhìn bệnh án Nói nhỏ, rõ, thiếu tự tin, ít giao lưu người nghe	Phải nhìn bệnh án toàn bộ Nói không rõ, không tự tin, không giao tiếp người nghe	
Kỹ năng thao tác	H2, H3, H4	40%	- Khám bệnh bằng phương pháp YHCT thành thạo	- Khám bệnh bằng phương pháp YHCT đầy đủ	- Khám bệnh bằng phương pháp YHCT chưa đủ, đạt	- Không biết khám bệnh bằng phương pháp YHCT	

			- Xác định đúng, thành thạo huyệt theo vị trí giải phẫu và trên bệnh nhân. - Thực hiện thủ thuật xoa bóp bấm huyệt, châm, cứu chính xác, thành thạo	- Xác định đúng, huyệt theo vị trí giải phẫu và trên bệnh nhân. - Thực hiện thủ thuật xoa bóp bấm huyệt, châm, cứu đủ thao tác	50% yêu cầu - Xác định huyệt theo vị trí giải phẫu chưa chính xác, chỉ được trên bệnh nhân. - Thực hiện được thủ thuật xoa bóp bấm huyệt, châm, cứu, chưa đầy đủ thao tác	- Không xác định được huyệt theo vị trí giải phẫu và trên bệnh nhân. - Không thực hiện được thủ thuật xoa bóp bấm huyệt, châm, cứu.	
Trả lời câu hỏi	H1-H8	40%	- Trả lời rất thuyết phục các câu hỏi về thuốc, huyệt, lý luận cơ bản và bệnh học, có mở rộng.	- Trả lời tốt các câu hỏi về thuốc, huyệt, lý luận cơ bản và bệnh học đạt 70-80% yêu cầu	- Trả lời được các câu hỏi về thuốc, huyệt, lý luận cơ bản và bệnh học đạt 50-60% yêu cầu	- Trả lời kém các câu hỏi về thuốc, huyệt, lý luận cơ bản và bệnh học đạt dưới 50% yêu cầu	
Tổng điểm							

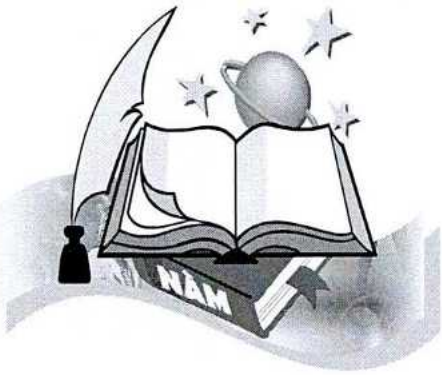
Ngày tháng năm 2023

Trưởng khoa (biên soạn)	Trưởng Bộ môn (biên soạn)	Người biên soạn
TS BS. Thái Quang Hùng	Nguyễn Thị Bích Thuỷ	Lê Thị Mơ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

---o0o---



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

NGÀNH: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC (VỪA HỌC VỪA LÀM)

…., tháng… năm 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO
VÀ HỢP TÁC DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/KH-HTDN

Trà Vinh, ngày 26 tháng 02 năm 2025

KẾ HOẠCH

V/v thực tập bệnh viện của sinh viên lớp Đại học ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng hình thức vừa làm vừa học khóa 2023 (Mã lớp: DB23PHCN63CD)

Căn cứ Kế hoạch đào tạo của lớp Đại học ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng hình thức vừa làm vừa học khóa 2023 (Mã lớp: DB23PHCN63CD).

Trung tâm Đào tạo và Hợp tác Doanh nghiệp phối hợp với Trường Y Dược lập kế hoạch thực tập tại các Bệnh viện cho lớp DB23PHCN63CD, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU THỰC TẬP

Sau khi hoàn thành đợt thực tập sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau:

1. Về thái độ:

- Chấp hành tốt các quy định của ngành Y tế và tuân thủ nội quy của Khoa, Bệnh viện.
- Tận tụy, ân cần, chu đáo và niềm nở trong đón tiếp và chăm sóc bệnh nhân.
- Tôn trọng người bệnh, đồng nghiệp và có thái độ đúng mực trong giao tiếp với đồng nghiệp, người bệnh và người nhà người bệnh.
- Thận trọng, chính xác nhằm đảm bảo an toàn cho người bệnh và cho những người xung quanh.
- Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của viên chức, người lao động trong cơ sở Y tế.

2. Về kiến thức và kỹ năng:

- Lập được hồ sơ bệnh án các chấn thương thường gặp.
- Trình bày được những điểm cơ bản trong điều trị các chấn thương, bệnh lý ngoại khoa.
- Lượng giá và lập kế hoạch điều trị về VLTL-PHCN cho các bệnh trên.
- Sử dụng được các kỹ thuật, kỹ năng VLTL-PHCN vào điều trị các bệnh trên.

II. THỜI GIAN, ĐỊA DIỂM VÀ SỐ LƯỢNG SINH VIÊN THỰC TẬP

1. Thời gian:

- Thời gian thực tập tại các bệnh viện: **Từ ngày 10/03/2025 đến ngày 06/04/2025 (04 tuần).**

+ Buổi sáng: 7h00 – 11h00.

+ Buổi chiều: 13h00 – 17h00.

- Sinh viên đi thực tập phải mặc đồng phục theo quy định của nhà trường và quy định tại cơ sở thực tập.
- Tuân thủ quy tắc theo quy định của cơ sở thực tập.

2. Địa điểm và số lượng sinh viên thực tập (Phụ lục 1)

III. GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN THỰC TẬP

1. Chứng chỉ chuyên ngành II: Các phương pháp điều trị trong Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng (3 TC_120 tiết)

- Giáo viên giảng dạy lý thuyết: Cô Nguyễn Thị Ngọc Lam
- Giáo viên hướng dẫn thực hành: Cán bộ tại khoa của cơ sở thực tập
- Giáo viên quản lý: Thầy Nguyễn Trọng Khoan

IV. NỘI DUNG THỰC TẬP (Phụ lục 2)

V. ĐÁNH GIÁ THỰC TẬP

1. Đánh giá quá trình (30%): Thang điểm: 10

- Chuyên cần: 20%; Tinh thần và thái độ học tập: 20%; Kiểm tra (Bệnh án, câu hỏi tình huống, câu hỏi ngắn): 60%

2. Thi kết thúc học phần (70%): Thang điểm: 10

TT	Nội dung	Điểm chuẩn
1	**Giao tiếp, ứng xử** - Giao tiếp tự tin, sử dụng ngôn ngữ giao tiếp hiệu quả. - Đáp ứng bằng lời hoặc hành động phù hợp với người bệnh. - Giải thích mục đích yêu cầu của kỹ thuật để người bệnh hợp tác khi làm thủ thuật.	0,25đ 0,25đ 0,25đ
2	**Bệnh án VLTL/PHCN** - Đánh giá người bệnh thích hợp: Khai thác được bệnh sử, nhận định tình trạng SK người bệnh, diễn giải đúng các dữ liệu cơ bản của người bệnh đối chiếu với hằng số sinh lý, tâm lý xã hội. - Thăm khám – Lượng giá nhu cầu VLTL/PHCN - Mục đích – Phương pháp – Kế hoạch thực hiện VLTL/PHCN - Đề phòng y học - Tư vấn - GDSK/ cung cấp thông tin phù hợp cho người bệnh và gia đình	0,75đ 1,0đ 1,0đ 0,25đ 0,25đ
3	**Thực hiện kỹ thuật trên người bệnh:** đúng kỹ thuật, an toàn cho người bệnh Thể hiện sự khéo léo	3,0đ
4	**Trả lời câu hỏi của giảng viên**	3,0đ

3. Điểm tổng kết học phần = (Điểm thi kết thúc học phần x 70%) + (Điểm TB quá trình x 30%)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Đào tạo và Hợp tác Doanh nghiệp - Trường Đại học Trà Vinh:

- Phối hợp với Trường Y Dược lập kế hoạch thực tập cho sinh viên và tổ chức cho sinh viên đi thực tập.

- Mời các giảng viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn tham gia hướng dẫn trực tiếp công tác thực tập của sinh viên.

- Bố trí cán bộ phối hợp với các Bệnh viện quản lý sinh viên trong quá trình thực tập tại bệnh viện và phối hợp với cán bộ, giảng viên giám sát, theo dõi, nhắc nhở với những sinh viên chưa thực hiện đúng các quy định và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình sinh viên đi thực tập tại các Bệnh viện.

2. Cơ sở thực tập:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác hướng dẫn của giáo viên và thực hành lâm sàng của sinh viên.

- Cán bộ quản lý tại các Bệnh viện giám sát chặt chẽ và tham gia đánh giá quá trình thực tập của sinh viên.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phan Quốc Nghĩa

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Trần Thiện Khải

Nơi nhận:
- Cơ sở thực tập;
- Lớp DB23PHCN63CD.
- Lưu: VT, HTDN.

Phụ lục 2. NỘI DUNG THỰC TẬP

(Đính kèm Kế hoạch số: 14/KH-HTDN ngày 26 tháng 02 năm 2025)

Tổng số tín chỉ: 03 tín chỉ (120 tiết)

- Lý thuyết: 00 TC
- Thực hành: 03 TC

Mục tiêu môn học:

- Thực hiện được các kỹ thuật về vận động trị liệu, kéo nắn trị liệu.
- Sử dụng được các kỹ thuật điện trị liệu, ánh sáng trị liệu, thủy trị liệu, siêu âm trị liệu.
- Thực hiện được xoa bóp, ấn huyệt định khu, châm cứu áp dụng trong PHCN.

Nội dung môn học:

TT	Tên chuyên đề	Nội dung bài giảng	Số giờ	
			LT	TH
1.	Vận động trị liệu	Nguyên tắc: - Các bài tập vận động trị liệu - Áp dụng cho các loại tàn tật		10
		- Tập thụ động		10
		- Tập chủ động trợ giúp		10
2.	Kéo nắn trị liệu	- Nguyên tắc kéo nắn - Kỹ thuật kéo nắn		10
3.	Xoa bóp trị liệu, châm cứu	- Các kỹ thuật xoa bóp trị liệu, châm cứu - Áp dụng cho các loại bệnh		22
4.	Ánh sáng trị liệu	- Khái niệm về ánh sáng trị liệu - Hồng ngoại trị liệu - Tử ngoại trị liệu - Laser trị liệu		10
5.	Điện trị liệu	- Khái niệm về điện trị liệu - Điều trị bằng dòng điện kích thích - Điều trị bằng dòng điện giảm đau - Điều trị bằng siêu âm và sóng ngắn		20
6.	Thủy và nhiệt trị liệu	- Nước trị liệu - Nhiệt trị liệu		10
7.	Khoáng và khí hậu trị liệu	- Khoáng trị liệu - Khí hậu trị liệu		10
8.	Các phương pháp thăm dò cận lâm sàng trong PHCN	- X- quang - CT – Scanner - Điện cơ - Điện não - Hô hấp ký - MRI		8
TỔNG CỘNG				**120**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO
VÀ HỢP TÁC DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/KH-HTDN

Trà Vinh, ngày 26 tháng 02 năm 2025

KẾ HOẠCH

V/v thực tập bệnh viện của sinh viên lớp Đại học Kỹ thuật phục hồi chức năng liên thông từ cao đẳng hình thức vừa làm vừa học khóa 2023 (Mã lớp: DF23PHCN63)

Căn cứ Kế hoạch đào tạo của lớp Đại học Kỹ thuật phục hồi chức năng liên thông từ cao đẳng hình thức vừa làm vừa học khóa 2023 (Mã lớp: DF23PHCN63).

Trung tâm Đào tạo và Hợp tác Doanh nghiệp phối hợp với Trường Y Dược lập kế hoạch thực tập tại các Bệnh viện cho lớp DF23PHCN63, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU THỰC TẬP

Sau khi hoàn thành đợt thực tập sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau:

1. Về thái độ:

- Chấp hành tốt các quy định của ngành Y tế và tuân thủ nội quy của Khoa, Bệnh viện.
- Tận tụy, ân cần, chu đáo và niềm nở trong đón tiếp và chăm sóc bệnh nhân.
- Tôn trọng người bệnh, đồng nghiệp và có thái độ đúng mực trong giao tiếp với đồng nghiệp, người bệnh và người nhà người bệnh.
- Thận trọng, chính xác nhằm đảm bảo an toàn cho người bệnh và cho những người xung quanh.
- Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của viên chức, người lao động trong cơ sở Y tế.

2. Về kiến thức và kỹ năng:

- Lập được hồ sơ bệnh án các chấn thương thường gặp.
- Trình bày được những điểm cơ bản trong điều trị các chấn thương, bệnh lý ngoại khoa.
- Lượng giá và lập kế hoạch điều trị về VLTL-PHCN cho các bệnh trên.
- Sử dụng được các kỹ thuật, kỹ năng VLTL-PHCN vào điều trị các bệnh trên.

II. THỜI GIAN, ĐỊA DIỂM VÀ SỐ LƯỢNG SINH VIÊN THỰC TẬP

1. Thời gian:

- Thời gian thực tập tại các bệnh viện: **Từ ngày 10/03/2025 đến ngày 06/04/2025 (04 tuần).**

+ Buổi sáng: 7h00 – 11h00.

+ Buổi chiều: 13h00 – 17h00.

- Sinh viên đi thực tập phải mặc đồng phục theo quy định của nhà trường và quy định tại cơ sở thực tập.
- Tuân thủ quy tắc theo quy định của cơ sở thực tập.

2. Địa điểm và số lượng sinh viên thực tập (Phụ lục 1)

III. GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN THỰC TẬP

1. Chứng chỉ chuyên ngành II: Các phương pháp điều trị trong Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng (3 TC_120 tiết)

- Giáo viên giảng dạy lý thuyết: Cô Nguyễn Thị Ngọc Lam
- Giáo viên hướng dẫn thực hành: Cán bộ tại khoa của cơ sở thực tập
- Giáo viên quản lý: Thầy Nguyễn Trọng Khoan

IV. NỘI DUNG THỰC TẬP (Phụ lục 2)

V. ĐÁNH GIÁ THỰC TẬP

1. Đánh giá quá trình (30%): Thang điểm: 10

- Chuyên cần: 20%; Tinh thần và thái độ học tập: 20%; Kiểm tra (Bệnh án, câu hỏi tình huống, câu hỏi ngắn): 60%

2. Thi kết thúc học phần (70%): Thang điểm: 10

TT	Nội dung	Điểm chuẩn
1	**Giao tiếp, ứng xử** - Giao tiếp tự tin, sử dụng ngôn ngữ giao tiếp hiệu quả. - Đáp ứng bằng lời hoặc hành động phù hợp với người bệnh. - Giải thích mục đích yêu cầu của kỹ thuật để người bệnh hợp tác khi làm thủ thuật.	0,25đ 0,25đ 0,25đ
2	**Bệnh án VLTL/PHCN** - Đánh giá người bệnh thích hợp: Khai thác được bệnh sử, nhận định tình trạng SK người bệnh, diễn giải đúng các dữ liệu cơ bản của người bệnh đối chiếu với hằng số sinh lý, tâm lý xã hội. - Thăm khám – Lượng giá nhu cầu VLTL/PHCN - Mục đích – Phương pháp – Kế hoạch thực hiện VLTL/PHCN - Đề phòng y học - Tư vấn - GDSK/ cung cấp thông tin phù hợp cho người bệnh và gia đình	0,75đ 1,0đ 1,0đ 0,25đ 0,25đ
3	**Thực hiện kỹ thuật trên người bệnh:** đúng kỹ thuật, an toàn cho người bệnh Thể hiện sự khéo léo	3,0đ
4	**Trả lời câu hỏi của giảng viên**	3,0đ

3. Điểm tổng kết học phần = (Điểm thi kết thúc học phần x 70%) + (Điểm TB quá trình x 30%)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Đào tạo và Hợp tác Doanh nghiệp - Trường Đại học Trà Vinh:

- Phối hợp với Trường Y Dược lập kế hoạch thực tập cho sinh viên và tổ chức cho sinh viên đi thực tập.

- Mời các giảng viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn tham gia hướng dẫn trực tiếp công tác thực tập của sinh viên.

- Bố trí cán bộ phối hợp với các Bệnh viện quản lý sinh viên trong quá trình thực tập tại bệnh viện và phối hợp với cán bộ, giảng viên giám sát, theo dõi, nhắc nhở với những sinh viên chưa thực hiện đúng các quy định và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình sinh viên đi thực tập tại các Bệnh viện.

2. Cơ sở thực tập:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác hướng dẫn của giáo viên và thực hành lâm sàng của sinh viên.

- Cán bộ quản lý tại các Bệnh viện giám sát chặt chẽ và tham gia đánh giá quá trình thực tập của sinh viên.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phan Quốc Nghĩa

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Trần Thiện Khải

Nơi nhận:
- Cơ sở thực tập;
- Lớp DF23PHCN63.
- Lưu: VT, HTDN.

Phụ lục 2. NỘI DUNG THỰC TẬP

(Đính kèm Kế hoạch số: 15/KH-HTDN ngày 26 tháng 02 năm 2025)

Tổng số tín chỉ: 03 tín chỉ (120 tiết)

- Lý thuyết: 00 TC
- Thực hành: 03 TC

Mục tiêu môn học:

- Thực hiện được các kỹ thuật về vận động trị liệu, kéo nắn trị liệu.
- Sử dụng được các kỹ thuật điện trị liệu, ánh sáng trị liệu, thủy trị liệu, siêu âm trị liệu.
- Thực hiện được xoa bóp, ấn huyệt định khu, châm cứu áp dụng trong PHCN.

Nội dung môn học:

TT	Tên chuyên đề	Nội dung bài giảng	Số giờ	
			LT	TH
1.	Vận động trị liệu	Nguyên tắc: - Các bài tập vận động trị liệu - Áp dụng cho các loại tàn tật		10
		- Tập thụ động		10
		- Tập chủ động trợ giúp		10
2.	Kéo nắn trị liệu	- Nguyên tắc kéo nắn - Kỹ thuật kéo nắn		10
3.	Xoa bóp trị liệu, châm cứu	- Các kỹ thuật xoa bóp trị liệu, châm cứu - Áp dụng cho các loại bệnh		22
4.	Ánh sáng trị liệu	- Khái niệm về ánh sáng trị liệu - Hồng ngoại trị liệu - Tử ngoại trị liệu - Laser trị liệu		10
5.	Điện trị liệu	- Khái niệm về điện trị liệu - Điều trị bằng dòng điện kích thích - Điều trị bằng dòng điện giảm đau - Điều trị bằng siêu âm và sóng ngắn		20
6.	Thủy và nhiệt trị liệu	- Nước trị liệu - Nhiệt trị liệu		10
7.	Khoáng và khí hậu trị liệu	- Khoáng trị liệu - Khí hậu trị liệu		10
8.	Các phương pháp thăm dò cận lâm sàng trong PHCN	- X- quang - CT – Scanner - Điện cơ - Điện não - Hô hấp ký - MRI		8
TỔNG CỘNG				**120**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO
VÀ HỢP TÁC DOANH NGHIỆP

Số: 42/KH-HTDN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

KẾ HOẠCH

V/v thực tập bệnh viện của sinh viên lớp Đại học ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng hình thức vừa làm vừa học khóa 2023 (Mã lớp: DB23PHCN63CD)

Căn cứ Kế hoạch đào tạo của lớp Đại học ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng hình thức vừa làm vừa học khóa 2023 (Mã lớp: DB23PHCN63CD).

Trung tâm Đào tạo và Hợp tác Doanh nghiệp phối hợp với Trường Y Dược lập kế hoạch thực tập tại các Bệnh viện cho lớp DB23PHCN63CD, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU THỰC TẬP

Sau khi hoàn thành đợt thực tập sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau:

1. Về thái độ:

- Chấp hành tốt các quy định của ngành Y tế và tuân thủ nội quy của Khoa, Bệnh viện.
- Tận tụy, ân cần, chu đáo và niềm nở trong đón tiếp và chăm sóc bệnh nhân.
- Tôn trọng người bệnh, đồng nghiệp và có thái độ đúng mực trong giao tiếp với đồng nghiệp, người bệnh và người nhà người bệnh.
- Thận trọng, chính xác nhằm đảm bảo an toàn cho người bệnh và cho những người xung quanh.
- Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của viên chức, người lao động trong cơ sở Y tế.

2. Về kỹ năng:

2.1. Bệnh lý nhi khoa và Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng

- Khám, lượng giá, phát hiện sớm các khuyết tật trẻ em.
- Chăm sóc và dinh dưỡng cho các trẻ khuyết tật.

2.2. Bệnh lý nội khoa và Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng

- Phân tích và lượng giá, lập hồ sơ VLTL cho các bệnh lý hô hấp, tim mạch, lão khoa thường gặp.
- Thực hiện được các kỹ thuật VLTL-PHCN điều trị cho các bệnh hô hấp, tim mạch,xương khớp, lão khoa thường gặp.
- Áp dụng được các kỹ thuật VLTL-PHCN cho bệnh nhân nặng, các bệnh thần kinh cơ, Lão khoa.

3. Về kiến thức:

3.1. Bệnh lý nhi khoa và Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng

Trình bày kiến thức chẩn đoán, điều trị và áp dụng VLTL-PHCN vào một số bệnh lý thường gặp: bại não, bại liệt, chậm phát triển tinh thần trí tuệ, bệnh khớp, bệnh thần kinh cơ, bỏng.

3.2. Bệnh lý nội khoa và Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng

- Thực hiện được các kỹ thuật VLTL-PHCN điều trị cho các bệnh hô hấp, tim mạch,xương khớp, lão khoa thường gặp.

- Áp dụng được các kỹ thuật VLTL-PHCN cho bệnh nhân nặng, các bệnh thần kinh cơ, Lão khoa.

II. THỜI GIAN, ĐỊA DIỂM VÀ SỐ LƯỢNG SINH VIÊN THỰC TẬP

1. Thời gian (Phụ lục 1):

- Thời gian thực tập tại các bệnh viện: **Từ ngày 14/04/2025 đến ngày 08/06/2025 (07 tuần).**

+ Buổi sáng: 7h00 – 11h00.

+ Buổi chiều: 13h00 – 17h00.

- Sinh viên đi thực tập phải mặc đồng phục theo quy định của nhà trường và quy định tại cơ sở thực tập.

- Tuân thủ quy tắc theo quy định của cơ sở thực tập.

2. Địa điểm và số lượng sinh viên thực tập (Phụ lục 2):

III. GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN THỰC TẬP

1. Chứng chỉ chuyên ngành III: Bệnh lý nhi khoa và Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng (2 TC_80 tiết)

- Giáo viên giảng dạy lý thuyết: Thầy Nguyễn Phan Trọng Hiếu
- Giáo viên hướng dẫn thực hành: Cán bộ tại khoa của cơ sở thực tập
- Giáo viên quản lý: Thầy Nguyễn Trọng Khoan

2. Chứng chỉ chuyên ngành IV: Bệnh lý nội khoa và Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng (3 TC_120 tiết)

- Giáo viên giảng dạy lý thuyết: Cô Nguyễn Thị Thúy Duy
- Giáo viên hướng dẫn thực hành: Cán bộ tại khoa của cơ sở thực tập
- Giáo viên quản lý: Thầy Nguyễn Trọng Khoan

IV. NỘI DUNG THỰC TẬP (Phụ lục 3)

V. ĐÁNH GIÁ THỰC TẬP

1. Đánh giá quá trình (30%): Thang điểm: 10

Chuyên cần: 20%; Tinh thần và thái độ học tập: 20%; Kiểm tra (Bệnh án, câu hỏi tình huống, câu hỏi ngắn): 60%

2. Thi kết thúc học phần (70%): Thang điểm: 10

Thi thực hành bao gồm kỹ năng nhận định, phân tích, ra quyết định, giải quyết vấn đề, thực hiện các kỹ thuật và kỹ năng giao tiếp giáo dục sức khỏe cho 1 trường hợp bệnh đã, đang điều trị tại khoa lâm sàng.

3. Điểm tổng kết học phần = (Điểm thi kết thúc học phần x 70%) + (Điểm TB quá trình x 30%)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Đào tạo và Hợp tác Doanh nghiệp - Trường Đại học Trà Vinh:

- Phối hợp với Trường Y Dược lập kế hoạch thực tập cho sinh viên và tổ chức cho sinh viên đi thực tập.

- Mời các giảng viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn tham gia hướng dẫn trực tiếp công tác thực tập của sinh viên.

- Bố trí cán bộ phối hợp với các Bệnh viện quản lý sinh viên trong quá trình thực tập tại bệnh viện và phối hợp với cán bộ, giảng viên giám sát, theo dõi, nhắc nhở với những sinh viên chưa thực hiện đúng các quy định và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình sinh viên đi thực tập tại các Bệnh viện.

2. Cơ sở thực tập:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác hướng dẫn của giáo viên và thực hành lâm sàng của sinh viên.

- Cán bộ quản lý tại các Bệnh viện giám sát chặt chẽ và tham gia đánh giá quá trình thực tập của sinh viên.

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

Phan Quốc Nghĩa

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Trần Thiện Khải

Nơi nhận:
- Cơ sở thực tập;
- Lớp DB23PHCN63CD.
- Lưu: VT, HTDN.

Phụ lục 1. THỜI GIAN THỰC TẬP

(Đính kèm Kế hoạch số: 42/KH-HTDN ngày 31 tháng 03 năm 2025)

STT	MÔN HỌC THỰC TẬP	THỜI GIAN THỰC TẬP	GHI CHÚ
1	Chứng chỉ chuyên ngành III: Bệnh lý nhi khoa và Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng (2 TC_80 tiết)	Từ ngày 14/04/2025 Đến ngày 11/05/2025 *(Nghỉ lễ từ 28/04-04/05/2025)*	
2	Chứng chỉ chuyên ngành IV: Bệnh lý nội khoa và Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng (3 TC_120 tiết)	Từ ngày 12/05/2025 Đến ngày 08/06/2025	

Phụ lục 3. NỘI DUNG THỰC TẬP

(Đính kèm Kế hoạch số: 42/KH-HTDN ngày 31 tháng 03 năm 2025)

1. Chứng chỉ chuyên ngành III: Bệnh lý nhi khoa và Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng

Tổng số tín chỉ: 02 tín chỉ (80 tiết)

- Lý thuyết: 00 TC
- Thực hành: 02 TC

Mục tiêu môn học:

- Khám, lượng giá, phát hiện sớm các khuyết tật trẻ em.
- Trình bày kiến thức chẩn đoán, điều trị và áp dụng VLTL-PHCN vào một số bệnh lý thường gặp:bại não, bại liệt, chậm phát triển tinh thần trí tuệ, bệnh khớp, bệnh thần kinh cơ,bỏng.
- Chăm sóc và dinh dưỡng cho các trẻ khuyết tật.

Nội dung môn học:

STT	Tên chuyên đề	Nội dung bài giảng	Số giờ	
			LT	TH
1.	Lượng giá, kế hoạch trong thăm khám khám trẻ khuyết tật	- Khám, phát hiện khuyết tật ở trẻ em - Khám và lượng giá trẻ khuyết tật về vận động - Khám và lượng giá trẻ khuyết tật tinh thần	0	15
		- Khám và lượng giá trẻ khuyết tật giác quan		
2.	Các tật bẩm sinh và cách phát hiện sớm	- Các tật bẩm sinh thường gặp - Cách phát hiện sớm - Các biện pháp PHCN cho các tật bẩm sinh đó	0	5
3.	PHCN cho trẻ bại não	- Định nghĩa, nguyên nhân - Phân loại bại não - Phát hiện bại não - Triệu chứng lâm sàng - PHCN, nguyên lý và kỹ thuật	0	10
4.	PHCN cho trẻ bại liệt	- Nguyên tắc PHCN cho trẻ bại liệt - Chăm sóc giai đoạn cấp - PHCN giai đoạn muộn - Dụng cụ trợ giúp và phẫu thuật chỉnh hình	0	10
5.	PHCN cho trẻ chậm phát triển tinh thần, trí tuệ, tự kỷ	- Phát hiện và nguyên tắc PHCN - Định nghĩa, nguyên nhân - Các loại chậm phát triển tinh thần - PHCN cho trẻ chậm phát triển tinh thần	0	5
6.	PHCN trẻ khuyết tật bán	- PHCN trẻ khuyết tật bán trú	0	8

	trú, các hoạt động vui chơi, âm ngữ trị liệu	- Các hoạt động vui chơi trị liệu - Đại cương về âm ngữ trị liệu		
7.	Giáo dục chuyên biệt cho trẻ khuyết tật	- Giáo dục chuyên biệt cho trẻ khuyết tật	0	0
8.	Các chấn thương thường gặp ở trẻ em và VLTL – PHCN	- Nguyên nhân - Phát hiện - Chăm sóc và PHCN cho trẻ bị chấn thương	0	7
9.	PHCN cho trẻ bị bệnh khớp	- Định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng - Các biện pháp VLTL – PHCN	0	5
10.	PHCN cho trẻ bị bỏng	- Nguyên nhân phân loại bỏng - Chăm sóc và PHCN cho trẻ bị bỏng	0	5
11.	PHCN cho trẻ bị bệnh cơ	- Nguyên nhân, phân loại, triệu chứng lâm sàng - VLTL – PHCN cho trẻ bị bệnh cơ	0	5
12.	Chăm sóc và dinh dưỡng, tâm lý trị liệu cho trẻ khuyết tật	- Chăm sóc và dinh dưỡng, tâm lý trị liệu cho trẻ khuyết tật - Kỹ thuật cho ăn và nhận biết những triệu chứng ban đầu	0	5
TỔNG CỘNG			**0**	**80**

2. Chứng chỉ chuyên ngành IV: Bệnh lý nội khoa và Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng

Tổng số tín chỉ: 03 tín chỉ (120 tiết)

- Lý thuyết: 00 TC
- Thực hành: 03 TC

Mục tiêu môn học:

- Phân tích và lượng giá, lập hồ sơ VLTL cho các bệnh lý hô hấp, tim mạch, lão khoa thường gặp.

- Thực hiện được các kỹ thuật VLTL-PHCN điều trị cho các bệnh hô hấp, tim mạch, xương khớp, lão khoa thường gặp.

- Áp dụng được các kỹ thuật VLTL-PHCN cho bệnh nhân nặng, các bệnh thần kinh cơ, Lão khoa.

Nội dung môn học:

STT	Tên chuyên đề	Nội dung bài giảng	Số giờ	
			LT	TH
1.	Cách làm bệnh án VLTL – PHCN	- Bệnh lý nội khoa theo khung ICF	0	15

STT	Tên chuyên đề	Nội dung bài giảng	Số giờ	
			LT	TH
2.	Bệnh lý và VLTL TK – cơ	- Bệnh lý và VLTL cho bệnh nhân nhồi máu não, xuất huyết não và một số bệnh lý kịch phát - Bệnh lý và VLTL cho bệnh nhân bị PARKINSON - Bệnh lý và VLTL cho bệnh nhân bị liệt thần kinh VII ngoại biên, trung ương - Bệnh lý và VLTL cho bệnh nhân viêm đa dây, đa rễ thần kinh	0	15
3.	Bệnh lý và VLTL các bệnh tim mạch	- PHCN cho bệnh lý cơn đau thắt ngực không ổn định, nhồi máu cơ tim và bệnh lý mạch vành, tăng huyết áp - PHCN cho bệnh nhân bị viêm động mạch, giãn tĩnh mạch - PHCN trong phẫu thuật tim hở	0	15
4.	PHCN cho bệnh nhân bị các bệnh hô hấp	- PHCN cho bệnh nhân bị viêm phế quản, hen phế quản - PHCN cho bệnh nhân bệnh nghề nghiệp, đường hô hấp - PHCN cho bệnh nhân bị tràn dịch, tràn khí màng phổi, abces phổi, phẫu thuật lồng ngực - PHCN cho bệnh nhân bị tâm phế mãn	0	15
5.	VLTL cho bệnh nhân bị các bệnh cơ, xương khớp	- VLTL cho bệnh nhân bị các bệnh về cơ(căng cơ, nhược cơ, teo cơ bẩm sinh) - PHCN cho bệnh nhân bị các bệnh về cơ xương khớp văn phòng - PHCN cho bệnh nhân bị các bệnh khớp (thoái hóa khớp, viêm cột sống dính khớp, viêm đa khớp dạng thấp)	0	20
6.	PHCN cho bệnh nhân bị ung thư	- PHCN cho bệnh nhân bị ung thư	0	10
7.	Kế hoạch và điều trị PHCN cho bệnh nhân ICU	- Kế hoạch và điều trị PHCN cho bệnh nhân ICU	0	10
8.	PHCN cho lão khoa	- Qúa trình biến đổi lão hóa (Life span) - Các bệnh lý thường gặp - Các biện pháp can thiệp PHCN sớm và duy trì trong sinh hoạt hàng ngày	0	15
9.	PHCN cơ đáy chậu trong các rối loạn chức năng tiết niệu và sinh dục	- Các triệu chứng - Các biện pháp PHCN	0	5
TỔNG CỘNG			**0**	**120**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ HỢP TÁC DOANH NGHIỆP

Số: 43/KH-HTDN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

KẾ HOẠCH

V/v thực tập bệnh viện của sinh viên lớp Đại học Kỹ thuật phục hồi chức năng liên thông từ cao đẳng hình thức vừa làm vừa học khóa 2023 (Mã lớp: DF23PHCN63)

Căn cứ Kế hoạch đào tạo của lớp Đại học Kỹ thuật phục hồi chức năng liên thông từ cao đẳng hình thức vừa làm vừa học khóa 2023 (Mã lớp: DF23PHCN63).

Trung tâm Đào tạo và Hợp tác Doanh nghiệp phối hợp với Trường Y Dược lập kế hoạch thực tập tại các Bệnh viện cho lớp DF23PHCN63, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU THỰC TẬP

Sau khi hoàn thành đợt thực tập sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau:

1. Về thái độ:

- Chấp hành tốt các quy định của ngành Y tế và tuân thủ nội quy của Khoa, Bệnh viện.
- Tận tụy, ân cần, chu đáo và niềm nở trong đón tiếp và chăm sóc bệnh nhân.
- Tôn trọng người bệnh, đồng nghiệp và có thái độ đúng mực trong giao tiếp với đồng nghiệp, người bệnh và người nhà người bệnh.
- Thận trọng, chính xác nhằm đảm bảo an toàn cho người bệnh và cho những người xung quanh.
- Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của viên chức, người lao động trong cơ sở Y tế.

2. Về kỹ năng:

2.1. Bệnh lý nhi khoa và Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng

- Khám, lượng giá, phát hiện sớm các khuyết tật trẻ em.
- Chăm sóc và dinh dưỡng cho các trẻ khuyết tật.

2.2. Bệnh lý nội khoa và Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng

- Phân tích và lượng giá, lập hồ sơ VLTL cho các bệnh lý hô hấp, tim mạch, lão khoa thường gặp.
- Thực hiện được các kỹ thuật VLTL-PHCN điều trị cho các bệnh hô hấp, tim mạch,xương khớp, lão khoa thường gặp.
- Áp dụng được các kỹ thuật VLTL-PHCN cho bệnh nhân nặng, các bệnh thần kinh cơ, Lão khoa.

3. Về kiến thức:

3.1. Bệnh lý nhi khoa và Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng

Trình bày kiến thức chẩn đoán, điều trị và áp dụng VLTL-PHCN vào một số bệnh lý thường gặp: bại não, bại liệt, chậm phát triển tinh thần trí tuệ, bệnh khớp, bệnh thần kinh cơ, bỏng.

3.2. Bệnh lý nội khoa và Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng

- Thực hiện được các kỹ thuật VLTL-PHCN điều trị cho các bệnh hô hấp, tim mạch,xương khớp, lão khoa thường gặp.

- Áp dụng được các kỹ thuật VLTL-PHCN cho bệnh nhân nặng, các bệnh thần kinh cơ, Lão khoa.

II. THỜI GIAN, ĐỊA DIỂM VÀ SỐ LƯỢNG SINH VIÊN THỰC TẬP

1. Thời gian (Phụ lục 1):

- Thời gian thực tập tại các bệnh viện: **Từ ngày 14/04/2025 đến ngày 08/06/2025 (07 tuần).**

+ Buổi sáng: 7h00 – 11h00.

+ Buổi chiều: 13h00 – 17h00.

- Sinh viên đi thực tập phải mặc đồng phục theo quy định của nhà trường và quy định tại cơ sở thực tập.

- Tuân thủ quy tắc theo quy định của cơ sở thực tập.

2. Địa điểm và số lượng sinh viên thực tập (Phụ lục 2):

III. GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN THỰC TẬP

1. Chứng chỉ chuyên ngành III: Bệnh lý nhi khoa và Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng (2 TC_80 tiết)

- Giáo viên giảng dạy lý thuyết: Thầy Nguyễn Phan Trọng Hiếu
- Giáo viên hướng dẫn thực hành: Cán bộ tại khoa của cơ sở thực tập
- Giáo viên quản lý: Thầy Nguyễn Trọng Khoan

2. Chứng chỉ chuyên ngành IV: Bệnh lý nội khoa và Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng (3 TC_120 tiết)

- Giáo viên giảng dạy lý thuyết: Cô Nguyễn Thị Thúy Duy
- Giáo viên hướng dẫn thực hành: Cán bộ tại khoa của cơ sở thực tập
- Giáo viên quản lý: Thầy Nguyễn Trọng Khoan

IV. NỘI DUNG THỰC TẬP (Phụ lục 3)

V. ĐÁNH GIÁ THỰC TẬP

1. Đánh giá quá trình (30%): Thang điểm: 10

Chuyên cần: 20%; Tinh thần và thái độ học tập: 20%; Kiểm tra (Bệnh án, câu hỏi tình huống, câu hỏi ngắn): 60%

2. Thi kết thúc học phần (70%): Thang điểm: 10

Thi thực hành bao gồm kỹ năng nhận định, phân tích, ra quyết định, giải quyết vấn đề, thực hiện các kỹ thuật và kỹ năng giao tiếp giáo dục sức khỏe cho 1 trường hợp bệnh đã, đang điều trị tại khoa lâm sàng.

3. Điểm tổng kết học phần = (Điểm thi kết thúc học phần x 70%) + (Điểm TB quá trình x 30%)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Đào tạo và Hợp tác Doanh nghiệp - Trường Đại học Trà Vinh:

- Phối hợp với Trường Y Dược lập kế hoạch thực tập cho sinh viên và tổ chức cho sinh viên đi thực tập.

- Mời các giảng viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn tham gia hướng dẫn trực tiếp công tác thực tập của sinh viên.

- Bố trí cán bộ phối hợp với các Bệnh viện quản lý sinh viên trong quá trình thực tập tại bệnh viện và phối hợp với cán bộ, giảng viên giám sát, theo dõi, nhắc nhở với những sinh viên chưa thực hiện đúng các quy định và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình sinh viên đi thực tập tại các Bệnh viện.

2. Cơ sở thực tập:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác hướng dẫn của giáo viên và thực hành lâm sàng của sinh viên.

- Cán bộ quản lý tại các Bệnh viện giám sát chặt chẽ và tham gia đánh giá quá trình thực tập của sinh viên.

KT. HIỆU TRƯỞNG **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**	**KT. GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC**
Phan Quốc Nghĩa	**ThS. Trần Thiện Khải**

Nơi nhận:
- Cơ sở thực tập;
- Lớp DF23PHCN63.
- Lưu: VT, HTDN.

Phụ lục 1. THỜI GIAN THỰC TẬP

(Đính kèm Kế hoạch số: 43/KH-HTDN ngày 31 tháng 03 năm 2025)

STT	MÔN HỌC THỰC TẬP	THỜI GIAN THỰC TẬP	GHI CHÚ
1	Chứng chỉ chuyên ngành III: Bệnh lý nhi khoa và Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng (2 TC_80 tiết)	Từ ngày 14/04/2025 Đến ngày 11/05/2025 *(Nghỉ lễ từ 28/04-04/05/2025)*	
2	Chứng chỉ chuyên ngành IV: Bệnh lý nội khoa và Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng (3 TC_120 tiết)	Từ ngày 12/05/2025 Đến ngày 08/06/2025	

Phụ lục 3. NỘI DUNG THỰC TẬP

(Đính kèm Kế hoạch số: 43/KH-HTDN ngày 31 tháng 03 năm 2025)

1. Chứng chỉ chuyên ngành III: Bệnh lý nhi khoa và Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng

Tổng số tín chỉ: 02 tín chỉ (80 tiết)

- Lý thuyết: 00 TC
- Thực hành: 02 TC

Mục tiêu môn học:

- Khám, lượng giá, phát hiện sớm các khuyết tật trẻ em.
- Trình bày kiến thức chẩn đoán, điều trị và áp dụng VLTL-PHCN vào một số bệnh lý thường gặp:bại não, bại liệt, chậm phát triển tinh thần trí tuệ, bệnh khớp, bệnh thần kinh cơ,bỏng.
- Chăm sóc và dinh dưỡng cho các trẻ khuyết tật.

Nội dung môn học:

STT	Tên chuyên đề	Nội dung bài giảng	Số giờ	
			LT	TH
1.	Lượng giá, kế hoạch trong thăm khám khám trẻ khuyết tật	- Khám, phát hiện khuyết tật ở trẻ em - Khám và lượng giá trẻ khuyết tật về vận động - Khám và lượng giá trẻ khuyết tật tinh thần	0	15
		- Khám và lượng giá trẻ khuyết tật giác quan		
2.	Các tật bẩm sinh và cách phát hiện sớm	- Các tật bẩm sinh thường gặp - Cách phát hiện sớm - Các biện pháp PHCN cho các tật bẩm sinh đó	0	5
3.	PHCN cho trẻ bại não	- Định nghĩa, nguyên nhân - Phân loại bại não - Phát hiện bại não - Triệu chứng lâm sàng - PHCN, nguyên lý và kỹ thuật	0	10
4.	PHCN cho trẻ bại liệt	- Nguyên tắc PHCN cho trẻ bại liệt - Chăm sóc giai đoạn cấp - PHCN giai đoạn muộn - Dụng cụ trợ giúp và phẫu thuật chỉnh hình	0	10
5.	PHCN cho trẻ chậm phát triển tinh thần, trí tuệ, tự kỷ	- Phát hiện và nguyên tắc PHCN - Định nghĩa, nguyên nhân - Các loại chậm phát triển tinh thần - PHCN cho trẻ chậm phát triển tinh thần	0	5
6.	PHCN trẻ khuyết tật bán	- PHCN trẻ khuyết tật bán trú	0	8

	trú, các hoạt động vui chơi, âm ngữ trị liệu	- Các hoạt động vui chơi trị liệu - Đại cương về âm ngữ trị liệu		
7.	Giáo dục chuyên biệt cho trẻ khuyết tật	- Giáo dục chuyên biệt cho trẻ khuyết tật	0	0
8.	Các chấn thương thường gặp ở trẻ em và VLTL – PHCN	- Nguyên nhân - Phát hiện - Chăm sóc và PHCN cho trẻ bị chấn thương	0	7
9.	PHCN cho trẻ bị bệnh khớp	- Định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng - Các biện pháp VLTL – PHCN	0	5
10.	PHCN cho trẻ bị bỏng	- Nguyên nhân phân loại bỏng - Chăm sóc và PHCN cho trẻ bị bỏng	0	5
11.	PHCN cho trẻ bị bệnh cơ	- Nguyên nhân, phân loại, triệu chứng lâm sàng - VLTL – PHCN cho trẻ bị bệnh cơ	0	5
12.	Chăm sóc và dinh dưỡng, tâm lý trị liệu cho trẻ khuyết tật	- Chăm sóc và dinh dưỡng, tâm lý trị liệu cho trẻ khuyết tật - Kỹ thuật cho ăn và nhận biết những triệu chứng ban đầu	0	5
TỔNG CỘNG			**0**	**80**

2. Chứng chỉ chuyên ngành IV: Bệnh lý nội khoa và Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng

Tổng số tín chỉ: 03 tín chỉ (120 tiết)

- Lý thuyết: 00 TC
- Thực hành: 03 TC

Mục tiêu môn học:

- Phân tích và lượng giá, lập hồ sơ VLTL cho các bệnh lý hô hấp, tim mạch, lão khoa thường gặp.
- Thực hiện được các kỹ thuật VLTL-PHCN điều trị cho các bệnh hô hấp, tim mạch, xương khớp, lão khoa thường gặp.
- Áp dụng được các kỹ thuật VLTL-PHCN cho bệnh nhân nặng, các bệnh thần kinh cơ, Lão khoa.

Nội dung môn học:

STT	Tên chuyên đề	Nội dung bài giảng	Số giờ	
			LT	TH
1.	Cách làm bệnh án VLTL – PHCN	- Bệnh lý nội khoa theo khung ICF	0	15

STT	Tên chuyên đề	Nội dung bài giảng	Số giờ	
			LT	TH
2.	Bệnh lý và VLTL TK – cơ	- Bệnh lý và VLTL cho bệnh nhân nhồi máu não, xuất huyết não và một số bệnh lý kịch phát - Bệnh lý và VLTL cho bệnh nhân bị PARKINSON - Bệnh lý và VLTL cho bệnh nhân bị liệt thần kinh VII ngoại biên, trung ương - Bệnh lý và VLTL cho bệnh nhân viêm đa dây, đa rễ thần kinh	0	15
3.	Bệnh lý và VLTL các bệnh tim mạch	- PHCN cho bệnh lý cơn đau thắt ngực không ổn định, nhồi máu cơ tim và bệnh lý mạch vành, tăng huyết áp - PHCN cho bệnh nhân bị viêm động mạch, giãn tĩnh mạch - PHCN trong phẫu thuật tim hở	0	15
4.	PHCN cho bệnh nhân bị các bệnh hô hấp	- PHCN cho bệnh nhân bị viêm phế quản, hen phế quản - PHCN cho bệnh nhân bệnh nghề nghiệp, đường hô hấp - PHCN cho bệnh nhân bị tràn dịch, tràn khí màng phổi, abces phổi, phẫu thuật lồng ngực - PHCN cho bệnh nhân bị tâm phế mãn	0	15
5.	VLTL cho bệnh nhân bị các bệnh cơ, xương khớp	- VLTL cho bệnh nhân bị các bệnh về cơ(căng cơ, nhược cơ, teo cơ bẩm sinh) - PHCN cho bệnh nhân bị các bệnh về cơ xương khớp văn phòng - PHCN cho bệnh nhân bị các bệnh khớp (thoái hóa khớp, viêm cột sống dính khớp, viêm đa khớp dạng thấp)	0	20
6.	PHCN cho bệnh nhân bị ung thư	- PHCN cho bệnh nhân bị ung thư	0	10
7.	Kế hoạch và điều trị PHCN cho bệnh nhân ICU	- Kế hoạch và điều trị PHCN cho bệnh nhân ICU	0	10
8.	PHCN cho lão khoa	- Qúa trình biến đổi lão hóa (Life span) - Các bệnh lý thường gặp - Các biện pháp can thiệp PHCN sớm và duy trì trong sinh hoạt hàng ngày	0	15
9.	PHCN cơ đáy chậu trong các rối loạn chức năng tiết niệu và sinh dục	- Các triệu chứng - Các biện pháp PHCN	0	5
TỔNG CỘNG			**0**	**120**

UBND TỈNH ĐẮK LẮK

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ ĐẮK LẮK

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THỰC HÀNH

NGÀNH: Y HỌC CỔ TRUYỀN

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

HÌNH THỨC: CHÍNH QUY

Đắk Lắk, năm 2024

UBND TỈNH ĐẮK LẮK **TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 74/QĐ-CĐYT	*Đắk Lắk, ngày 05 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Chương trình đào tạo thực hành ngành Y học cổ truyền trình độ Cao đẳng của Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ ĐẮK LẮK

Căn cứ Quyết định số 4567/QĐ-BGDĐT ngày 13/10/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 359/QĐ-CĐYT ngày 11/5/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc ban hành Điều lệ Trường Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Tờ trình của Hội đồng thẩm định về việc đề nghị ban hành Chương trình đào tạo ngành Y học cổ truyền trình độ Cao đẳng của Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học & HTQT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Chương trình đào tạo thực hành ngành Y học cổ truyền trình độ Cao đẳng" của Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk

(Chương trình kèm theo).

Điều 2. Chương trình này được áp dụng với sinh viên theo học ngành Y học cổ truyền trình độ Cao đẳng tại Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học & HTQT, các phòng, khoa bộ phận trực thuộc, các sinh viên và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Lưu VT, Đào tạo - NCKH &HTQT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ ĐẮK LẮK

Tạ Thị Nhất Sương

MỤC LỤC

Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG Y HỌC HIỆN ĐẠI 1
Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG Y HỌC CỔ TRUYỀN 1 6
Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG Y HỌC CỔ TRUYỀN 2 20
Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN 31
Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG CHÂM CỨU 36
Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG XOA BÓP – BẤM HUYỆT – DƯỠNG SINH 46
Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG PHỤC HỒI CHỨC NĂNG 51
Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG CỘNG ĐỒNG 56
Tên mô đun: THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP 61
Tên mô đun: KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP 69

Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG Y HỌC HIỆN ĐẠI

Mã mô đun: MĐ12

Thời gian thực hiện mô đun: 135 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 133 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Thực tập lâm sàng Y học hiện đại là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

Các mô đun học trước: Y học hiện đại, Nội, Ngoại, Sản, Nhi, và kỹ thuật điều dưỡng.

- Tính chất: Đây là mô đun cơ sở ngành. Mô đun này giúp sinh viên thăm khám, chẩn đoán, điều trị một số bệnh thường gặp theo Y học hiện đại

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức:

+ Trình bày những triệu chứng, chẩn đoán, phương pháp điều trị và chăm sóc cụ thể một số bệnh Nội, Nhi, Ngoại - Sản phụ khoa thường gặp ở Y học hiện đại.

+ Vận dụng lý thuyết vào việc chăm sóc và điều trị người bệnh Nội, Nhi, Ngoại - Sản phụ khoa thường gặp ở Y học hiện đại.

2.2. Kỹ năng:

+ Nhận định được triệu chứng lâm sàng một số bệnh thường gặp trên người bệnh.

+ Làm bệnh án người bệnh.

+ Thực hiện được những kỹ thuật xử trí, chăm sóc thông thường, kiến tập một số kỹ thuật y học đặc biệt trên người bệnh.

+ Rèn luyện, đạo đức người cán bộ y tế, tác phong thận trọng, chính xác.

2.3. *Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:*

+ Vận dụng kiến thức đã học vào việc khám và chữa bệnh chăm sóc người bệnh theo y học hiện đại.

+ Rèn luyện tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát

STT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng	Lý	Thực	Kiểm

		số	thuyết	hành	tra
1.	Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân buồng bệnh thực hành	2	0	2	2
2.	Cách làm bệnh án	6	0	6	
3.	Hướng dẫn cách khám bệnh Nội khoa và Ngoại khoa	8	0	8	
4.	Khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh tim mạch – hô hấp	16	0	16	
5.	Khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh tiêu hóa – tiết niệu	16	0	16	
6.	Khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh thần kinh	16	0	16	
7.	Khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh cơ – xương – khớp	16	0	16	
8.	Khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý Ngoại khoa	16	0	16	
9.	Làm bệnh án Nội khoa	16	0	16	
10.	Làm bệnh án Ngoại khoa	16	0	16	
11.	Kiểm tra	2	0	0	
12.	Thi kết thúc	5	0	5	
	Tổng	**135**	**0**	**133**	**2**

2. Chỉ tiêu rèn luyện tay nghề

TT	Nội dung thực tập	Chỉ tiêu tay nghề
1. Chỉ tiêu tại khoa Nội		
1	Tiếp nhận người bệnh đến khám và điều trị	8 lần
2	Khám, phát hiện triệu chứng và làm bệnh án một số bệnh Hô hấp	4 lần
3	Khám, phát hiện triệu chứng và làm bệnh án một số bệnh Tiêu hóa	4 lần

4	Khám, phát hiện triệu chứng và làm bệnh án một số bệnh Tiết niệu	4 lần
5	Khám, phát hiện triệu chứng và làm bệnh án một số bệnh Thần kinh	2 lần
6	Khám, phát hiện triệu chứng và làm bệnh án bệnh Bạch huyết	2 lần
7	Khám, phát hiện triệu chứng và làm bệnh án Bệnh Biểu cổ	2 lần
8	Khám, phát hiện triệu chứng và làm bệnh án Bệnh Cổ chướng	2 lần
9	Khám, phát hiện triệu chứng và làm bệnh án Bệnh liệt nữa người, liệt mặt	4 lần
1	Khám, phát hiện triệu chứng và làm bệnh án Bệnh đau thần kinh tọa	2 lần
1	Khám, phát hiện triệu chứng và làm bệnh án Bệnh cơ xương khớp, vận động	4 lần
1	Thăm khám toàn thân người bệnh nội khoa	2 lần
1	Làm bệnh án	2 lần
1	Truyền thông tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình	5 lần
1	Ghi chép, sắp xếp hồ sơ, sổ sách, thuốc và dụng cụ tại cơ sở thực tập	4 lần
2. Chỉ tiêu tại khoa ngoại		
1.	Tiếp nhận người bệnh đến khám và điều trị	2 lần
2.	Khám, chẩn đoán, điều trị một số bệnh Ngoại khoa	3 lần
3.	Chuẩn bị người bệnh trước phẫu thuật	2 lần
4.	Chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật	2 lần
5.	Băng bó vết thương, bó bột	2 lần
6.	Làm bệnh án	2 lần
7.	Ghi chép, sắp xếp hồ sơ, sổ sách, thuốc và dụng cụ tại cơ sở thực tập	4 lần

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Thực tập lâm sàng tại Bệnh viện đa khoa

2. Trang thiết bị máy móc: theo từng khoa chuyên môn.

3. Học liệu, dụng cụ: Giáo trình, tài liệu tham khảo, bảng kiểm lâm sàng,…

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên trình bày được các bước thăm khám, phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp theo Y học hiện đại.
- Về kỹ năng: Thực hiện được các kỹ năng thăm khám và chăm sóc người bệnh theo chỉ tiêu thực hiện đề ra.
- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. *Phương pháp*

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

Điểm TBC bộ phần gồm 03 cột điểm, trong đó có: 01 cột điểm kiểm tra thường xuyên (hệ số 01) và 02 cột điểm kiểm tra định kỳ (hệ số 2). Hình thức kiểm tra do giáo viên bộ môn quy định.

Điểm thi kết thúc học phần: Thi vấn đáp lâm sàng.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. *Phạm vi áp dụng mô đun*: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun*

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp sinh viên thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám.
- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.

+ Tham gia trực tại khoa thực tập

+ Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

- Thực hiện tiếp nhận người khám bệnh và vào điều trị;
- Khám và phát hiện triệu chứng các bệnh (Theo từng khoa);
- Làm và bình bệnh án (Theo từng khoa);
- Chăm sóc người bệnh trước, trong và sau khi nhập viện điều trị (Theo từng khoa);
- Truyền thông, hướng dẫn, tư vấn cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Trần Quốc Bảo, *Bệnh học nội khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Quân Đội Nhân Dân, 2016.

[2] Trịnh Thị Diệu Thường, *Châm cứu ứng dụng*, Ncb Y học, 2019.

[3] Nguyễn Văn Chương, *Thực hành thần kinh học tập 1*, Nxb Y học Hà Nội, 2007.

[4] Nguyễn Văn Chương, *Thực hành thần kinh học tập 3*, Nxb Y học Hà Nội, 2009.

[5] Nguyễn Thị Bay, *Bệnh học và điều trị truyền nhiễm nhi khoa (kết hợp đông tây y)*, Đại học Y dược TP. HCM, 2010.

[6] Nguyễn Công Khanh, Nguyễn Hoàng Nam, *Tiếp cận chẩn đoán và điều trị Nhi khoa*, Nxb Y học, 2013.

[7] Nguyễn Thị Bay, *Bệnh học và điều trị ngoại phụ khoa (kết hợp đông tây y)*, Đại học Y dược TP. HCM, 2011.

[8] Bộ y tế, *Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật khám bệnh chữa bệnh chuyên ngành Phụ sản*, Nxb Y học, 2018.

[9] Bộ y tế, *Điều dưỡng sản phụ khoa*, Nxb Y học, 2011.

[10] Trần Hậu Khang, Nguyễn Văn Thường, *Bệnh học ngoại*, Nxb Y học, 2014.

HIỆU TRƯỞNG

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG Y HỌC CỔ TRUYỀN 1

Mã mô đun: MĐ13

Thời gian thực hiện mô đun: 135 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 133 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Thực tập lâm sàng bệnh lý y học cổ truyền 01 là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

Các mô đun học trước: Nội bệnh lý y học cổ truyền và Ngoại bệnh lý y học cổ truyền

- Tính chất: Đây là mô đun chuyên ngành. Mô đun này thực tập lâm sàng tại bệnh viện. Mô đun này giúp trang bị cho sinh viên các kỹ năng: tiếp cận, chẩn đoán, điều trị và hướng dẫn vệ sinh phòng bệnh được một số bệnh lý Nội và Ngoại thường gặp theo y học cổ truyền, xác định được các trường hợp cần phải chuyển viện.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức:

+ Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng khai thác, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh nội khoa và các bệnh Ngoại khoa y học cổ truyền một cách thành thạo;

+ Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi thăm khám và điều trị NB mắc bệnh nội khoa và Ngoại khoa y học cổ truyền thường gặp;

+ Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám, điều trị người bệnh.

2.2. Kỹ năng:

+ Chỉ định phù hợp và phân tích được ý nghĩa các kết quả cận lâm sàng, thăm dò chức năng trong một số bệnh lý Nội khoa và Ngoại khoa y học cổ truyền thường gặp;

+ Vận dụng các tiêu chuẩn chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt theo YHHĐ và YHCT một số bệnh lý Nội khoa và Ngoại khoa y học cổ truyền thường gặp;

+ Xây dựng được kế hoạch điều trị theo YHHĐ, YHCT và phối hợp YHHĐ với YHCT trong một số bệnh lý Nội khoa và Ngoại khoa y học cổ truyền thường gặp dựa trên bằng chứng khoa học;

+ Xây dựng kế hoạch dự phòng một số bệnh lý Nội khoa và Ngoại khoa y học cổ truyền thường gặp;

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

+ Rèn luyện tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Có khả năng tự học, làm việc nhóm.

II. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát

STT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/TH/ TN	Kiểm tra
1.	Bài 1. Bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống tim mạch – hô hấp 1. Kỹ năng đọc điện tâm đồ trong bệnh mạch vành cấp và mạn 2. Kỹ năng đọc X-quang ngực trong chẩn đoán bệnh hô hấp 3. Tăng huyết áp 4. Thiếu máu cơ tim 5. Rối loạn lipid máu 6. Suy dãn tĩnh mạch chi dưới 7. Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính 8. Hen phế quản	15	0	15	2
2.	Bài 2. Bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống thần kinh 1. Kỹ năng khám vận động, cảm giác, 12 dây thần kinh sọ 2. Kỹ năng đọc X-quang cột sống thắt lưng trong chẩn đoán bệnh lý Đau thần kinh tọa 3. Kiến tập đo điện cơ trên bệnh nhân Phục hồi vận động sau đột quỵ	15	0	15	

	4. Đau vai sau Đột quỵ 5. Đau đầu Migrain 6. Rối loạn giấc ngủ 7. Liệt VII ngoại biên vô căn 8. Đau thần kinh tọa 9. Hội chứng ống cổ tay 10. Liệt do chấn thương tủy 11. Đau thần kinh sau Zona 12. Viêm đa dây thần kinh do đái tháo đường				
3.	Bài 3. Bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống cơ xương khớp 1. Tiếp cận bệnh lý Cơ Xương Khớp 2. Kỹ thuật khám lâm sàng bệnh lý cơ xương khớp 3. Đọc X-quang cơ xương khớp 4. Các phương pháp giảm đau 5. Viêm khớp gout 6. Thoái hóa khớp 7. Loãng xương 8. Viêm gân cơ 9. HC cổ vai	15	0	15	
4.	Bài 4. Bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống thận – nội tiết – huyết học 1. Công thức máu 2. Tổng phân tích nước tiểu 3. Kỹ năng khám mạch máu ngoại biên	15	0	15	

	4. Thiếu máu mạn 5. Rối loạn lipid máu 6. Nhiễm trùng tiết niệu 7. Đái tháo đường 8. Suy sinh dục				
5.	Bài 5. Bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống tiêu hoá gan – mật 1. Tiếp cận bệnh tiêu hóa gan mật 2. Các CLS tiêu hóa gan mật 3. Viêm gan mạn 4. Xơ gan 5. Viêm đại tràng 6. HC đại tràng kích thích 7. GERD 8. Viêm loét dạ dày tá tràng	15	0	15	
6.	Bài 6. Bong gân 1. Khám bệnh 2. Chẩn đoán 3. Lập kế hoạch điều trị 4. Điều trị	10	0	10	
7.	Bài 7. Trật khớp 1. Khám bệnh 2. Chẩn đoán 3. Lập kế hoạch điều trị 4. Điều trị	9	0	9	
8.	Bài 8. Bỏng 1. Khám bệnh 2. Chẩn đoán 3. Lập kế hoạch điều trị 4. Điều trị	8	0	8	

9.	Bài 9. Sỏi, đường tiết niệu 1. Khám bệnh 2. Chẩn đoán 3. Lập kế hoạch điều trị 4. Điều trị	10	0	10	
10.	Bài 10. Trĩ 1. Khám bệnh 2. Chẩn đoán 3. Lập kế hoạch điều trị 4. Điều trị	8	0	8	
11.	Bài 11. Vết thương phần mềm 1. Khám bệnh 2. Chẩn đoán 3. Lập kế hoạch điều trị 4. Điều trị	8	0	8	
12.	Thi kết thúc	5	0	5	
13.	Kiểm tra	2	0	0	2
Tổng		**135**	**0**	**133**	**2**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống tim mạch – hô hấp,

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích được ý nghĩa các dấu hiệu trên điện tâm đồ trong bệnh mạch vành cấp và mạn;

- Phân tích được ý nghĩa các dấu hiệu trên x-quang ngực trong hen phế quản và bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong bệnh tăng huyết áp; bệnh thiếu máu cơ tim; rối loạn lipid máu; bệnh suy dãn tĩnh mạch chi dưới; bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính; bệnh hen phế quản

2. Nội dung

2.1. Kỹ năng đọc điện tâm đồ trong bệnh mạch vành cấp và mạn

2.2. Kỹ năng đọc X-quang ngực trong chẩn đoán bệnh hô hấp

2.3. Tăng huyết áp

2.4. Thiếu máu cơ tim

2.5. Rối loạn lipid máu

2.6. Suy dãn tĩnh mạch chi dưới

2.7. Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính

2.8. Hen phế quản

Bài 2. Bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống thần kinh,

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Thực hiện đúng, đủ các kỹ năng hỏi bệnh, khám lâm sàng trong một số bệnh lý thần kinh thường gặp;
- Phân tích được ý nghĩa các dấu hiệu trên xquang Thắt lưng trong bệnh lý đau thần kinh tọa;
- Mô tả được ý nghĩa của điện cơ trong một số bệnh lý thần kinh ngoại biên;
- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ của Đột quỵ; Đau vai sau Đột quỵ; Đau đầu Migrain; Rối loạn giấc ngủ; liệt VII ngoại biên vô căn; Đau thần kinh tọa; Hội chứng ống cổ tay; liệt do chấn thương tủy; đau thần kinh sau Zona; viêm đa dây thần kinh do đái tháo đường.

2. Nội dung

2.1. Kỹ năng khám vận động, cảm giác, 12 dây thần kinh sọ

2.2. Kỹ năng đọc Xquang cột sống thắt lưng trong chẩn đoán bệnh lý Đau thần kinh Tọa

2.3. Kiến tập đo điện cơ trên bệnh nhân

2.4. Phục hồi vận động sau đột quỵ

2.5. Đau vai sau Đột quỵ

2.6. Đau đầu Migrain

2.7. Rối loạn giấc ngủ

2.8. Liệt VII ngoại biên vô căn

2.9. Đau thần kinh tọa

2.10. Hội chứng ống cổ tay

2.11. Liệt do chấn thương tủy

2.12. Đau thần kinh sau Zona

2.13. Viêm đa dây thần kinh do đái tháo đường

Bài 3. Bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống xương khớp,

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Tiếp cận và biện luận để chẩn đoán các bệnh cơ xương khớp;
- Khám đúng kỹ thuật phù hợp từng bệnh lý;
- Phân tích được kết quả khám;
- Nhận biết được các mốc giải phẫu của phim X-quang xương khớp bình thường (cột sống háng- gối- bàn tay);
- Nhận biết được các dấu hiệu bất thường trên X-quang xương khớp;
- Lựa chọn phương pháp giảm đau cho từng tình huống bệnh cụ thể;
- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong bệnh Viêm khớp gout; bệnh Thoái hóa khớp; bệnh Viêm khớp dạng thấp; bệnh viêm gân cơ; bệnh HC cổ vai

2. Nội dung

2.1. Tiếp cận bệnh lý Cơ Xương Khớp

2.2. Kỹ thuật khám lâm sàng bệnh lý cơ xương khớp

2.3. Đọc X-quang cơ xương khớp

2.4. Các phương pháp giảm đau

2.5. Viêm khớp gout

2.6. Thoái hóa khớp

2.7. Loãng xương

2.8. Viêm gân cơ

2.9. HC cổ vai

Bài 4. Bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống thận – nội tiết – huyết học,

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích được ý nghĩa các bất thường trong công thức máu và định hướng tiếp cận bệnh nhân thiếu máu;

- Phân tích được ý nghĩa các thông số xét nghiệm nước tiểu và bước đầu định hướng tiếp cận bệnh nhân hệ thận - tiết niệu;

- Kỹ năng khám động tĩnh mạch ngoại biên, khám các dấu xơ vữa động mạch;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong bệnh thiếu máu mạn; rối loạn lipid máu; bệnh nhiễm trùng tiết niệu; bệnh đái tháo đường; suy sinh dục nam

2. Nội dung

2.1. Công thức máu

2.2. Tổng phân tích nước tiểu

2.3. Kỹ năng khám mạch máu ngoại biên

2.4. Thiếu máu mạn

2.5. Rối loạn lipid máu

2.6. Nhiễm trùng tiết niệu

2.7. Đái tháo đường

2.8. Suy sinh dục

Bài 5. Bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống tiêu hoá gan – mật, Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Tiếp cận và biện luận các biểu hiện lâm sàng các bệnh lý tiêu hóa gan mật thường gặp;

- Đọc và phân tích được các kết quả xét nghiệm, siêu âm, CT bất thường trên bệnh cụ thể;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong bệnh Viêm gan mạn; bệnh Xơ gan; Viêm đại tràng; bệnh suy dãn tĩnh mạch chi dưới; bệnh GERD; Viêm loét DD TT

2. Nội dung

2.1. Tiếp cận bệnh tiêu hóa gan mật

2.2. Các CLS tiêu hóa gan mật

2.3. Viêm gan mạn

2.4. Xơ gan

2.5. Viêm đại tràng

2.6. HC đại tràng kích thích

2.7. GERD

2.8. Viêm loét dạ dày tá tràng

Bài 6. Bong gân, **Thời gian: 10 giờ**

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được Bong gân theo y học hiện đại – y học cổ truyền;
- Lập kế hoạch điều trị;
- Điều trị được Bong gân mức độ nhẹ và vừa. Chuyển viện những trường hợp nặng hoặc có biến chứng;
- Hướng dẫn cho người bệnh chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh.

2. Nội dung

2.1. Khám bệnh

2.2. Chuẩn đoán

2.3. Lập kế hoạch điều trị

2.4. Điều trị

Bài 7. Trật khớp, **Thời gian: 9 giờ**

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được Trật khớp theo y học hiện đại – y học cổ truyền;
- Lập kế hoạch điều trị;
- Điều trị được Trật khớp mức độ nhẹ và vừa. Chuyển viện những trường hợp nặng hoặc có biến chứng;
- Hướng dẫn cho người bệnh chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh.

2. Nội dung

2.1. Khám bệnh

2.2. Chuẩn đoán

2.3. Lập kế hoạch điều trị

2.4. Điều trị

Bài 8. Bỏng, **Thời gian: 8 giờ**

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được Bỏng theo y học hiện đại – y học cổ truyền;
- Lập kế hoạch điều trị;
- Điều trị được Bỏng mức độ nhẹ và vừa. Chuyển viện những trường hợp nặng hoặc có biến chứng;

- Hướng dẫn cho người bệnh chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh.

2. Nội dung

2.1. Khám bệnh

2.2. Chuẩn đoán

2.3. Lập kế hoạch điều trị

2.4. Điều trị

Bài 9. Sỏi đường tiết niệu, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được Sỏi đường tiết niệu theo y học hiện đại – y học cổ truyền;
- Lập kế hoạch điều trị;
- Điều trị được Sỏi đường tiết niệu cá mức độ nhẹ và vừa. Chuyển viện những trường hợp nặng hoặc có biến chứng;
- Hướng dẫn cho người bệnh chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh.

2. Nội dung

2.1. Khám bệnh

2.2. Chuẩn đoán

2.3. Lập kế hoạch điều trị

2.4. Điều trị

Bài 10. Trĩ, Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được Trĩ theo y học hiện đại – y học cổ truyền;
- Lập kế hoạch điều trị;
- Điều trị được Trĩ mức độ nhẹ và vừa. Chuyển viện những trường hợp nặng hoặc có biến chứng;
- Hướng dẫn cho người bệnh chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh.

2. Nội dung

2.1. Khám bệnh

2.2. Chuẩn đoán

2.3. Lập kế hoạch điều trị

2.4. Điều trị

Bài 11. Vết thương phần mềm, thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được Vết thương phần mềm theo y học hiện đại – y học cổ truyền;

- Lập kế hoạch điều trị;

- Điều trị được Vết thương phần mềm mức độ nhẹ, vừa. Chuyển viện những trường hợp nặng hoặc có biến chứng;

- Hướng dẫn cho người chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh.

2. Nội dung

2. Nội dung

2.1. Khám bệnh

2.2. Chuẩn đoán

2.3. Lập kế hoạch điều trị

2.4. Điều trị

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Thực hành lâm sàng tại Khoa Y học cổ truyền, Bệnh viện Y học cổ truyền

2. Trang thiết bị máy móc: theo khoa chuyên môn.

3. Học liệu, dụng cụ: Giáo trình, tài liệu phát tay,…

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

Về kiến thức:

+ Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng khai thác, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh nội khoa và các bệnh Ngoại khoa y học cổ truyền một cách thành thạo;

+ Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi thăm khám và điều trị NB mắc bệnh nội khoa và Ngoại khoa y học cổ truyền thường gặp;

+ Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám, điều trị người bệnh.

- Kỹ năng:

+ Chỉ định phù hợp và phân tích được ý nghĩa các kết quả cận lâm sàng, thăm dò chức năng trong một số bệnh lý Nội khoa và Ngoại khoa y học cổ truyền thường gặp;

+ Vận dụng các tiêu chuẩn chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt theo YHHĐ và YHCT một số bệnh lý Nội khoa và Ngoại khoa y học cổ truyền thường gặp;

+ Xây dựng được kế hoạch điều trị theo YHHĐ, YHCT và phối hợp YHHĐ với YHCT trong một số bệnh lý Nội khoa và Ngoại khoa y học cổ truyền thường gặp dựa trên bằng chứng khoa học;

+ Xây dựng kế hoạch dự phòng một số bệnh lý Nội khoa và Ngoại khoa y học cổ truyền thường gặp;

Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

+ Rèn luyện tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Có khả năng tự học, làm việc nhóm.

2. *Phương pháp*

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

Điểm TBC bộ phận gồm 04 cột điểm, trong đó: 02 cột điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 01; 02 cột điểm kiểm tra định kỳ hệ số 2. Hình thức kiểm tra do giáo viên bộ môn quy định.

Điểm thi kết thúc học phần: Thi vấn đáp lâm sàng.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp sinh viên thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.

+ Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1buổi.

+ Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.

+ Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Tất cả các bài.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Nguyễn Thị Bay, *Bệnh học và điều trị Nội khoa kết hợp Đông Tây y*, Nxb Y học, 2007.

[2] Podolsky, Daniel K, *Yamada's textbook of gastroenterology. 2 volumes. 6th edition*, John Wiley & Sons, 2015.

[3] John M. Inadomi et al, *Yamada's handbook of gastroenterology. 4th edition*, Wiley-Blackwell, 2019.

[4] Giovanni Maciocia, *The Practice of Chinese Medicine The Treatment of Diseases with Acupuncture and Chinese Herbs*, Churchill Livingstone – Elsevier, 2018.

[5] Trần Quốc Bảo, *Bệnh học nội khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Quân Đội Nhân Dân, 2016.

[6] Nguyễn Nhược Kim, Nguyễn Thị Thu Hà, *Bệnh học nội khoa y học cổ truyền*, Nxb Y học, 2016.

[7] Trần Thúy, Vũ Nam, Lê Thị Hiền, Nguyễn Văn Toại, Nguyễn Thị Thu Hà, *Điều trị học kết hợp y học hiện đại và y học cổ truyền*, Nxb Y học, 2014.

[8] Zhanwen Liu, Liang Liu, *Essentials of Chinese Medicine Vol.1,2,3*, Springer, 2009.

[9] Giovanni Maciocia, *The Foundations of Chinese Medicine AComprehensive Text for Acupuncturists and Herbalists*, CHURCHILLLIVINGSTONE, 2005.

[10] Mai Thế Trạch, Nguyễn Thy Khuê, *Nội tiết học đại cương*, Nxb Y học, 2005.

[11] Trương Vĩnh Viêm, *Trung y nội khoa học*, Nhân Dân Vệ Sinh xuất bản xã, 2016.

[12] Nguyễn Khoa Diệu Vân, *Nội tiết học trong thực hành lâm sàng (The Washington Manual)*, Nxb Y học, 2012.

[13] Nguyễn Đạt Anh, Nguyễn Thị Hương, *Các xét nghiệm thường quy áp dụng trong thực hành lâm sàng*, Nxb Y học, 2013.

[14] Bộ Y Tế, *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý huyết học*, Nxb Y học, 2015.

[15] Hochberg, Marc C., et al, *Rheumatology. 7th edition*, Elsevier Mosby, Philadelphia, 2012.

[16] Firestein, Gary S., et al, *Kelley and Firestein's Textbook of*, Elsevier, 2017.

[17] Bob Flaws, Philippe Sionneau, *The treatment of modern western medical diseases with chinese medicine*, Blue Poppy Press, 2005.

[18] Trịnh Thị Diệu Thường, Nguyễn Thị Bay, *Bệnh học YHCT*, Nxb Y học, 2021.

[19] Trịnh Thị Diệu Thường, Nguyễn Thị Bay, *Chuẩn đoán y học cổ truyền*, Nxb Y học, 2021.

[20] Trịnh Thị Diệu Thường, *Châm cứu ứng dụng*, Ncb Y học, 2019.

[21] Nguyễn Văn Chương, *Thực hành thần kinh học tập 1*, Nxb Y học Hà Nội, 2007.

[22] Nguyễn Văn Chương, *Thực hành thần kinh học tập 3*, Nxb Y học Hà Nội, 2009.

[23] Nguyễn Văn Chương, *Thực hành thần kinh học tập 2, 4, 5*, Nxb Y học Hà Nội, 2015.

[24] Giovanni Maciocia, *The Practice of Chinese Medicine The Treatment of Diseases with Acupuncture and Chinese Herbs*, Churchill Livingstone – Elsevier, 2008.

[25] Douglas P. Zipes, *Braunwald's Heart Disease: A Textbook of Cardiovascular Medicine*, Elsevier, 2018.

[26] Michael A. Grippi và các cộng sự, *Fishman's pulmonary diseases and disorders*, McGraw Education, 2015.

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PHỤ TRÁCH

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun:THỰC TẬP LÂM SÀNG Y HỌC CỔ TRUYỀN 2

Mã mô đun: MĐ14

Thời gian thực hiện mô đun: 135 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 133 giờ; Kiểm tra: 2 giờ).

1. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Thực tập lâm sàng y học cổ truyền 02 là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

Các mô đun học trước: bệnh học y học hiện đại, Sản, Nhi, và kỹ thuật điều dưỡng.

- Tính chất: Đây là mô đun chuyên ngành. Mô đun này giúp cung cấp cho sinh viên kiến thức chẩn đoán và xử trí ban đầu bệnh Sản khoa, Nhi khoa và Da liễu thường gặp; trang bị cho sinh viên các kỹ năng: tiếp cận, chẩn đoán, điều trị và hướng dẫn vệ sinh phòng bệnh được một số bệnh lý Sản khoa, Nhi khoa và da liễu thường gặp theo y học cổ truyền, xác định được các trường hợp cần phải chuyển viện.

II. Mục tiêu mô đun

- *Về kiến thức:*

+ Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng khai thác, thăm khám để phát hiện các triệu chứng thường gặp trong một số bệnh lý Sản khoa, Nhi khoa, Da liễu thường gặp theo Y học cổ truyền.

+ Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi thăm khám và điều trị NB mắc bệnh Sản phụ khoa, Nhi khoa và Da liễu theo Y học cổ truyền thường gặp;

- *Kỹ năng:*

+ Chỉ định phù hợp và phân tích được ý nghĩa các kết quả cận lâm sàng, thăm dò chức năng trong một số bệnh lý Sản phụ khoa, Nhi khoa và Da liễu y học cổ truyền thường gặp;

+ Vận dụng các tiêu chuẩn chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt theo YHHĐ và YHCT một số bệnh lý Sản phụ khoa, Nhi khoa và Da liễu y học cổ truyền thường gặp;

+ Xây dựng được kế hoạch điều trị theo YHHĐ, YHCT và phối hợp YHHĐ với YHCT trong một số bệnh lý Sản phụ khoa, Nhi khoa và Da liễu y học cổ truyền thường gặp dựa trên bằng chứng khoa học;

+ Xây dựng kế hoạch dự phòng một số bệnh lý Sản phụ khoa, Nhi khoa và Da liễu y học cổ truyền thường gặp;

- *Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:*

+ Rèn luyện tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Có khả năng tự học, làm việc nhóm.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát

STT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/TH/ TN	Kiểm tra
1	Bài 1. Viêm sinh dục nữ 1. Khám bệnh 2. Chẩn đoán 3. Xử trí ban đầu 4. Kê đơn thuốc	10	0	10	2
2	Bài 2. Rối loạn kinh nguyệt 1. Khám bệnh 2. Chẩn đoán 3. Xử trí ban đầu 4. Kê đơn thuốc	9	0	9	
3	Bài 3. Viêm tuyến vú, tắc tia sữa (nhũ ung) 1. Khám bệnh 2. Chẩn đoán 3. Xử trí ban đầu 4. Kê đơn thuốc	10	0	10	
4	Bài 4. Đau bụng khi có thai (tử thống) 1. Khám bệnh 2. Chẩn đoán 3. Xử trí ban đầu 4. Kê đơn thuốc	9	0	9	
5	Bài 5. Sẩy thai (đọa thai) 1. Khám bệnh 2. Chẩn đoán	9	0	9	

	3. Xử trí ban đầu 4. Kê đơn thuốc				
6	Bài 6. Suy dinh dưỡng 1. Khám bệnh 2. Chẩn đoán 3. Lập kế hoạch điều trị 4. Kê đơn thuốc	12	0	12	
7	Bài 7. Viêm hô hấp 1. Khám bệnh 2. Chẩn đoán 3. Lập kế hoạch điều trị 4. Kê đơn thuốc	12	0	12	
8	Bài 8. Hen phế quản 1. Khám bệnh 2. Chẩn đoán 3. Lập kế hoạch điều trị 4. Kê đơn thuốc	12	0	12	
9	Bài 9. Đái dầm không thực tổn 1. Khám bệnh 2. Chẩn đoán 3. Lập kế hoạch điều trị 4. Kê đơn thuốc	10	0	10	
10	Bài 10. Viêm mô tế bào 1. Khám bệnh 2. Nhận biết 3. Chẩn đoán 4. Kê đơn thuốc	8	0	8	
11	Bài 11. Zona 1. Khám bệnh 2. Nhận biết 3. Chẩn đoán	8	0	8	

	4. Kê đơn thuốc				
12	Bài 12. Mụn trứng cá 1. Khám bệnh 2. Nhận biết 3. Chẩn đoán 4. Kê đơn thuốc 5. Tư vấn phòng bệnh	7	0	7	
13	Bài 13. Chàm 1. Khám bệnh 2. Nhận biết 3. Chẩn đoán 4. Kê đơn thuốc 5. Tư vấn phòng bệnh	6	0	6	
14	Bài 14. Mề đay 1. Khám bệnh 2. Nhận biết 3. Chẩn đoán 4. Kê đơn thuốc 5. Tư vấn phòng bệnh	6	0	6	
15	Thi kết thúc	5	0	5	
16	Kiểm tra	2	0	0	2
Tổng		**135**	**0**	**133**	**2**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Viêm sinh dục nữ, **Thời gian: 10 giờ**

1. Mục tiêu

- Vận dụng được các nguyên tắc cơ bản y học cổ truyền để chẩn đoán và điều trị viêm sinh dục nữ.
- Tư vấn phòng bệnh viêm sinh dục nữ.

2. Nội dung

2.1. Khám bệnh

2.2. Chẩn đoán

2.3. Xử trí ban đầu

2.4. Kê đơn thuốc

Bài 2. Rối loạn kinh nguyệt, rong kinh, rong huyết, Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng được các nguyên tắc cơ bản y học cổ truyền để chẩn đoán và điều trị rối loạn kinh nguyệt, rong kinh, rong huyết.
- Chỉ định, thực hiện được dưỡng sinh, tư vấn chế độ dinh dưỡng rối loạn kinh nguyệt, rong kinh, rong huyết.

2. Nội dung

2.1. Khám bệnh

2.2. Chẩn đoán

2.3. Xử trí ban đầu

2.4. Kê đơn thuốc

Bài 3. Viêm tuyến vú, tắc tia sữa, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng được các nguyên tắc cơ bản y học cổ truyền để chẩn đoán và điều trị Viêm tuyến vú, tắc tia sữa.

2. Nội dung

2.1. Khám bệnh

2.2. Chẩn đoán

2.3. Xử trí ban đầu

2.4. Kê đơn thuốc

Bài 4. Đau bụng khi có thai, Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng được các nguyên tắc cơ bản y học cổ truyền để chẩn đoán và điều trị đau bụng khi có thai.

2. Nội dung

2.1. Khám bệnh

2.2. Chẩn đoán

2.3. Xử trí ban đầu

2.4. Kê đơn thuốc

Bài 5. Sẩy thai, **Thời gian: 9 giờ**

1. Mục tiêu

- Vận dụng được các nguyên tắc cơ bản y học cổ truyền để chẩn đoán và điều trị, chăm sóc sẩy thai.

2. Nội dung

2.1. Khám bệnh

2.2. Chẩn đoán

2.3. Xử trí ban đầu

2.4. Kê đơn thuốc

Bài 6. Suy dinh dưỡng, **Thời gian: 12 giờ**

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được suy dinh dưỡng theo y học cổ truyền;
- Chẩn đoán được suy dinh dưỡng tương ứng với thể bệnh của y học cổ truyền;
- Lập kế hoạch điều trị;
- Điều trị được suy dinh dưỡng mức độ nhẹ và vừa chưa có biến chứng;
- Hướng dẫn cho người chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh;
- Chuyển viện những trường hợp suy dinh dưỡng mức độ vừa có biến chứng hoặc mức độ nặng

2. Nội dung

2.1. Khám bệnh

2.2. Chẩn đoán

2.3. Lập kế hoạch điều trị

2.4. Điều trị

Bài 7. Viêm hô hấp, **Thời gian: 12 giờ**

1.Mục tiêu

- Chẩn đoán được viêm hô hấp trên, viêm phổi, viêm tiểu phế quản tương ứng với thể bệnh của y học cổ truyền;
- Lập kế hoạch điều trị;
- Điều trị được viêm hô hấp trên, Viêm phổi, viêm tiểu phế quản;
- Hướng dẫn cho người chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh;

2. Nội dung

2.1. Khám bệnh

2.2. Chẩn đoán

2.3. Lập kế hoạch điều trị

2.4. Điều trị

Bài 8. Hen phế quản, **Thời gian: 12 giờ**

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được hen phế quản tương ứng với thể bệnh của y học cổ truyền;
- Lập kế hoạch điều trị;
- Xử trí được cơn Hen phế quản cấp mức độ nhẹ - trung bình;
- Điều trị được Hen phế quản kiểm soát một phần;
- Hướng dẫn cho người chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh;
- Chuyển viện những trường hợp Hen phế quản cấp mức độ nặng và Hen phế quản chưa kiểm soát

2. Nội dung

2.1. Khám bệnh

2.2. Chẩn đoán

2.3. Lập kế hoạch điều trị

2.4. Điều trị

Bài 9. Đái dầm không thực tổn, **Thời gian: 8 giờ**

1.Mục tiêu

- Chẩn đoán được Đái dầm không thực tổn theo y học hiện đại;
- Chẩn đoán được Đái dầm không thực tổn tương ứng với thể bệnh của y học cổ truyền
- Lập kế hoạch điều trị;
- Điều trị được Đái dầm không thực tổn.

2. Nội dung

2.1. Khám bệnh

2.2. Chẩn đoán

2.3. Lập kế hoạch điều trị

2.4. Điều trị

Bài 10. Viêm mô tế bào, **Thời gian: 8 giờ**

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được Viêm mô tế bào theo YHHĐ, theo YHCT;
- Lập kế hoạch điều trị;

- Điều trị được Viêm mô tế bào mức độ nhẹ và vừa. Chuyển viện những trường hợp nặng hoặc có biến chứng;

- Hướng dẫn cho người bệnh chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh.

2. Nội dung

2.1. Khám bệnh

2.2. Nhận biết

2.3. Chẩn đoán

2.4. Kê đơn thuốc

Bài 11. Zona, **Thời gian: 8 giờ**

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được Zona theo YHHĐ, theo YHCT;

- Lập kế hoạch điều trị;

- Điều trị được Zona mức độ nhẹ và vừa. Chuyển viện những trường hợp nặng hoặc có biến chứng;

- Hướng dẫn cho người bệnh chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh.

2. Nội dung

2.1. Khám bệnh

2.2. Nhận biết

2.3. Chẩn đoán

2.4. Kê đơn thuốc

Bài 12. Mụn trứng cá, **Thời gian: 7 giờ**

1.Mục tiêu

- Chẩn đoán được Mụn trứng cá theo YHHĐ, theo YHCT;

- Lập kế hoạch điều trị;

- Điều trị được Mụn trứng cá mức độ nhẹ và vừa. Chuyển viện những trường hợp nặng hoặc có biến chứng;

- Hướng dẫn cho người bệnh chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh.

2. Nội dung

2.1. Khám bệnh

2.2. Chuẩn đoán

2.3. Phân biệt

2.4. Tham vấn phòng ngừa bệnh

Bài 13. Chàm, **Thời gian: 6 giờ**

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được Chàm theo YHHĐ, theo YHCT;
- Lập kế hoạch điều trị;
- Điều trị được Chàm mức độ nhẹ và vừa. Chuyển viện những trường hợp nặng hoặc có biến chứng;
- Hướng dẫn cho người bệnh chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh.

2. Nội dung

2.1. Khám bệnh

2.2. Chuẩn đoán

2.3. Phân biệt

2.4. Tham vấn phòng ngừa bệnh

Bài 14. Mề đay, **Thời gian: 6 giờ**

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được Mề đay theo YHHĐ, theo YHCT;
- Lập kế hoạch điều trị;
- Điều trị được Mề đay mức độ nhẹ và vừa. Chuyển viện những trường hợp nặng hoặc có biến chứng;
- Hướng dẫn cho người bệnh chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh.

2. Nội dung

2.1. Khám bệnh

2.2. Chuẩn đoán

2.3. Phân biệt

2.4. Tham vấn phòng ngừa bệnh

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Thực hành lâm sàng tại Khoa Y học cổ truyền, Bệnh viện Y học cổ truyền
2. Trang thiết bị máy móc: theo từng khoa chuyên môn.
3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập), sử dụng qui trình kỹ thuật để dạy thực hành, xem Video, Slide.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức:

+ Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng khai thác, thăm khám để phát hiện các triệu chứng thường gặp trong một số bệnh lý Sản khoa, Nhi khoa, Da liễu thường gặp theo Y học cổ truyền.

+ Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi thăm khám và điều trị NB mắc bệnh Sản phụ khoa, Nhi khoa và Da liễu theo Y học cổ truyền thường gặp;

- Kỹ năng:

+ Chỉ định phù hợp và phân tích được ý nghĩa các kết quả cận lâm sàng, thăm dò chức năng trong một số bệnh lý Sản phụ khoa, Nhi khoa và Da liễu y học cổ truyền thường gặp;

+ Vận dụng các tiêu chuẩn chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt theo YHHĐ và YHCT một số bệnh lý Sản phụ khoa, Nhi khoa và Da liễu y học cổ truyền thường gặp;

+ Xây dựng được kế hoạch điều trị theo YHHĐ, YHCT và phối hợp YHHĐ với YHCT trong một số bệnh lý Sản phụ khoa, Nhi khoa và Da liễu y học cổ truyền thường gặp dựa trên bằng chứng khoa học;

+ Xây dựng kế hoạch dự phòng một số bệnh lý Sản phụ khoa, Nhi khoa và Da liễu y học cổ truyền thường gặp;

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

+ Rèn luyện tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Có khả năng tự học, làm việc nhóm.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

Điểm TBC bộ phận gồm 04 cột điểm, bao gồm: 02 cột điểm thường xuyên (hệ số 1); 02 cột điểm kiểm tra định kỳ (hệ số 2). Hình thức kiểm tra do giáo viên bộ môn quy định.

Điểm thi kết thúc học phần: thi vấn đáp lâm sàng

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp sinh viên thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.

+ Tham gia trực tại khoa thực tập.

+ Làm bệnh án nộp.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Tất cả các bài.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Nguyễn Thị Bay, *Bệnh học và điều trị ngoại phụ khoa (kết hợp đông tây y)*, Đại học Y dược TP. HCM, 2011.

[2] Bộ y tế, *Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật khám bệnh chữa bệnh chuyên ngành Phụ sản*, Nxb Y học, 2018.

[3] Bộ y tế, *Điều dưỡng sản phụ khoa*, Nxb Y học, 2011.

[4] Trần Thuý, *Sản phụ khoa y học cổ truyền*, Nxb Y học, 2004.

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PHỤ TRÁCH

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN

Mã mô đun: MĐ15

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ; (Lý thuyết: 0 giờ; thực tập: 89 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Mô đun Thực tập dược học cổ truyền là mô đun bắt buộc trong chương trình, là mô đun thuộc nhóm chuyên ngành.
- Mô đun giúp sinh viên có kiến thức lý luận cơ bản của y học cổ truyền và vận dụng được các lý luận đó vào chế biến sử dụng thuốc cổ truyền. Trên cơ sở đó sinh viên có thể vận dụng kiến thức vào thực hiện một số kỹ năng chế biến thuốc cổ truyền theo một số phương pháp chế biến cơ bản. Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

II. Mục tiêu mô đun:

- Mô tả được những lý luận cơ bản của y học cổ truyền và vận dụng được các lý luận đó vào chế biến sử dụng thuốc cổ truyền.
- Trình bày được các khái niệm cơ bản của thuốc cổ truyền và các phương pháp chế biến bào chế thuốc cổ truyền.
- Thực hiện một số kỹ năng chế biến thuốc cổ truyền theo một số phương pháp chế biến cơ bản
- Sinh viên yêu thích và hứng thú với môn học, có thái độ nghiêm túc, cầu tiến trong quá trình học tập và nghiên cứu.

III. Nội dung môn học, mô đun:

Số TT	Nội dung thực tập	Chỉ tiêu tay nghề	Đạt	Không đạt
1	**Hệ thống tổ chức khoa Dược bệnh viện** - Tìm hiểu sơ đồ hệ thống tổ chức khoa Dược bệnh viện. - Tìm hiểu vị trí, chức năng và nhiệm vụ của khoa Dược bệnh viện - Tìm hiểu mối quan hệ giữa khoa Dược và các khoa, phòng khác trong	Mỗi sinh viên có 1 bản báo cáo tại đơn vị thực tập.		

Số TT	Nội dung thực tập	Chỉ tiêu tay nghề	Đạt	Không đạt
	bệnh viện. - Tìm hiểu chức trách của chủ nhiệm khoa dược. - Nhiệm vụ của các bộ phận thuộc khoa Dược, bao gồm: Hành chính, thống kê; kho; pha chế; dược lâm sàng; nhà thuốc bệnh viện…			
2	**Những hoạt động chính của khoa Dược bệnh viện.** ***- Hoạt động cung ứng thuốc:*** *Lập kế hoạch cung ứng thuốc: + Tìm hiểu các căn cứ để lập kế hoạch cung ứng thuốc, các bước tiến hành lập kế hoạch; + Tìm hiểu các thẩm quyền trong phê duyệt trong đấu thầu cung ứng thuốc; *Theo dõi, quản lý xuất nhập thuốc: + Trình bày được quy trình nhập thuốc, cách kiểm tra đối chiếu trong giao nhận; + Trình bày được quy trình xuất thuốc, cách kiểm tra, đối chiếu trong cấp phát thuốc ***Hoạt động sắp xếp, bảo quản thuốc ở từng kho phòng*** - Tìm hiểu cách sắp xếp, bảo quản thuốc ở kho dược liệu - Tìm hiểu cách sắp xếp, bảo quản thuốc ở kho tân dược và thành phẩm	Mỗi sinh viên có 1 bản báo cáo tại đơn vị thực tập.		

Số TT	Nội dung thực tập	Chỉ tiêu tay nghề	Đạt	Không đạt
	- Tìm hiểu cách sắp xếp, bảo quản thuốc ở quầy hốt thuốc thang. ***Hoạt động pha chế, sản xuất, chế biến thuốc trong bệnh viện*** - Tìm hiểu yêu cầu về trang thiết bị trong phòng pha chế - Tìm hiểu yêu cầu về nguyên liệu pha chế thuốc đông y và thuốc từ dược liệu; - Tìm hiểu yêu cầu về người làm trong phòng pha chế, chế biến và bảo quản thuốc; - Phạm vi pha chế thuốc đông y và thuốc từ dược liệu. ***Hoạt động quy trình pha chế:*** - Tìm hiểu việc thực hiện quy trình pha chế cồn; - Tìm hiểu việc thực hiện quy trình sắc thuốc thang; - Tìm hiểu việc thực hiện quy trình pha chế thuốc tễ, thuốc hoàn; - Tìm hiểu việc thực hiện quy trình chế biến thục địa; ***Hoạt động kiểm nghiệm thuốc sau pha chế*** -Tìm hiểu và tham gia kiểm nghiệm thuốc theo chuyên luận - Tìm hiểu việc xuất nhập, sắp xếp, bảo quản hợp lý thuốc cổ truyền.			

Số TT	Nội dung thực tập	Chỉ tiêu tay nghề	Đạt	Không đạt
	Vai trò của Dược sĩ bệnh viện trong việc hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả và kinh tế - Vai trò của dược sĩ; - Cách tổ chức cấp phát thuốc; - Sử dụng thuốc			

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Thực tập tại Khoa Dược bệnh viện, xưởng sản xuất thuốc đông dược hoặc công ty sản xuất dược cổ truyền.

2. Trang thiết bị máy móc: máy móc sản xuất, máy tính, mẫu thuốc, các loại sổ sách, quy định về lưu trữ tài liệu (SOP) tại cơ sở sản xuất.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

- Địa điểm: Sinh viên thực tập tại bệnh viện YHCT, xưởng sản xuất thuốc Đông dược.

- Tổ chức thực tập: Sinh viên thực tập tại bệnh viện YHCT, xưởng sản xuất thuốc Đông dược dưới sự hướng dẫn của giảng viên nhà trường và quản lý bệnh viện YHCT, xưởng sản xuất thuốc Đông dược. Trước khi đưa học sinh đi thực tập, giáo viên giảng dạy môn học phải lập kế hoạch chi tiết, cụ thể và được Hiệu trưởng phê duyệt, trong đó có chỉ tiêu tay nghề. Học sinh phải được phổ biến đầy đủ về mục tiêu, nội dung, phương pháp học tập, kế hoạch thực tập, chỉ tiêu thực tập và hình thức đánh giá kết thúc môn học.

- Đánh giá kết thúc mô đun: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp:

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên (Quy đổi tại Điều 16 và Điều 31 Thông tư Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm quá trình (kí hiệu: QT): Kiểm tra theo hình thức bài viết tự luận, thảo luận hoặc trắc nghiệm, thực hành. Gồm 02 cột điểm

+ Gồm 01 cột điểm kiểm tra thường xuyên.

+ 01 cột điểm kiểm tra định kỳ

+ Hình thức: Sinh viên nộp báo cáo theo hướng dẫn.

- Điểm quá trình là trung bình cộng của các cột điểm kiểm tra, thường xuyên hệ số 1, định kỳ hệ số 2.

- Điểm thi kết thúc mô đun: Quyển báo cáo: mỗi nhóm (không quá 5 SV) nộp 1 quyển.

+ Hình thức: 2đ

+ Nội dung: 8đ.

- Điểm mô đun tính theo công thức:

$$MĐ = \frac{QT \times 4 + Thi \times 6}{10}$$

- Thang điểm: Theo thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31 Thông tư 04/2022/BLĐTBXH ngày 03 tháng 3 năm 2022.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

HIỆU TRƯỞNG

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG CHÂM CỨU

Mã mô đun: MĐ16

Thời gian thực hiện mô đun: 135 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 133 giờ; Kiểm tra: 2 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Thực tập lâm sàng châm cứu là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

Các mô đun học trước: Châm cứu.

- Tính chất: Đây là mô đun cơ sở ngành. Mô đun này giúp trang bị cho sinh viên các kỹ năng châm cứu trên mô hình và trên người, kỹ năng làm việc nhóm.

II. Mục tiêu mô đun

- Về kiến thức:

+ Trình bày được lộ trình đường kinh (kinh chính, kinh cân, kinh biệt, hệ thống lạc, bát mạch kỳ kinh).

+ Trình bày được vị trí huyệt và giải thích được tác dụng của 128 huyệt thường dùng.

+ Giải thích được mối liên quan giữa lộ trình đường kinh và các triệu chứng tương ứng khi đường kinh đó bị bệnh.

+ Vận dụng được hào châm, cứu, ôn châm, điện châm, mai hoa châm để ra chỉ định phù hợp điều trị một số bệnh thường gặp.

+ Vận dụng được Nhĩ châm, Đầu châm, Quang châm, Từ châm, Cấy chỉ, Chích lễ để ra chỉ định phù hợp điều trị một số bệnh thường gặp.

- Kỹ năng:

+ Vận dụng được học thuyết kinh lạc vào chẩn đoán bệnh.

+ Thực hiện đúng quy trình vô khuẩn và kiểm tra dụng cụ, thiết bị.

+ Thực hiện chính xác các kỹ thuật hào châm, cứu, ôn châm, điện châm, mai hoa châm theo phác đồ quy định của Bộ Y tế.

+ Xử trí và phòng ngừa được các tai biến (nếu có) khi tiến hành kỹ thuật hào châm, cứu, ôn châm, điện châm, mai hoa châm; Nhĩ châm, Đầu châm, Quang châm, Từ châm, Cấy chỉ, Chích lễ trên người.

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

+ Rèn luyện tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp..

+ Có khả năng làm việc nhóm.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát

STT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1.	Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân buồng bệnh thực hành	4	0	4	
2.	Hướng dẫn các trang thiết bị máy móc châm cứu	4	0	4	
3.	Kỹ thuật hào châm 1. Thăm khám 2. Chỉ định 3. Thực hiện các kỹ thuật hào châm 4. Xử trí và phòng ngừa	15	0	15	
4.	Kỹ thuật cứu 1. Thăm khám 2. Chỉ định 3. Thực hiện các kỹ thuật cứu 4. Xử trí và phòng ngừa	15	0	15	2
5.	Kỹ thuật ôn châm 1. Thăm khám 2. Chỉ định 3. Thực hiện các kỹ thuật ôn châm 4. Xử trí và phòng ngừa	15	0	15	
6.	Kỹ thuật điện châm 1. Thăm khám 2. Chỉ định 3. Thực hiện các kỹ thuật điện châm	20	0	20	

	4. Xử trí và phòng ngừa				
7.	Kỹ thuật mai hoa châm 1. Thăm khám 2. Chỉ định 3. Thực hiện các kỹ thuật mai hoa châm 4. Xử trí và phòng ngừa	5	0	5	
8.	Kỹ thuật nhĩ châm 1. Thăm khám 2. Chỉ định 3. Thực hiện các kỹ thuật nhĩ châm 4. Xử trí và phòng ngừa	5	0	5	
9.	Kỹ thuật đầu châm 1. Thăm khám 2. Chỉ định 3. Thực hiện các kỹ thuật đầu châm 4. Xử trí và phòng ngừa	5	0	5	
10.	Kỹ thuật quang châm 1. Thăm khám 2. Chỉ định 3. Thực hiện các kỹ thuật quang châm 4. Xử trí và phòng ngừa	5	0	5	
11.	Kỹ thuật từ châm 1. Thăm khám 2. Chỉ định 3. Thực hiện các kỹ thuật từ châm 4. Xử trí và phòng ngừa	5	0	5	
12.	Kỹ thuật chích lễ 1. Thăm khám 2. Chỉ định 3. Thực hiện các kỹ thuật chích lễ 4. Xử trí và phòng ngừa	8	0	8	

13.	Kỹ thuật cấy chỉ 1. Thăm khám 2. Chỉ định 3. Thực hiện các kỹ thuật cấy chỉ 4. Xử trí và phòng ngừa	22	0	22	
14.	Thi kết thúc	5	0	5	
15.	Kiểm tra	2	0	0	
	Tổng	**135**	**0**	**133**	**2**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Hào châm, Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Thực hiện chính xác kỹ thuật hào châm trên người;
- Xử trí và phòng ngừa được các tai biến của hào châm.

2. Nội dung

2.1. Thăm khám

2.2. Chỉ định

2.3. Thực hiện các kỹ thuật hào châm

2.4. Xử trí và phòng ngừa

Bài 2. Cứu, Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Thực hiện chính xác kỹ thuật cứu trên người;
- Xử trí và phòng ngừa được các tai biến của cứu

2. Nội dung

2.1. Thăm khám

2.2. Chỉ định

2.3. Thực hiện các kỹ thuật cứu

2.4. Xử trí và phòng ngừa

Bài 3. Ôn châm, Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Thực hiện chính xác kỹ thuật ôn châm trên người;
- Xử trí và phòng ngừa được các tai biến của ôn châm.

2. Nội dung

2.1. Thăm khám

2.2. Chỉ định

2.3. Thực hiện các kỹ thuật ôn châm

2.4. Xử trí và phòng ngừa

Bài 4. Điện châm, Thời gian: 20 giờ

1. Mục tiêu

- Thực hiện chính xác kỹ thuật điện châm trên người;

- Xử trí và phòng ngừa được các tai biến của điện châm.

2. Nội dung

2.1. Thăm khám

2.2. Chỉ định

2.3. Thực hiện các kỹ thuật điện châm

2.4. Xử trí và phòng ngừa

Bài 5. Mai hoa châm, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Thực hiện chính xác kỹ thuật mai hoa châm trên người;

- Xử trí và phòng ngừa được các tai biến của mai hoa châm.

2. Nội dung

2.1. Thăm khám

2.2. Chỉ định

2.3. Thực hiện các kỹ thuật mai hoa châm

2.4. Xử trí và phòng ngừa

Bài 6. Nhĩ châm, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Thực hiện chính xác kỹ thuật nhĩ châm trên người;

- Xử trí và phòng ngừa được các tai biến của nhĩ châm.

2. Nội dung

2.1. Thăm khám

2.2. Chỉ định

2.3. Thực hiện các kỹ thuật nhĩ châm

2.4. Xử trí và phòng ngừa

Bài 7. Đầu châm, **Thời gian: 5 giờ**

1. Mục tiêu

- Thực hiện chính xác kỹ thuật đầu châm trên người;
- Xử trí và phòng ngừa được các tai biến của đầu châm.

2. Nội dung

2.1. Thăm khám

2.2. Chỉ định

2.3. Thực hiện các kỹ thuật đầu châm

2.4. Xử trí và phòng ngừa

Bài 8. Quang châm, **Thời gian: 5 giờ**

1. Mục tiêu

- Thực hiện chính xác kỹ thuật quang châm trên người;
- Xử trí và phòng ngừa được các tai biến của quang châm.

2. Nội dung

2.1. Thăm khám

2.2. Chỉ định

2.3. Thực hiện các kỹ thuật quang châm

2.4. Xử trí và phòng ngừa

Bài 9. Từ châm, **Thời gian: 5 giờ**

1. Mục tiêu

- Thực hiện chính xác kỹ thuật từ châm trên người;
- Xử trí và phòng ngừa được các tai biến của từ châm.

2. Nội dung

2.1. Thăm khám

2.2. Chỉ định

2.3. Thực hiện các kỹ thuật từ châm

2.4. Xử trí và phòng ngừa

Bài 10. Chích lễ, **Thời gian: 8 giờ**

1. Mục tiêu

- Thực hiện chính xác kỹ thuật chích lễ trên người;
- Xử trí và phòng ngừa được các tai biến của chích lễ.

2. Nội dung

2.1. Thăm khám

2.2. Chỉ định

2.3. Thực hiện các kỹ thuật chích lễ

2.4. Xử trí và phòng ngừa

Bài 11. Cấy chỉ, **Thời gian: 22 giờ**

1. Mục tiêu

- Thực hiện chính xác kỹ thuật cấy chỉ trên người;
- Xử trí và phòng ngừa được các tai biến của cấy chỉ

2. Nội dung

2.1. Thăm khám

2.2. Chỉ định

2.3. Thực hiện các kỹ thuật cấy chỉ

2.4. Xử trí và phòng ngừa

3. Chỉ tiêu rèn luyện tay nghề

Số TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
1.	Tiếp đón bệnh nhân tới khám và điều trị tại cơ sở y tế	2	3	3
2.	Chuẩn bị người bệnh	2	3	3
3.	Chuẩn bị dụng cụ	2	3	3
4.	Thực hiện kỹ thuật hào châm và xử lý các tai biến nếu có	2	2	3
5.	Thực hiện kỹ thuật cứu và xử lý các tai biến nếu có	2	2	3
6.	Thực hiện kỹ thuật ôn châm và xử lý các tai biến nếu có	2	2	3
7.	Thực hiện kỹ thuật điện châm và xử lý các tai biến nếu có	3	3	5
8.	Thực hiện kỹ thuật mai hoa châm và xử lý các tai biến nếu có	1	1	0
9.	Thực hiện kỹ thuật nhĩ châm và xử lý các tai biến nếu có	1	1	0
10.	Thực hiện kỹ thuật đầu châm và xử lý các tai biến nếu có	1	1	0
11.	Thực hiện kỹ thuật quang châm và xử lý các tai biến nếu có	2	2	2
12.	Thực hiện kỹ thuật từ châm và xử lý các tai biến nếu có	2	2	2

13.	Thực hiện kỹ thuật chích lễ và xử lý các tai biến nếu có	1	1	2
14.	Thực hiện kỹ thuật cấy chỉ và xử lý các tai biến nếu có	1	1	2
15.	Hướng dẫn người bệnh và thân nhân người bệnh tự chăm sóc và rèn luyện.	2	2	2
16.	Tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người bệnh	2	2	2

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Thực hành lâm sàng tại Khoa y học cổ truyền, Bệnh viện Y học cổ truyền

2. Trang thiết bị máy móc: máy điện châm, kim châm cứu các số, kim nhĩ châm, kim mai hoa, hộp phản vệ, dung dịch sát khuẩn tay nhanh, điếu ngải…

3. Học liệu, dụng cụ: Giáo trình, tài liệu phát tay, quy trình kỹ thuật.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức:

+ Trình bày được lộ trình đường kinh (kinh chính, kinh cân, kinh biệt, hệ thống lạc, bát mạch kỳ kinh).

+ Trình bày được vị trí huyệt và giải thích được tác dụng của 160 huyệt thường dùng.

+ Giải thích được mối liên quan giữa lộ trình đường kinh và các triệu chứng tương ứng khi đường kinh đó bị bệnh.

+ Vận dụng được hào châm, cứu, ôn châm, điện châm, mai hoa châm để ra chỉ định phù hợp điều trị một số bệnh thường gặp.

+ Vận dụng được Nhĩ châm, Đầu châm, Quang châm, Từ châm, Cấy chỉ, Chích lễ để ra chỉ định phù hợp điều trị một số bệnh thường gặp.

- Kỹ năng:

+ Vận dụng được học thuyết kinh lạc vào chẩn đoán bệnh.

+ Thực hiện đúng quy trình vô khuẩn và kiểm tra dụng cụ, thiết bị.

+ Thực hiện chính xác các kỹ thuật hào châm, cứu, ôn châm, điện châm, mai hoa châm theo phác đồ quy định của Bộ Y tế.

+ Xử trí và phòng ngừa được các tai biến (nếu có) khi tiến hành kỹ thuật hào châm, cứu, ôn châm, điện châm, mai hoa châm; Nhĩ châm, Đầu châm, Quang châm, Từ châm, Cấy chỉ, Chích lễ trên người.

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

+ Rèn luyện tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp..

+ Có khả năng làm việc nhóm.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

Điểm TBC bộ phận gồm 04 cột điểm: 02 cột điểm kiểm tra thường xuyên (hệ số 1); 02 cột điểm kiểm tra định kỳ (hệ số 2). Hình thức lấy điểm do giáo viên bộ môn quy định.

Điểm thi kết thúc học phần: Thi thực hành vấn đáp hoặc thực hiện kỹ thuật châm cứu.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp sinh viên thực hiện tốt các kỹ năng châm cứu.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.

+ Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1buổi.

+ Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.

+ Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Tất cả các bài.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Trịnh Thị Diệu Thường, Nguyễn Văn Đàn, *Châm cứu học 1*, Nxb Y học, 2018.

[2] Trịnh Thị Diệu Thường, *Châm cứu học 2*, Nxb Y học, 2019.

[3] Trịnh Thị Diệu Thường, *Châm cứu ứng dụng*, Nxb Y học, 2019.

[4] Phan Quan Chí Hữu, *Châm cứu học tập 1*, Nxb Y học, 2007.

[5] Dương Thế Châu, *Châm cứu đại thành*, Nxb Thanh Niên, 2005.

[6] Hoàng Duy Tân, *Từ điển châm cứu*, Nxb Đồng Nai, 2005.

[7] Hoàng Phủ Mật Lê, Quý Ngưu, Lương Tú Vân, *Châm cứu Giáp ất kinh*, Nxb Thuận hoá, 2002.

[8] Hoàng Quý, *Châm cứu học Trung Quốc*, Nxb Y học Hà Nội, 2002.

[9] Bộ Y tế - Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của Người hành nghề chức danh y sỹ với phạm vi hành nghề y học cổ truyền, 2023.

[10] Quy trình kỹ thuật chuyên ngành y học cổ truyền, Bộ Y tế, năm 2020.

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PHỤ TRÁCH

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG XOA BÓP – BẤM HUYỆT – DƯỠNG SINH

Mã mô đun: MĐ17

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 89 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo, thuộc khối kiến thức chuyên ngành.

- Tính chất: Đây là môn học chuyên ngành. Học phần này giúp sinh viên áp dụng được lý thuyết và kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán, điều trị một số chứng, bệnh thường gặp bằng phương pháp xoa bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh.

II. Mục tiêu mô đun

- *Về kiến thức:*

+ Trình bày vững lý luận khoa học phương đông về bệnh lý, về kinh lạc và về xoa bóp.

+ Trình bày các kĩ thuật xoa bóp, bấm huyệt.

+ Trình bày vững các phương pháp tập luyện dưỡng sinh.

- *Kỹ năng:*

+ Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xoa bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh.

+ Chẩn đoán và điều trị một số bệnh bằng phương pháp xoa bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh.

+ Tham vấn được các nội dung về tăng cường sức khỏe, dự phòng tái phát cho bệnh nhân cụ thể trên lâm sàng.

+ Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người thân của người bệnh, với đồng nghiệp, thể hiện tính chuyên nghiệp trong thực hành lâm sàng.

- *Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:*

+ Khả năng làm việc độc lập, theo nhóm và tự học để phát triển nghề nghiệp liên tục.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát

STT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng	Lý	Thực	Kiểm

		số	thuyết	hành	tra
1	Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân buồng bệnh thực hành	3	0	3	
2	Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị, dụng cụ	6	0	6	
3	Kỹ thuật xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu	10	0	10	
4	Kỹ thuật xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	10	0	10	
5	Kỹ thuật xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tọa	10	0	10	
6	Kỹ thuật xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây VII ngoại biên	10	0	10	1
7	Kỹ thuật xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người	8	0	8	
8	Kỹ thuật xoa bóp bấm huyệt điều trị sai khớp	9	0	9	
9	Kỹ thuật xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thắt lưng do tổn thương dây chằng, thoát vị đĩa đệm	10	0	10	
10	Kỹ thuật dưỡng sinh	8	0	8	
12	Thi kết thúc	5	0	5	
13	Kiểm tra	1	0	0	
	Tổng	**90**	**0**	**89**	**1**

2. Chỉ tiêu rèn luyện tay nghề

Số TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
1	Tiếp đón bệnh nhân vào khám và điều trị	5	5	5
2	Chuẩn bị người bệnh	2	2	2

3	Chuẩn bị dụng cụ	2	2	2
4	Kỹ thuật xoa bóp, bấm huyệt vùng đầu – mặt.	2	2	2
5	Kỹ thuật xoa bóp vùng vai - gáy	2	2	2
6	Kỹ thuật xoa bóp vùng chi trên	2	2	2
7	Kỹ thuật xoa bóp vùng lưng thắt lưng	2	2	2
8	Kỹ thuật xoa bóp vùng chi dưới	2	2	2
9	Kỹ thuật xoa bóp vùng bụng	2	2	2
10	Kỹ thuật đánh gió	2	2	2
11	Kỹ thuật dưỡng sinh	2	2	2

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Thực hành lâm sàng tại khoa Y học cổ truyền hoặc bệnh viện Y học cổ truyền

2. Trang thiết bị dụng cụ: Có tại khoa/phòng.

3. Học liệu, dụng cụ: Giáo trình, giáo án, tài liệu phát tay, quy trình kỹ thuật.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức:

+ Trình bày được lý luận khoa học phương đông về bệnh lý, về kinh lạc và về xoa bóp.

+ Mô tả được các kĩ thuật xoa bóp, bấm huyệt.

+ Trình bày được các phương pháp tập luyện dưỡng sinh.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xoa bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh.

+ Chẩn đoán và điều trị một số bệnh bằng phương pháp xoa bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh.

+ Tham vấn được các nội dung về tăng cường sức khỏe, dự phòng tái phát cho bệnh nhân cụ thể trên lâm sàng.

+ Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người thân của người bệnh, với đồng nghiệp, thể hiện tính chuyên nghiệp trong thực hành lâm sàng.

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

+ Khả năng làm việc độc lập, theo nhóm và tự học để phát triển nghề nghiệp liên tục.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

Điểm TBC bộ phận là TBC của 02 cột điểm, trong đó gồm: 01 cột điểm kiểm tra thường xuyên (hệ số 01); 01 cột điểm kiểm tra định kỳ (hệ số 2). Hình thức kiểm tra do giáo viên bộ môn quy định

Điểm thi kết thúc học phần: Thi theo hình thức vấn đáp lâm sàng hoặc thực hiện kỹ năng trên người bệnh.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp sinh viên thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám.
- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.

+ Tham gia trực tại khoa thực tập

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Các kỹ năng xoa bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh.

4. Tài liệu cần tham khảo

- Xoa bóp bấm huyệt – ĐH Y Hà Nội, 2019.
- Xoa bóp bấm huyệt và khí công dưỡng sinh – ĐH Y Hà Nội, Khoa YHCT, 2019
- Bài giảng Y học cổ truyền - ĐH Y Hà nội, Khoa YHCT, 2017
- Chẩn đoán học Y học cổ truyền – ĐH Y Hà nội, Khoa YHCT, năm 2017.
- Bộ Y tế - Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của Người hành nghề chức danh y sỹ với phạm vi hành nghề y học cổ truyền, 2023.

- Quy trình kỹ thuật chuyên ngành y học cổ truyền, Bộ Y tế, năm 2020.

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PHỤ TRÁCH



Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: THỰC TẬP LÂM SÀNG PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Mã mô đun: MĐ18

Thời gian thực hiện mô đun: 135 giờ; (Thực hành: 133 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

- Vị trí: Mô đun rất quan trọng trong công tác đào tạo Y học cổ truyền trình độ Cao đẳng , là mô đun thuộc học phần chuyên môn.

- Tính chất: Mô đun này cung cấp cho học sinh những kiến thức và thực hành về sử dụng các biện pháp phục hồi chức năng để khám, điều trị và giúp phục hồi, nâng cao sức khỏe của người bệnh.

II. Mục tiêu của mô đun

- Kiến thức:

+ Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh chuyên ngành PHCN;

+ Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi lên kế hoạch thăm khám điều trị và phòng bệnh;

+ Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám người bệnh.

- Kỹ năng:

+ Tiếp đón, ghi hồ sơ, bệnh án, khám và làm bệnh án PHCN

+ Áp dụng một số kỹ thuật PHCN vào việc chăm sóc, phục hồi các khiếm khuyết của người bệnh.

+ Trợ giúp kỹ thuật viên, bác sĩ thực hiện và sử dụng các trang thiết bị, máy móc trong phục hồi chức năng trên người bệnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, thông cảm và ân cần với người bệnh trong thực hiện điều trị và chăm sóc hàng ngày.

+ Thực hành giao tiếp hiệu quả với cán bộ y tế, người bệnh và người nhà người bệnh tại các cơ sở thực tập.

+ Kế thừa, phát huy và bảo tồn một số bài thuốc, kinh nghiệm dân gian mang đậm nét văn hóa địa phương trong chữa bệnh, chứng thông thường tại y tế cơ sở.

III. Nội dung của mô đun

1.Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân buồng bệnh thực hành	2	0	2	
2	Cách làm bệnh án PHCN	8	0	8	
3	Hướng dẫn các trang thiết bị máy móc chuyên ngành PHCN	6	0	6	
4	Khám, điều trị đau dây thần kinh toạ	8	0	8	
5	Khám, điều trị Tai biến mạch máu não	8	0	8	
6	PHCN bệnh nhân tai biến mạch máu não	12	0	12	
7	PHCN bệnh nhân đau dây thần kinh tọa	12	0	12	
8	Khám, điều trị thoái hóa khớp	6	0	6	
9	PHCN cho bệnh nhân thoái hóa khớp	8	0	8	2
10	Khám, điều trị bệnh nhân viêm khớp	6	0	6	
11	Khám, điều trị bệnh nhân đau dây thần kinh vai gáy	8	0	8	
12	Khám, điều trị bệnh nhân liệt dây thần kinh số 7	6	0	6	
13	Khám, điều trị bệnh nhân gãy xương	6	0	6	
14	PHCN cho BN gãy xương	8	0	8	
15	Làm bệnh án PHCN	24	0	24	
16	Kiểm tra	2	0	0	
17	Thi kết thúc	5	0	5	
	Tổng	**135**	**0**	**133**	**2**

2. Chỉ tiêu rèn luyện tay nghề

Số TT	Nội dung rèn luyện tay nghề	Chỉ tiêu (lần)		
		Quan sát	Phụ giúp	Thực hiện
1	Thực hiện các kỹ thuật vật lý trị liệu-phục hồi chức	1	3	3

	năng			
2	Chuẩn bị người bệnh để tập vật lý trị liệu-phục hồi chức năng	1	3	3
3	PHCN bệnh nhân khó khăn vận động	1	3	3
4	PHCN người bệnh tổn thương thần kinh trung ương và ngoại biên	1	3	3
5	Gãy xương	1	3	3
6	Hướng dẫn người bệnh và thân nhân người bệnh tự chăm sóc và rèn luyện.	1	3	3
7	Tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người bệnh	1	3	3

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Thực tập lâm sàng tại khoa Phục hồi chức năng, Bệnh viện Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng.

2. Trang thiết bị máy móc: trang thiết bị khám bệnh có tại khoa/phòng

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, giáo án; Dụng cụ khám bệnh.

4. Các điều kiện khác: Không.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức:

+Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh chuyên ngành PHCN;

+ Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi lên kế hoạch thăm khám điều trị và phòng bệnh;

+ Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám người bệnh.

- Kỹ năng:

+ Tiếp đón, ghi hồ sơ, bệnh án, khám và làm bệnh án PHCN

+ Áp dụng một số kỹ thuật PHCN vào việc chăm sóc, phục hồi các khiếm khuyết của người bệnh.

+ Trợ giúp kỹ thuật viên, bác sĩ thực hiện và sử dụng các trang thiết bị, máy móc trong phục hồi chức năng trên người bệnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, thông cảm và ân cần với người bệnh trong thực hiện điều trị và chăm sóc hàng ngày.

+ Thực hành giao tiếp hiệu quả với cán bộ y tế, người bệnh và người nhà người bệnh tại các cơ sở thực tập.

+ Kế thừa, phát huy và bảo tồn một số bài thuốc, kinh nghiệm dân gian mang đậm nét văn hóa địa phương trong chữa bệnh, chứng thông thường tại y tế cơ sở.

2. Phương pháp: Đánh giá mô đun theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH.

2.1. Điều kiện sinh viên được thi kết thúc mô đun:

- Sinh viên tham gia ít nhất 80% thời gian học tập tại bệnh viện

- Hoàn thành đủ 02 cột điểm kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên: (điểm hệ số 1) 01 cột điểm.

+ Kiểm tra định kỳ: (điểm hệ số 2) 01 cột điểm. Hình thức: Chấm bệnh án hoặc kiểm tra kỹ năng khám bệnh trên bệnh nhân

- Điểm trung bình kiểm tra (TBKT) ≥ 5.0.

2.2. Thi kết thúc mô đun

- Phương pháp đánh giá: thi vấn đáp lâm sàng dựa vào bệnh án thi.

- Hệ số đánh giá:

+ Điểm TB mô đun: bằng điểm TBKT*0,4 + điểm Thi*0,6.

+ Điểm đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Điểm TB mô đun từ thang điểm 10 chuyển sang thang điểm chữ A, B, C, D, F. Từ thang điểm chữ chuyển về thang điểm 4 để tính điểm trung bình tích lũy mô đun theo quy định.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Áp dụng trong giảng dạy Y học cổ truyền trình độ Cao đẳng hệ chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp SV thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.

+ Tham gia trực tại khoa thực tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Trường Đại học Y Hà Nội, 2022 Bài giảng YHCT tập I, II. NXB Y học.
- Trường Đại học Y Hà Nội, 2017, Bệnh học nội khoa YHCT, NXB Y học.
- Các phương pháp thức điều trị bằng vật lý, Nhà xuất bản giáo dục - 2010.
- Lượng giá chức năng hệ vận động, Nhà xuất bản giáo dục - 2010.
- Vận động trị liệu, Nhà xuất bản giáo dục - 2010.
- Trường Cao đẳng Bạch Mai, 2023, Kỹ thuật phục hồi chức năng.
- Bộ Y tế - Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của Người hành nghề chức danh y sỹ với phạm vi hành nghề y học cổ truyền, 2023.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

HIỆU TRƯỞNG

Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun:THỰC TẬP LÂM SÀNG CỘNG ĐỒNG

Mã mô đun: MĐ19

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 89 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

1. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Thực tập lâm sàng cộng đồng là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.
- Các mô đun học trước: Dược lý, Lý luận Y học cổ truyền, Ngoại khoa y học cổ truyền và Sản, phụ khoa y học cổ truyền, Kỹ thuật điều dưỡng.
- Tính chất: Đây là mô đun trang bị cho sinh viên các kỹ năng xác định được vấn đề sức khỏe ưu tiên ở cộng đồng, kỹ năng tư vấn giải pháp hỗ trợ sức khỏe cho người dân bằng YHCT, YHCT kết hợp YHHĐ và có thái độ chuyên nghiệp, trung thực, khách quan và chính xác trong phát hiện vấn đề nghiên cứu.

II. Mục tiêu mô đun

- Về kiến thức:

+ Giải thích được phương pháp luận khoa học của YHCT và YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học.

+ Vận dụng được kiến thức cơ bản giáo dục sức khỏe cho cộng đồng và đổi mới sáng tạo trong giáo dục sức khỏe.

- Kỹ năng:

+ Tiến hành được các phương pháp phát hiện được một vấn đề đang ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng và nhu cầu giáo dục sức khỏe, lập được bảng kế hoạch sức khỏe.

+ Tiến hành tiếp cận hộ gia đình tại cộng đồng và tư vấn được phương pháp điều trị và phòng bệnh trong một số bệnh thường gặp trong cộng đồng bằng YHCT và YHHĐ.

+ Tham gia bào chế, bốc thuốc, sắc thuốc cho người bệnh tại cơ sở khám, chữa bệnh.

+ Hướng dẫn nhân dân nuôi, trồng, khai thác, sử dụng các cây, con và nguyên liệu làm thuốc an toàn, hợp lý.

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Hợp tác tôn trọng người bệnh và đồng nghiệp trong vấn đề chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát

- Làm quen với cộng đồng về tổ chức và điều kiện sống của cộng đồng bằng kỹ thuật đánh giá nhanh như quan sát, phỏng vấn, thu thập thông tin sẵn có.

- Tìm hiểu về tình hình bệnh tật của cộng đồng qua thu thập số liệu sẵn có tại địa phương, tìm các yếu tố ảnh hưởng sức khỏe cộng đồng quan điều tra thu thập thông tin.

+ Những thông tin chung của cộng đồng như: văn hóa, kinh tế, xã hội….

+ Một số vấn đề sức khỏe cộng đồng như: vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, dinh dưỡng…

- Phân tích, giải thích kết quả, tìm ra vấn đề sức khỏe cộng đồng, viết báo cáo kết quả điều tra.

- Thực hành giáo dục sức khỏe

+ Thực hành giáo dục sức khỏe dựa trên kết quả điều tra

- Tham gia các hoạt động chương trình y tế đang triển khai tại địa phương như: khám chữa bệnh, tiêm chủng mở rộng, phòng chống dịch….

- Hoạt động ngoại khóa

+ Tham gia vệ sinh môi trường nơi thực tập

+ Tham gia các phong trào văn hóa văn nghệ tại địa phương

2. Chỉ tiêu thực tập

Số TT	Nội dung	Chỉ tiêu (lần)
1.	Tiếp cận với trạm y tế để tìm hiểu về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của Trạm Y tế cơ sở và chức trách nhiệm vụ của nhân viên Trạm Y tế.	Mỗi nhóm (2-3 học sinh) có 1 bản báo cáo về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của Trạm Y tế cơ sở và chức trách nhiệm vụ của nhân viên Trạm Y tế.
2.	Chẩn đoán sức khỏe cộng đồng, phát hiện vấn đề sức khỏe, vấn đề sức khỏe ưu tiên.	Mỗi nhóm (2-3 học sinh) phát hiện được một vấn đề sức khỏe cần giải quyết.
3.	Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe.	Mỗi nhóm (2-3 học sinh) lập được 1 bản kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe

4.	Tính được một số chỉ số sức khỏe cơ bản	Mỗi học sinh 10 chỉ số
5.	Ghi chép bệnh án, hồ sơ sức khoẻ và biểu mẫu, sổ sách tại Trạm y tế	Mỗi học sinh 1 lần/ sổ
6.	Vẽ bản đồ y tế cộng đồng	Mỗi nhóm (4-5 học sinh) vẽ một bản đồ
7.	Tìm hiểu công tác quản lý sức khỏe tại trạm y tế và Quản lý trạm y tế (Nhân lực, trang thiết bị, thuốc, hồ sơ tài liệu...)	Mỗi nhóm (2-3 học sinh) có 1 bản báo cáo về công tác quản lý sức khỏe tại trạm y tế và Quản lý trạm y tế (Nhân lực, trang thiết bị, thuốc, hồ sơ tài liệu...)
8.	Tham gia xây dựng vườn thuốc nam, thu hái, chế biến, bảo quản thuốc Đông dược tại trạm y tế	2 lần
9.	Lập danh mục các loại thuốc YHCT, cây, con làm thuốc hiện đang sử dụng tại Trạm Y tế và các hộ gia đình	Mỗi nhóm (2-3 học sinh) có 1 bản báo cáo về các loại thuốc YHCT hiện có của Trạm y tế.
10.	Chăm sóc cho người bệnh tại Trạm y tế và tại gia đình bằng YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	02 lần
11.	Tư vấn, hướng dẫn người bệnh và người nhà của họ đến khám, chữa bệnh tại Trạm y tế.	4 lần

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

- Học sinh, sinh viên thực hiện thực tập điều tra sức khỏe cộng đồng dưới sự hướng dẫn của giảng viên hoặc cán bộ mời giảng tại địa phương.
- Các hoạt động học tập dưới sự giám sát, hỗ trợ của cán bộ y tế địa phương hoặc giảng viên trường.
- Tổng kết cuối đợt thực tập tại địa phương.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

Thực hành các kiến thức kỹ năng đã học của học phần Quản lý và tổ chức Y tế, kỹ năng giao tiếp - giáo dục sức khỏe và các môn học vào thực tế chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

- Đánh giá của cán bộ y tế địa phương các nội dung

+ Chuyên cần

+ Thực hiện nội quy học tập

+ Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cụ thể

- Đánh giá của giảng viên trường

+ Việc thực hiện nội quy thực tập.

+ Việc thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh, sinh viên: qua báo cáo thực tế của nhóm đúng tiến độ và đạt yêu cầu về nội dung và hình thức.

- Phương pháp đánh giá:

+ Chuyên cần: 01 cột điểm hệ số 1

+ Hoàn thành các chỉ tiêu cụ thể: 01 cột điểm hệ số 2

+ Điểm kết thúc mođun: Chấm bài báo cáo cuối đợt thực tập

- Hệ số đánh giá:

+ Điểm TB môn học: bằng điểm TBKT*0,4 + điểm Thi*0,6.

+ Điểm đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho Y học cổ truyền trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp sinh viên thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Thuyết trình, nêu vấn đề, đưa ra tình huống.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập tại trạm y tế.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại trạm y tế.

+ Tham gia trực tại nơi thực tập.

+ Làm báo cáo đầy đủ.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Thực hiện các vấn đề về công tác truyền thông giáo dục và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

4. Tài liệu cần tham khảo

- Tài liệu hồ sơ bệnh án tại trạm y tế xã, phường.

- Trần Thuý, *Y học cổ truyền phục vụ y tế cộng đồng (kết hợp Đông-Tây y)*, Nxb Y học, 2014.

- Khoa Y tế Công cộng - Bộ môn Sức khỏe cộng đồng (2015), Thực hành Cộng đồng, Đại học Y dược TP-HCM.

- Bộ Y tế, Quyết định phê duyệt Chiến lược quốc gia, phòng chống bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính, hen phế quản và các bệnh KLN khác, giai đoạn 2015-2025.

- Huỳnh Thị Tập (2017). Giáo trình Y tế Công cộng. Khoa Y- Trường Cao đẳng Y tế Kiên Giang.

- Quyết định số 1208/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia về Y tế giai đoạn 2012-2015.

- Quyết định số 3447/QĐ-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2011 Bộ trưởng Bộ Y tế đã ký về việc Ban hành "Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020".

- Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07 tháng 11 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Y tế đã ký về việc Ban hành "Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020".

- Tổng cục dân số- Kế hoạch hóa gia đình (2011), Dân số học, Nhà xuất bản Hà Đông.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH

HIỆU TRƯỞNG



Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP

Mã mô đun: MĐ20

Thời gian thực hiện mô đun: 180 giờ (Thực hành: 178 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun rất quan trọng trong công tác đào tạo Y học cổ truyền cao đẳng là mô đun thuộc học phần chuyên ngành. Thời gian thực hiện mô đun: học kỳ VI.

- Tính chất: Mô đun này giúp sinh viên củng cố những kiến thức và kĩ năng ra chẩn đoán, điều trị theo YHCT và YHHĐ trên những bệnh lý thường gặp.

II. Mục tiêu của mô đun

- Kiến thức:

+ Trình bày được bệnh học, chẩn đoán một số bệnh lý thường gặp.

+ Hiểu được mục đích điều trị một số bệnh thường gặp bằng YHCT và YHHĐ.

- Kỹ năng:

+ Khám bệnh, chẩn đoán và điều trị một số chứng, bệnh thường gặp bằng Y học cổ truyền.

+ Tham gia bào chế, bốc thuốc, sắc thuốc cho người bệnh tại cơ sở khám, chữa bệnh.

+ Thiết lập được kế hoạch điều trị dựa trên chẩn đoán y học hiện đại và chẩn đoán y học cổ truyền phù hợp với bệnh nhân cụ thể trên lâm sàng.

+ Xử trí được bước đầu các vấn đề sức khỏe trên bệnh nhân bằng phương pháp YHCT, YHCT kết hợp YHHĐ an toàn, hợp lý theo quy định Bộ y tế.

+ Sơ cứu và hướng dẫn chuyển tuyến kịp thời một số trường hợp cấp cứu ban đầu tại trạm y tế và cộng đồng.

+ Tham gia công tác hành chính, quản lý hồ sơ, bệnh án tại cơ sở khám, chữa bệnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tôn trọng, chân thành hợp tác với đồng nghiệp và cư dân trong lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

+ Tôn trọng, đồng cảm, chia sẻ với bệnh nhân và gia đình bệnh nhân

+ Cần cù, chăm chỉ, rèn luyện thường xuyên để nâng cao chuyên môn.

III. Nội dung của mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)

		Tổng số	Lý thuyết	TL/TH/ TN	Kiểm tra
1	Chương 1: Chẩn đoán, điều trị một số các bệnh Nội khoa thường gặp 1. Các bệnh tim mạch 2. Các bệnh Hô hấp 3. Một số bệnh tiêu hóa 4. Một số bệnh tiết niệu 5. Một số bệnh thần kinh	35	0	35	2
2	Chương 2: Chẩn đoán, điều trị một số các bệnh Ngoại khoa thường gặp 1. Trật khớp 2. Bong gân 3. Gãy xương 4. Vết thương phần mềm	30	0	30	
3	Chương 3: Chẩn đoán, điều trị một số các bệnh Sản phụ khoa thường gặp 1. Viêm tuyến vú 2. Tắc tia sữa 3. Rong kinh 4. Nôn nghén 5. Thai động 6. Viêm sinh dục	35	0	34	
4	Chương 4: Chẩn đoán, điều trị một số các bệnh Nhi khoa thường gặp 1. Ỉa chảy 2. Viêm phổi 3. Suy dinh dưỡng	25	0	25	
5	Chương 5: Chẩn đoán, điều trị một số các bệnh thường gặp khác 1. zona thần kinh	25	0	24	

	2. Chàm 3. Viêm kết mạc 4. Viêm mũi 5. Viêm tai				
6	Các phương pháp điều trị không dùng thuốc: Châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh	25	0	25	
	Thi kết thúc	5	0	5	
	Tổng cộng	**180**	**0**	**178**	**2**

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Chẩn đoán, điều trị một số các bệnh Nội khoa thường gặp

Thời gian: 35 giờ

1. Mục tiêu

- Khám, chẩn đoán, thiết lập kế hoạch điều trị, kỹ năng tham vấn phù hợp trên các bệnh lý Nội khoa thường gặp;
- Giải thích được cơ sở lý luận của chẩn đoán và phương pháp điều trị đã tiến hành trên bệnh nhân.

2. Nội dung

STT	Tên bài	Số lần thực hiện	
		Khám - chẩn đoán - Điều trị bằng YHCT – YHHĐ	Làm bệnh án
1	Các bệnh tim mạch	2	1
2	Các bệnh Hô hấp	2	
3	Một số bệnh tiêu hóa	2	
4	Một số bệnh tiết niệu	2	
5	Một số bệnh thần kinh	2	

Chương 2: Chẩn đoán, điều trị một số các bệnh Ngoại khoa thường gặp

Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu

- Khám, chẩn đoán, thiết lập kế hoạch điều trị, kỹ năng tham vấn phù hợp trên các bệnh lý Ngoại khoa thường gặp;
- Giải thích được cơ sở lý luận của chẩn đoán và phương pháp điều trị đã tiến hành trên bệnh nhân.

2. Nội dung

STT	Tên bài	Số lần thực hiện	
		Khám - chẩn đoán - Điều trị bằng YHCT – YHHĐ	Làm bệnh án
1	Trật khớp	2	1
2	Bong gân	2	
3	Gãy xương	2	
4	Vết thương phần mềm	2	

Chương 3: Chẩn đoán, điều trị một số các bệnh Sản phụ khoa thường gặp

Thời gian: 34 giờ

1. Mục tiêu

- Khám, chẩn đoán, thiết lập kế hoạch điều trị, kỹ năng tham vấn phù hợp trên các bệnh lý Sản phụ khoa thường gặp;
- Giải thích được cơ sở lý luận của chẩn đoán và phương pháp điều trị đã tiến hành trên bệnh nhân.

2. Nội dung

STT	Tên bài	Số lần thực hiện	
		Khám - chẩn đoán - Điều trị bằng YHCT – YHHĐ	Làm bệnh án
1	Viêm tuyến vú	2	1
2	Tắc tia sữa	2	
3	Rong kinh	2	

4	Nôn nghén	1	
5	Thai động	1	
6	Viêm sinh dục	1	

Chương 4: Chẩn đoán, điều trị một số các bệnh Nhi khoa thường gặp

Thời gian: 25 giờ

1. Mục tiêu

- Khám, chẩn đoán, thiết lập kế hoạch điều trị, kỹ năng tham vấn phù hợp trên các bệnh lý Sản phụ khoa thường gặp;
- Giải thích được cơ sở lý luận của chẩn đoán và phương pháp điều trị đã tiến hành trên bệnh nhân.

2. Nội dung

STT	Tên bài	Số lần thực hiện	
		Khám - chẩn đoán - Điều trị bằng YHCT – YHHĐ	Làm bệnh án
1	Ỉa chảy	2	1
2	Viêm phổi	2	
3	Suy dinh dưỡng	2	

Chương 5: Chẩn đoán, điều trị một số các bệnh thường gặp khác

Thời gian: 24 giờ

1. Mục tiêu

- Khám, chẩn đoán, thiết lập kế hoạch điều trị, kỹ năng tham vấn phù hợp trên các bệnh lý Sản phụ khoa thường gặp;
- Giải thích được cơ sở lý luận của chẩn đoán và phương pháp điều trị đã tiến hành trên bệnh nhân.

2. Nội dung

STT	Tên bài	Số lần thực hiện	
		Khám - chẩn đoán	Làm bệnh án

		- Điều trị bằng YHCT – YHHĐ	
1	Zona thần kinh	2	1
2	Chàm	2	
3	Viêm kết mạc	2	
4	Viêm mũi	2	
5	Viêm tai	2	

Chương 6: Các phương pháp điều trị không dùng thuốc

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các kiến thức và kỹ năng điều trị một số chứng, bệnh không dùng thuốc.

- Thực hiện thành thạo các kỹ năng điều trị không dùng thuốc

2. Nội dung

STT	Tên bài	Số lần thực hiện	
		Chuẩn bị bệnh nhân – dụng cụ	Thực hiện
1	Châm cứu	2	2
2	Xoa bóp, bấm huyệt	2	2
3	Dưỡng sinh	2	2

V. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn hóa: Khoa Y học cổ truyền – bệnh viện đa khoa hoặc Bệnh viện Y học cổ truyền.

2. Trang thiết bị máy móc: Các loại máy móc, trang thiết bị, dụng cụ có tại Khoa phòng

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, tài liệu phát tay, quy trình kỹ thuật.

4. Các điều kiện khác

VI. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Trình bày được bệnh học, chẩn đoán một số bệnh lý thường gặp.

+ Trình bày được mục đích điều trị một số bệnh thường gặp bằng YHCT và YHHĐ.

- Kỹ năng:

+ Thiết lập được kế hoạch điều trị dựa trên chẩn đoán y học hiện đại và chẩn đoán y học cổ truyền phù hợp với bệnh nhân cụ thể trên lâm sàng.

+ Xử trí được bước đầu các vấn đề sức khỏe trên bệnh nhân bằng phương pháp YHCT, YHCT kết hợp YHHĐ an toàn, hợp lý theo quy định Bộ y tế.

+ Sơ cứu và hướng dẫn chuyển tuyến kịp thời một số trường hợp cấp cứu ban đầu tại trạm y tế và cộng đồng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tôn trọng, chân thành hợp tác với đồng nghiệp và cư dân trong lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

+ Tôn trọng, đồng cảm, chia sẻ với bệnh nhân và gia đình bệnh nhân

+ Cần cù, chăm chỉ, rèn luyện thường để nâng cao chuyên môn.

2. Phương pháp: Đánh giá mô đun theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH.

2.1. Điều kiện sinh viên được thi kết thúc mô đun:

- Sinh viên tham gia ít nhất 80% thời gian thực hành tại bệnh viện

- Hoàn thành đủ 4 cột điểm kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên: (điểm hệ số 1) 2 cột điểm.

+ Kiểm tra định kỳ: (điểm hệ số 2) 2 cột điểm. Hình thức: Do giáo viên bộ môn quy định

- Điểm trung bình kiểm tra (TBKT) ≥ 5.0.

2.2. Thi kết thúc mô đun

- Phương pháp đánh giá: Chấm bệnh án cuối đợt thực tập hoặc thi vấn đáp lâm sàng hoặc thi chạy trạm.

- Hệ số đánh giá:

+ Điểm TB mô đun: bằng điểm TBKT*0,4 + điểm Thi*0,6.

+ Điểm đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Điểm TB mô đun từ thang điểm 10 chuyển sang thang điểm chữ A, B, C, D, F. Từ thang điểm chữ chuyển về thang điểm 4 để tính điểm trung bình tích lũy mô đun theo quy định.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Đối tượng Y học cổ truyền trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun.

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp SV thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.

+ Làm bệnh án đầy đủ theo quy định.

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PHỤ TRÁCH



Tạ Thị Nhất Sương

Tên mô đun: KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mã mô đun: MĐ21

Thời gian thực hiện mô đun: 120 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành: 89 giờ; Kiểm tra: 02 giờ.)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Học kỳ 6

- Tính chất:

+ Điều kiện tiên quyết: hoàn thành chương trình các môn học/mô đun.

+ Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo. Khóa luận tốt nghiệp ngành Y học cổ truyền là thể loại chuyên khảo tổng hợp của sinh viên sau khi kết thúc toàn bộ chương trình đào tạo Y học cổ truyền để bảo vệ lấy văn bằng cao đẳng Y học cổ truyền. Nội dung của khóa luận tốt nghiệp cần đề cập đến các vấn đề thuộc chuyên ngành Y học cổ truyền, nghĩa là đề tài được chọn để viết khóa luận tốt nghiệp cần phải phù hợp với chuyên ngành đào tạo Y học cổ truyền trình độ cao đẳng.

II. Mục tiêu mô đun: Học xong học phần này, người học có khả năng:

- Kiến thức: Là nội dung trình bày trong quyển khóa luận tốt nghiệp, tùy từng đề tài nghiên cứu của người học. Thể hiện hết những vấn đề đã học của học viên.

- Kỹ năng:

+ Viết được đề cương và tham gia NCKH trong lĩnh vực YHCT và/hoặc YHCT kết hợp YHHĐ.

+ Thực hiện và báo cáo trình bày được 1 khóa luận tốt nghiệp hoàn chỉnh.

+ Nhận thức được tầm quan trọng phương pháp tự học và làm việc nhóm.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thể hiện khả năng trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm trong nghề nghiệp. Có hướng giải quyết đúng đắn khi gặp các bệnh thông thường và phức tạp.

II. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN/BT/TL	Kiểm tra

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp SV thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.

+ Làm bệnh án đầy đủ theo quy định.

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PHỤ TRÁCH



Tạ Thị Nhất Sương

I	**Cơ sở lý luận**				
1	Các khái niệm chung	01	1	0	
2	Các khái niệm chi tiết liên quan đề tài khóa luận	02	2	0	
II	**Thực trạng và phân tích thực trạng**				
3	Sơ lược về tình hình thực tế (liên quan thực trạng)	11	2	9	
4	Nghiên cứu về đề tài và các vấn đề liên quan	12	2	10	
5	Sơ đồ cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng	12	2	10	2
6	Phân tích chuyên sâu	60	10	50	
III	**Đề xuất kiến nghị và giải pháp hoàn thiện**	**20**	**10**	**10**	
	Tổng	**120**	**29**	**89**	**2**

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Cơ sở lý luận **Thời gian: 03 giờ**

1. Mục tiêu:

- Về kiến thức: Học viên khái quát các khái niệm chung và các khái niệm chi tiết liên quan đến đề tài khóa luận tốt nghiệp đang nghiên cứu.

- Về kỹ năng:

+ Mô tả được kiến thức khái quát và chuyên sâu các vấn đề cần nghiên cứu.

+ Có thể trả lời các câu hỏi liên quan đến đề tài.

+ Có khả năng rút ra những kiến thức hữu ích áp dụng vào đề tài.

- Về thái độ: Tinh thần tự giác và năng nổ tìm kiếm, học hỏi các khái niệm từ tổng quát đến chi tiết, từ các mô đun đã qua cũng như từ kinh nghiệm thực tiễn đi thực tế.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm chung: Trình bày các khái niệm chung làm cơ sở lý luận trong đề tài khóa luận.

2.2. Khái niệm chi tiết liên quan đề tài khóa luận

Chương 2. Thực trạng và phân tích thực trạng

Thời gian: 95 giờ

1. Mục tiêu:

- Về kiến thức: Học viên hiểu rõ về thực trạng cũng như phân tích thực trạng liên quan trong đề tài đặt ra, từ đó nhận thức sâu sắc về vấn đề và làm rõ vấn đề.
- Về kỹ năng:

+ Có khả năng vận dụng kiến thức đã học để thực hiện đề tài khóa luận.

+ Có thể áp dụng vấn đề nghiên cứu trong đề tài vào thực tiễn, giải quyết tồn đọng nếu có, phát triển những vấn đề liên quan tốt hơn và tạo ra những tiền đề mới giúp cho hộ sinh, phát triển cộng đồng.

+ Tích lũy kỹ năng mềm trong thực tiễn để hỗ trợ cho công việc sau này.

- Về thái độ: Thể hiện sự nghiêm khắc với bản thân, có tinh thần nhiệt huyết, tận tụy với nghề để từ đó tạo ra sự đam mê đích thực, phát triển theo hướng đúng với ngành nghề đã chọn đóng góp cho cộng đồng.

2. Nội dung chương:

2.1. Sơ lược về tình hình thực tế liên quan đến đề tài

2.2. Nghiên cứu về đề tài và các vấn đề liên quan

2.2. Sơ đồ cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng

2.3. Phân tích sâu vào vấn đề đặt ra trong đề tài

Chương 3. Đề xuất kiến nghị và giải pháp hoàn thiện;

Thời gian: 20 giờ

1. Mục tiêu:

- Về kiến thức: Học viên hiểu rõ về thực trạng cũng như phân tích thực trạng liên quan trong đề tài đặt ra, từ đó nhận thức sâu sắc về vấn đề và làm rõ vấn đề. Đưa ra đề xuất, kiến nghị và các giải pháp cụ thể hoàn thiện vấn đề nêu ra trong đề tài.
- Về kỹ năng:

+ Có khả năng đề xuất, kiến nghị các vấn đề tương tự.

+ Có thể áp dụng vấn đề nghiên cứu trong đề tài vào thực tiễn, giải quyết tồn đọng nếu có, phát triển những vấn đề liên quan tốt hơn và tạo ra những tiền đề mới giúp cho hộ sinh, phát triển cộng đồng bằng những giải pháp cụ thể của bản thân.

+ Tích lũy kỹ năng mềm trong thực tiễn để hỗ trợ cho công việc sau này.

- Về thái độ: Thể hiện sự nghiêm khắc với bản thân, có tinh thần nhiệt huyết, tận tụy với nghề để từ đó tạo ra sự đam mê đích thực, phát triển theo hướng đúng với ngành nghề đã chọn đóng góp cho cộng đồng.

2. Nội dung chương:

2.1. Đề xuất kiến nghị

2.2. Giải pháp hoàn thiện

2.3. Kết luận

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, màn chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, tài liệu phát tay.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Là nội dung trình bày trong quyển khóa luận tốt nghiệp, tùy từng đề tài nghiên cứu của người học. Thể hiện hết những vấn đề đã học của học viên.

- Kỹ năng:

+ Viết được đề cương và tham gia NCKH trong lĩnh vực YHCT và/hoặc YHCT kết hợp YHHĐ.

+ Thực hiện và báo cáo trình bày được 1 khóa luận tốt nghiệp hoàn chỉnh.

+ Nhận thức được tầm quan trọng phương pháp tự học và làm việc nhóm.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thể hiện khả năng trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm trong nghề nghiệp. Có hướng giải quyết đúng đắn khi gặp các bệnh thông thường và phức tạp.

2. Phương pháp, đánh giá:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

- Cách tính điểm TBC bộ phận: Trong đó:

+ Điểm kiểm tra thường xuyên: 01 cột điểm – hệ số 1

+ Điểm kiểm tra định kỳ: 02 cột điểm – Hệ số 2

+ Hình thức: do giáo viên hướng dẫn quy định

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Hình thức: Chấm bài khóa luận tốt nghiệp

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: học kỳ 6 năm thứ 3, sau khi sinh viên hoàn thành chương trình.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên/ giảng viên: hướng dẫn sinh viên thực hiện khóa luận.

- Đối với người học: chủ động, tích cực hoàn thành khóa luận theo đề tài đã chọn.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình Nghiên cứu khoa học – Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk

- GS-TS Đào Văn Dũng: Phương pháp nghiên cứu khoa học – nghiên cứu hệ thống y học, Nhà xuất bản Y học, 2020.

- Lưu Ngọc Hoạt (2015), Phương pháp viết đề cương nghiên cứu, nhà xuất bản y học

- Lưu Ngọc Hoạt (2017), Thống kê sinh học và nghiên cứu khoa học y học, nhà xuất bản y học

HIỆU TRƯỞNG
PHỤ TRÁCH

Tạ Thị Nhất Sương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ ĐẮK LẮK

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

NGÀNH: KT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

***Đắk lắk*, 2023**

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ ĐẮK LẮK

Số: 148/QĐ - CĐYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
V/v Ban hành Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật phục hồi chức năng trình độ cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ ĐẮK LẮK

Căn cứ Quyết định số 4567/QĐ- BGDĐT ngày 13/10/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc ban hành Điều lệ Trường Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về quy định, quy trình xây dựng thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Tờ trình ngày 30/03/2023 của Hội đồng thẩm định về việc đề nghị phê duyệt chương trình đào tạo giảng dạy nghề Kỹ thuật phục hồi chức năng trình độ cao đẳng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này "Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật phục hồi chức năng trình độ cao đẳng".

(Kèm theo Chương trình đào tạo nghề Cao đẳng Kỹ thuật phục hồi chức năng)

Điều 2: Chương trình có hiệu lực kể từ ngày ký. Áp dụng cho giảng viên, giáo viên tham gia giảng dạy và sinh viên học ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng chính quy của Nhà trường từ năm học 2023-2024.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng Phòng đào tạo Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế; Trưởng (Phó) các Khoa/Phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- BGH (đ/b);
- Như điều 3;
- Lưu VT - ĐT

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ ĐẮK LẮK

ThS. Tạ Thị Nhất Sương

TÊN MÔ ĐUN: THỰC TẬP BỆNH VIỆN ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN VÀ CẤP CỨU BAN ĐẦU

Mã mô đun: MĐ10

Thời gian thực hiện mô đun: 137 giờ; (Lý thuyết: 00 giờ; thực hành, thí nghiệm, thảo luận, thực tập: 135 giờ; thi/ kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

- **Vị trí:** là mô đun thuộc phần kiến thức y học cơ sở.
- **Tính chất:** Học phần này giới thiệu những kiến thức lý luận chung về điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu, đồng thời cũng trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về cấp cứu ban đầu và các kỹ thuật chăm sóc người bệnh nhằm phục vụ cho việc chăm sóc , điều trị, điều dưỡng giúp cho người bệnh mau chóng khỏe mạnh sớm trở về hòa nhập với cộng đồng.

II. Mục tiêu mô đun

- Nhận định được tình trạng người bệnh trước trong và sau khi thực hiện các kỹ năng chăm sóc.
- Chuẩn bị được đầy đủ các dụng cụ khi thực hiện kỹ năng.
- Thực hiện được các quy trình kỹ thuật trên người bệnh
- Đảm bảo an toàn cho người bệnh khi thực hiện quy trình kỹ thuật.
- Rèn luyện tác phong cẩn thận, tự tin, chính xác trong khi thực hiện quy trình chăm sóc người bệnh.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1.	Chăm sóc và theo dõi dấu hiệu sinh tồn	15	0	15	
2.	Hồ sơ bệnh án và cách ghi chép	5	0	5	
3.	Cho người bệnh uống thuốc	5	0	5	

STT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
4.	Kỹ thuật băng, thay băng, rửa vết thương	15	0	15	
5.	Vệ sinh tay (rửa tay, sát khuẩn tay nhanh)	10	0	10	
6.	Kỹ thuật tiêm bắp	10	0	10	
7.	Kỹ thuật tiêm dưới da	10	0	10	
8.	Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch	10	0	10	
9.	Kỹ thuật truyền tĩnh mạch	11	0	10	1
10.	Kỹ thuật thở oxy	5	0	5	
11.	Chăm sóc dự phòng loét	5	0	5	
12.	Sơ cứu gãy xương	10	0	10	
13.	Sơ cứu vết thương phần mềm, garô cầm máu	5	0	5	
14.	Vận chuyển người bệnh (di chuyển NB, chụp chiếu …)	5	0	5	
15.	Lấy bệnh phẩm xét nghiệm (máu, dịch)	16	0	15	1
	Tổng	**137**	**0**	**135**	**02**

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Chăm sóc và theo dõi dấu hiệu sinh tồn **Thời gian: 15 giờ**

- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật đo nhiệt độ
- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật đếm mạch
- Hướng dẫn quy trình đo huyết áp
- Hướng dẫn quy trình đếm nhịp thở

Bài 2. Hồ sơ bệnh án và cách ghi chép **Thời gian: 5 giờ**

- Hướng dẫn cách ghi chép phiếu chức năng sống
- Hướng dẫn cách ghi chép phiếu chăm sóc, phiếu truyền dịch

Bài 3. Cho người bệnh uống thuốc **Thời gian: 5 giờ**

- Hướng dẫn quy trình cho người bệnh uống thuốc

Bài 4: Kỹ thuật băng, thay băng, rửa vết thương **Thời gian: 15 giờ**

- Hướng dẫn quy trình băng bó
- Hướng dẫn quy trình thay băng rửa vết thương sạch, cắt chỉ

Bài 5. Vệ sinh tay **Thời gian: 10 giờ**

- Hướng dẫn quy trình rửa tay thường quy
- Hướng dẫn quy trình rửa tay ngoại khoa
- Hướng dẫn quy trình sát khuẩn tay nhanh

Bài 6. Kỹ thuật tiêm bắp **Thời gian: 10 giờ**

- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật tiêm bắp
- Đảm bảo an toàn, trung thực và tôn trọng người bệnh.

Bài 7. Kỹ thuật tiêm dưới da **Thời gian: 10 giờ**

- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật tiêm dưới da
- Đảm bảo an toàn, trung thực và tôn trọng người bệnh.

Bài 8. Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch **Thời gian: 10 giờ**

- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật tiêm tĩnh mạch
- Đảm bảo an toàn, trung thực và tôn trọng người bệnh.

Bài 9. Kỹ thuật truyền tĩnh mạch **Thời gian: 10 giờ**

- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật truyền tĩnh mạch
- Đảm bảo an toàn, trung thực và tôn trọng người bệnh.

Bài 10. Kỹ thuật thở oxy **Thời gian: 5 giờ**

- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật cho người bệnh thở oxy
- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật cho người bệnh thở oxy bằng hai đường gọng kính

Bài 11. Chăm sóc, dự phòng loét **Thời gian: 5 giờ**

- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật xoay trở , các tư thế nghỉ ngơi trị liệu
- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật thay băng nhiễm khuẩn

Bài 12. Sơ cứu gãy xương **Thời gian: 10 giờ**

- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật cố định gãy xương chi trên
- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật cố định gãy xương chi dưới
- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật cố định xương đòn

Bài 13. Sơ cứu vết thương phần mềm, garô cầm máu **Thời gian: 5 giờ**

- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật sơ cứu vết thương phần mềm

- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật garô cầm máu

Bài 14. Vận chuyển người bệnh **Thời gian: 5 giờ**

- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật vận chuyển người bệnh vào viện, ra viện

- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật vận chuyển người bệnh chuyển viện

Bài 15. Lấy bệnh phẩm xét nghiệm **Thời gian: 15 giờ**

- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch làm xét nghiệm

- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật lấy bệnh phẩm mủ làm xét nghiệm

- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật lấy bệnh phẩm đờm làm xét nghiệm

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

4.1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

-Lâm sàng: Chia nhóm thực tập tại các khoa lâm sàng bệnh viện

4.2.Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính, projector, phấn bảng, một số trang thiết bị Y tế

4.3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Sách giáo khoa, tài liệu tham khảo

- Giấy A0, bút màu…

- Các phương tiện trên khoa phòng bệnh viện

- Lập kế hoạch thực tập và chỉ tiêu thực tập cụ thể cho sinh viên trước khi đi thực tập bệnh viên.

4.4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

5.1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Mục đích, nguyên tắc chung của các quy trình kỹ thuật điều dưỡng.

+ Trường hợp áp dụng và không áp dụng được của các quy trình kỹ thuật điều dưỡng.

+ Tai biến có thể xảy ra và cách xử trí khi thực hiện các quy trình kỹ thuật điều dưỡng.

- Kỹ năng: Vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hiện các kỹ thuật chăm sóc người bệnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Sử dụng tốt công nghệ thông tin để áp dụng cho học tập. Có khả năng độc lập hoặc phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Biết quản lý thời gian, tự tin phát biểu trước môi trường học tập.

5.2. Phương pháp:

- Thi kết thúc mô đun: Thi bằng phương pháp thực hiện kỹ thuật trênngười bệnh

5.3. Đánh giá:

- Điểm quá trình: được tính bằng trung bình cộng của các cột điểm kiểm tra,trong đó thường xuyên tính hệ số 1, định kỳ hệ số 2.

+ Điểm thương xuyên: 02 cột, được đánh giá bất kỳ ở thời điểm nào trong quá trình học, do giảng viên quyết định.

+ Điểm định kỳ: 02 cột, được đánh giá theo giờ quy định trong mô đun

- Điểm thi kết thúc mô đun:

+ Thi thực hiện quy trình kỹ thuật trên người bệnh. Giảng viên đánh giá bằng bảng thang điểm.

+ Thời gian: Do giảng viên hướng dẫn quy định.

- Điểm tổng kết mô đun:

+ Điểm mô-đun bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc mô-đun có trọng số 0,6;

+ Điểm mô-đun được sử dụng theo thang điểm 4 trong đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

- Quy đổi điểm môn học, mô-đun theo Điều 31 Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

6.1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng ngành kỹ thuật phục hồi chức năng

6.2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình, giảng viên thực hiện các phương pháp dạy học tích cực. Làm mẫu phát hiện các nguyên nhân và triệu chứng lâm sàng của bệnh, sinh viên làm dưới sự hướng dẫn của giảng viên

- Đối với người học: Chủ động học tập, nghiên cứu bài học trước giờ lên lớp, chuẩn bị bài báo cáo khi có yêu cầu, tích cực tham gia các buổi thực hành lâm sàng

6.3. Những trọng tâm cần chú ý

6.4. Tài liệu tham khảo

- Bộ Y Tế - 2007 – Điều dưỡng cơ bản 1,2 - NXBYH

- Bộ y tế - 2013 -Hướng dẫn quy trình chống NK bệnh viện, tập I - NXBYH

- Bộ y tế - Hướng dẫn quy trình chăm sóc người bệnh - tập I (2002), tập II (2004) - NXBYH
- Tài liệu nhiễm khuẩn bệnh viện của CDC
- Dự án Mẹ -Em - 2013 – Bảng kiểm kỹ năng lâm sàng – NXBYH
- Giáo trình cấp cứu ban đầu – Nhà xuất bản Hà Nội- 2005
- Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới –Tập 1,2(2020)- NXBYH

TÊN MÔ ĐUN: THỰC TẬP BỆNH VIỆN 1

Mã mô đun: MĐ19

Thời gian thực hiện mô đun: 137 giờ (Lý thuyết: 0. Thực tập: 135 tiết; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi sinh viên đã học các môn học/mô đun chuyên môn: Giải phẫu chức năng, Sinh cơ học, Lượng giá chức năng, Vận động trị liệu, Các phương pháp điều trị bằng tác nhân vật lý, Ngôn ngữ trị liệu, Hoạt động trị liệu và Quản lý – Tổ chức y tế.
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

1. Trình bày được cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ của Trung tâm/Khoa Phục hồi chức năng và các phòng, đơn vị trực thuộc.
2. Mô tả được chức trách, nhiệm vụ của kỹ thuật viên Phục hồi chức năng tại các vị trí việc làm.
3. Trình bày được quy trình tiếp nhận người bệnh tại Trung tâm/Khoa phục hồi chức năng.
4. Tiến hành đánh giá người bệnh tổng thể trên các khía cạnh :Thể chất, tinh thần, xã hội theo phân loại quốc tế về sức khỏe, chức năng và khuyết tật - "ICF"
5. Áp dụng những kiến thức về mặt lý thuyết đã được học để quan sát và đưa ra những so sánh, phân biệt những bài tập cụ thể phù hợp với kết quả lượng giá chức năng.
6. Viết và báo cáo kết quả kiến tập theo nội dung quy định.
7. Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, phương tiện truyền thông phù hợp để giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.
8. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập.

Để đạt được những mục tiêu trên, sinh viên cần:

Về kiến thức:

Nắm vững những kiến thức về mặt lý thuyết đã được học về: Giải phẫu chức năng, Sinh cơ học, Lượng giá chức năng, Vận động trị liệu, Các phương pháp điều trị bằng tác nhân vật lý, Ngôn ngữ trị liệu, Hoạt động trị liệu, Quản lý khoa phòng.

Về kỹ năng:

Quan sát và đưa ra những so sánh, phân biệt những bài tập cụ thể phù hợp với kết quả lượng giá chức năng.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, phương tiện truyền thông phù hợp để giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.
2. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn.

III. Nội dung môn học/mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	TTBV	Kiểm tra
1	Giới thiệu: Cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ của Khoa Phục hồi chức năng	3	0	0	3	2
2	Giới thiệu: Nhiệm vụ của kỹ thuật viên Phục hồi chức năng tại các đơn vị làm việc.	2	0	0	2	
3	Giới thiệu: Quy trình tiếp nhận người bệnh tại Khoa phục hồi chức năng.	2	0	0	2	
4	Tiến hành đánh giá người bệnh tổng thể từ các khía cạnh như: Thể chất, tinh thần, xã hội. Theo phân loại quốc tế về sức khỏe, chức năng và khuyết tật - "ICF"	45	0	0	45	
5	Kiến tập các phòng tập chức năng	75	0	0	75	
	Quan sát, kiến tập tại phòng Vận động trị liệu	15	0	0	15	

	Quan sát, kiến tập tại phòng Hoạt động trị liệu	15	0	0	15	
	Quan sát, kiến tập tại phòng Điều trị bằng các tác nhân vật lý	15	0	0	15	
	Quan sát, kiến tập tại phòng ngôn ngữ trị liệu	10	0	0	10	
	Quan sát, kiến tập tại Xưởng chỉnh hình và chân tay giả.	7	0	0	7	
	Quan sát, kiến tập tại Đơn vị " dụng cụ hỗ trợ - AT"	15	0	0	15	
6	Báo cáo kết quả đợt kiến tập bệnh viện	6	0	0	6	
7	Kiểm tra	2	0	0	0	
Tổng số		**137**	**0**	**0**	**135**	**2**

2. Nội dung chi tiết.

Phần 1. Cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ của Khoa Phục hồi chức năng.

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ của Khoa Phục hồi chức năng.
2. Thực hiện được các quy định về giao tiếp trong môi trường Bệnh viện và quy định về giao tiếp của Điều dưỡng, Kỹ thuật viên
3. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập

NỘI DUNG

1. Cơ cấu tổ chức của Khoa phục hồi chức năng tại các bệnh viện:

- Chi bộ Đảng, trưởng – phó khoa, công đoàn.
- Các bộ phận trực thuộc.
- Nhân sự.

2. Chức năng nhiệm vụ của Khoa phục hồi chức năng tại các bệnh viện:

- Khám chữa bệnh nội và ngoại trú.
- Đào tạo
- Chỉ đạo tuyến
- Hợp tác quốc tế.....

Phần 2. Chức trách, nhiệm vụ của kỹ thuật viên Phục hồi chức năng tại các đơn vị làm việc.

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được chức trách, nhiệm vụ của kỹ thuật viên Phục hồi chức năng tại các đơn vị làm việc.
2. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành
3. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập

NỘI DUNG

1. Xây dựng được bảng mô tả công việc của kỹ thuật viên làm việc tại phòng Vận động trị liệu.
2. Xây dựng được bảng mô tả công việc của kỹ thuật viên làm việc tại phòng Hoạt động trị liệu.
3. Xây dựng được bảng mô tả công việc của kỹ thuật viên làm việc tại phòng Các phương thức vật lý trị liệu

Phần 3. Quy trình tiếp nhận người bệnh tại Khoa Phục hồi chức năng.

Mục tiêu bài học:

1.Trình bày được quy trình tiếp nhận người bệnh tại Trung tâm phục hồi chức năng.
2.Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành
3.Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập

NỘI DUNG

Quy trình tiếp nhận người bệnh tại Khoa Phục hồi chức năng:

1. Trình bày được quy trình tiếp nhận người bệnh điều trị nội trú.
2. Trình bày được quy trình tiếp nhận người bệnh điều trị ngoại trú.

3. Trình bày được quy trình tiếp nhận người bệnh điều trị tại các phòng chức năng: Vận động trị liệu, Hoạt động trị liệu, Ngôn ngữ trị liệu,...

Phần 4. Tiến hành đánh giá người bệnh tổng thể từ các khía cạnh như: Thể chất, tinh thần, xã hội. Theo phân loại quốc tế về sức khỏe, chức năng và khuyết tật - "ICF".

Mục tiêu bài học:

1. Thực hiện khai thác, đánh giá người bệnh tổng thể từ các khía cạnh như: Thể chất, tinh thần, xã hội. Theo phân loại quốc tế về sức khỏe, chức năng và khuyết tật - "ICF"
2. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành
3. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập

NỘI DUNG

1. Tiến hành hỏi bệnh, khai thác người bệnh theo các đề mục trong bảng phân loại ICF:
    - Họ và tên….Tuổi…..Giới….Nghề nghiệp….Trình độ học vấn….
    - Bệnh sử….
    - Ngày bị bệnh….Ngày vào viện….
    - Thông tin về gia đình…..
    - Môi trường sống….
    - Sở thích….
    - Phong cách sống….
    - Mong muốn…..

Phần 5. Kiến tập các phòng tập chức năng trong Khoa Phục hồi chức năng.

Mục tiêu bài học:

1. Quan sát, tìm hiểu những bài tập, kỹ thuật vận động, hoạt động, ngôn ngữ tại các phòng vận động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu, hoạt động trị liệu.
2. Quan sát cách lượng giá, sử dụng, và điều chỉnh xe lăn, các bài tập với xe lăn và sử dụng công cụ trợ giúp người bệnh tại khoa PHCN.
3. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành

4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập.

NỘI DUNG.

1. Quan sát, kiến tập tại phòng Vận động trị liệu.

- Quan sát các kỹ thuật viên lượng giá vận động cho người bệnh.
- Quan sát các kỹ thuật viên thực hiện các bài tập vận động cho người bệnh.
- Quan sát các kỹ thuật viên hướng dẫn người bệnh tập luyện với các máy móc và dụng cụ tập.
- Quan sát các kỹ thuật viên lượng giá, thực hiện cách chỉnh sửa xe lăn cho người bệnh.
- Quan sát các kỹ thuật viên hướng dẫn người bệnh và người nhà bệnh nhân tập luyện với xe lăn và các công cụ hỗ trợ khác.
- Quan sát các kỹ thuật viên hướng dẫn cách tập vận động cho người nhà người bệnh tập luyện cho người bệnh tại bệnh phòng và tại nhà.
- Quan sát các kỹ thuật viên hướng dẫn cách tự tập luyện người bệnh tại bệnh phòng và tại nhà.

2. Quan sát, kiến tập tại phòng Hoạt động trị liệu.

- Quan sát các kỹ thuật viên lượng giá hoạt động cho người bệnh.
- Quan sát các kỹ thuật viên thực hiện các bài tập hoạt động trị liệu cho người bệnh.
- Quan sát các kỹ thuật viên hướng dẫn người bệnh tập luyện với các máy móc và dụng cụ tập hoạt động trị liệu.
- Quan sát các kỹ thuật viên hướng dẫn cách tập hoạt động trị liệu cho người nhà người bệnh tập luyện cho người bệnh tại bệnh phòng và tại nhà.
- Quan sát các kỹ thuật viên hướng dẫn cách tự tập luyện người bệnh tại bệnh phòng và tại nhà.

3. Quan sát, kiến tập tại Phòng điều trị bằng các tác nhân vật lý

- Quan sát các kỹ thuật viên sử dụng các máy điện trị liệu cho người bệnh như: Điện phân, điện xung, giao thoa, siêu âm, sóng ngắn….
- Quan sát các kỹ thuật viên tiến hành kéo giãn cột sống bằng máy cho người bệnh.
- Quan sát các kỹ thuật viên tiến hành đắp Parafin cho người bệnh.
- Quan sát các kỹ thuật viên tiến hành sử dụng máy từ trường cho người bệnh.

Phần 6. Báo cáo kết quả đợt kiến tập bệnh viện.

Mục tiêu bài học:

1.Tiến hành viết và trình bày một bài báo cáo thực tập bệnh viện trong học phần thực tập bệnh viện 1.

2.Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể

3.Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập.

NỘI DUNG

1. Viết một bài báo cáo tổng kết quá trình thực tập bệnh viện 1 với nội dung quan sát được tại các phòng chức năng

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ:

- Bảng, phấn (bút xóa)

2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu hướng dẫn để thực hiện mô đun
- Giáo trình cho sinh viên.

3. Các điều kiện khác:

- Khoa Phục hồi chức năng
- Phòng bệnh tại khoa
- Chia tổ thực hành: không quá 15 SV

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá

Kiến thức:

Các kiến thức cơ bản về: Giải phẫu chức năng, Sinh cơ học, Lượng giá chức năng. Vận động trị liệu, Các phương pháp điều trị bằng các tác nhân vật lý, Ngôn ngữ trị liệu, Hoạt động trị liệu, Quản lý khoa phòng.

Kỹ năng:

Khả năng tự học, nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm; khả năng trình bày thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin, biết được một số thuật ngữ tiếng anh chuyên ngành, biết quản lý thời gian.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

2. Phương pháp đánh giá

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun. Điểm quá trình có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm quá trình là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên

- Điểm quá trình:

+ Số lượng: 03 cột điểm: 01 cột điểm thường xuyên; 02 cột định kỳ

+ Hình thức: Kiểm tra theo hình thức thảo luận hoặc vấn đáp,...

- Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun

+ Hình thức: Chấm bài báo cáo cuối đợt thực tập

- Thang điểm: Theo thang điểm 10 quy đổi thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng, học kỳ 4.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Gửi tài liệu môn học, hướng dẫn trên lâm sàng.
- Đối với người học: Đọc tài liệu trước khi học, thảo luận

3. Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, trường đại học kỹ thuật y tế Hải Dương, nhà xuất bản Y học, Hà nội 2004.
2. Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, nhà xuất bản Y học, Hà nội 2002.
3. Chương trình đào tạo Cử nhân Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng - Trường Đại học Y Tokyo

TÊN MÔ ĐUN: THỰC TẬP BỆNH VIỆN 2

Mã mô đun: MĐ26

Thời gian thực hiện môn học: 273 giờ (Lý thuyết: 0, Thực tập Bệnh viện: 270 giờ; Kiểm tra: 03 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi sinh viên đã học các môn học/mô đun chuyên môn: Giải phẫu chức năng, Sinh cơ học, Lượng giá chức năng, Vận động trị liệu, Hoạt động trị liệu, Ngôn ngữ trị liệu, Các phương pháp điều trị bằng tác nhân vật lý và Phục hồi chức năng các bệnh lý về xương cơ khớp, nội khoa, ngoại khoa, thần kinh, nhi khoa, Quản lý khoa phòng và Thực tập bệnh viện 1.
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

1. Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, phối hợp làm việc giữa người bệnh và kỹ thuật viên nhằm đem lại kết quả tốt nhất.
2. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập.
3. Thực hiện được việc thu thập thông tin - lượng giá chức năng trên người bệnh
4. Lượng giá người bệnh tổng thể theo khung ICF.
5. Tìm ra các vấn đề khó khăn của người bệnh.
6. Thiết lập mục tiêu điều trị cho người bệnh. Sử dụng các kết quả lượng gía để đưa ra mục tiêu điều trị phục hồi chức năng cho người bệnh.
7. Vận dụng các kiến thức đã học để đưa ra chương trình can thiệp vật lý trị liệu - phục hồi chức năng cho người bệnh.
8. Thực hiện được một số kỹ thuật Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
9. Biết cách ghi chép và viết báo cáo liên quan tới quá trình điều trị vật lý trị liệu của người bệnh.
10. Hoàn thành và nộp báo cáo đúng thời gian quy định.

Để đạt được những mục tiêu trên, sinh viên cần:

Về kiến thức:

1. Trình bày và phân tích được những phương pháp lượng giá, nguyên tắc điều trị và quy trình thực hiện các phương pháp đó.
2. Vận dụng kiến thức về mục đích, chỉ định, chống chỉ định, các lưu ý để giải thích lý do thực hiện các kỹ thuật lượng giá trong các tình huống dạy học cụ thể.

Về kỹ năng:

1. Sử dụng các phương pháp lượng giá thích hợp nhằm đưa ra những mục tiêu phù hợp với người bệnh.
2. Áp dụng được quy trình lượng giá, các mẫu lượng giá phù hợp với người bệnh.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.
2. Thực hiện được những kỹ năng giao tiếp cơ bản với người bệnh và đồng nghiệp. Thể hiện được thái độ ân cần, tôn trọng trong giao tiếp và thiết lập được môi trường chăm sóc người bệnh an toàn trong các tình huống dạy học cụ thể.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	TTBV	Kiểm tra
1	**Bài 1: Thực hiện một số kỹ thuật lượng giá chức năng.**	**25**	**0**	**0**	**25**	3
	Thử cơ bằng tay, Đo tầm vận động khớp, Đo chiều dài, chu vi chi	2	0	0	2	
	Lượng giá chức năng vận động	2	0	0	2	
	Lượng giá cảm giác	2	0	0	2	
	Lượng giá thăng bằng, điều hợp	2	0	0	2	
	Lượng giá các phản xạ tư thế, Lượng giá sự phát triển vận động	2	0	0	2	
	Lượng giá tri giác- nhận thức	2	0	0	2	
	Lượng giá các hoạt động sinh hoạt	2	0	0	2	

	hàng ngày					
	Phân tích dáng đi	4	0	0	4	
	Lượng giá mỏm cụt và chân tay giả, Lượng giá các dụng cụ chỉnh hình và dụng cụ trợ giúp	3	0	0	3	
	Lượng giá xe lăn.	4	0	0	4	
2	**Bài 2: Thực hiện một số quy trình kỹ thuật vận động trị liệu**	**30**	**0**	**0**	**30**	
	Các phương pháp tập theo tầm vận động khớp, Các phương pháp tập luyện gia tăng sức mạnh cơ, Các phương pháp tập kéo giãn	8	0	0	8	
	Các phương pháp tập chuỗi đóng, chuỗi mở, Các phương pháp tập luyện thăng bằng, điều hợp	6	0	0	6	
	Các phương pháp tập luyện kỹ năng di chuyển, dịch chuyển	6	0	0	6	
	Các phương pháp tập luyện với xe lăn, Các phương pháp tập luyện với dụng cụ trợ giúp	6	0	0	6	
	Các phương pháp tập luyện nhằm cải thiện chức năng về tuần hoàn	4	0	0	4	
3	**Bài 3: Thực hiện một số quy trình kỹ thuật điều trị bằng tác nhân vật lý**	**80**	**0**	**0**	**80**	
	Điều trị bằng hồng ngoại	8	0	0	8	
	Điều trị bằng Paraphin	8	0	0	8	
	Điều trị bằng dòng điện xung	8	0	0	8	
	Điều trị bằng siêu âm	8	0	0	8	
	Điều trị bằng kéo giãn cột sống (bằng máy)	8	0	0	8	
	Điều trị bằng sóng ngắn	8	0	0	8	

	Điều trị bằng tia laser	8	0	0	8	
	Điều trị bằng điện từ trường	8	0	0	8	
	Điều trị bằng sóng xung kích	8	0	0	8	
	Điều trị bằng vi dòng	8	0	0	8	
4	**Bài 4: Thực hiện một số quy trình kỹ thuật hoạt động trị liệu**	**30**	**0**	**0**	**30**	
	Tập các vận động thô của bàn tay, Tập các vận động khéo léo của bàn tay	2	0	0	2	
	Tập phối hợp hai tay, Tập phối hợp mắt tay, Tập phối hợp tay miệng	2	0	0	2	
	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh,vui chơi giải trí…)	2	0	0	2	
	Tập điều hòa cảm giác, Tập tri giác và nhận thức	2	0	0	2	
	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày với các dụng cụ trợ giúp thích nghi.	2	0	0	2	
	Hoạt động trị liệu nhi khoa	20	0	0	20	
5	**Bài 5: Thực hiện một số quy trình kỹ thuật phục hồi chức năng hô hấp**	**15**	**0**	**0**	**15**	
	Dẫn lưu tư thế	3	0	0	3	
	Kỹ thuật vỗ	3	0	0	3	
	Kỹ thuật rung	3	0	0	3	
	Kỹ thuật ho có hiệu quả	3	0	0	3	
	Các kỹ thuật tập thở.	3	0	0	3	
	Bài 6: Lượng giá, xác định vấn đề, xâydựng mục tiêu can thiệp phục hồi chức năng cho một số bệnh	**90**	**0**	**0**	**90**	
	Đột quỵ não	8	0	0	8	
	Tổn thương tủy sống	8	0	0	8	
	Chấn thương sọ não	7	0	0	7	

6	Thoát vị đĩa đệm cột sống cổ, lưng	8	0	0	8	
	Đau thần kinh tọa	7	0	0	7	
	Trẻ bại não	7	0	0	7	
	Gãy xương	7	0	0	7	
	Trẻ bị bàn chân khoèo	7	0	0	7	
	Trẻ chậm phát triển tinh thần	7	0	0	7	
	Trẻ bị xơ hóa cơ ức đòn chũm	8	0	0	8	
	Trẻ bị cong vẹo cột sống	8	0	0	8	
	Viêm phổi	8	0	0	8	
7	Kiểm tra	3	0	0	0	
Tổng cộng		**273**	**0**	**0**	**270**	**3**
Quy ra tín chỉ		**6**				

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Thực hiện một số kỹ thuật lượng giá chức năng. Thời gian: 25 giờ

Mục tiêu :

1. Lập được kế hoạch lượng giá cho từng lĩnh vực
2. Thực hiện được một số kỹ thuật lượng giá chức năng.
3. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành
4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập

Nội dung: Danh mục kỹ thuật lượng giá chức năng bao gồm:

1. Đo tầm vận động khớp
2. Thử cơ bằng tay
3. Đo chiều dài, chu vi chi
4. Lượng giá chức năng vận động
5. Lượng giá cảm giác
6. Lượng giá thăng bằng, điều hợp
7. Lượng giá các phản xạ tư thế
8. Lượng giá sự phát triển vận động
9. Lượng giá tri giác- nhận thức
10. Lượng giá các hoạt động sinh hoạt hàng ngày

11. Phân tích dáng đi
12. Lượng giá mỏm cụt và chân tay giả
13. Lượng giá các dụng cụ chỉnh hình và dụng cụ trợ giúp
14. Lượng giá xe lăn.

Bài 2: Thực hiện một số quy trình kỹ thuật vận động trị liệu Thời gian: 30 giờ

Mục tiêu :

1. Lập được kế hoạch thực hiện cho từng quy trình
2. Thực hiện được các quy trình kỹ thuật về vận động trị liệu
3. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành
4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập

Nội dung: Danh mục kỹ thuật vận động trị liệu bao gồm

1. Các phương pháp tập theo tầm vận động khớp
2. Các phương pháp tập luyện gia tăng sức mạnh cơ
3. Các phương pháp tập kéo giãn
4. Các phương pháp tập chuỗi đóng, chuỗi mở
5. Các phương pháp tập luyện thăng bằng, điều hợp
6. Các phương pháp tập luyện kỹ năng di chuyển, dịch chuyển
7. Các phương pháp tập luyện với xe lăn.
8. Các phương pháp tập luyện với dụng cụ trợ giúp
9. Các phương pháp tập luyện nhằm cải thiện chức năng về tuần hoàn

Bài 3: Thực hiện một số quy trình kỹ thuật điều trị bằng tác nhân vật lý

Thời gian: 80 giờ

Mục tiêu :

1. Lập được kế hoạch thực hiện cho từng phương pháp
2. Thực hiện được các quy trình kỹ thuật điều trị bằng tác nhân vật lý dưới sự hướng dẫn và giám sát của giảng viên
3. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành

4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập

Nội dung: Danh mục kỹ thuật điều trị bằng tác nhân vật lý bao gồm

1. Sóng ngắn trị liệu
2. Siêu âm trị liệu
3. Kéo giãn cột sống bằng máy
4. Điện trị liệu
5. Laser
6. Paraphin
7. Hồng ngoại
8. Sóng xung kích
9. Điện từ trường

Bài 4: Thực hiện một số quy trình kỹ thuật hoạt động trị liệu Thời gian: 30 giờ

Mục tiêu :

1. Lập được kế hoạch thực hiện cho từng kỹ thuật
2. Thực hiện được quy trình kỹ thuật về hoạt động trị liệu
3. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành
4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập

Nội dung: Danh mục kỹ thuật hoạt động trị liệu bao gồm

1. Tập các vận động thô của bàn tay
2. Tập các vận động khéo léo của bàn tay
3. Tập phối hợp hai tay
4. Tập phối hợp mắt tay
5. Tập phối hợp tay miệng
6. Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí…)
7. Tập điều hòa cảm giác
8. Tập tri giác và nhận thức

9. Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày với các dụng cụ trợ giúp thích nghi.
10. Hoạt động trị liệu nhi khoa

Bài 5: Thực hiện một số quy trình kỹ thuật phục hồi chức năng hô hấp

Thời gian: 15 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Lập được kế hoạch thực hiện cho từng kỹ thuật
2. Thực hiện được quy trình kỹ thuật về phục hồi chức năng hô hấp
3. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành
4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập.

Nội dung: Danh mục kỹ thuật về phục hồi chức năng hô hấp bao gồm

1. Dẫn lưu tư thế
2. Kỹ thuật vỗ
3. Kỹ thuật rung
4. Kỹ thuật ho có hiệu quả
5. Các kỹ thuật tập thở.

Bài 6: Lượng giá, xác định vấn đề, xây dựng mục tiêu can thiệp phục hồi chức năng cho một số bệnh

Thời gian: 90 giờ

Mục tiêu bài học:

1. Lập được kế hoạch lượng giá cho từng bệnh
2. Xây dựng được mục tiêu can thiệp phục hồi chức năng cho từng bệnh
3. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành
4. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập.

Nội dung: Danh mục bệnh cần lượng giá, đưa ra mục tiêu bao gồm

1. Đột quỵ não
2. Tổn thương tủy sống
3. Chấn thương sọ não

4. Thoát vị đĩa đệm cột sống cổ
5. Thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng,
6. Đau thần kinh tọa
7. Bại não
8. Trẻ tự kỷ
9. Bàn chân khoèo
10. Trẻ chậm phát triển tinh thần
11. Trẻ cong vẹo cột sống
12. Trẻ xơ hóa cơ ức đòn chũm

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ:

- Các trang thiết bị có ở Khoa vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng

2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu hướng dẫn để thực hiện mô đun
- Giáo trình cho sinh viên.

3. Các điều kiện khác:

- Phòng bệnh tại Khoa
- Chia tổ thực hành: không quá 15 SV

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các kiến thức cơ bản về các phương pháp lượng giá chức năng, đưa ra mục tiêu điều trị

-Kỹ năng:

Khả năng tự học, nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm; khả năng trình bày thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin, biết được một số thuật ngữ tiếng anh chuyên ngành, biết quản lý thời gian. Thực hiện được các phương pháp lượng giá chức năng cơ bản và cách thức đưa ra mục tiêu.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

2. Phương pháp đánh giá

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun. Điểm quá trình có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,4;

b) Điểm quá trình là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên

- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức thảo luận, báo cáo người bệnh hoặc lập kế hoạch PHCN cho người bệnh.

+ Số lượng: 05 cột điểm: 02 cột điểm thường xuyên; 03 cột định kỳ

- Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun

+ Hình thức: Chấm bài cáo cáo cuối đợt thực tập

- Thang điểm: Theo thang điểm 10 quy đổi thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng kỹ thuật Phục hồi chức năng, học kỳ 5.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Gửi tài liệu môn học, hướng dẫn, cầm tay chỉ việc
- Đối với người học: Đọc tài liệu trước khi học, thực hiện kỹ thuật dưới sự hướng dẫn của giảng viên

3. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, trường đại học kỹ thuật y tế Hải Dương, nhà xuất bản Y học, Hà nội 2004.
- Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, nhà xuất bản Y học, Hà nội 2002.
- Chương trình đào tạo Cử nhân Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng - Trường Đại học Y Tokyo

TÊN MÔ ĐUN: THỰC TẬP BỆNH VIỆN 3

Mã mô đun: MĐ27

Thời gian thực hiện môn học: 273 giờ (Lý thuyết: 0. Thực tập: 270 giờ; Kiểm tra: 3 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi sinh viên đã học các môn học/mô đun chuyên môn: Giải phẫu chức năng, Sinh cơ học, Lượng giá chức năng, Vận động trị liệu, Hoạt động trị liệu, Ngôn ngữ trị liệu, Các phương pháp điều trị bằng tác nhân vật lý, Phục hồi chức năng các bệnh lý về xương cơ khớp, nội khoa, ngoại khoa, thần kinh, nhi khoa, Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, Quản lý khoa phòng, Thực tập bệnh viện 1 và Thực tập bệnh viện 2
- Tính chất: là môn học chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

1. Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, phối hợp làm việc giữa người bệnh và kỹ thuật viên nhằm đem lại kết quả tốt nhất.
2. Thể hiện được tính tích cực trong học tập. Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập.
3. Thực hiện các lượng giá, tìm vấn đề khó khăn của người bệnh để đưa ra mục tiêu phù hợp với tình trạng người bệnh
4. Thực hiện được các phương pháp can thiệp điều trị trên người bệnh theo mục tiêu phục hồi chức năng nhằm cải thiện tình trạng khó khăn của người bệnh dưới sự giám sát của giảng viên
5. Tiến hành theo dõi và đánh giá lại kết quả điều trị dưới sự giám sát của giảng viên
6. Thực hiện việc ghi chép, hoàn thiện hồ sơ bệnh án và báo cáo

Để đạt được những mục tiêu trên, sinh viên cần:

Về kiến thức:

1. Trình bày và phân tích được những phương pháp lượng giá, đặt mục tiêu, các nguyên tắc điều trị và quy trình thực hiện các can thiệp phục hồi chức năng.
2. Vận dụng kiến thức đã học để giải thích lý do thực hiện các kỹ thuật lượng giá và can thiệp trong các tình huống dạy học cụ thể.

Về kỹ năng:

1. Sử dụng các phương pháp lượng giá thích hợp nhằm đưa ra những mục tiêu phù hợp với người bệnh.
2. Áp dụng được quy trình lượng giá, các mẫu lượng giá phù hợp với người bệnh.
3. Đưa ra các phương pháp can thiệp điều trị phù hợp với tình trạng người bệnh, đánh giá lại kết quả điều trị
4. Nộp báo cáo định kỳ hoặc hoàn thiện hồ sơ bệnh án theo sự phân công của giảng viên hướng dẫn

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Tiếp xúc giao tiếp, lượng giá và điều trị người bệnh dưới sự giám sát và phân công của giảng viên. Thể hiện được thái độ ân cần, tôn trọng trong giao tiếp và thiết lập được môi trường chăm sóc người bệnh an toàn trong các tình huống dạy học cụ thể.
2. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, TN, TLBT	TTRV	Kiểm tra
1	**Bài 1: Tiến hành lượng giá, tìm vấn đề, đặt mục tiêu và thực hiện các phương pháp can thiệp phục hồi chức năng cho một số bệnh lý thần kinh**	**100**	**0**	**0**	**100**	3
	Đột quỵ não	24	0	0	24	
	Chấn thương sọ não	24	0	0	24	
	Tổn thương tủy sống	24	0	0	24	
	Viêm đa rễ, đa dây thần kinh	8	0	0	8	
	Parkinson	4	0	0	4	
	Sa sút trí tuệ	4	0	0	4	
	Tổn thương dây thần kinh ngoại biên	4	0	0	4	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, TN, TLBT	TTBV	Kiểm tra
	Xơ cứng rải rác	4	0	0	4	
	Xơ cột bên teo cơ	4	0	0	4	
2	**Bài 2: Tiến hành lượng giá, tìm vấn đề, đặt mục tiêu và thực hiện các phương pháp can thiệp phục hồi chức năng cho một số bệnh lý cơ xương khớp**	**40**	0	0	**40**	
	Viêm quanh khớp vai	8	0	0	8	
	Thoái hóa cột sống	8	0	0	8	
	Thoái hóa khớp	8	0	0	8	
	Thoát vị đĩa đệm cột sống cổ	8	0	0	8	
	Thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng	8	0	0	8	
3	**Bài 3: Tiến hành lượng giá, tìm vấn đề, đặt mục tiêu và thực hiện các phương pháp can thiệp phục hồi chức năng cho một số bệnh lý nội khoa**	**25**	0	0	**25**	
	Viêm phổi	7	0	0	7	
	Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính (COPD)	5	0	0	5	
	Sau nhồi máu cơ tim	5	0	0	5	
	Người bệnh thở máy	8	0	0	8	
4	**Bài 4: Tiến hành lượng giá, tìm vấn đề, đặt mục tiêu và thực hiện các phương pháp can thiệp phục hồi chức năng cho một số bệnh lý ngoại khoa**	**25**	0	0	**25**	
	Gãy xương	4	0	0	4	
	Sau phẫu thuật tái tạo dây chằng gối	5	0	0	5	
	Thay khớp gối	4	0	0	4	
	Thay khớp háng	4	0	0	4	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, TN, TLBT	TTBV	Kiểm tra
	Sau phẫu thuật lồng ngực	4	0	0	4	
	Sau phẫu thuật ổ bụng	4	0	0	4	
5	**Bài 5: Tiến hành lượng giá, tìm vấn đề, đặt mục tiêu và thực hiện các phương pháp can thiệp phục hồi chức năng cho một số bệnh lý nhi khoa**	**8**	0	0	**8**	
	Bại não	4	0	0	4	
	Trẻ tự kỷ	4	0	0	4	
6	**Bài 6: Tiến hành lượng giá, tìm vấn đề, đặt mục tiêu và thực hiện các phương pháp can thiệp hoạt động trị liệu cho một số bệnh lý**	**72**	0	0	**72**	
	Đột quỵ não	24	0	0	24	
	Tổn thương tủy sống	24	0	0	24	
	Chấn thương sọ não	24	0	0	24	
7	Kiểm tra	3	0	0	0	
	Tổng cộng	**273**	**0**	**0**	**270**	**3**

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Tiến hành lượng giá, tìm vấn đề, đặt mục tiêu và thực hiện các phương pháp can thiệp phục hồi chức năng cho một số bệnh lý thần kinh:

Số TT	Tên bài	Số lần thực hiện
1	Đột quỵ não	20
2	Chấn thương sọ não	5
3	Tổn thương tủy sống	15
4	Viêm đa rễ, đa dây thần kinh	5
5	Parkinson	2
6	Sa sút trí tuệ	2
7	Tổn thương dây thần kinh ngoại biên	2

8	Xơ cứng rải rác	2
9	Xơ cột bên teo cơ	2

Bài 2: Tiến hành lượng giá, tìm vấn đề, đặt mục tiêu và thực hiện các phương pháp can thiệp phục hồi chức năng cho một số bệnh lý cơ xương khớp

Số TT	Tên bài	Số lần thực hiện
1	Viêm quanh khớp vai	3
2	Thoái hóa cột sống	3
3	Thoái hóa khớp	3
4	Thoát vị đĩa đệm cột sống cổ	5
5	Thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng	5

Bài 3: Tiến hành lượng giá, tìm vấn đề, đặt mục tiêu và thực hiện các phương pháp can thiệp phục hồi chức năng cho một số bệnh lý nội khoa

Số TT	Tên bài	Số lần thực hiện
1	Viêm phổi	5
2	Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính (COPD)	5
3	Sau nhồi máu cơ tim	2
4	Người bệnh thở máy	5

Bài 4: Tiến hành lượng giá, tìm vấn đề, đặt mục tiêu và phương pháp điều trị phục hồi chức năng cho một số bệnh lý ngoại khoa

Số TT	Tên bài	Số lần thực hiện
1	Gãy xương	2
2	Sau phẫu thuật tái tạo dây chằng gối	2
3	Thay khớp gối	2
4	Thay khớp háng	2
5	Sau phẫu thuật lồng ngực	2
6	Sau phẫu thuật ổ bụng	2

Bài 5: Tiến hành lượng giá, tìm vấn đề, đặt mục tiêu và thực hiện các phương pháp can thiệp phục hồi chức năng cho một số bệnh lý nhi khoa

Số TT	Tên bài	Số lần thực hiện
1	Bại não	2
2	Trẻ tự kỷ	2

Bài 6: Tiến hành lượng giá, tìm vấn đề, đặt mục tiêu và thực hiện các phương pháp can thiệp hoạt động trị liệu cho một số bệnh lý

Số TT	Tên bài	Số lần thực hiện
1	Đột quỵ não	10
2	Tổn thương tủy sống	5
3	Chấn thương sọ não	3

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Trang thiết bị máy móc, dụng cụ:

- Các trang thiết bị có ở Khoa vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng

2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu hướng dẫn để thực hiện mô đun
- Giáo trình cho sinh viên.

3. Các điều kiện khác:

- Phòng bệnh tại Khoa
- Chia tổ thực hành: không quá 15 SV

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

Về kiến thức:

- Trình bày và phân tích được những phương pháp lượng giá, đặt mục tiêu, các nguyên tắc điều trị và quy trình thực hiện các can thiệp phục hồi chức năng.
- Vận dụng kiến thức đã học để giải thích lý do thực hiện các kỹ thuật lượng giá và can thiệp trong các tình huống dạy học cụ thể.

Về kỹ năng:

- Sử dụng các phương pháp lượng giá thích hợp nhằm đưa ra những mục tiêu phù hợp với người bệnh.
- Áp dụng được quy trình lượng giá, các mẫu lượng giá phù hợp với người bệnh.
- Đưa ra các phương pháp can thiệp điều trị phù hợp với tình trạng người bệnh, đánh giá lại kết quả điều trị

- Nộp báo cáo định kỳ hoặc hoàn thiện hồ sơ bệnh án theo sự phân công của giảng viên hướng dẫn

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Tiếp xúc giao tiếp, lượng giá và điều trị người bệnh dưới sự giám sát và phân công của giảng viên.
- Thể hiện được thái độ ân cần, tôn trọng trong giao tiếp và thiết lập được môi trường chăm sóc người bệnh an toàn trong các tình huống dạy học cụ thể.
- Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

2. Phương pháp đánh giá

a) Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun. Điểm quá trình có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

b) Điểm quá trình là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,00 trở lên

- Điểm quá trình: Kiểm tra theo hình thức chấm sổ chỉ tiêu tay nghề, báo cáo ca bệnh hoặc lập kế hoạch PHCN cho người bệnh

+ Số lượng: 05 cột điểm: 02 cột điểm thường xuyên; 03 cột định kỳ

- Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun

+ Hình thức: Chấm bài báo cáo hoặc báo cáo ca bệnh, hoặc thực hiện kỹ thuật PHCN (bốc thăm)

- Thang điểm: Theo thang điểm 10 quy đổi thang điểm 04 và các thang điểm tiếp theo tại điều 31

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng kỹ thuật Phục hồi chức năng, học kỳ cuối.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Gửi tài liệu môn học, hướng dẫn trên lâm sàng, cầm tay chỉ việc

- Đối với người học: Đọc tài liệu trước khi học, thực hiện kỹ thuật dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

3. Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, Trường đại học kỹ thuật y tế Hải Dương, nhà xuất bản Y học, Hà nội 2004.
2. Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, nhà xuất bản Y học, Hà nội 2002.
3. Chương trình đào tạo Cử nhân Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng - Trường Đại học Y Tokyo

Tên mô đun: THỰC TẬP CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN BỆNH NỘI KHOA

Mã mô đun: MĐ.22

Thời gian thực hiện mô đun: 137 giờ (Thực tập bệnh viện: 135 giờ; kiểm tra 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Đào tạo cho sinh viên điều dưỡng năm thứ hai, sau khi học xong các mô đun chung, các mô đun cơ sở ngành, lý thuyết chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa.
- Tính chất: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa.

II. Mục tiêu mô đun:

- Về kiến thức:

+ Mô tả được các bước của quy trình điều dưỡng nội khoa.

+ Vận dụng được những kiến thức đã học trong chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa.

- Về kỹ năng:

+ Nhận định được các triệu chứng và các vấn đề cần chăm sóc trên mỗi người bệnh.

+ Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc một số bệnh nội khoa thường gặp.

+ Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc người bệnh nội khoa thường gặp.

+ Tư vấn, hướng dẫn người bệnh cách tự chăm sóc, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nhanh nhẹn, khéo léo, cẩn thận khi chăm sóc người bệnh; tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của cá nhân.

+ Tôn trọng, lắng nghe và cảm thông với người bệnh và gia đình người bệnh.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Thực tập	KT
1	**Tiếp nhận người bệnh vào khoa điều trị, Ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc nội khoa** 1. Hướng dẫn những công việc cần làm khi tiếp đón người bệnh vào khoa điều trị 2. Hướng dẫn cách ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc nội khoa	9	9	1
2	**Quy trình điều dưỡng nội khoa** 1. Nhận định 2. Chẩn đoán điều dưỡng 3. Lập kế hoạch chăm sóc.	9	9	

	4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc 5. Đánh giá			
3	**Hướng dẫn một số kỹ thuật đặc trưng tại khoa nội** 1. Hướng dẫn kỹ thuật đo điện tim 2. Hướng dẫn kỹ thuật thử test đường huyết 3. Hướng dẫn kỹ thuật tiêm thuốc insulin.	9	9	
4	**Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh suy tim** 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh suy tim. 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể 3. Thực hành chăm sóc người bệnh suy tim.	9	9	
5	**Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tăng huyết áp** 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tăng huyết áp. 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể 3. Thực hành chăm sóc người bệnh tăng huyết áp.	9	9	
6	**Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh nhồi máu cơ tim** 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh nhồi máu cơ tim. 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể 3. Thực hành chăm sóc người bệnh nhồi máu cơ tim.	9	9	
7	**Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm phổi** 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm phổi. 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể 3. Thực hành chăm sóc người bệnh viêm phổi.	9	9	
8	**Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh loét dạ dày tá tràng** 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh loét dạ dày tá tràng. 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể 3. Thực hành chăm sóc người bệnh loét dạ dày tá tràng.	9	9	1
9	**Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh xuất huyết tiêu hóa**	9	9	

	1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh xuất huyết tiêu hóa. 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể 3. Thực hành chăm sóc người bệnh xuất huyết tiêu hóa.			
10	**Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh ung thư gan** 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh ung thư gan. 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể 3. Thực hành chăm sóc người bệnh ung thư gan.	9	9	
11	**Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm cầu thận mạn** 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm cầu thận mạn 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể 3. Thực hành chăm sóc người bệnh viêm cầu thận mạn	9	9	
12	**Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh basedow** 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh Basedow. 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể 3. Thực hành chăm sóc người bệnh Basedow	9	9	
13	**Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh đái tháo đường** 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh đái tháo đường. 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể 3. Thực hành chăm sóc người bệnh đái tháo đường	9	9	
14	**Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh bạch cầu cấp** 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh bạch cầu cấp. 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể 3. Thực hành chăm sóc người bệnh bạch cầu cấp	9	9	
15	**Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tai biến mạch máu não** 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tai biến mạch máu não.	9	9	

	2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể 3. Thực hành chăm sóc người bệnh tai biến mạch máu não.			
TỔNG SỐ		**137**	**135**	**2**

CHỈ TIÊU LÂM SÀNG

Số TT	Nội dung thực tập	Tự làm	Phụ làm	Kiến tập
1.	Tiếp nhận người bệnh đến khám và điều trị tại khoa nội	5	5	7
2.	Đo và nhận định mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở	5	5	7
3.	Vận chuyển người bệnh	5	5	
4.	Lập quy trình chăm sóc người bệnh	2	1	
5.	Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc người bệnh hệ nội	5	2	1
6.	Thực hiện kỹ thuật thở khí dung	2	2	1
7.	Cho người bệnh uống thuốc	2	2	1
8.	Quy trình kỹ thuật tiêm dưới da	3	2	1
9.	Quy trình kỹ thuật tiêm bắp	3	2	1
10.	Quy trình kỹ thuật tiêm tĩnh mạch	3	2	1
11.	Quy trình kỹ thuật lấy bệnh phẩm xét nghiệm	3	2	1
12.	Quy trình kỹ thuật thử test	1	1	1
13.	Quy trình kỹ thuật truyền dịch	3	2	2
14.	Quy trình kỹ thuật truyền máu			1
15.	Quy trình kỹ thuật cho người bệnh ăn qua ống thông		2	3
16.	Quy trình kỹ thuật thông tiểu		1	1
17.	Quy trình kỹ thuật hút đờm dãi		1	1
18.	Quy trình kỹ thuật thở ôxy	1	1	1
19.	Kỹ thuật đo điện tim	1	1	1
20.	Chăm sóc phòng ngừa loét ép	1	1	1
21.	Phân loại và xử lý rác	1	1	1
22.	Tư vấn giáo dục sức khoẻ cho người bệnh và người nhà	2	2	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Tiếp nhận người bệnh vào khoa điều trị, Thời gian: 9 giờ

Ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc nội khoa

1. Mục tiêu:

- Nắm được những công việc cần làm khi tiếp đón người bệnh vào khoa điều trị
- Biết cách ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc nội khoa

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn những công việc cần làm khi tiếp đón người bệnh vào khoa điều trị

2.2. Hướng dẫn cách ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc nội khoa

Bài 2: Quy trình điều dưỡng nội khoa **Thời gian: 9 giờ**

1. Mục tiêu

- Trình bày các bước lập 1 quy trình điều dưỡng nội khoa.
- Vận dụng được kiến thức đã học để lập một quy trình điều dưỡng hoàn chỉnh cho người bệnh cụ thể trên lâm sàng.

2. Nội dung:

2.1. Nhận định

2.2. Chẩn đoán điều dưỡng

2.3. Lập kế hoạch chăm sóc.

2.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.5. Đánh giá

Bài 3: Hướng dẫn một số kỹ thuật đặc trưng tại khoa nội **Thời gian: 9 giờ**

1. Mục tiêu:

- Thực hành thuần thục các kỹ thuật đặc trưng tại lâm sàng khoa nội
- Nghiêm túc, cẩn thận khi thực hiện các kỹ thuật.

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn kỹ thuật đo điện tim

2.2. Hướng dẫn kỹ thuật thử test đường huyết

2.3. Hướng dẫn kỹ thuật tiêm thuốc insulin.

Bài 4: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh suy tim **Thời gian: 9 giờ**

1. Mục tiêu:

- Nhắc lại được các triệu chứng lâm sàng và các biện pháp điều trị không dùng thuốc của người bệnh suy tim
- Áp dụng được những kiến thức đã học trong chăm sóc người bệnh suy tim

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh suy tim.

2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể

2.3. Thực hành chăm sóc người bệnh suy tim.

Bài 5: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tăng huyết áp **Thời gian: 9 giờ**

1. Mục tiêu:

- Nhắc lại được các yếu tố nguy cơ và biến chứng ở người bệnh tăng huyết áp
- Áp dụng được những kiến thức đã học trong chăm sóc người bệnh tăng huyết áp

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tăng huyết áp.

2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể

2.3. Thực hành chăm sóc người bệnh tăng huyết áp.

Bài 6: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh nhồi máu cơ tim **Thời gian: 8 giờ**

1. Mục tiêu:

- Nhắc lại được các triệu chứng lâm sàng của người bệnh nhồi máu cơ tim
- Áp dụng được những kiến thức đã học trong chăm sóc người bệnh nhồi máu cơ tim
2. Nội dung:
2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh nhồi máu cơ tim.
2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể
2.3. Thực hành chăm sóc người bệnh nhồi máu cơ tim.

Bài 7: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm phổi Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:
- Nhắc lại được các nguyên nhân và triệu chứng lâm sàng của người bệnh viêm phổi
- Áp dụng được những kiến thức đã học trong chăm sóc người bệnh viêm phổi
2. Nội dung:
2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm phổi.
2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể
2.3. Thực hành chăm sóc người bệnh viêm phổi.

Bài 8: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh loét dạ dày tá tràng Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:
- Nhắc lại được các nguyên nhân và triệu chứng lâm sàng của người bệnh loét dạ dày tá tràng
- Áp dụng được những kiến thức đã học trong chăm sóc người bệnh loét dạ dày tá tràng
2. Nội dung:
2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh loét dạ dày tá tràng.
2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể
2.3. Thực hành chăm sóc người bệnh loét dạ dày tá tràng.

Bài 9: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh xuất huyết tiêu hóa Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:
- Nhắc lại được các triệu chứng lâm sàng của người bệnh xuất huyết tiêu hóa
- Áp dụng được những kiến thức đã học trong chăm sóc người bệnh xuất huyết tiêu hóa
2. Nội dung:
2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh xuất huyết tiêu hóa.
2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể
2.3. Thực hành chăm sóc người bệnh xuất huyết tiêu hóa.

Bài 10: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh ung thư gan Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:
- Nhắc lại được nguyên nhân và triệu chứng lâm sàng của người bệnh ung thư gan

- Áp dụng được những kiến thức đã học trong chăm sóc người bệnh ung thư gan
2. Nội dung:
2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh ung thư gan.
2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể
2.3. Thực hành chăm sóc người bệnh ung thư gan.

Bài 11: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm cầu thận mạn Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:
- Nhắc lại được nguyên nhân và triệu chứng lâm sàng của người bệnh viêm cầu thận mạn
- Áp dụng được những kiến thức đã học trong chăm sóc người bệnh viêm cầu thận mạn
2. Nội dung:
2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm cầu thận mạn.
2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể
2.3. Thực hành chăm sóc người bệnh viêm cầu thận mạn

Bài 12: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh Basedow Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:
- Nhắc lại được các triệu chứng lâm sàng của người bệnh Basedow
- Áp dụng được những kiến thức đã học trong chăm sóc người bệnh Basedow
2. Nội dung:
2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh Basedow.
2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể
2.3. Thực hành chăm sóc người bệnh Basedow

Bài 13: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh đái tháo đường Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:
- Nhắc lại được triệu chứng lâm sàng của từng loại đái tháo đường
- Áp dụng được những kiến thức đã học trong chăm sóc người bệnh đái tháo đường
2. Nội dung:
2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh đái tháo đường.
2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể
2.3. Thực hành chăm sóc người bệnh đái tháo đường

Bài 14: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh bạch cầu cấp Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:
- Nhắc lại được các triệu chứng lâm sàng của người bệnh bạch cầu cấp
- Áp dụng được những kiến thức đã học trong chăm sóc người bệnh bạch cầu cấp
2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh bạch cầu cấp.
2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể
2.3. Thực hành chăm sóc người bệnh bạch cầu cấp

Bài 15: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tai biến mạch máu não Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:
- Nhắc lại được các nguyên nhân và triệu chứng lâm sàng của người bệnh tai biến mạch máu não
- Áp dụng được những kiến thức đã học trong chăm sóc người bệnh tai biến mạch máu não
2. Nội dung:
2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tai biến mạch máu não.
2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể
2.3. Thực hành chăm sóc người bệnh tai biến mạch máu não.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn:
- Nơi thực tập: Sinh viên được thực tập ở khoa nội của bệnh viện với đầy đủ dụng cụ cần thiết của khoa phòng cho sinh viên thực tập, có phòng giao ban cho sinh viên hàng ngày, phòng cho sinh viên để dụng cụ khi đi thực tập và đi trực.
2. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu, băng đĩa, video, tranh ảnh, dụng cụ y tế để thực tập ….
3. Học liệu:
- Hồ sơ lên lớp của giảng viên: Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ kế hoạch dạy học, giáo trình giảng dạy, sổ tay lên lớp trước mỗi buổi học.
- Lập kế hoạch thực tập và chỉ tiêu thực tập cụ thể cho sinh viên trước khi đi thực tập bệnh viên.
4. Các điều kiện khác:
- Tiêu chí giảng viên: yêu cầu giảng viên giảng dạy lý thuyết và hướng dẫn lâm sàng phải có trình độ chuyên môn từ cử nhân điều dưỡng trở lên.
- Sinh viên phải học xong các mô đun tiên quyết, có thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân trước khi đi thực tập.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:
- Về kiến thức:
  + Mô tả được các bước của quy trình điều dưỡng nội khoa.
  + Vận dụng được những kiến thức đã học trong chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa.
- Về kỹ năng:
+ Nhận định được các triệu chứng và các vấn đề cần chăm sóc trên mỗi người bệnh.

+ Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc một số bệnh nội khoa thường gặp.
+ Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc người bệnh nội khoa thường gặp.
+ Tư vấn, hướng dẫn người bệnh cách tự chăm sóc, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
+ Có khả năng làm việc độc lập khi chăm sóc cho người bệnh
+ Tinh thần trách nhiệm cao khi đưa ra các hành động chăm sóc người bệnh.

2. Phương pháp đánh giá:

2.1. Điểm quá trình :
- Gồm 1 cột điểm kiểm tra thường xuyên và 2 cột điểm kiểm tra định kỳ.
- Hình thức kiểm tra: Thực hiện quy trình kỹ thuật trên người bệnh; Lập quy trình chăm sóc; vấn đáp; chuyên cần….
- Thời gian: Do giảng viên hướng dẫn thực hành quyết định.

2.2. Điểm thi kết thúc mô đun:
- Hình thức thi: Thực hiện quy trình kỹ thuật; quy trình chăm sóc trên người bệnh; vấn đáp; tình huống lâm sàng….
- Thời gian: Do giảng viên hướng dẫn quy định.

2.3. Điểm mô đun
- Điểm môn học, mô-đun: Bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;
- Thang điểm: Điểm môn học, mô đun theo thang điểm 4, quy đổi điểm môn học, mô đun thành điểm chữ và thang điểm 4 theo Điều 31 thông tư 04/2022/TT – BLĐTBXH.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sinh viên năm thứ hai.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:
- Đối với giảng viên:
+ Hướng dẫn và cầm tay chỉ việ giúp sinh viên tự tin thực hiện tốt những quy trình kỹ thuật, thủ thuật trên người bệnh một cách độc lập cũng như phối hợp với các nhân viên y tế.
+ Hướng dẫn sinh viên lập và thực hiện được quy trình chăm sóc một số bệnh nội khoa thường gặp.
- Đối với sinh viên:
+ Tham gia thực tập lâm sàng đầy đủ tại bệnh viện, thực hiện theo sự phân công của khoa phòng.
+ Lập quy trình chăm sóc và thực hành các kỹ thuật điều dưỡng dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
+ Tham gia trực bệnh viện

3. Những trọng tâm cần chú ý
- Nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của từng bệnh
- Nhận định được tình trạng người bệnh

- Đưa ra được chẩn đoán điều dưỡng và có kế hoạch chăm sóc phù hợp

4. Tài liệu tham khảo

- Vụ khoa học đào tạo, Bộ y tế (2015), *Điều dưỡng nội khoa*, NXB Y học Hà Nội.
- Lê Văn An (2008), *Điều dưỡng nội tập I&II*, NXB Y học Hà Nội.
- Trường ĐH Y Hà Nội (2005), *Bệnh học nội khoa Tập 1, 2*, NXB Y học Hà Nội.
- Trường Đại học Y khoa Huế (2005), *Điều dưỡng Nội khoa*, NXB Y học Hà Nội.
- Bộ Y tế (2020), *Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới tập 1 & 2*, NXB Y học Hà Nội.

Tên mô đun: THỰC TẬP CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN BỆNH NGOẠI KHOA

Mã mô đun: MĐ.23

Thời gian thực hiện mô đun:137 giờ (*Thực tập bệnh viện: 135 giờ; Kiểm tra 2 giờ)*

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: là mô đun chuyên ngành, dành cho sinh viên điều dưỡng năm 2
- Tính chất: Là mô đun bắt buộc cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sơ cứu một số cấp cứu thường gặp trong ngoại khoa, nhận định và lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện kỹ thuật ngoại khoa; tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh để nâng cao chất lượng công tác chăm sóc và hình thành năng lực thực hành chăm sóc người bệnh ngoại khoa tại bệnh viện và các cơ sở y tế.

II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức:

+ Mô tả được các bước của quy trình điều dưỡng ngoại khoa

+ Sử dụng quy trình điều dưỡng để đánh giá và lập kế hoạch chăm sóc người bệnh ngoại khoa, chăm sóc người bệnh trước và sau phẫu thuật .

- Kỹ năng:

+ Thực hiện đúng một số kỹ thuật điều dưỡng ngoại khoa theo quy trình.

+ Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc một số bệnh ngoại khoa thường gặp.

+ Phụ giúp bác sĩ thực hiện một số kỹ thuật tiểu phẫu, bó bột

+ Thực hiện được việc tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh ngoại khoa và gia đình các phương pháp tự chăm sóc, theo dõi và phòng bệnh sau khi xuất viện.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Ý thức trách nhiệm cao, tác phong thực hiện nghiêm túc trong việc thực hiện quy trình chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa.

+ Cảm thông, tận tình, chịu trách nhiệm cá nhân trong việc chăm sóc sức khỏe cho người bệnh.

+ Tôn trọng các phong tục, tập quán, văn hóa ở địa phương trong quá trình chăm sóc và tư vấn cho người bệnh.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	Thực tập Bv	KT
1	Bài 1:Tiếp nhận người bệnh đến khám và vào khoa điều trị 1. Hướng dẫn quy trình tiếp nhận người bệnh vào khoa ngoại 2. Hướng dẫn quy trình rửa tay thường quy	10		10	1
2	Bài 2: Nhận định người bệnh trước mổ 1. Hướng dẫn quy trình mang găng vô khuẩn	5		5	

	2.Nhân định người bệnh trước mổ viêm ruột thừa/ gãy xương cẳng tay/ chấn thương đầu				
3	Bài 3: Nhận định người bệnh sau mổ 1. Hướng dẫn quy trình vận chuyển người bệnh an toàn 2. Nhận định người bệnh sau mổ viêm ruột thừa/ gãy xương cẳng tay/ chấn thương đầu	5		5	
4	Bài 4: Lập và thực hiện KHCS người bệnh mổ hệ tiêu hóa 1. Hướng dẫn quy trình tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch 2. Hướng dẫn đưa ra chẩn đoán điều dưỡng và can thiệp người bệnh trước mổ thủng dạ dày/tắc ruột/sỏi mật 3. Hướng dẫn đưa ra chẩn đoán điều dưỡng và can thiệp người bệnh sau mổ thủng dạ dày/tắc ruột/sỏi mật	10		10	
5	Bài 5: Ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc ngoại khoa 1. Hướng dẫn cách ghi chép phiếu chức năng sống 2. Hướng dẫn cách ghi chép phiếu chăm sóc, phiếu truyền dịch	10		10	
6	Bài 6: Phụ giúp bác sĩ, kĩ thuật viên bó bột, cố định tạm thời gãy xương, đặt đai cố định gãy xương 1. Hướng dẫn QTKT thay băng rửa vết thương sạch, thay băng cắt chỉ 2 Hướng dẫn QTKT cố định gãy xương cẳng tay/ đùi 3 Hướng dẫn đặt đai số 8 gãy xương đòn, đai vải treo tay, đai nẹp đùi, đai nẹp gối.	10		10	
7	Bài 7: Lập và thực hiện KHCS người bệnh mổ gãy xương 1 Hướng dẫn QTKT thay gar giường và vệ sinh người bệnh 2 Hướng dẫn đưa ra chẩn đoán điều dưỡng và can thiệp người bệnh trước bó bột/ gãy xương 3 Hướng dẫn đưa ra chẩn đoán điều dưỡng và can thiệp người bệnh sau bó bột/ gãy xương	10		10	
8	Bài 8: Chăm sóc, dự phòng loét 1. Hướng dẫn QTKT xoay trở , các tư thế nghỉ ngơi trị liệu	10		10	

	2. Hướng dẫn QTKT thay băng nhiễm khuẩn				
9	Bài 9: Lập và thực hiện KHCS người bệnh mổ hệ tiết niệu 1. Hướng dẫn QTKT lấy bệnh phẩm máu, nước tiểu làm xét nghiệm 2. Hướng dẫn đưa ra chẩn đoán điều dưỡng và can thiệp người bệnh trước mổ sỏi thận/ u tuyến tiền liệt 3. Hướng dẫn đưa ra chẩn đoán điều dưỡng và can thiệp người bệnh sau mổ sỏi thận/ u tuyến tiền liệt	10		10	
10	Bài 10: Theo dõi, xử trí các loại ống dẫn lưu sau phẫu thuật 1. Hướng dẫn QTKT thay băng có ống dẫn lưu 2. Hướng dẫn theo dõi ống dẫn lưu kerh, dẫn lưu bàng quang	5		5	
11	Bài 11: Sơ cứu và chăm sóc người bệnh bỏng 1. Hướng dẫn QTKT chăm sóc vết bỏng 2. Sơ cứu bỏng đúng nguyên tắc	10		10	
12	Bài 12: Lập và thực hiện KHCS người bệnh mổ chấn thương sọ não 1. Hướng dẫn QTKT truyền dịch 2. Hướng dẫn đưa ra chẩn đoán điều dưỡng và can thiệp người bệnh trước mổ chấn thương sọ não 3. Hướng dẫn đưa ra chẩn đoán điều dưỡng và can thiệp người bệnh sau mổ chấn thương sọ não	10		10	1
13	Bài 13: Lập và thực hiện KHCS người bệnh có hậu môn nhân tạo 1. Hướng dẫn QTKT thay băng hậu môn nhân tạo 2. Hướng dẫn đưa ra chẩn đoán điều dưỡng và can thiệp người bệnh có hậu môn nhân tạo	10		10	
14	Bài 14: Chăm sóc người bệnh chấn thương phổi, màng phổi 1. Hướng dẫn QTKT cho người bệnh thở oxy 2. Hướng dẫn đưa ra chẩn đoán điều dưỡng và can thiệp người bệnh có dẫn lưu màng phổi	5		5	
15	Bài 15: Hướng dẫn người bệnh tập vận động sau mổ 1. Hướng dẫn tập vận động sau mổ tiêu hóa 2. Hướng dẫn tập vận động sau bó bột, phẫu thuật xương	5		5	
16	Bài 16: Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và thân nhân của họ	10		10	

	1. Tư vấn và giáo dục sức khỏe trước mổ 2. Tư vấn và giáo dục sức khỏe sau mổ				
	CỘNG	**137**		**135**	**2**

CHỈ TIÊU LÂM SÀNG:

STT	Nội dung thực tập	Tự làm	Phụ làm	Kiến tập
1	Rửa tay thường quy và mang găng vô khuẩn	5	5	5
2	Tiêm bắp	2	5	5
3	Tiêm tĩnh mạch	2	5	5
4	Truyền dịch	1	5	5
5	Truyền máu	0	1	2
6	Chăm sóc và thay băng rửa vết thương	2	5	5
7	Thực hiện chăm sóc và theo dõi người bệnh có ống dẫn lưu.	1	5	5
8	Thực hiện lấy mẫu bệnh phẩm làm xét nghiệm	3	5	5
9	Thông tiểu	0	1	2
10	Cho người bệnh ăn qua ống thông	1	2	3
11	Hút đờm dãi	2	5	5
12	Cho người bệnh thở oxy	2	5	5
13	Xoay trở và vận chuyển người bệnh an toàn	5	5	2
14	Thay gar giường và vệ sinh người bệnh	2	2	2
15	Nhận định và chăm sóc chuẩn bị người bệnh mổ: hệ tiêu hóa	4	5	5
16	Nhận định và chăm sóc người bệnh Chấn thương bụng; Chấn thương ngực; Chấn thương thận, bàng quang, niệu đạo.	3	3	3
17	Nhận định và chăm sóc người bệnh: Gãy xương và mổ kết hợp xương; Người bệnh kéo tạ; Người bệnh bỏng.	3	3	3
18	Nhận định và chăm sóc người bệnh: Chấn thương sọ não; Chấn thương cột sống.	2	2	2
19	Nhận định và chăm sóc người bệnh có ống dẫn lưu; Có hậu môn tạm.	3	3	3
20	Lập quy trình chăm sóc người bệnh trước và sau mổ	2	1	1
21	Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc người bệnh ngoại khoa.	5	2	1
22	Tư vấn giáo dục sức khoẻ cho người bệnh và người nhà về cách tự chăm sóc sau khi xuất viện	2	2	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Tiếp nhận người bệnh đến khám và vào khoa điều trị Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Nắm được những công việc cần làm khi tiếp đón người bệnh vào khoa điều trị

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn quy trình tiếp nhận người bệnh vào khoa ngoại

2.2. Hướng dẫn quy trình rửa tay thường quy

Bài 2: Nhận định người bệnh trước mổ Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận định được tình trạng người bệnh trước mổ những bệnh thường gặp
- Lập kế hoạch và thực hiện chăm sóc người bệnh trước mổ những bệnh thường gặp

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn quy trình mang găng vô khuẩn

2.2. Nhận định người bệnh trước mổ viêm ruột thừa/ gãy xương cẳng tay/ chấn thương đầu

Bài 3: Nhận định người bệnh sau mổ Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận định được tình trạng người bệnh sau mổ những bệnh thường gặp
- Lập kế hoạch và thực hiện chăm sóc người bệnh sau mổ những bệnh thường gặp

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn QTKT vận chuyển người bệnh an toàn

2.2. Nhận định người bệnh sau mổ viêm ruột thừa/ gãy xương cẳng tay/ chấn thương đầu

Bài 4: Lập và thực hiện KHCS người bệnh mổ hệ tiêu hóa Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận định được tình trạng người bệnh trước và sau mổ những bệnh thường gặp ở hệ tiêu hóa
- Lập kế hoạch và thực hiện chăm sóc người bệnh trước và sau mổ những bệnh thường gặp ở hệ tiêu hóa

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn QTKT tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch

2.2. Hướng dẫn đưa ra chẩn đoán điều dưỡng và can thiệp người bệnh trước mổ thủng dạ dày/ sỏi mật/ tắc ruột

2.3. Hướng dẫn đưa ra chẩn đoán điều dưỡng và can thiệp người bệnh sau mổ thủng dạ dày/ sỏi mật/ tắc ruột

Bài 5: Ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc ngoại khoa

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận biết được các biểu mẫu trong hồ sơ bệnh án ngoại khoa
- Biết cách ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc ngoại khoa

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn cách ghi chép phiếu chức năng sống

2.2. Hướng dẫn cách ghi chép phiếu chăm sóc, phiếu truyền dịch

Bài 6: Phụ giúp bác sĩ, kĩ thuật viên bó bột, cố định tạm thời gãy xương, đặt đai cố định gãy xương **Thời gian: 10 giờ**

1. Mục tiêu:

- Nhận biết được các dụng cụ cần thiết khi phụ giúp bác sĩ, kĩ thuật viên bó bột, cố định gãy xương, đai cố định.
- Biết cách phụ giúp bác sĩ, kĩ thuật viên bó bột, cố định gãy xương

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn QTKT thay băng rửa vết thương sạch, thay băng cắt chỉ

2.2 Hướng dẫn QTKT cố định gãy xương cẳng tay/ đùi

2.3 Hướng dẫn đặt đai số 8 gãy xương đòn, đai vải treo tay, đai nẹp đùi, đai nẹp gối.

Bài 7: Lập và thực hiện KHCS người bệnh mổ gãy xương **Thời gian: 10 giờ**

1. Mục tiêu:

- Nhận định được tình trạng người bệnh trước và sau mổ gãy xương
- Lập kế hoạch và thực hiện chăm sóc người bệnh trước và sau mổ gãy xương

2. Nội dung:

2.1 Hướng dẫn QTKT thay gar giường và vệ sinh người bệnh

2.2 Hướng dẫn đưa ra chẩn đoán điều dưỡng và can thiệp người bệnh trước bó bột/ gãy xương

2.3 Hướng dẫn đưa ra chẩn đoán điều dưỡng và can thiệp người bệnh sau bó bột/ gãy xương

Bài 8: Chăm sóc, dự phòng loét **Thời gian: 10 giờ**

1. Mục tiêu:

- Nhận định được tình trạng người bệnh loét
- Lập kế hoạch và thực hiện chăm sóc người bệnh loét

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn QTKT xoay trở , các tư thế nghỉ ngơi trị liệu

2.2. Hướng dẫn QTKT thay băng nhiễm khuẩn

Bài 9: Lập và thực hiện KHCS người bệnh mổ hệ tiết niệu **Thời gian: 10 giờ**

1. Mục tiêu:

- Nhận định được tình trạng người bệnh trước và sau hệ tiết niệu
- Lập kế hoạch và thực hiện chăm sóc người bệnh trước và sau mổ hệ tiết niệu

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn QTKT lấy bệnh phẩm máu, nước tiểu làm xét nghiệm

2.2. Hướng dẫn đưa ra chẩn đoán điều dưỡng và can thiệp người bệnh trước mổ sỏi thận/ u tuyến tiền liệt

2.3. Hướng dẫn đưa ra chẩn đoán điều dưỡng và can thiệp người bệnh sau mổ sỏi thận/ u tuyến tiền liệt

Bài 10: Theo dõi và xử trí các ống dẫn lưu sau phẫu thuật **Thời gian: 10 giờ**

1. Mục tiêu:

- Nhận định được tình trạng người bệnh có ống dẫn lưu

- Lập kế hoạch và thực hiện chăm sóc người bệnh có ống dẫn lưu

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn QTKT thay băng có ống dẫn lưu

2.2. Hướng dẫn theo dõi ống dẫn lưu kerh, dẫn lưu bàng quang

Bài 11: Chăm sóc người bệnh bỏng Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận định được tình trạng người bệnh bỏng
- Lập kế hoạch và thực hiện chăm sóc người bệnh bỏng

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn QTKT chăm sóc vết bỏng

2.2. Sơ cứu bỏng đúng nguyên tắc

Bài 12: Lập và thực hiện KHCS người bệnh chấn thương sọ não

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận định được tình trạng người bệnh trước và sau mổ chấn thương sọ não
- Lập kế hoạch và thực hiện chăm sóc người bệnh trước và sau mổ chấn thương sọ não

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn QTKT truyền dịch

2.2. Hướng dẫn đưa ra chẩn đoán điều dưỡng và can thiệp người bệnh trước mổ chấn thương sọ não

2.3. Hướng dẫn đưa ra chẩn đoán điều dưỡng và can thiệp người bệnh sau mổ chấn thương sọ não

Bài 13: Lập và thực hiện KHCS người bệnh có hậu môn nhân tạo Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận định được tình trạng người bệnh có hậu môn nhân tạo
- Lập kế hoạch và thực hiện chăm sóc người bệnh có hậu môn nhân tạo

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn QTKT thay băng hậu môn nhân tạo

2.2. Hướng dẫn đưa ra chẩn đoán điều dưỡng và can thiệp người bệnh có hậu môn nhân tạo

Bài 14: Chăm sóc người bệnh chấn thương phổi, màng phổi Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận định được tình trạng người bệnh chấn thương phổi, màng phổi
- Lập kế hoạch và thực hiện chăm sóc người bệnh chấn thương phổi, màng phổi

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn QTKT cho người bệnh thở oxy

2.2. Hướng dẫn đưa ra chẩn đoán điều dưỡng và can thiệp người bệnh có dẫn lưu màng phổi

Bài 15: Hướng dẫn người bệnh tập vận động sau mổ **Thời gian: 05 giờ**

1. Mục tiêu:

- Nhận định được tình trạng người bệnh cần tập vận động sau mổ
- Lập kế hoạch và thực hiện chăm sóc người bệnh tập vận động sau mổ

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn tập vận động sau mổ tiêu hóa

2.2. Hướng dẫn tập vận động sau bó bột, phẫu thuật xương

Bài 16: Tư vấn giáo dục cho người bệnh và thân nhân của họ **Thời gian: 10 giờ**

1. Mục tiêu:

- Biết cách tư vấn, hướng dẫn người bệnh cách tự chăm sóc, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.

2. Nội dung:

2.1. Tư vấn và giáo dục sức khỏe trước mổ

2.2. Tư vấn và giáo dục sức khỏe sau mổ

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn:

- Sinh viên được thực tập ở 3 khoa Ngoại bao gồm: Ngoại chấn thương chỉnh hình, Ngoại tổng quát, Ngoại thần kinh với đầy đủ dụng cụ cần thiết của khoa phòng cho sinh viên thực tập, có một phòng giao ban cho sinh viên hàng ngày, một phòng cho sinh viên để dụng cụ khi đi thực tập và đi trực.

2. Trang thiết bị máy móc: máy tính, video, tranh ảnh, dụng cụ y tế để thực tập ….

3. Học liệu:

- Hồ sơ lên lớp của giảng viên: Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ kế hoạch dạy học, giáo trình giảng dạy, sổ tay lên lớp trước mỗi buổi học.
- Lập kế hoạch thực tập và chỉ tiêu thực tập cụ thể cho sinh viên trước khi đi thực tập bệnh viên.

4. Các điều kiện khác:

- Tiêu chí giảng viên: yêu cầu giảng viên hướng dẫn lâm sàng phải có trình độ chuyên môn từ Cử nhân điều dưỡng trở lên.
- Giảng viên thỉnh giảng: Điều dưỡng trưởng khoa, điều dưỡng viên đang công tác các tại bệnh viện.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kỹ năng:
    + Mô tả được các bước của quy trình điều dưỡng ngoại khoa
    + Nhận định được các triệu chứng cơ bản cần chăm sóc trên người bệnh.
    + Đưa ra được các chẩn đoán điều dưỡng sau khi nhận định
    + Lập và thực hiện được các kế hoạch chăm sóc trên người bệnh
    + Đánh giá được kết quả công việc sau chăm sóc người bệnh.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng làm việc độc lập khi chăm sóc cho người bệnh

+ Tinh thần trách nhiệm cao khi đưa ra các hành động chăm sóc người bệnh.

2. Phương pháp đánh giá:

2.1. Điểm quá trình:

+ Gồm 01 cột điểm thường xuyên, 02 cột điểm định kỳ.

+ Điểm này do giảng viên hướng dẫn thực hành quyết định.

2.2. Điểm thi kết thúc mô đun:

+ Thực hành tại bệnh viện: thực hiện quy trình kỹ thuật chăm sóc trên người bệnh; vấn đáp quy trình điều dưỡng trả lời câu hỏi của giảng viên.

+ Thời gian: do giảng viên hướng dẫn quy định.

2.3. Điểm mô đun:

- Điểm mô-đun: Bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc mô-đun có trọng số 0,6;
- Thang điểm: Điểm mô đun theo thang điểm 4, quy đổi điểm mô đun thành điểm chữ và thang điểm 4 theo Điều 31 thông tư 04/2022/TT – BLĐTBXH.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Cho sinh viên năm thứ 2

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giảng viên: hướng dẫn và quan sát từng thao tác của sinh viên thực hiện trên người bệnh, cầm tay chỉ việc, thảo luận
- Đối với người học:

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực hành tại bệnh viện, thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của giảng viên**.**

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Quy trình điều dưỡng ngoại khoa
- Giao tiếp với người bệnh và gia đình người bệnh, nhân viên y tế trong quá trình chăm sóc người bệnh.
- Nhận định được tình trạng người bệnh, dự phòng theo dõi và xử trí các biến chứng trong và sau khi thực hiện kỹ thuật điều dưỡng và sơ cấp cứu.
- Đưa ra được chẩn đoán điều dưỡng và có kế hoạch chăm sóc phù hợp

4. Tài liệu tham khảo

- Bộ Y tế (2007), *Điều dưỡng cơ bản 1,2*, NXB Y học.
- Bộ Y tế (2011), *Điều dưỡng ngoại khoa*, NXB Y học Hà Nội.
- Bộ Y tế (2009)*, Điều dưỡng ngoại - tập I&II*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bộ Y tế (2008)*, Điều dưỡng Ngoại khoa*, NXB Giáo dục Hà Nội.
- Bộ Y tế (2020), *Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới*, Tập 1,2, NXB Y học
- Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản dùng trong chăm sóc người bệnh, BVBM

Tên mô đun: THỰC TẬP CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ EM

Mã mô đun: MĐ.24

Thời gian thực hiện mô đun: 137 giờ (*Thực tập: 135 giờ, Kiểm tra: 2 giờ***)**

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Đào tạo cho sinh viên năm thứ hai sau khi sinh viên học xong các mô đun: Điều dưỡng cơ sở, chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa, Ngoại khoa, chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình và lý thuyết chăm sóc sức khỏe trẻ em.
- Tính chất: Mô đun này giới thiệu những nguyên tắc thực hành điều dưỡng nhi cần thiết, cung cấp cho sinh viên điều dưỡng kiến thức và kỹ năng chăm sóc nhi khoa. Cung cấp cho sinh viên cách nhận định các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ em qua các thời kỳ, các bước của kế hoạch chăm sóc và nhu cầu sức khỏe của trẻ cũng như gia đình trẻ. Ngoài ra, môn học này còn tập trung cung cấp cho sinh viên kỹ năng sơ cứu một số cấp cứu thường gặp trong nhi khoa và những kỹ năng cơ bản về tư vấn giáo dục sức khỏe để nâng cao chất lượng công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe trẻ em.

II. Mục tiêu mô đun:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được các bước của quy trình điều dưỡng nhi khoa.

+ Vận dụng những đặc điểm sinh lý, bệnh lý của các thời kỳ vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và phòng bệnh cho trẻ em.

- Về kỹ năng:

+ Vận dụng được những kiến thức để nhận biết những ảnh hưởng của bệnh lý cấp tính và mạn tính đến trẻ qua các thời kỳ phát triển.

+ Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc một số bệnh thường gặp ở trẻ em.

+ Thực hiện các quy trình kỹ thuật hiệu quả, an toàn trong chăm sóc bệnh nhi.

+ Sử dụng tốt các trang thiết bị máy móc để chăm sóc, cấp cứu trẻ em.

+ Vận dụng được các kiến thức của môn học vào công tác tư vấn, giáo dục phòng ngừa cho bệnh nhi và gia đình của bệnh nhi.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nhận thức được tầm quan trọng của môn học để vận dụng trong thực hành lâm sàng.

+ Nhanh chóng, chính xác,có tinh thần trách nhiệm cao khi đưa ra các hành động chăm sóc trong quá trình chăm sóc bệnh nhi.

+ Có khả năng làm việc độc lập, trong quá trình chăm sóc người bệnh

+ Thái độ ân cần , nhẹ nhàng trong giao tiếp với bệnh nhi và gia đình của bệnh nhi.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài giảng	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TT	KT
1	Quy trình điều dưỡng nhi khoa	10	0	10	

	1. Nhận định bệnh nhi 2. Chẩn đoán điều dưỡng 3. Lập kế hoạch chăm sóc. 4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc 5. Đánh giá				
2	Nhận định đặc điểm sinh lý, bệnh lý của trẻ em qua 6 thời kỳ 1. Nhận định đặc điểm sinh lý, bệnh lý của trẻ em ở các thời kỳ. 2. So sánh đặc điểm sinh lý, bệnh lý của bệnh nhi trên lâm sàng với lý thuyết	10	0	10	
3	Đánh giá tiêm chủng ở trẻ em 1. Liệt kê lịch tiêm chủng của trẻ em theo chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia.. 2. Đánh giá tình hình tiêm chủng thực tế của bệnh nhi.	5	0	5	
4	Lập kế hoạch tư vấn nuôi dưỡng trẻ em (bú mẹ, ăn nhân tạo, ăn bổ sung) 1. Nhận định tình trạng nuôi dưỡng trẻ của bà mẹ. 2. Hướng dẫn lập kế hoạch tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ 3. Hướng dẫn lập kế hoạch tư vấn cho trẻ ăn bổ sung. 4. Hướng dẫn lập kế hoạch tư vấn cho trẻ ăn nhân tạo. 5. Thực hành tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ, ăn bổ sung và ăn nhân tạo.	10	0	10	
5	Lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị suy dinh dưỡng 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng. 2. Xây dựng 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho bệnh nhi cụ thể. 3. Thực hành chăm sóc trẻ bị suy dinh dưỡng. 4. Đánh giá quy trình chăm sóc.	10	0	10	
6	Lập kế hoạch chăm sóc trẻ tiêu chảy cấp 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị tiêu chảy cấp. 2. Xây dựng 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho bệnh nhi cụ thể. 3. Thực hành chăm sóc trẻ bị tiêu chảy cấp. 4. Đánh giá quy trình chăm sóc.	10	0	10	

7	Lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị NKHHCT. 2. Xây dựng 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho bệnh nhi cụ thể. 3. Thực hành chăm sóc trẻ bị NKHHCT. 4. Đánh giá quy trình chăm sóc	10	0	10	
8	Lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị hội chứng thận hư 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị hội chứng thận hư. 2. Xây dựng 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho bệnh nhi cụ thể. 3. Thực hành chăm sóc trẻ bị hội chứng thận hư. 4. Đánh giá quy trình chăm sóc.	10	0	10	
9	Lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị thiếu máu 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị thiếu máu. 2. Xây dựng 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho bệnh nhi cụ thể. 3. Thực hành chăm sóc trẻ bị thiếu máu. 4. Đánh giá quy trình chăm sóc.	10	0	10	
10	Lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị co giật 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị co giật. 2. Xây dựng 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho bệnh nhi cụ thể. 3. Thực hành chăm sóc trẻ bị co giật. 4. Đánh giá quy trình chăm sóc.	10	0	10	
11	Lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị tay chân miệng 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị bệnh tay chân miệng. 2. Xây dựng 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho bệnh nhi cụ thể. 3. Thực hành chăm sóc trẻ bị bệnh tay chân miệng. 4. Đánh giá quy trình chăm sóc.	10	0	10	
12	Tư vấn giáo dục sức khỏe phòng các bệnh thường gặp ở trẻ em 1. Hướng dẫn lập kế hoạch tư vấn giáo dục sức khỏe một số bệnh thường gặp ở trẻ em.	10	0	10	

	2. Thực hành tư vấn giáo dục sức khỏe một số bệnh thường gặp ở trẻ em.				
13	Tư vấn giáo dục sức khỏe phòng một số cấp cứu thường gặp trong nhi khoa 1. Hướng dẫn lập kế hoạch tư vấn phòng một số cấp cứu ở trẻ em. 2. Hướng dẫn thực hiện các bước sơ cứu một số cấp cứu thường gặp. 3. Thực hành các bước sơ cứu một số cấp cứu thường gặp.	10	0	10	
14	Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em (IMCI) 1. Hướng dẫn nhận định, lựa chọn phác đồ xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em. 2. Thực hiện chăm sóc và xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em theo đúng phác đồ.	10	0	10	
15	Kiểm tra				2
Tổng		**137**		**135**	**2**

CHỈ TIÊU LÂM SÀNG

STT	Nội Dung	Tự làm	Phụ làm	Kiến tập	Tự học
1	Thái độ giao tiếp đúng với NB, người nhà và nhân viên y tế				
2	Áp dụng các nguyên tắc KSNK trong chăm sóc và quản lý bệnh nhi an toàn.				
3	Tiếp nhận và ghi hồ sơ bệnh nhi đến khám và vào khoa điều trị	5	10	5	
4	Vận chuyển bệnh nhi	10	5		
5	Nhận định và lập quy trình chăm sóc một số bệnh thường gặp (tiêu chảy, viêm phổi, suy dinh dưỡng…)	4	2		
6	Đo DHST	5	5		
7	Thực hiện quy trình kỹ thuật tiêm bắp	2	5	5	
8	Thực hiện quy trình kỹ thuật tiêm tĩnh mạch	2	5	5	
9	Thực hiện quy trình kỹ thuật truyền dịch	2	5	5	
10	Thực hiện quy trình lấy bệnh phẩm xét nghiệm	2	5	5	
11	Thực hiện quy trình thở oxy	2	2	2	
12	Thực hiện quy trình kỹ thuật thở khí dung	5	5	5	
13	Thực hiện quy trình pha Oserol	5	5	5	
14	Thực hiện quy trình cho trẻ uống ORS	5	5	5	

15	Thực hiện quy trình cho trẻ uống thuốc	5	5	5	
16	Thực hiện chăm sóc trẻ sốt	5	5	5	
17	Tư vấn dinh dưỡng, nuôi con bằng sữa mẹ	3	2		
18	Giáo dục sức khỏe cho gia đình về cách chăm sóc một số bệnh thường gặp ở trẻ	2	2		
19	Đánh giá tiêm chủng cho trẻ dưới 1 tuổi	2	2		

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Quy trình điều dưỡng nhi khoa Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày các bước lập 1 quy trình điều dưỡng nhi khoa.
- Vận dụng được kiến thức đã học để lập một quy trình điều dưỡng hoàn chỉnh cho bệnh nhi cụ thể trên lâm sàng.

2. Nội dung:

2.1. Nhận định bệnh nhi

2.2. Chẩn đoán điều dưỡng

2.3. Lập kế hoạch chăm sóc.

2.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.5. Đánh giá

Bài 2: Nhận định đặc điểm sinh lý, bệnh lý của trẻ em qua các thời kỳ. TG: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Nhắc lại đặc điểm sinh lý, bệnh lý của trẻ em qua các thời kỳ.

2. Nội dung

2.1. Nhận định đặc điểm sinh lý, bệnh lý của trẻ em ở các thời kỳ.

2.2. So sánh đặc điểm sinh lý, bệnh lý của bệnh nhi trên lâm sàng với lý thuyết.

Bài 3: Đánh giá tiêm chủng ở trẻ em Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Nhắc lại đúng lịch tiêm chủng của trẻ em theo chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia.

2. Nội dung

2.1. Liệt kê lịch tiêm chủng của trẻ em theo chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia..

2.2. Đánh giá tình hình tiêm chủng thực tế của bệnh nhi.

Bài 4: Tư vấn nuôi dưỡng trẻ em Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Nhắc lại được kiến thức cơ bản của nuôi con bằng sữa mẹ, ăn bổ sung, ăn nhân tạo.
- Nhớ được quy trình tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ, ăn bổ sung, ăn nhân tạo

2. Nội dung

2.1. Nhận định tình trạng nuôi dưỡng trẻ của bà mẹ.

2.2. Hướng dẫn lập kế hoạch tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ

2.3. Hướng dẫn lập kế hoạch tư vấn cho trẻ ăn bổ sung.

2.4. Hướng dẫn lập kế hoạch tư vấn cho trẻ ăn nhân tạo.

2.5. Thực hành tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ, ăn bổ sung và ăn nhân tạo.

Bài 5: Lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị suy dinh dưỡng. Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Nhắc lại cách phân loại, triệu chứng và cách chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng.
- Áp dụng được những kiến thức đã học trong chăm sóc trẻ bị suy dinh dưỡng.

2. Nội dung

2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng.

2.2. Xây dựng 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho bệnh nhi cụ thể.

2.3. Thực hành chăm sóc trẻ bị suy dinh dưỡng.

2.4. Đánh giá quy trình chăm sóc.

Bài 6: Lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị tiêu chảy cấp. Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhắc lại được những kiến thức cơ bản khi chăm sóc trẻ bị tiêu chảy cấp.
- Áp dụng được những kiến thức đã học trong chăm sóc trẻ bị tiêu chảy cấp.

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị tiêu chảy cấp.

2.2. Xây dựng 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho bệnh nhi cụ thể.

2.3. Thực hành chăm sóc trẻ bị tiêu chảy cấp.

2.4. Đánh giá quy trình chăm sóc.

Bài 7: Lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị NKHHCT. Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhắc lại cách phân loại và xử trí trẻ bị NKHHCT dưới 2 tháng tuổi và từ 2 tháng đến 5 tuổi.
- Áp dụng được những kiến thức đã học trong chăm sóc trẻ bị NKHHCT.

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị NKHHCT.

2.2. Xây dựng 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho bệnh nhi cụ thể.

2.3. Thực hành chăm sóc trẻ bị NKHHCT.

2.4. Đánh giá quy trình chăm sóc.

Bài 8: Lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị hội chứng thận hư. Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhắc lại được dấu hiệu lâm sàng, cận lâm sàng, tiến triển và biến chứng của hội chứng thận hư.
- Áp dụng được những kiến thức đã học trong chăm sóc trẻ bị hội chứng thận hư.

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị hội chứng thận hư.

2.2. Xây dựng 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho bệnh nhi cụ thể.
2.3. Thực hành chăm sóc trẻ bị hội chứng thận hư.
2.4. Đánh giá quy trình chăm sóc.

Bài 9: Lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị thiếu máu. Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:
- Nhắc lại được những kiến thức cơ bản về bệnh thiếu máu ở trẻ em.
- Vận dụng được các biện pháp chăm sóc và theo dõi bệnh thiếu máu ở trẻ em.

2. Nội dung:
2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị thiếu máu.
2.2. Xây dựng 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho bệnh nhi cụ thể.
2.3. Thực hành chăm sóc trẻ bị thiếu máu.
2.4. Đánh giá quy trình chăm sóc.

Bài 10: Lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị co giật. Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:
- Nhắc lại được các nguyên nhân gây và các bước xử trí một trẻ bị co giật
- Vận dụng được các biện pháp chăm sóc và theo dõi trẻ bị co giật trên lâm sàng.

2. Nội dung:
2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị co giật.
2.2. Xây dựng 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho bệnh nhi cụ thể.
2.3. Thực hành chăm sóc trẻ bị co giật.
2.4. Đánh giá quy trình chăm sóc.

Bài 11: Lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị tay chân miệng. Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:
- Nhắc lại được những kiến thức cơ bản về bệnh tay chân miệng ở trẻ em.
- Vận dụng được các biện pháp chăm sóc và theo dõi bệnh tay chân miệng ở trẻ em.

2. Nội dung:
2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị bệnh tay chân miệng.
2.2. Xây dựng 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho bệnh nhi cụ thể.
2.3. Thực hành chăm sóc trẻ bị bệnh tay chân miệng.
2.4. Đánh giá quy trình chăm sóc.

Bài 12: Tư vấn giáo dục sức khỏe cho thân nhân bệnh nhi. Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:
- Nhớ được quy trình tư vấn giáo dục sức khỏe.
- Nhớ được các biện pháp phòng bệnh một số bệnh thường gặp ở trẻ em.

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn lập kế hoạch tư vấn giáo dục sức khỏe một số bệnh thường gặp ở trẻ em.
2.2. Thực hành tư vấn giáo dục sức khỏe một số bệnh thường gặp ở trẻ em.

Bài 13: Tư vấn phòng một số cấp cứu trong nhi khoa. Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:
- Nhớ được các bước sơ cứu một số cấp cứu thường gặp: suy hô hấp, sặc sữa, dị vật đường thở…
- Thực hiện nhanh và chính xác các bước sơ cứu cho trẻ em trên lâm sàng và cộng đồng.

2. Nội dung:
2.1. Hướng dẫn lập kế hoạch tư vấn phòng một số cấp cứu ở trẻ em.
2.1. Hướng dẫn thực hiện các bước sơ cứu một số cấp cứu thường gặp.
2.2. Thực hành các bước sơ cứu một số cấp cứu thường gặp.

Bài 14: Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em. Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:
- Nhắc lại được phác đồ xử trí các bệnh thường gặp ở trẻ em.

2. Nội dung:
2.1. Hướng dẫn nhận định, lựa chọn phác đồ xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em.
2.2. Thực hiện chăm sóc và xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em theo đúng phác đồ.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn:
- Nơi thực tập: Sinh viên được thực tập ở khoa nhi của bệnh viện với đầy đủ dụng cụ cần thiết của khoa phòng cho sinh viên thực tập, có phòng giao ban cho sinh viên hàng ngày, phòng cho sinh viên để dụng cụ khi đi thực tập và đi trực.

2. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu, băng đĩa, video, tranh ảnh, dụng cụ y tế để thực tập ….

3. Học liệu:
- Hồ sơ lên lớp của giảng viên: Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ kế hoạch dạy học, giáo trình giảng dạy, sổ tay lên lớp trước mỗi buổi học.
- Lập kế hoạch thực tập và chỉ tiêu thực tập cụ thể cho sinh viên trước khi đi thực tập bệnh viên.

4. Các điều kiện khác:
- Tiêu chí giảng viên: yêu cầu giảng viên giảng dạy lý thuyết và hướng dẫn lâm sàng phải có trình độ chuyên môn từ cử nhân điều dưỡng trở lên.
- Sinh viên phải học xong các môn học tiên quyết, có thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân trước khi đi thực tập.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức:

+ Trình bày được các bước của quy trình điều dưỡng nhi khoa.

+ Vận dụng những đặc điểm sinh lý, bệnh lý của các thời kỳ vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và phòng bệnh cho trẻ em.

- Về kỹ năng:

+ Áp dụng được những kiến thức để nhận biết những ảnh hưởng của bệnh lý cấp tính và mạn tính đến trẻ qua các thời kỳ phát triển.

+Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc một số bệnh thường gặp ở trẻ em.

+ Thực hiện các quy trình kỹ thuật hiệu quả, an toàn trong chăm sóc bệnh nhi.

+ Sử dụng tốt các trang thiết bị máy móc để chăm sóc, cấp cứu trẻ em.

+ Vận dụng được các kiến thức của môn học vào công tác tư vấn, giáo dục phòng ngừa cho bệnh nhi và gia đình của bệnh nhi.

+ Đánh giá được kết quả sau chăm sóc bệnh nhi.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng làm việc độc lập khi chăm sóc cho bệnh nhi.

+ Có tinh thần trách nhiệm cao khi đưa ra các quyết định chăm sóc cho bệnh nhi.

2. Phương pháp đánh giá:

2.1. Điểm quá trình:

- 1 cột điểm kiểm tra thường xuyên và 2 cột điểm kiểm tra định kỳ.
- Hình thức: Thực hiện quy trình kỹ thuật; lập quy trình chăm sóc; vấn đáp; tình huống lâm sàng….
- Thời gian: Do giảng viên hướng dẫn thực tập quyết định.
- Điểm quá trình là trung bình cộng của các cột điểm trên.

2.2. Điểm thi kết thúc mô đun:

- Hình thức thi: Thực hiện quy trình kỹ thuật; quy trình chăm sóc trên người bệnh; vấn đáp; tình huống lâm sàng….
- Thời gian: Do giảng viên hướng dẫn thực tập quy định.

2.3. Điểm mô đun:

- Điểm môn học, mô-đun: Bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;
- Thang điểm: Điểm môn học, mô đun theo thang điểm 4, quy đổi điểm môn học, mô đun thành điểm chữ và thang điểm 4 theo Điều 31 thông tư 04/2022/TT – BLĐTBXH.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sinh viên năm thứ hai.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giảng viên:

+ Hướng dẫn và cầm tay chỉ việc giúp sinh viên tự tin thực hiện tốt những quy trình kỹ thuật, thủ thuật trên bệnh nhi một cách độc lập cũng như phối hợp với các nhân viên y tế.

+ Hướng dẫn sinh viên lập và thực hiện được quy trình chăm sóc một số bệnh thường gặp và cách sơ cứu một số cấp cứu trong nhi khoa.

- Đối với sinh viên:

+ Tham gia thực tập lâm sàng đầy đủ tại bệnh viện, thực hiện theo sự phân công của khoa phòng.

+ Lập quy trình chăm sóc và thực hành các kỹ thuật điều dưỡng dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Quy trình điều dưỡng nhi khoa.
- Nhận định được tình trạng người bệnh
- Đưa ra được chẩn đoán điều dưỡng và có kế hoạch chăm sóc phù hợp
- Những kỹ thuật cấp cứu và chăm sóc trong nhi khoa.

4. Tài liệu tham khảo

- Bộ Y tế (2015), *Điều dưỡng nhi khoa*, Nhà xuất bản Y học.
- Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (2015), *Bài giảng điều dưỡng Nhi khoa*.
- Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh (2012), *Bài giảng Nhi khoa,* NXB Y học.
- Đại học Y dược Hà Nội (2012), *Bài giảng Nhi khoa,* NXB Y học.
- Nguyễn Công Khanh và Lê Nam Trà (2012), *Thực hành cấp cứu Nhi khoa,* NXB Y học.
- Bộ Y Tế (2012), *Cẩm nang chẩn đoán và điều trị bệnh tay chân miệng*.
- WHO (2015), *Chương trình lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh (IMCI)*.
- BV Nhi đồng I (2013), *Phác đồ điều trị BV Nhi đồng I* – TP Hồ Chí Minh.

Tên mô đun: THỰC TẬP CHĂM SÓC SỨC KHỎE PHỤ NỮ, BÀ MẸ VÀ GIA ĐÌNH

Mã mô đun: MĐ 25

Thời gian thực hiện mô đun: 137 giờ (Thực tập bệnh viện: 135 giờ; kiểm tra 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Đào tạo cho sinh viên năm thứ hai, sau khi học xong các môn học chung, các môn cơ sở ngành, lý thuyết chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa, ngoại khoa, nhi khoa, phụ nữ bà mẹ và gia đình.

- Tính chất: là môn học giúp sinh viên củng cố những kiến thức đã học tại trường và có đầy đủ kỹ năng thực hành lâm sàng cần thiết về chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình.

II. Mục tiêu mô đun:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được đặc điểm của sức khỏe sinh sản giai đoạn mang thai, trong và sau đẻ.

+ Trình bày được kỹ năng chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với người phụ nữ; một số tình trạng rối loạn về thể chất, chức năng sinh sản; một số bệnh thường gặp của bộ phận sinh dục: cách phát hiện, xử trí ban đầu và dự phòng.

- Về kỹ năng:

Tại bệnh viện:

+ Thực hiện những kỹ thuật chăm sóc sản phụ thông thường, đỡ đẻ thường, kiến tập một số kỹ thuật chăm sóc đặc biệt trong sản phụ khoa.

+ Thực hiện được việc ghi chép, sắp xếp hồ sơ, sổ sách, dụng cụ, thuốc men và tham gia các hoạt động tại khoa sản.

+ Nhận định triệu chứng lâm sàng một số bệnh sản phụ khoa thường gặp.

+ Phụ giúp được bác sĩ thực hiện các kỹ thuật trong khám và chữa bệnh.

+ Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe sản phụ.

+ Giao tiếp, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho sản phụ và gia đình của họ.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thận trọng, chính xác trong chẩn đoán, điều trị và và thực hiện kế hoạch chăm sóc; có trách nhiệm trước tính mạng của người bệnh.

III. Nội dung mô đun:

2. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Tổng số	Thời gian (giờ)	
			Thực tập	Kiểm tra
1	Chuẩn bị khám thai	10	10	1
2	Chuẩn bị khám phụ khoa	10	10	
3	Hướng dẫn sờ nắn thai nghe tim thai, đo BCTC,VB	10	10	
4	Theo dõi chuyển dạ	14	13	

5	Cách lập kế hoạch chăm sóc sản khoa	14	14	
6	Khám nhận sản phụ chuyển dạ	14	14	
7	Theo dõi, chăm sóc sản phụ đẻ thường	22	22	
8	Tắm trẻ sơ sinh	19	19	1
9	Chuẩn bị cho người bệnh mổ lấy thai	22	22	
TỔNG SỐ		**137**	**135**	**2**

CHỈ TIÊU LÂM SÀNG

STT	Nội dung thực tập	Tự làm	Phụ làm	Kiến tập
1	Tiếp nhận sản phụ đến khám và vào đẻ, điều trị ở khoa sản	5	5	2
2	Nghe tim thai, đo chiều cao tử cung, vòng bụng	5	5	2
3	Nhận định tình trạng của sản phụ chuyển dạ đẻ	5	5	2
4	Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sản phụ và trẻ sơ sinh	2	1	1
5	Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc bệnh phụ khoa thông thường	5	2	1
6	Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh mổ đẻ, mổ phụ khoa	2	2	1
7	Theo dõi chuyển dạ	2	2	1
8	Đỡ đẻ thường	3	2	1
9	Vệ sinh cho sản phụ trước đẻ	3	2	1
10	Vệ sinh cho sản phụ sau đẻ	3	2	1
11	Theo dõi mạch, nhiệt độ, huyết áp cho sản phụ	3	2	1
12	Tiêm, truyền cho sản phụ	1	1	1
13	Lấy nước tiểu, lấy máu xét nghiệm	3	2	2
14	Chăm sóc sản phụ ngay sau đẻ	3	2	1
15	Nhận định thai nhi đủ tháng, thiếu tháng	1	2	3
16	Tắm bé sơ sinh và chăm sóc rốn	3	1	1
17	Chăm sóc trẻ đẻ thiếu tháng trong lồng ấp		1	1
18	Phụ giúp Bác sĩ khám bệnh phụ khoa	1	1	1

STT	Nội dung thực tập	Tự làm	Phụ làm	Kiến tập
19	Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc sản phụ khoa	2	1	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Chuẩn bị khám thai Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Nắm được những công việc cần làm khi tiếp đón người bệnh vào phòng khám thai
- Biết chuẩn bị dụng cụ để khám thai
- Biết cách ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc thai kỳ

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn những công việc cần làm khi tiếp đón thai phụ vào khám thai

2.2. Hướng dẫn chuẩn bị dụng cụ khám thai

2.2. Hướng dẫn cách ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc thai kỳ

Bài 2: Chuẩn bị khám phụ khoa Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Nắm được những công việc cần làm khi tiếp đón người bệnh vào phòng khám phụ khoa
- Biết chuẩn bị dụng cụ để phụ khoa
- Biết cách ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn những công việc cần làm khi tiếp đón người bệnh vào phụ khoa

2.2. Hướng dẫn chuẩn bị dụng cụ phụ khoa

2.2. Hướng dẫn cách ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu

Bài 3: Hướng dẫn sờ nắn thai nghe tim thai, đo BCTC,VB Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hành thuần thục các kỹ thuật sờ nắn thai nghe tim thai, đo BCTC,VB
- Nghiêm túc, cẩn thận khi thực hiện các kỹ thuật.

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn kỹ thuật sờ nắn thai

2.2. Hướng dẫn kỹ thuật nghe tim thai,đánh giá tim thai

2.3. Hướng dẫn kỹ thuật đo BCTC,VB

Bài 4: Theo dõi chuyển dạ Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu:

- Vận dụng những kiến thức đã học nhận định những vấn đề cần theo dõi cho 1 cuộc chuyển dạ
- Nghiêm túc, cẩn thận khi thực hiện theo dõi chuyển dạ

2.Nội dung:

2.1. Hướng dẫn những vấn đề cần theo dõi cho 1 cuộc chuyển dạ

2.2. Hướng dẫn phát hiện những bất thường khi theo dõi chuyển dạ

Bài 5: Lập kế hoạch chăm sóc sản khoa **Thời gian: 14 giờ**

1. Mục tiêu:

- Áp dụng được những kiến thức đã học trong chăm sóc người bệnh sản khoa

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc sản khoa

2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể

2.3. Thực hành chăm sóc sản khoa.

Bài 6: Khám nhận sản phụ chuyển dạ **Thời gian: 14 giờ**

1. Mục tiêu:

- Vận dụng những kiến thức đã học nhận định 1 cuộc chuyển dạ
- Nghiêm túc, cẩn thận khi thực hiện theo dõi chuyển dạ

2.Nội dung:

2.1. Hướng dẫn những công việc cần làm khi tiếp đón thai phụ vào khám chuyển dạ

2.2. Hướng dẫn chuẩn bị dụng cụ khám chuyển dạ và nhận định

2.2. Hướng dẫn cách ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu theo dõi chuyển dạ

Bài 7: Theo dõi, chăm sóc sản phụ đẻ thường **Thời gian: 22 giờ**

1. Mục tiêu:

- Vận dụng những kiến thức đã học nhận định những vấn đề cần theo dõi, chăm sóc cho sản phụ đẻ thường
- Nghiêm túc, cẩn thận khi thực hiện theo dõi, chăm sóc cho sản phụ đẻ thường

2.Nội dung:

2.1. Hướng dẫn những vấn đề cần theo dõi, chăm sóc cho sản phụ đẻ thường

2.2. Hướng dẫn phát hiện những bất thường khi theo dõi, chăm sóc cho sản phụ đẻ thường

Bài 8: Tắm trẻ sơ sinh **Thời gian: 19 giờ**

1. Mục tiêu:

- Thực hành thuần thục các kỹ thuật tắm trẻ sơ sinh
- Nghiêm túc, cẩn thận khi thực hiện các kỹ thuật.

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn kỹ thuật tắm trẻ sơ sinh

2.2. Những vấn đề cần lưu ý khi tắm cho trẻ sơ sinh

Bài 9: Chuẩn bị cho người bệnh mổ lấy thai **Thời gian: 22 giờ**

1. Mục tiêu:

- Nắm được những công việc cần làm để chuẩn bị cho người bệnh mổ lấy thai
- Thực hiện các thủ thuật cho người bệnh mổ lấy thai
- Biết cách ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn những công việc cần làm để chuẩn bị cho người bệnh mổ lấy thai

2.2. Hướng dẫn thực hiện các thủ thuật cho người bệnh mổ lấy thai

2.2. Hướng dẫn cách ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn: Nơi thực tập: Sinh viên được thực tập ở khoa sản của bệnh viện với đầy đủ dụng cụ cần thiết của khoa phòng cho sinh viên thực tập, có phòng giao ban cho sinh viên hàng ngày, phòng cho sinh viên để dụng cụ khi đi thực tập và đi trực.

2. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu, băng đĩa, video, tranh ảnh, dụng cụ y tế để thực tập ….

3. Học liệu:

- Hồ sơ lên lớp của giảng viên: Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ kế hoạch dạy học, giáo trình giảng dạy, sổ tay lên lớp trước mỗi buổi học.
- Lập kế hoạch thực tập và chỉ tiêu thực tập cụ thể cho sinh viên trước khi đi thực tập bệnh viên.

4. Các điều kiện khác:

- Tiêu chí giảng viên: yêu cầu giảng viên giảng dạy lý thuyết và hướng dẫn lâm sàng phải có trình độ chuyên môn từ cử nhân điều dưỡng phụ sản trở lên.
- Sinh viên phải học xong các môn học tiên quyết, có thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân trước khi đi thực tập.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:
  + Mô tả được các bước của quy trình điều dưỡng sản khoa.
  + Vận dụng được những kiến thức đã học trong chăm sóc sức khỏe phụ nữ và bà mẹ và gia đình
- Về kỹ năng:
  + Nhận định được các triệu chứng và các vấn đề cần chăm sóc trên mỗi người bệnh.
  + Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc một số bệnh sản phụ khoa thường gặp.
  + Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc người bệnh sản phụ khoa thường gặp.
  + Tư vấn, hướng dẫn người bệnh cách tự chăm sóc, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  + Có khả năng làm việc độc lập khi chăm sóc cho người bệnh
  + Tinh thần trách nhiệm cao khi đưa ra các hành động chăm sóc người bệnh.

2. Phương pháp đánh giá:

2.1. Điểm quá trình:

- 1 cột điểm kiểm tra thường xuyên và 2 cột điểm kiểm tra định kỳ.
- Hình thức: Thực hiện quy trình kỹ thuật; lập quy trình chăm sóc; vấn đáp; tình huống lâm sàng….
- Thời gian: Do giảng viên hướng dẫn thực tập quyết định.
- Điểm quá trình là trung bình cộng của các cột điểm trên.

2.2. Điểm thi kết thúc mô đun:

- Hình thức thi: Thực hiện quy trình kỹ thuật; quy trình chăm sóc trên người bệnh; vấn đáp; tình huống lâm sàng….
- Thời gian: Do giảng viên hướng dẫn thực tập quy định.

2.3. Điểm mô đun:

- Điểm môn học, mô-đun: Bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;
- Thang điểm: Điểm môn học, mô đun theo thang điểm 4, quy đổi điểm môn học, mô đun thành điểm chữ và thang điểm 4 theo Điều 31 thông tư 04/2022/TT – BLĐTBXH.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Sinh viên năm thứ hai.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giảng viên:

+ Hướng dẫn và cầm tay chỉ việc giúp sinh viên tự tin thực hiện tốt những quy trình kỹ thuật, thủ thuật trên người bệnh một cách độc lập cũng như phối hợp với các nhân viên y tế.

+ Hướng dẫn sinh viên lập và thực hiện được quy trình chăm sóc một số bệnh sản phụ khoa thường gặp.

- Đối với sinh viên:

+ Tham gia thực tập lâm sàng đầy đủ tại bệnh viện, thực hiện theo sự phân công của khoa phòng.

+ Lập quy trình chăm sóc và thực hành các kỹ thuật điều dưỡng dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

+ Tham gia trực bệnh viện

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của từng bệnh
- Nhận định được tình trạng người bệnh
- Đưa ra được chẩn đoán điều dưỡng và có kế hoạch chăm sóc phù hợp

4. Tài liệu tham khảo

- Bộ Y tế (2007), *Điều dưỡng Sản - phụ khoa*, Nhà xuất bản Y học.
- Trường đại học Y Hà Nội(1995), *Bệnh học sản*, Nhà xuất bản Y học.
- Trường đại học Y Hà Nội(2000), *Bệnh học sản*, Nhà xuất bản Y học.
- Đại học Y -Dược TP HCM(1995),*Sản phụ khoa*, Nhà xuất bản Y học.
- Đại học Y -Dược TP HCM(2005),*Sản phụ khoa*, Nhà xuất bản Y học.
- Bộ Y tế (2009),*Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ Chăm sóc sức khỏe sinh sản*.
- Bộ Y tế (2001), *Hướng dẫn qui trình kỹ thuật bệnh viện*, Nhà xuất bản Y học.
- Ủy ban quốc gia dân số, gia đình và trẻ em (2002),*Chăm sóc sức khỏe sinh sản*, Tài liệu dùng cho cán bộ Y tế cơ sở.

Tên mô đun: THỰC TẬP CHĂM SÓC SỨC KHOẺ NGƯỜI BỆNH TRUYỀN NHIỄM

Mã mô đun: MĐ.26

Thời gian thực hiện môn học: 92 giờ (*Thực tập: 90, Kiểm tra: 2 giờ)*

I. Vị trí tính chất mô đun:

- Vị trí: Học kỳ một năm thứ ba. Sau khi đã học xong các mô đun Điều dưỡng cơ sở, Dịch tễ học và chăm sóc sức khoẻ người bệnh truền nhiễm, Chăm sóc sức khoẻ người lớn bệnh nội khoa.

- Tính chất mô đun: Mô đun này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bệnh truyền nhiễm, phân loại, cách phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm; nguyên nhân, cách thức lây truyền, triệu chứng và biến chứng, cách chăm sóc của một bệnh truyền nhiễm thường gặp. Chăm sóc người bệnh trong một số bệnh truyền nhiễm thường gặp (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh). Hình thành được thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc đối với công tác phòng chống dịch.

II. Mục tiêu của mô đun:

- Kiến thức:

+ Trình bày được đặc điểm của khoa truyền nhiễm.

+ Trình bày được các bước của quy trình chăm sóc người bệnh truyền nhiễm.

+ Trình bày được cách lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc một số bệnh truyền nhiễm thường gặp.

- Kỹ năng:

+ Nhận định được các triệu chứng và các vấn đề cần chăm sóc trên mỗi người bệnh.

+ Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc người bệnh truyền nhiễm.

+ Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh truyền nhiễm thường gặp ở người lớn.

+ Giáo dục, tư vấn, hướng dẫn người bệnh cách tự chăm sóc, giáo dục sức khoẻ cho người bệnh và gia đình họ.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nhanh nhẹn, khéo léo, cẩn thận, khi chăm sóc người bệnh

+ Chủ động phối hợp với đồng nghiệp, gia đình người bệnh trong chăm sóc người bệnh

+ Lắng nghe, tôn trọng người bệnh và có thái độ đúng với các phong tục, tập quán và các yếu tố văn hoá của cá nhân và cộng đồng trong công tác chăm sóc sức khỏe.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên chương, mục	Thời gian (Giờ)			
		Tổng số	LT	Thực tập bệnh viện	Kiểm tra
1	Đặc điểm của khoa truyền nhiễm 1. Đặc điểm khoa truyền nhiễm 2. Cách sắp xếp bệnh truyền nhiễm vào các phòng bệnh theo đường lây.	5		5	
2	Quy trình chăm sóc người bệnh truyền nhiễm 1. Nhận định người bệnh 2. Lập kế hoạch chăm sóc. 3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc 4. Đánh giá	5		5	
3	Hướng dẫn phác đồ chống sốc 1. Thuốc chống sốc 2. Cách xử trí cụ thể.	5		5	
4	Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh sởi 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh. 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể. 3. Thực hành chăm sóc người bệnh.	5		5	2
5	Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tiêu chảy nhiễm trùng 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tiêu chảy. 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể bệnh tiêu chảy. 3. Thực hành chăm sóc người bệ bệnh tiêu chảy.	5		5	

6	Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh lỵ trực khuẩn 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh. 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể bện. 3. Thực hành chăm sóc người bệnh.	5		5	
7	Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh cúm 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh cúm.. 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể bệnh cúm.3. Thực hành chăm sóc người bệnh cúm.	5		5	
8	Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh quai bị 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh. 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể bện. 3. Thực hành chăm sóc người bệnh.	5		5	
9	Lập kế hoạch chăm sóc người người bệnh sởi 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh. 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể bệnh. 3. Thực hành chăm sóc người bệnh.	5		5	
10	Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh thuỷ đậu 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh. 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể. 3. Thực hành chăm sóc người bệnh.	5		5	

11	Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh sốt xuất huyết Dengue 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh. 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể. 3. Thực hành chăm sóc người bệnh.	9		9	
12	Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm não – màng não 11. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh. 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể. 3. Thực hành chăm sóc người bệnh.	5		5	
13	Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm gan do virus 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh. 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể. 3. Thực hành chăm sóc người bệnh.	5		5	
14	Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh sốt rét 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh. 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể. 3. Thực hành chăm sóc người bệnh.	6		6	

15	Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh uốn ván 1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh. 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể. 3. Thực hành chăm sóc người bệnh.	5		5	
16	Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh nhiễm HIV/AIDS 11. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh. 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể. 3. Thực hành chăm sóc người bệnh.	5		5	
17	Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh dại 11. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh. 2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể. 3. Thực hành chăm sóc người bệnh.	5		5	
Cộng		**92**	**0**	**90**	**2**

CHỈ TIÊU LÂM SÀNG

TT	NỘI DUNG	Tự làm	Phụ làm	Kiến tập
1	Thái độ giao tiếp đúng với NB, người nhà và nhân viên y tế (chuẩn năng lực đạo đức)			
2	Áp dụng các nguyên tắc KSNK trong chăm sóc và quản lý người bệnh.			
3	Tiếp nhận và ghi hồ sơ người bệnh đến cấp cứu	2	2	5
4	Vận chuyển người bệnh		5	
5	Nhận định và lập quy trình chăm sóc một số bệnh cấp cứu thường gặp (1SV lập 1 QTCS)	1	2	

6	Đo DHST	5	5	
7	Thực hiện quy trình kỹ thuật tiêm bắp	2	2	2
8	Thực hiện quy trình kỹ thuật tiêm tĩnh mạch	2	2	2
9	Thực hiện quy trình kỹ thuật truyền dịch	2	2	2
10	Thực hiện quy trình lấy bệnh phẩm xét nghiệm	1	2	2
11	Thực hiện quy trình thở oxy	2	2	2
12	Thực hiện quy trình kỹ thuật rửa dạ dày	1	2	2
13	Thực hiện quy trình kỹ thuật thông tiểu	2	2	2
14	Thực hiện quy trình cho ăn qua ống thông	2	2	2
15	Thực hiện quy trình kỹ thuật hút đờm dãi	2	2	2
16	Tư vấn dinh dưỡng cho người bệnh và gia đình	2	2	
17	Giáo dục sức khỏe cho gia đình về cách chăm sóc một số bệnh thường gặp	2	2	

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Đặc điểm khoa truyền nhiễm Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm khoa truyền nhiễm.

- Sắp xếp được người bệnh truyền nhiễm vào các phòng điều trị theo đường lây.

2. Nội dung:

2.1. Đặc điểm khoa truyền nhiễm

2.2. Cách sắp xếp bệnh truyền nhiễm vào các phòng bệnh theo đường lây.

Bài 2: Quy trình điều dưỡng Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày các bước lập 1 quy trình điều dưỡng.

- Vận dụng được kiến thức đã học để lập một quy trình điều dưỡng hoàn chỉnh cho người bệnh cụ thể trên lâm sàng.

2. Nội dung:

2.1. Nhận định người bệnh

2.2. Lập kế hoạch chăm sóc.

2.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.4. Đánh giá

Bài 3: Phác đồ chống sốc **Thời gian: 5 giờ**

1. Mục tiêu

- Trình bày được phác đồ chống sốc cho người bệnh.

2. Nội dung:

2.1. Thuốc chống sốc

2.2. Cách xử trí cụ thể.

Bài 4: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh thương hàn **Thời gian: 5 giờ**

1. Mục tiêu

- Nhắc lại được triệu chứng của bệnh thương hàn.

-.Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh thương hàn..

2. Nội dung

2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh thương hàn.

2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể bệnh thương hàn.

2.3. Thực hành chăm sóc người bệnh thương hàn.

Bài 5: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tiêu chảy **Thời gian: 5 giờ**

1. Mục tiêu

- Nhắc lại được triệu chứng của bệnh tiêu chảy.

-.Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tiêu chảy.

2. Nội dung

2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tiêu chảy.

2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể bệnh tiêu chảy.

2.3. Thực hành chăm sóc người bệ bệnh tiêu chảy.

Bài 6: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh lỵ trực khuẩn **Thời gian: 5 giờ**

1. Mục tiêu

- Nhắc lại được triệu chứng của bệnh lỵ trực khuẩn.

-.Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh lỵ trực khuẩn. .

2. Nội dung

2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh lỵ trực khuẩn..

2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể bệnh lỵ trực khuẩn.

2.3. Thực hành chăm sóc người bệnh lỵ trực khuẩn.

Bài 7: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh cúm Thời gian: 5 giờ

11. Mục tiêu

- Nhắc lại được triệu chứng của bệnh cúm.

-.Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh cúm.

2. Nội dung

2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh cúm..

2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể bệnh cúm.

2.3. Thực hành chăm sóc người bệnh cúm.

Bài 8: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh quai bị Thời gian: 5 giờ

11. Mục tiêu

- Nhắc lại được triệu chứng của bệnh quai bị.

-.Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh quai bị.

2. Nội dung

2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh quai bị.

2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể bệnh quai bị.

2.3. Thực hành chăm sóc người bệnh quai bị.

Bài 9: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh quai sởi Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Nhắc lại được triệu chứng của người bệnh quai sởi. .

-.Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh quai sởi. .

2. Nội dung

2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh quai sởi. .

2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể bệnh quai sởi.

2.3. Thực hành chăm sóc người bệnh quai sởi.

Bài 10: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh thuỷ đậu Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Nhắc lại được triệu chứng của bệnh thuỷ đậu .

-.Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh thuỷ đậu .

2. Nội dung

2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh thuỷ đậu.

2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể bệnh thuỷ đậu.

2.3. Thực hành chăm sóc người bệnh thuỷ đậu.

Bài 11: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh sốt xuất huyết Dengue Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

- Nhắc lại được triệu chứng của .

-.Lập kế hoạch chăm sóc người .

2. Nội dung

2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh.

2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể

2.3. Thực hành chăm sóc người bệnh

Bài 12: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm não – màng não Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Nhắc lại được triệu chứng của bệnh viêm não – màng não.

-.Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm não – màng não.

2. Nội dung

2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm não – màng não.

2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể bệnh viêm não – màng não.

2.3. Thực hành chăm sóc người bệnh viêm não – màng não.

Bài 13: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm gan do vi rút Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Nhắc lại được triệu chứng của bệnh viêm gan do vi rút.

-.Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm gan do vi rút.

2. Nội dung

2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh gan do vi rút.

2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể bệnh viêm gan do vi rút.

2.3. Thực hành chăm sóc người bệnh gan do vi rút

Bài 14: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh uốn ván Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Nhắc lại được triệu chứng của bệnh uốn ván .

-.Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh uốn ván .

2. Nội dung

2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh uốn ván.

2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể bệnh uốn ván

2.3. Thực hành chăm sóc người bệnh uốn ván

Bài 15: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh sốt rét Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Nhắc lại được triệu chứng của bệnh sốt rét .

-.Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh sốt rét.

2. Nội dung

2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh sốt rét..

2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể bệnh sốt rét .

2.3. Thực hành chăm sóc người bệnh

Bài 6: Lập kế hoạch chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Nhắc lại được triệu chứng của nhiễm HIV/AIDS.

-.Lập kế hoạch chăm sóc người HIV/AIDS.

2. Nội dung

2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh HIV/AIDS.

2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể nhiễm HIV/AIDS

2.3. Thực hành chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS

Bài 15: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh dại Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Nhắc lại được triệu chứng của bệnh dại

- Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh dại.

2. Nội dung

2.1. Hướng dẫn nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh dại

2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể bệnh sốt dại.

2.3. Thực hành chăm sóc người bệnh

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn:

- Sinh viên được thực tập ở khoa nhiễm với đầy đủ dụng cụ cần thiết của khoa phòng cho sinh.

Sinh viên thực tập, có một phòng giao ban cho sinh viên hàng ngày, một phòng cho sinh viên để dụng cụ khi đi thực tập và đi trực.

2. Trang thiết bị máy móc: máy tính, video, tranh ảnh, dụng cụ y tế để thực tập ….

3. Học liệu:

- Hồ sơ lên lớp của giảng viên: Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ kế hoạch dạy học, giáo trình giảng dạy, sổ tay lên lớp trước mỗi buổi học.
- Lập kế hoạch thực tập và chỉ tiêu thực tập cụ thể cho sinh viên trước khi đi thực tập bệnh viên.

4. Các điều kiện khác:

- Tiêu chí giảng viên: yêu cầu giảng viên hướng dẫn lâm sàng phải có trình độ chuyên môn từ Cử nhân điều dưỡng trở lên.
- Giảng viên thỉnh giảng: Điều dưỡng trưởng khoa, điều dưỡng viên đang công tác các tại bệnh viện.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Trình bày được đặc điểm của khoa truyền nhiễm.

+ Trình bày được các bước của quy trình chăm sóc người bệnh truyền nhiễm.

+ Trình bày được cách lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc một số bệnh truyền nhiễm thường gặp.

- Về kỹ năng:

+ Mô tả được các bước của quy trình truyền nhiễm

+ Nhận định được các triệu chứng cơ bản cần chăm sóc trên người bệnh.

+ Đưa ra được các chẩn đoán điều dưỡng sau khi nhận định

+ Lập và thực hiện được các kế hoạch chăm sóc trên người bệnh

+ Đánh giá được kết quả công việc sau chăm sóc người bệnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng làm việc độc lập khi chăm sóc cho người bệnh

+ Tinh thần trách nhiệm cao khi đưa ra các hành động chăm sóc người bệnh.

+ Tinh thần trách nhiệm cao phòng nhiễm khuẩn chéo trong khoa truyền nhiễm.

2. Phương pháp đánh giá:

2.1. Điểm quá trình:

+ Gồm 01 cột điểm thường xuyên, 02 cột điểm định kỳ.

+ Điểm này do giảng viên hướng dẫn thực hành quyết định.

2.2. Điểm thi kết thúc mô đun:

+ Thực hành tại bệnh viện: thực hiện quy trình kỹ thuật chăm sóc trên người bệnh; vấn đáp quy trình điều dưỡng trả lời câu hỏi của giảng viên.

+ Thời gian: do giảng viên hướng dẫn quy định.

2.3. Điểm mô đun:

- Điểm mô-đun: Bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc mô-đun có trọng số 0,6;

- Thang điểm: Điểm mô đun theo thang điểm 4, quy đổi điểm mô đun thành điểm chữ và thang điểm 4 theo Điều 31 thông tư 04/2022/TT – BLĐTBXH.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Cho sinh viên năm thứ 3

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giảng viên: hướng dẫn và quan sát từng thao tác của sinh viên thực hiện trên người bệnh, cầm tay chỉ việc, thảo luận

- Đối với người học:

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực hành tại bệnh viện, thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của giảng viên**.**

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Quy trình điều dưỡng truyền nhiễm

- Giao tiếp với người bệnh và gia đình người bệnh, nhân viên y tế trong quá trình chăm sóc người bệnh.

- Nhận định được tình trạng người bệnh, dự phòng theo dõi

- Đưa ra được chẩn đoán điều dưỡng và có kế hoạch chăm sóc phù hợp

- Phòng nhiễm khuẩn chéo trong khoa truyền nhiễm.

4. Tài liệu tham khảo

- Bộ Y tế (2007), *Điều dưỡng cơ bản 1,2*, NXB Y học.

- Dịch tễ học, 2010, NXB Giáo dục Việt Nam, Nguyễn Minh Sơn

- Điều dưỡng truyền nhiễm,Thần kinh,Tâm thần, Nhà xuất bản Y học, 1999.

- GS.TS Bùi Đại, Bệnh học truyền nhiễm, Nhà xuất bản Y học, 1999.

- Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Bệnh học truyền nhiễm, Nhà xuất bản Y học, 1997.

- Bộ Y tế (2020), *Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới*, Tập 1,2, NXB Y học

- Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản dùng trong chăm sóc người bệnh, BVBM

Tên môn học: THỰC TẬP CSNB PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Mã môn học: MĐ.27

Thời gian thực hiện môn học: 92 giờ (*Thực tập bệnh viện: 90 giờ; kiểm tra: 02 giờ*)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Đào tạo cho sinh viên năm thứ ba, sau khi học xong các môn học chung, các môn cơ sở ngành, các môn học chuyên nghành và thực tập các môn học chuyên nghành, lý thuyết môn chăm sóc NB PHCN.
- Tính chất: Trang bị cho sinh viên các kiến thức nâng cao: Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực chuyên khoa YHCT - PHCN; Lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh chuyên khoa YHCT - PHCN.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng một số bệnh chuyên khoa YHCT - PHCN

- Về kỹ năng:

+ Nhận định được các triệu chứng, lập và thực hiện được kế hoạch các vấn đề cần chăm sóc trên mỗi người bệnh chuyên khoa YHCT - PHCN

+ Thực hiện được các kỹ thuật VLTL-PHCN người bệnh chuyên khoa YHCT - PHCN thường gặp.

+ Tư vấn, hướng dẫn người bệnh cách tự chăm sóc, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.

- Về thái độ:

+ Nhanh nhẹn, khéo léo, cẩn thận khi chăm sóc người bệnh

+ Tông trọng, lắng nghe và cảm thông với người bệnh và gia đình người bệnh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	Thực tập	KT
1	Bài 1: Tiếp nhận người bệnh vào khoa PHCN	8		8	1
2	Ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc bệnh chuyên khoa PHCN	8		8	
3	Vận hành các máy, sử dụng các dụng cụ trong khoa Y học cổ truyền - Vật lý trị liệu trong Phục hồi chức năng	17		**17**	
4	Lập kế hoạch Chăm sóc và Phục hồi chức năng trong Gãy xương	14		14	
5	Lập kế hoạch Chăm sóc và PHCN cho người bệnh Chấn thương sọ não	14		14	
7	Lập kế hoạch Chăm sóc và PHCN cho người bệnh chấn thương cột sống	14		14	

7	Lập kế hoạch Chăm sóc và PHCN cho người bệnh Tai biến mạch máu não.	14		14	
TỔNG SỐ		**92**	**0**	**90**	**2**

CHỈ TIÊU LÂM SÀNG

Số TT	Nội dung thực tập	Tự làm	Phụ làm	Kiến tập
1	Tiếp nhận người bệnh vào khoa YHCT – PHCN	3	3	1
2	Ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc bệnh chuyên khoa YHCT – PHCN	5	1	1
3	Vận hành các máy, sử dụng các dụng cụ trong khoa Y học cổ truyền - Vật lý trị liệu trong Phục hồi chức năng	5	3	3
4	Lập kế hoạch Chăm sóc và Phục hồi chức năng trong Gãy xương	1	1	1
5	Lập kế hoạch Chăm sóc và PHCN cho người bệnh Chấn thương sọ não	1	1	1
7	Lập kế hoạch Chăm sóc và PHCN cho người bệnh chấn thương cột sống	1	1	1
7	Lập kế hoạch Chăm sóc và PHCN cho người bệnh Tai biến mạch máu não.	1	1	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Tiếp nhận người bệnh vào khoa PHCN khám và điều trị

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- Nắm được những công việc cần làm khi tiếp đón người bệnh vào khoa YHCT – PHCN khám và điều trị
- Nhanh nhẹn, cảm thông với người bệnh trong quá trình tiếp nhận bệnh

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn những công việc cần làm khi tiếp đón người bệnh vào khoa YHCT – PHCN điều trị

Bài 2: Ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc bệnh chuyên khoa YHCT – PHCN Thời gian:8 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được công việc ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc bệnh chuyên khoa YHCT – PHCN
- Cẩn thận, chính xác khi ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc bệnh chuyên khoa YHCT – PHCN

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn cách ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc bệnh chuyên khoa YHCT – PHCN

Bài 3: Vận hành các máy, sử dụng các dụng cụ trong khoa Y học cổ truyền - Vật lý trị liệu trong Phục hồi chức năng Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày các bước lập 1 quy trình Vận hành các máy, sử dụng các dụng cụ trong khoa Y học cổ truyền - Vật lý trị liệu trong Phục hồi chức năng.
- Vận dụng được kiến thức đã học để lập một quy trình vận hành máy, sử dụng dụng cụ hoàn chỉnh cho người bệnh cụ thể trên lâm sàng.

2. Nội dung:

2.1. Quy trình vận hành máy và sử dụng các dụng cụ tại khoa YHCT – PHCN.

2.2. Chỉ định, chống chỉ định của máy VLTL.

2.3. Chỉ định, chống chỉ định của dụng cụ VLTL tại khoa.

2.4. Thực hiện quy trình vận hành máy và sử dụng dụng cụ trợ giúp.

2.5. Đánh giá

Bài 4: Chăm sóc và Phục hồi chức năng trong Gãy xương Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhắc lại được các nguyên nhân và triệu chứng lâm sàng trong Gãy xương
- Áp dụng được những kiến thức đã học trong thực hành Chăm sóc và Phục hồi chức năng trong Gãy xương

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn nhận định, lập kế hoạch Chăm sóc và Phục hồi chức năng trong Gãy xương

2.1.1.Chi trên

2.1.1.1. Giai đoạn bất động.

2.1.1.2. Giai đoạn sau bất động

2.1.2. Chi dưới

2.1.2.1. Giai đoạn bất động.

2.1.2.2. Giai đoạn sau bất động

2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc và Phục hồi chức năng trong Gãy xương hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể.

2.3. Thực hành Chăm sóc và Phục hồi chức năng trong Gãy xương

Bài 5: Lập kế hoạch Chăm sóc và PHCN cho người bệnh Chấn thương sọ não Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhắc lại được các nguyên nhân và triệu chứng lâm sàng của người bệnh Chấn thương sọ não
- Áp dụng được những kiến thức đã học trong thực hành chăm sóc và PHCN cho người bệnh Chấn thương sọ não

2. Nội dung:
2.1. Hướng dẫn nhận định, lập kế hoạch chăm sóc và PHCN cho người bệnh Chấn thương sọ não
2.1.1 Giai đoạn bất dộng tại giường.
2.1.2. Giai đoạn tập ngồi trên giường và thòng chân ra cạnh giường.
2.1.3. Giai đoạn tập đứng và đi với dụng cụ trợ giúp.
2.1.4. Giai đoạn sinh hoạt độc lập.
2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc và PHCN cho người bệnh Chấn thương sọ não hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể
2.3. Thực hành chăm sóc và PHCN cho người bệnh Chấn thương sọ não

Bài 6: Lập kế hoạch Chăm sóc và PHCN cho người bệnh chấn thương cột sốngThời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu:
- Nhắc lại được các nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng của người bệnh chấn thương cột sống
- Áp dụng được những kiến thức đã học trong thực hành chăm sóc và PHCN cho người bệnh chấn thương cột sống
2. Nội dung:
2.1. Hướng dẫn nhận định, lập kế hoạch chăm sóc và PHCN cho người bệnh chấn thương cột sống.
2.1.1 Giai đoạn bất dộng tại giường.
2.1.2. Giai đoạn tập ngồi trên giường và thòng chân ra cạnh giường.
2.1.3. Giai đoạn tập đứng và đi với dụng cụ trợ giúp.
2.1.4. Giai đoạn sinh hoạt độc lập.
2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc và PHCN cho người bệnh chấn thương cột sống hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể.
2.3. Thực hành chăm sóc và PHCN cho người bệnh chấn thương cột sống.

Bài 7: Lập kế hoạch chăm sóc và PHCN cho người bệnh Tai biến mạch máu não. Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu:
- Nhắc lại được các nguyên nhân và triệu chứng lâm sàng của người bệnh liệt nửa người
- Áp dụng được những kiến thức đã học trong chăm sóc và PHCN người bệnh TBMMN
2. Nội dung:
2.1. Hướng dẫn nhận định, lập kế hoạch chăm sóc và PHCN cho người bệnh Tai biến mạch máu não.
2.1.1 Giai đoạn bất dộng tại giường.
2.1.2. Giai đoạn tập ngồi trên giường và thòng chân ra cạnh giường.
2.1.3. Giai đoạn tập đứng và đi với dụng cụ trợ giúp.
2.1.4. Giai đoạn sinh hoạt độc lập.

2.2. Lập 1 quy trình chăm sóc và PHCN cho người bệnh Tai biến mạch máu não hoàn chỉnh cho 1 người bệnh cụ thể

2.3. Thực hành chăm sóc và PHCN cho người bệnh Tai biến mạch máu não.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn:

- Nơi thực tập: Sinh viên được thực tập ở khoa YHCT- VLTL - PHCN với đầy đủ dụng cụ cần thiết của khoa phòng cho sinh viên thực tập, có phòng giao ban cho sinh viên hàng ngày, phòng cho sinh viên để dụng cụ khi đi thực tập và đi trực.

2. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu, băng đĩa, video, tranh ảnh, dụng cụ y tế để thực tập ….

3. Học liệu:

- Hồ sơ lên lớp của giảng viên: Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ kế hoạch dạy học, giáo trình giảng dạy, sổ tay lên lớp trước mỗi buổi học.
- Lập kế hoạch thực tập và chỉ tiêu thực tập cụ thể cho sinh viên trước khi đi thực tập bệnh viên.

4. Các điều kiện khác:

- Tiêu chí giảng viên: Cử nhân YHCT, VLTL, trình độ đại học trở lên.
- Sinh viên phải học xong các môn học tiên quyết, có thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân trước khi đi thực tập.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng một số bệnh chuyên khoa YHCT - PHCN

- Về kỹ năng:

+ Nhận định được các triệu chứng, lập và thực hiện được kế hoạch các vấn đề cần chăm sóc trên mỗi người bệnh chuyên khoa YHCT - PHCN

+ Thực hiện được các kỹ thuật VLTL-PHCN người bệnh chuyên khoa YHCT - PHCN thường gặp.

+ Tư vấn, hướng dẫn người bệnh cách tự chăm sóc, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.

- Về thái độ:

+ Nhanh nhẹn, khéo léo, cẩn thận khi chăm sóc người bệnh

+ Tông trọng, lắng nghe và cảm thông với người bệnh và gia đình người bệnh.

2. Phương pháp đánh giá:

2.1. Điểm quá trình :

- Gồm 02 cột kiểm tra thường xuyên và 02 cột kiểm tra định kỳ
- Hình thức kiểm tra: Chuyên cần, thực hiện quy trình kỹ thuật; làm quy trình chăm sóc; vấn đáp; tình huống lâm sàng….
- Thời gian: Do giảng viên hướng dẫn thực hành quyết định.

+ Điểm quá trình là trung bình cộng của các cột điểm, trong đó thường xuyên hệ số 1, định kỳ hệ số 2.

2.2. Điểm thi kết thúc môn học :

+ Kiểm tra theo hình thức:Thực hiện quy trình kỹ thuật; quy trình chăm sóc trên người bệnh; vấn đáp; tình huống lâm sàng….

+ Thời gian kiểm tra: Do giáo viên lâm sàng quyết định

2.3. Điểm môn học:

- Điểm môn học, mô-đun: Bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;
- Thang điểm: Điểm môn học, mô đun theo thang điểm 4, quy đổi điểm môn học, mô đun thành điểm chữ và thang điểm 4 theo Điều 31 thông tư 04/2022/TT – BLĐTBXH

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Sinh viên năm thứ ba.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giảng viên:
  + Hướng dẫn và cầm tay chỉ việc giúp sinh viên tự tin thực hiện tốt những quy trình kỹ thuật, thủ thuật trên người bệnh một cách độc lập cũng như phối hợp với các nhân viên y tế.
  + Hướng dẫn sinh viên thực hiện được cáckỹ thuật YHCT-VLTL-PHCN thường gặp.
- Đối với sinh viên:
  + Tham gia thực tập lâm sàng đầy đủ tại bệnh viện, thực hiện theo sự phân công của khoa phòng.
  + Lập quy trình chăm sóc và thực hành các kỹ thuật điều dưỡng dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Nhận định được tình trạng người bệnh
- Nắm được các kỹ thuật YHCT-VLTL-PHCN thường gặp

4. Tài liệu tham khảo

- Bộ y tế (2000), *Giáo trình vật lý trị liệu Phục hồi chức năng*, Nhà xuất bản y học.
- Bộ y tế (1990), *Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng*, Xưởng in trường đai học y khoa Hà Nội.
- Nguyễn Hữu Điền (2005), *Giáo trình Phục hồi chức năng - Vật lý trị liệu*, Nhà xuất bản Hà Nội.
- David Weruner (1992), *Phục hồi trẻ tàn tật tại cộng đồng*, Nhà xuất bản Y học.
- Bộ Y tế (2020), *Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới tập 1 & 2,* NXB Y học Hà Nội.

Tên mô đun: THỰC TẾ NGÀNH

Mã môn học: MĐ.32

Thời gian thực hiện môn học: **182 giờ** (Thực tập bệnh viện: 180giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học:

- Vị trí: Thực hiện vào cuối khóa học sau khi hoàn thành tất cả các học phần quy định trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Đợt thực tế ngành được thực hiện vào cuối khóa học, trước khi thi tốt nghiệp giúp cho sinh viên có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá được mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng và bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của điều dưỡng viên, điều dưỡng trưởng khoa, điều dưỡng trưởng bệnh viện, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh cho từng loại bệnh, mô tả và đánh giá được mô hình quản lý sức khoẻ cộng đồng, mô tả và đánh giá được quy trình vô khuẩn, tiệt khuẩn tại bệnh viện.Thực tập một số kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và nâng cao, lập kế hoạch chăm sóc, tư vấn sức khỏe.

II. Mục tiêu môn học:

Sau khi thực tập tốt nghiệp, sinh viên có khả năng:

- Kiến thức:
  + Mô tả chức năng nhiệm vụ tổ chức hoạt động của bệnh viện và chức trách nhiệm vụ của điều dưỡng tại các khoa.
- Kỹ năng:
  + Thực hiện chức năng nhiệm vụ của người CN điều dưỡng đa khoa trình độ cao đẳng và áp dụng các kỹ thuật chăm sóc đã học vào thực tế chăm sóc sức khỏe cho người bệnh tại bệnh viện dưới sự hướng dẫn giám sát của giáo viên hướng dẫn.
  + Thực hiện thành thạo các quy trình chăm sóc người bệnh
  + Thực hiện các kỹ năng quản lý, giao tiếp truyền thông, tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà của họ tại bệnh viện và cộng đồng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và chỉ tiêu thực tập:

	Nội dung	**Thời gian (giờ)**	**Chỉ tiêu thực tập**
		TS	
1	Tìm hiểu cộng đồng để thu thập thông tin, lựa chọn những vấn đề sức khỏe cần giải quyết.	180	1 bài báo cáo
2	Lập và thực hiện kế hoạch truyền thông – giáo dục sức khỏe để giải quyết những vấn đề sức khỏe đã được xác định.		Mỗi học sinh lập và thực hiện 1 KH truyền thông - GDSK

	Nội dung	Thời gian (giờ)	Chỉ tiêu thực tập
		TS	
3	Chăm sóc cho người bệnh tại trạm y tế và gia đình.		20
4	Tham gia các chương trình y tế tại địa phương.		5
5	Tư vấn, hướng dẫn người bệnh và người nhà cuả họ đến khám, chữa bệnh taị trạm y tế.		20
6	Kiểm tra	2	
TỔNG CỘNG		**182**	

IV. Điều kiện thực hiện môn hoc:

1. Phòng học:

- Phòng học: Có 1 phòng học tại bệnh viện để giao ban, học sinh thực tập tại buồng bệnh.

2. Trang thiết bị: Máy chiếu , máy tính, băng đĩa.., dụng cụ: sử dụng toàn bộ dụng cụ của bệnh viện, trạm y tế để chăm sóc người bệnh.

3. Học liệu: Kế hoạch thực tập, nội dung, chỉ tiêu thực tập, danh sách học sinh

4. Các điều kiện khác: Sinh viên phải học xong tất cả các môn học của chương trình đào tạo, có thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân trước khi thực tập, được hướng dẫn cách tìm và sử dụng tài liệu tham khảo.

5. Tiêu chuẩn giảng viên:

- Giảng viên trường: Cử nhân điều dưỡng
- Giảng viên thỉnh giảng: Điều dưỡng trưởng khoa, điều dưỡng viên đang công tác tại bệnh viện và trạm y tế, trình độ đại học trở lên

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kỹ năng: Nhận định, lập kế hoạch và thực hiện được quy trình chăm sóc người bệnh tại bệnh viện
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thực hành độc lập, khả năng giải quyết vấn đề độc lập trên thực tế tại bệnh viện

2. Phương pháp:

- Kỹ năng: Kiểm tra năng lực tay nghề trên người bệnh tại bệnh viện.

- Năng lực tự chủ: Giao bài tập đánh giá bằng bài tiểu luận, báo cáo, kỹ năng làm việc nhóm.

+ Điểm thường xuyên: 2 cột; Điểm định kỳ 02 cột (đánh giá trong quá trình thực tập tại bệnh viện, và trạm y tế).

+ Điểm quá trình là trung bình cộng của các cột điểm kiểm tra, trong đó thường xuyên hệ số 1, điểm định kỳ hệ số 2.

- **Điểm kết thúc** : Được thực hiện bằng bài báo cáo thực tế TN

+ Điểm môn học, mô-đun: Bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

+ Thang điểm: Điểm môn học, mô đun theo thang điểm 4, quy đổi điểm môn học, mô đun thành điểm chữ và thang điểm 4 theo Điều 31 thông tư 04/2022/TT – BLĐTBXH.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Cho sinh viên cao đẳng điều dưỡng năm thứ III

2. Phương pháp dạy học, học tập:

- Đối với giáo viên: Ra kế hoạch, nội dung, chỉ tiêu thực tập ,thảo luận, bài tập, giám sát, giải quyết các vấn đề của sinh viên khi đi thực tập.
- Đối với học sinh:

+ Nghiên cứu tài liệu, nội dung, chỉ tiêu, quá trình thu thập dữ liệu viết báo cáo trước khi thực tập tốt nghiệp.

+ Tham gia thực tập tại bệnh viện

+ Tự học, thu thập dữ liệu theo nội dung hướng dẫn.

+ Nộp đầy đủ các bài kiểm tra.

+ Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng dưới sự hướng dẫn của giảng viên, nhân viên y tế.

+ Thực hành độc lập dưới sự giám sát của giáo viên, nhân viên y tế.

+ Tham gia trực bệnh viện

3. Trọng tâm cần chú ý: Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ nội dung thực tập, hướng dẫn cho sinh viên nội quy quy chế bệnh viện, cách thu thập nội dung viết báo cáo, Sinh viên phải có đủ thời gian chuẩn bị cá nhân và nội dung thực tế.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y Tế(2007),Điều dưỡng cơ bản 2, NXBYH
- Bộ y tế(2013), Hướng dẫn quy trình chống NK bệnh viện, tập I, NXBYH
- Bộ y tế(2002 – 2004), Hướng dẫn quy trình chăm sóc người bệnh - tập I, tập II, NXBYH
- Tài liệu nhiễm khuẩn bệnh viện của CDC
- Dự án Mẹ -Em(2013), Bảng kiểm kỹ năng lâm sàng, NXBYH
- Giáo trình môn học Điều dưỡng cơ sở I, II, CSSKNLB Ngoại khoa, nội khoa, trẻ em… của nhà trường.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BUÔN MA THUỘT

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

NGÀNH: VẬT LÝ TRỊ LIỆU PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

(TẠI BỆNH VIỆN YHCT TỈNH ĐĂK LĂK)

ĐẮK LẮK – 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BUÔN MA THUỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH
NGÀNH VẬT LÝ TRỊ LIỆU – PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG
(TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN ĐẮK LẮK)

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên chương trình đào tạo	Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng
Trình độ đào tạo	Cao đẳng
Khối ngành	Khoa học sức khỏe
Ngành đào tạo	Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng
Mã ngành	6720604
Hệ đào tạo	Chính quy
Hình thức đào tạo	Tập trung
Thời gian đào tạo	03 năm
Tên văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân thực hành Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng
Đơn vị đào tạo/cấp bằng	Trường Cao đẳng Buôn Ma Thuột
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Đối tượng áp dụng	Sinh viên ngành Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng
Thời gian áp dụng	Năm 2026

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo Kỹ thuật viên phục hồi chức năng có y đức, có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ ngành học ở trình độ cao đẳng; có khả năng phối hợp làm việc, sáng tạo, tự học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

MT1 ***(Lĩnh vực Kiến thức):*** Có kiến thức cơ bản về giải phẫu sinh lý người, sinh lý bệnh, sinh học di truyền, bệnh học, dược lý, cấp cứu ban đầu vào việc lập kế hoạch chăm sóc điều trị;

MT2 ***(Lĩnh vực Kiến thức):*** Giải thích được những nguyên nhân, triệu chứng trong điều trị vật lý trị liệu hệ tim mạch - hô hấp, hệ thần kinh – cơ, vật lý trị liệu cơ - xương, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng;

MT3 ***(Lĩnh vực Kiến thức):*** Trình bày được phương pháp vận động trị liệu, qui trình thực hiện lượng giá chức năng hệ vận động, qui trình bảo quản trang thiết bị vật lý trị liệu trong điều trị;

MT4 ***(Lĩnh vực Kiến thức):*** Phân tích được tác dụng điều trị trong các trường hợp vật lý trị liệu hệ tim mạch - hô hấp, vật lý trị liệu hệ thần kinh - cơ, vật lý trị liệu cơ xương, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng;

MT4 ***(Lĩnh vực Kỹ năng nghề):*** Thành thạo các kỹ năng khám, lượng giá chức năng (đo tầm vận động khớp, đo lực cơ, đánh giá thăng bằng, sinh hoạt hàng ngày)

MT5 ***(Lĩnh vực Kỹ năng nghề):*** Thực hiện thành thạo sơ cấp cứu ban đầu;

MT6 ***(Lĩnh vực Kỹ năng nghề):*** Thực hiện thành thạo các thao tác tập vận động trị liệu, các phương pháp điều trị vật lý trị liệu, vật lý trị liệu hệ tim mạch - hô hấp, vật lý trị liệu hệ thần kinh – cơ, vật lý trị liệu cơ xương;

MT7 ***(Lĩnh vực Kỹ năng nghề):*** Vận hành thành thạo an toàn và bảo quản tốt các trang thiết bị chuyên ngành Phục hồi chức năng, hướng dẫn người bệnh, gia đình người bệnh sử dụng thành thạo một số dụng cụ trợ giúp đơn giản hỗ trợ trong điều trị;

MT8 ***(Lĩnh vực Kỹ năng mềm):*** Có khả năng sử dụng tin học, ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp.

MT9 ***(Lĩnh vực Kỹ năng mềm):*** Có khả năng tự đào tạo nâng cao; đủ tự tin tiếp cận, giao lưu và hội nhập.

MT10 ***(Lĩnh vực Thái độ):*** Có đạo đức nghề nghiệp, đủ tự tin đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cộng đồng.

III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Sau khi tốt nghiệp ngành Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng, sinh viên có khả năng:

CĐR	Năng lực cần đạt
1. Kiến thức	
CĐR1	Giải thích các kiến thức cơ bản về giải phẫu sinh lý người, sinh lý bệnh, sinh học di truyền, bệnh học, dược lý, cấp cứu ban đầu vào việc lập kế hoạch chăm sóc điều trị;
CĐR2	Giải thích được những nguyên nhân, triệu chứng trong điều trị vật lý trị liệu hệ tim mạch - hô hấp, hệ thần kinh – cơ, vật lý trị liệu cơ -xương, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng;
CĐR3	Trình bày được phương pháp vận động trị liệu, qui trình thực hiện lượng giá chức năng hệ vận động, qui trình bảo quản trang thiết bị vật lý trị liệu trong điều trị;
CĐR4	Phân tích được tác dụng điều trị trong các trường hợp vật lý trị liệu hệ tim mạch - hô hấp, vật lý trị liệu hệ thần kinh - cơ, vật lý trị liệu cơ xương, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng;
CĐR5	Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.
2. Kỹ năng ***2.1. Kỹ năng chuyên ngành***	
CĐR6	Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp; xây dựng kế hoạch làm việc nhóm và phối hợp thực hiện kế hoạch chăm sóc, điều trị người bệnh.

CĐR7	Thực hiện thành thạo sơ cấp cứu ban đầu; xác định vị trí giải phẫu cơ – xương – thần kinh và lượng giá chức năng hệ vận động của người bệnh.
CĐR8	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật vận động trị liệu, các phương pháp vật lý trị liệu hệ cơ xương, thần kinh – cơ và tim mạch – hô hấp….
CĐR9	Vận hành an toàn, bảo quản tốt các trang thiết bị chuyên ngành Phục hồi chức năng; hướng dẫn người bệnh và gia đình sử dụng thành thạo các dụng cụ trợ giúp đơn giản
CĐR10	Hướng dẫn và triển khai hiệu quả các phương pháp phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.
CĐR11	Tổ chức và quản lý khoa/phòng Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng một cách khoa học, hiệu quả.
CĐR12	Vận dụng kiến thức và kỹ năng chuyên môn để chăm sóc, điều trị và phục hồi chức năng cho người bệnh một cách an toàn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực hành nghề nghiệp.
2.2. Kỹ năng mềm	
CĐR13	Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình, báo cáo, tìm tài liệu
CĐR14	Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
CĐR15	Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm	
CĐR16	Chấp hành nhiệm vụ được giao, chủ động và chịu trách nhiệm trong công việc; làm việc độc lập hoặc theo nhóm, giải quyết các vấn đề chuyên môn trong quá trình.
CĐR17	Hướng dẫn, giám sát thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm đối với cá nhân và nhóm; đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
CĐR18	Tuân thủ các quy định của pháp luật và cơ sở y tế; rèn luyện đạo đức nghề nghiệp; giữ gìn bí mật thông tin của người bệnh; trung thực, khách quan và thận trọng trong thực hành nghề nghiệp.
CĐR19	Có tinh thần đoàn kết, hợp tác, hòa nhã, khiêm tốn với đồng nghiệp; cảm thông, chia sẻ, tận tình với người bệnh và gia đình người bệnh.
CĐR20	Thực hiện tuyên truyền, giáo dục sức khỏe và hướng dẫn phòng ngừa tàn tật cho người bệnh và cộng đồng.

V. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT	Mã HP	Tên môn học	Tín chỉ				Số tiết			
			Tổng	LT	TH	LS	Tổng	LT	TH	LS
1	CDVL24	Thực tập Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng nội khoa	5	0	5	5	225	0	225	225

STT	Mã HP	Tên môn học	Tín chỉ				Số tiết			
			Tổng	LT	TH	LS	Tổng	LT	TH	LS
2	CDVL25	Thực tập Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng ngoại khoa	5	0	5	5	225	0	225	225
3	CDVL26	Thực tập tốt nghiệp	7	0	7	7	315	0	315	315
Tổng			**17**	**0**	**17**	**17**	**765**	**0**	**765**	**765**

VI. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ

STT	Học phần	Phương pháp lượng giá/đánh giá					Tổng số phương pháp
		MCQ	Tự luận	Báo cáo	OSCE	Bảng kiểm	
1	Thực tập Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng nội khoa	x		x	x	x	4
2	Thực tập Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng ngoại khoa	x		x	x	x	4
3	Thực tập tốt nghiệp	x		x	x	x	4

HIỆU TRƯỞNG

ThS. Trần Thị Thiết

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BUÔN MA THUỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: THỰC TẬP VẬT LÝ TRỊ LIỆU, PHỤC HỒI CHỨC NĂNG NỘI KHOA
Mã mô đun: CDVL24
Số tín chỉ: 5
Thời gian thực hiện mô đun: 225 giờ *(TH: 220 giờ; kiểm tra: 5 giờ)*

I. Vị trí, tính chất của mô đun

a. Vị trí

Là một trong những môn học chuyên ngành giành cho học sinh học chuyên ngành Kỹ thuật vật lý trị liệu (VLTL) - phục hồi chức năng (PHCN).

b. Tính chất

Mô đun mang tính thực hành lâm sàng chuyên ngành nội khoa, giúp người học củng cố kiến thức lý thuyết và rèn luyện kỹ năng thực tế trong môi trường bệnh viện.

Người học được rèn luyện kỹ năng thực hành PHCN cho bệnh nhân nội khoa, bao gồm các bệnh lý hô hấp, tim mạch, chuyển hoá, nội tiết, thần kinh nội, và các bệnh lý mạn tính khác.

Mô đun giúp hình thành tác phong chuyên nghiệp, khả năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân và gia đình, cũng như thái độ tận tâm, tuân thủ quy định, đảm bảo an toàn và đạo đức nghề nghiệp trong thực hành VLTL - PHCN nội khoa.

II. Mục tiêu mô đun

Sau khi học xong mô đun, người học đạt được:

a. Về kiến thức

- Trình bày được đặc điểm chung và nguyên tắc PHCN trong các bệnh lý nội khoa.
- Trình bày được quy trình đánh giá chức năng và lập kế hoạch điều trị *PHCN* cho bệnh nhân nội khoa.
- Mô tả được các phương pháp VLTL và kỹ thuật PHCN thường dùng trong bệnh lý tim mạch, hô hấp, thần kinh nội, nội tiết – chuyển hóa, và bệnh mạn tính.
- Giải thích được mục tiêu và lợi ích của PHCN nội khoa đối với người bệnh và hệ thống y tế.

b. Về kỹ năng

- Thực hiện được các bước đánh giá lâm sàng và đo lường chức năng cho bệnh nhân nội khoa.
- Áp dụng được các kỹ thuật VLTL phù hợp cho từng nhóm bệnh như: hô hấp, tim mạch, thần kinh, cơ xương khớp, nội tiết.
- Hướng dẫn bệnh nhân tập luyện và tự chăm sóc tại nhà theo đúng quy trình PHCN.
- Thực hiện được ghi chép, theo dõi và quản lý hồ sơ bệnh án theo quy định.
- Đảm bảo an toàn, vô khuẩn và đúng quy trình kỹ thuật khi thao tác với bệnh nhân.

c. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện thái độ tận tâm, trách nhiệm, tôn trọng bệnh nhân và đồng nghiệp trong thực tập lâm sàng.

- Làm việc chủ động, hợp tác trong nhóm, phối hợp hiệu quả với bác sĩ, điều dưỡng và các thành viên y tế khác.

- Tuân thủ quy trình chuyên môn, quy định an toàn và đạo đức nghề nghiệp trong PHCN nội khoa.

- Có ý thức học hỏi, tự đánh giá và cải thiện năng lực nghề nghiệp qua trải nghiệm thực tế.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thảo luận	Thi/ Kiểm tra
1	Giới thiệu, phổ biến quy định, nội quy thực tập lâm sàng	5		5	
2	Làm quen môi trường bệnh viện, quan sát quy trình PHCN nội khoa	10		10	
3	Thực tập đánh giá chức năng và ghi chép hồ sơ bệnh án	15		15	
4	Thực hành kỹ thuật vật lý trị liệu – PHCN trong bệnh lý hô hấp (COPD, hen, viêm phổi, xơ phổi…)	45		45	
5	Thực hành kỹ thuật vật lý trị liệu – PHCN trong bệnh lý tim mạch (suy tim, tăng huyết áp, bệnh mạch vành…)	40		40	
6	Thực hành kỹ thuật PHCN trong bệnh lý thần kinh nội (tai biến mạch máu não, Parkinson, bệnh lý ngoại biên)	45		45	
7	Thực hành PHCN trong bệnh lý nội tiết – chuyển hóa (đái tháo đường, béo phì, gout…)	25		25	
8	Thực tập phục hồi chức năng cho bệnh nhân mạn tính và chăm sóc tại nhà	20		20	
9	Giao tiếp, tư vấn, hướng dẫn người bệnh trong phục hồi chức năng nội khoa	15		15	
10	Thi kết thúc môn học	5			5
	Tổng số	**225**		**220**	**5**

2. Nội dung chi tiết

BÀI 1
GIỚI THIỆU, PHỔ BIẾN QUY ĐỊNH, NỘI QUY THỰC TẬP LÂM SÀNG

Thời gian: 5 giờ thực hành

Mục tiêu học tập

- Kiến thức/kỹ năng:

1. Trình bày được mục tiêu, yêu cầu và nội dung của mô đun Thực tập VLTL – PHCN nội khoa.
2. Nắm được nội quy, quy định, quy trình làm việc tại cơ sở y tế.
3. Xác định được vai trò, trách nhiệm của kỹ thuật viên trong nhóm điều trị PHCN nội khoa.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

4. Thể hiện thái độ nghiêm túc, tuân thủ quy định chuyên môn và quy tắc đạo đức nghề nghiệp khi thực tập.

Nội dung bài

1. Giới thiệu mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá mô đun.

2. Phổ biến quy định về trang phục, thời gian, an toàn lao động và quy tắc ứng xử trong bệnh viện.

3. Giới thiệu cơ cấu tổ chức và vai trò của khoa PHCN nội khoa.

4. Hướng dẫn quy trình báo cáo, nhận bệnh, ghi chép hồ sơ và nộp nhật ký thực tập.

BÀI 2
LÀM QUEN MÔI TRƯỜNG BỆNH VIỆN, QUAN SÁT QUY TRÌNH PHCN NỘI KHOA

Thời gian: 10 giờ thực hành

Mục tiêu học tập

- Kỹ năng:

1. Quan sát và mô tả được quy trình PHCN tại khoa nội tổng hợp.
2. Nhận biết được vai trò của từng thành viên trong nhóm chăm sóc – điều trị.
3. Nhận dạng được trang thiết bị, dụng cụ và phương tiện PHCN nội khoa.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

4. Thể hiện tác phong chuyên nghiệp, giao tiếp đúng mực, tuân thủ nội quy bệnh viện.

Nội dung bài

1. Làm quen môi trường thực tập, sơ đồ bệnh viện và khoa PHCN nội khoa.

2. Quan sát quy trình tiếp nhận, đánh giá và điều trị bệnh nhân nội khoa.

3. Nhận diện và sử dụng đúng mục đích các dụng cụ, máy móc VLTL.

4. Giao tiếp, ứng xử đúng mực với bệnh nhân và nhân viên y tế.

BÀI 3
THỰC TẬP ĐÁNH GIÁ CHỨC NĂNG VÀ GHI CHÉP HỒ SƠ BỆNH ÁN

Thời gian: 15 giờ lý thuyết

Mục tiêu học tập

- Kỹ năng:

1. Thực hiện được các bước đánh giá chức năng cơ bản cho bệnh nhân nội khoa.
2. Ghi chép và trình bày được thông tin vào hồ sơ bệnh án PHCN.
3. Phân tích được kết quả đánh giá để định hướng lập kế hoạch điều trị.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

4. Làm việc cẩn thận, chính xác, bảo mật thông tin bệnh nhân.

Nội dung bài

1. Hướng dẫn quy trình đánh giá tổng quát bệnh nhân nội khoa.

2. Thực hành đo các chỉ số cơ bản: mạch, huyết áp, nhịp thở, độ bão hòa O_2.

3. Đánh giá mức độ khó thở, mệt mỏi, khả năng vận động và sinh hoạt hàng ngày (ADL).

4. Ghi chép hồ sơ bệnh án PHCN và báo cáo tình trạng người bệnh.

BÀI 4
THỰC HÀNH KỸ THUẬT PHCN TRONG BỆNH LÝ HÔ HẤP

Thời gian: 45 giờ thực hành

Mục tiêu học tập

- Kỹ năng:

1. Thực hiện được các kỹ thuật VLTL trong bệnh lý hô hấp (COPD, hen, viêm phổi, xơ phổi).
2. Hướng dẫn người bệnh tập thở, dẫn lưu tư thế và tập ho hiệu quả.
3. Theo dõi và đánh giá phản ứng của người bệnh sau can thiệp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

4. Đảm bảo an toàn, vô khuẩn và tuân thủ quy trình kỹ thuật khi thao tác với bệnh nhân.

Nội dung bài

1. Ôn tập sinh lý hô hấp và các rối loạn thường gặp.

2. Kỹ thuật tập thở (thở cơ hoành, thở mím môi, tập thở có dụng cụ).

3. Kỹ thuật vỗ rung, dẫn lưu tư thế, tập ho chủ động.

4. Theo dõi, đánh giá và ghi nhận tiến triển của người bệnh.

BÀI 5
THỰC HÀNH KỸ THUẬT PHCN TRONG BỆNH LÝ TIM MẠCH

Thời gian: 40 giờ thực hành

Mục tiêu học tập

- Kỹ năng:

1. Thực hiện được các bài tập PHCN cho bệnh nhân tim mạch (suy tim, sau nhồi máu cơ tim, tăng huyết áp).
2. Hướng dẫn người bệnh vận động an toàn, phù hợp từng giai đoạn.
3. Theo dõi nhịp tim, huyết áp trong quá trình tập luyện.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

4. Tuân thủ nguyên tắc an toàn tim mạch, xử lý đúng khi có dấu hiệu bất thường.

Nội dung bài

1. Quan sát và tham gia quy trình PHCN tim mạch tại bệnh viện.

2. Kỹ thuật tập vận động thụ động, chủ động, tập đi bộ, đạp xe, leo cầu thang.

3. Kiểm soát nhịp tim và huyết áp trong quá trình tập luyện.

4. Ghi nhận kết quả và điều chỉnh chương trình tập phù hợp.

BÀI 6

THỰC HÀNH PHCN TRONG BỆNH LÝ THẦN KINH NỘI

Thời gian: 45 giờ thực hành

Mục tiêu học tập

- Kỹ năng:

1. Thực hiện được các kỹ thuật PHCN cho bệnh nhân tai biến mạch máu não, Parkinson, bệnh thần kinh ngoại biên.

2. Hỗ trợ người bệnh cải thiện vận động, thăng bằng và chức năng sinh hoạt.

3. Áp dụng các kỹ thuật ức chế – tạo thuận, tập đi, tập tay, tập ADL.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

4. Thể hiện thái độ kiên nhẫn, khích lệ và giao tiếp hiệu quả với người bệnh.

Nội dung bài

1. Quan sát ca bệnh thần kinh nội, ghi nhận triệu chứng lâm sàng.

2. Thực hành các bài tập vận động chi trên, chi dưới, tập thăng bằng, tập ngồi – đứng – đi.

3. Kỹ thuật phục hồi vận động tinh và phối hợp động tác.

4. Đánh giá tiến triển, lập kế hoạch điều trị tiếp theo.

BÀI 7

THỰC HÀNH PHCN TRONG BỆNH LÝ NỘI TIẾT – CHUYỂN HÓA

Thời gian: 25 giờ thực hành

Mục tiêu học tập

- Kỹ năng:

1. Thực hiện được các bài tập PHCN cho bệnh nhân đái tháo đường, béo phì, gout.

2. Hướng dẫn chế độ vận động phù hợp để cải thiện chuyển hóa và kiểm soát đường huyết.

3. Phát hiện sớm các nguy cơ và biến chứng khi tập luyện.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

4. Hướng dẫn, tư vấn và động viên người bệnh duy trì thói quen luyện tập an toàn.

Nội dung bài

1. Đặc điểm lâm sàng của bệnh nội tiết – chuyển hóa thường gặp.

2. Các dạng bài tập vận động toàn thân, kéo giãn, sức bền.

3. Theo dõi đường huyết, mạch, huyết áp trong quá trình tập.

4. Hướng dẫn người bệnh luyện tập tại nhà.

BÀI 8
THỰC TẬP PHCN CHO BỆNH NHÂN MẠN TÍNH VÀ CHĂM SÓC TẠI NHÀ

Thời gian: 20 giờ thực hành

Mục tiêu học tập

- Kỹ năng:

1. Xây dựng được kế hoạch PHCN dài hạn cho bệnh nhân mạn tính.
2. Hướng dẫn và theo dõi người bệnh trong chương trình tập tại nhà.
3. Tư vấn dinh dưỡng, nghỉ ngơi, và phòng ngừa biến chứng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

4. Thể hiện tinh thần trách nhiệm và kỹ năng giao tiếp với gia đình người bệnh.

Nội dung bài

1. Lập kế hoạch điều trị và chăm sóc lâu dài cho người bệnh mạn tính.

2. Hướng dẫn chương trình tập luyện tại nhà.

3. Theo dõi, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch phục hồi.

BÀI 9
GIAO TIẾP, TƯ VẤN, HƯỚNG DẪN NGƯỜI BỆNH TRONG PHCN NỘI KHOA

Thời gian: 15 giờ thực hành

Mục tiêu học tập

- Kỹ năng:

1. Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, tư vấn, hướng dẫn bệnh nhân và gia đình trong PHCN.
2. Truyền đạt thông tin rõ ràng, dễ hiểu và đúng chuyên môn.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3. Thể hiện thái độ đồng cảm, lắng nghe và tôn trọng người bệnh.

Nội dung bài

1. Nguyên tắc giao tiếp trong môi trường y tế.

2. Kỹ năng tư vấn, hướng dẫn tập luyện và chăm sóc sức khỏe.

3. Thực hành tình huống giao tiếp với bệnh nhân nội khoa.

Thi kết thúc môn: Thời gian 5 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- Phòng học lý thuyết có đầy đủ bàn ghế, bảng, máy chiếu, máy tính và các phương tiện trình chiếu phục vụ hướng dẫn trước thực tập.
- Phòng thực hành – thực tập PHCN nội khoa có đủ dụng cụ, trang thiết bị và phương tiện lâm sàng cần thiết cho kỹ thuật VLTL – PHCN các bệnh lý nội khoa, bao gồm:

Giường tập, thảm tập, bóng tập, thanh song song, gương soi.

- Giường bệnh, giường tập, tủ thuốc, máy đo huyết áp, máy đo SpO_2, máy điện tim.
- Dụng cụ và thiết bị vật lý trị liệu: máy siêu âm điều trị, máy điện xung, máy điện phân, máy hồng ngoại, máy kéo giãn, bóng tập, dây đàn hồi, thảm tập, thanh song song.

- Dụng cụ hỗ trợ tập thở, tập vận động chi, PHCN hô hấp, tim mạch, thần kinh, nội tiết – chuyển hóa.
- Mô hình, ca bệnh mô phỏng hoặc bệnh nhân thực tế tại khoa nội để phục vụ hướng dẫn và đánh giá kỹ năng.

- Cơ sở thực hành lâm sàng: Khoa PHCN, các Khoa Nội (hô hấp, tim mạch, thần kinh, nội tiết – chuyển hóa) của bệnh viện trường, hoặc các bệnh viện/trung tâm PHCN có đơn vị PHCN nội khoa.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

Đánh giá theo các nội dung của mục tiêu môn học

2. Phương pháp đánh giá:

2.1. Điểm mô đun:

Điểm	Nội dung	Hình thức	Số điểm	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên	**Thực hành**	Kiểm tra miệng hoặc bài báo cáo ca bệnh ngắn	**1**	40%
Điểm định kỳ	**Thực hành**	Kiểm tra thực hành các kỹ thuật trị liệu, ghi hồ sơ bệnh án	**2**	
Điểm thi	**Thực hành**	Thi thực hành tại bệnh viện	**1**	60%

2.2. Người học được dự thi kết thúc môn học khi bảo đảm các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 80% thời gian thực hành.
- Hoàn thành đầy đủ hồ sơ bệnh án và nhật ký thực tập.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Học sinh năm học thứ 2 chuyên ngành Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên: Sử dụng phương pháp hướng dẫn lâm sàng tích cực, kết hợp giữa quan sát – nhận định – thực hành có giám sát; hướng dẫn học sinh đánh giá, lập kế hoạch và thực hiện các quy trình vật lý trị liệu – PHCN trong bệnh lý nội khoa; khuyến khích học sinh thảo luận nhóm, phân tích ca bệnh, giải quyết tình huống lâm sàng và tự lượng giá kết quả điều trị.

- Đối với học sinh: Chủ động chuẩn bị bài, đọc hồ sơ bệnh nhân trước khi thực hành; tích cực tham gia thảo luận, quan sát và thực hành trực tiếp; thực hiện nghiêm túc quy trình kỹ thuật PHCN nội khoa, tuân thủ quy định an toàn, đạo đức nghề nghiệp, giao tiếp tốt với bệnh nhân và đội ngũ y tế.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Nhận định và theo dõi tình trạng hô hấp, tuần hoàn, vận động, cảm giác của người bệnh nội khoa.

- Nắm vững nguyên tắc và quy trình kỹ thuật vật lý trị liệu – PHCN trong các nhóm bệnh lý hô hấp, tim mạch, thần kinh, nội tiết – chuyển hóa.

- Thực hành đúng và an toàn các kỹ thuật tập thở, tập vận động, xoa bóp, điện trị liệu, nhiệt trị liệu và hướng dẫn tự tập tại nhà.

- Ghi chép hồ sơ bệnh án đầy đủ, trung thực; thể hiện thái độ tận tâm, trách nhiệm và chuyên nghiệp khi chăm sóc bệnh nhân nội khoa.

4. Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Y tế (2014), *Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Phục hồi chức năng.*

[2]. Bộ Y tế (2014), *Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị chuyên nhành phục hồi chức năng*

[3]. Bộ Y tế (2010), *Bài giảng bệnh học Nội khoa*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BUÔN MA THUỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: THỰC TẬP VẬT LÝ TRỊ LIỆU, PHỤC HỒI CHỨC NĂNG NGOẠI KHOA

Mã mô đun: CĐCN31

Số tín chỉ: 5

Thời gian thực hiện mô đun: 225 giờ (TH: 220 giờ; kiểm tra: 5 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

a. Vị trí

Là một trong những môn học chuyên ngành giành cho học sinh học chuyên ngành Kỹ thuật vật lý trị liệu (VLTL) - phục hồi chức năng (PHCN).

b. Tính chất

Mô đun mang tính thực hành lâm sàng lâm sàng chuyên ngành ngoại khoa, giúp người học củng cố kiến thức lý thuyết và rèn luyện kỹ năng thực tế trong môi trường bệnh viện.

Người học được rèn luyện kỹ năng đánh giá, lập kế hoạch và thực hiện các kỹ thuật VLTL – phục hồi chức năng cho người bệnh sau phẫu thuật, chấn thương hoặc bệnh lý cơ – xương – khớp.

Mô đun giúp hình thành tác phong chuyên nghiệp, khả năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân và gia đình, cũng như thái độ tận tâm, tuân thủ quy định, đảm bảo an toàn và đạo đức nghề nghiệp trong thực hành VLTL - PHCN ngoại khoa.

II. Mục tiêu mô đun

Sau khi học xong mô đun, người học đạt được:

a. Về kiến thức

- Trình bày được đặc điểm, mục tiêu và nguyên tắc phục hồi chức năng ngoại khoa.
- Nêu được các giai đoạn phục hồi sau phẫu thuật hoặc chấn thương.
- Trình bày được các kỹ thuật VLTL thường dùng trong PHCN cơ – xương – khớp, chấn thương chỉnh hình và phẫu thuật ngoại khoa.

b. Về kỹ năng

- Thực hiện được quy trình đánh giá chức năng vận động, cơ lực, tầm vận động khớp.
- Áp dụng được các phương pháp điều trị bằng nhiệt trị liệu, điện trị liệu, vận động trị liệu, thủy trị liệu, tập mạnh cơ – khớp phù hợp với từng giai đoạn bệnh.
- Hướng dẫn người bệnh tập vận động chủ động – thụ động, tập đi, tập với dụng cụ hỗ trợ, và chăm sóc sau phẫu thuật an toàn.
- Ghi chép, quản lý hồ sơ bệnh án PHCN ngoại khoa.

c. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện thái độ tận tâm, chu đáo, tôn trọng người bệnh và hợp tác với đồng nghiệp.
- Làm việc nhóm hiệu quả với bác sĩ phẫu thuật, điều dưỡng và kỹ thuật viên khác.
- Tuân thủ quy trình chuyên môn, quy định an toàn và đạo đức nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học

a. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thảo luận	Thi/ Kiểm tra
1	Giới thiệu, phổ biến nội quy thực tập lâm sàng	5		5	
2	Làm quen môi trường bệnh viện, quy trình PHCN ngoại khoa	5		5	
3	Thực tập đánh giá cơ lực, tầm vận động và tình trạng mô mềm	25		25	
4	Thực hành PHCN sau chấn thương và phẫu thuật chi trên	45		45	
5	Thực hành PHCN sau chấn thương và phẫu thuật chi dưới	45		45	
6	Thực hành PHCN sau phẫu thuật cột sống và gãy xương	35		35	
7	Thực hành PHCN sau phẫu thuật ngực, bụng, sọ não và chấn thương phần mềm	30		30	
8	Thực hành hướng dẫn người bệnh tự tập và sử dụng dụng cụ hỗ trợ vận động	20		20	
9	Ghi chép hồ sơ bệnh án, báo cáo ca bệnh, nhận xét kết quả phục hồi	10		10	
10	Thi kết thúc môn học	5			5
	Tổng số	**225**		**220**	**5**

b. Nội dung chi tiết

BÀI 1
GIỚI THIỆU, PHỔ BIẾN NỘI QUY THỰC TẬP LÂM SÀNG

Thời gian: 5 giờ thực hành

Mục tiêu học tập

- Kỹ năng:

1. Trình bày được nội quy, quy định và yêu cầu chuyên môn của cơ sở thực tập.
2. Thực hiện đúng quy trình an toàn, kiểm soát nhiễm khuẩn trong môi trường lâm sàng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3. Thể hiện tinh thần kỷ luật, nghiêm túc, đúng giờ và thái độ chuyên nghiệp khi thực tập.

Nội dung bài

1. Giới thiệu mục tiêu, nội dung, phương pháp và yêu cầu đánh giá của đợt thực tập.

2. Phổ biến nội quy bệnh viện, quy tắc ứng xử, an toàn lao động.

3. Hướng dẫn sử dụng dụng cụ, thiết bị PHCN đúng quy chuẩn.

BÀI 2
LÀM QUEN MÔI TRƯỜNG BỆNH VIỆN, QUY TRÌNH PHCN NGOẠI KHOA

Thời gian: 5 giờ thực hành

Mục tiêu học tập

- Kỹ năng:

1. Xác định được vị trí các khoa phòng và quy trình phối hợp giữa các bộ phận trong PHCN ngoại khoa.

2. Quan sát, ghi nhận và mô tả được các bước cơ bản trong quy trình điều trị và phục hồi sau phẫu thuật.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3. Chủ động tìm hiểu, giao tiếp và hợp tác hiệu quả với đội ngũ y tế.

Nội dung bài

1. Làm quen quy trình tiếp nhận, đánh giá và điều trị bệnh nhân ngoại khoa.

2. Quan sát mô hình phối hợp đa chuyên ngành trong PHCN.

3. Thực hành ghi nhận thông tin hành chính và lâm sàng ban đầu.

BÀI 3
THỰC TẬP ĐÁNH GIÁ CƠ LỰC, TẦM VẬN ĐỘNG VÀ TÌNH TRẠNG MÔ MỀM

Thời gian: 25 giờ thực hành

Mục tiêu học tập

- Kỹ năng:

1. Thực hiện đúng kỹ thuật đánh giá cơ lực bằng thang MRC.

2. Đo và ghi nhận chính xác tầm vận động khớp bằng dụng cụ chuyên dụng.

3. Quan sát, sờ nắn và mô tả được đặc điểm mô mềm, vết mổ, sẹo, phù nề.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

4. Ghi chép kết quả đánh giá trung thực, khách quan và bảo mật thông tin người bệnh.

Nội dung bài

1. Hướng dẫn kỹ thuật kiểm tra cơ lực, ROM và mô mềm.

2. Thực hành đánh giá trên bệnh nhân sau phẫu thuật chi, gãy xương, thay khớp.

3. Tổng hợp, phân tích kết quả và nhận xét tình trạng ban đầu.

BÀI 4
THỰC HÀNH PHCN SAU CHẤN THƯƠNG VÀ PHẪU THUẬT CHI TRÊN

Thời gian: 45 giờ thực hành

Mục tiêu học tập

- Kỹ năng:

1. Lựa chọn và thực hiện bài tập phù hợp cho bệnh nhân sau phẫu thuật vai, khuỷu, cổ tay.

2. Vận dụng đúng nguyên tắc an toàn trong giai đoạn bất động và vận động sớm.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3. Làm việc nhóm hiệu quả, hỗ trợ bệnh nhân tích cực trong quá trình phục hồi.

Nội dung bài

1. Cấu trúc và tổn thương thường gặp chi trên.

2. Nguyên tắc PHCN theo giai đoạn hậu phẫu.

3. Thực hành bài tập vận động chủ động, thụ động, tập chức năng bàn tay, khớp vai.

BÀI 5
THỰC HÀNH PHCN SAU CHẤN THƯƠNG VÀ PHẪU THUẬT CHI DƯỚI

Thời gian: 45 giờ thực hành

Mục tiêu học tập

- Kỹ năng:

1. Thực hành các bài tập phục hồi vận động sau gãy xương đùi, khớp gối, thay khớp háng.
2. Sử dụng dụng cụ trợ giúp như nạng, khung tập đi đúng kỹ thuật.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3. Theo dõi tiến trình phục hồi và điều chỉnh bài tập phù hợp với từng bệnh nhân.

Nội dung bài

1. Các loại tổn thương và phẫu thuật chi dưới.

2. Nguyên tắc vận động sớm, phòng ngừa biến chứng.

3. Thực hành các bài tập sức mạnh, thăng bằng, tập đi.

BÀI 6
THỰC HÀNH PHCN SAU PHẪU THUẬT CỘT SỐNG VÀ GÃY XƯƠNG

Thời gian: 35 giờ thực hành

Mục tiêu học tập

- Kỹ năng:

1. Hướng dẫn bệnh nhân tập vận động an toàn sau cố định cột sống, gãy xương.
2. Thực hiện bài tập tăng sức mạnh cơ lưng, cơ bụng và điều chỉnh tư thế.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3. Tuân thủ tuyệt đối quy tắc an toàn cột sống trong thực hành.

Nội dung bài

1. Các loại phẫu thuật và biến chứng cột sống thường gặp.

2. Phương pháp tập vận động, thở, thăng bằng sau mổ.

3. Theo dõi, ghi nhận và báo cáo tiến trình hồi phục.

BÀI 7
THỰC HÀNH PHCN SAU PHẪU THUẬT NGỰC, BỤNG, SỌ NÃO VÀ CHẤN THƯƠNG PHẦN MỀM

Thời gian: 30 giờ thực hành

Mục tiêu học tập

- Kỹ năng:

1. Thực hành kỹ thuật tập thở, vận động nhẹ, phòng ngừa dính và teo cơ.
2. Phối hợp chăm sóc với điều dưỡng và bác sĩ điều trị.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3. Giữ thái độ thận trọng, ân cần, tạo niềm tin cho bệnh nhân hậu phẫu.

Nội dung bài

1. Đặc điểm PHCN sau phẫu thuật vùng ngực, bụng, sọ não.

2. Kỹ thuật tập thở, tập chi, thay đổi tư thế sớm.

3. Theo dõi và đánh giá phản ứng sau tập.

BÀI 8
THỰC HÀNH HƯỚNG DẪN NGƯỜI BỆNH TỰ TẬP VÀ SỬ DỤNG DỤNG CỤ HỖ TRỢ VẬN ĐỘNG

Thời gian: 20 giờ thực hành

Mục tiêu học tập

- Kỹ năng:

1. Hướng dẫn bệnh nhân và thân nhân tập luyện đúng cách tại nhà.
2. Giới thiệu, điều chỉnh và kiểm tra an toàn dụng cụ hỗ trợ vận động.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3. Phát huy khả năng giao tiếp, hướng dẫn rõ ràng, kiên nhẫn.

Nội dung bài

1. Các loại dụng cụ PHCN: nạng, xe lăn, khung tập đi, nẹp chỉnh hình.

2. Kỹ năng hướng dẫn và giám sát người bệnh tự tập.

3. Đánh giá kết quả tập luyện tại nhà.

BÀI 9
GHI CHÉP HỒ SƠ BỆNH ÁN, BÁO CÁO CA BỆNH, NHẬN XÉT KẾT QUẢ PHỤC HỒI

Thời gian: 10 giờ thực hành

Mục tiêu học tập

- Kỹ năng:

1. Ghi chép hồ sơ PHCN đầy đủ, đúng quy định.
2. Viết và trình bày báo cáo ca bệnh ngắn gọn, khoa học.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3. Trung thực, khách quan trong đánh giá và báo cáo kết quả điều trị.

Nội dung bài

1. Hướng dẫn mẫu bệnh án PHCN.

2. Tổng hợp kết quả thực tập từng ca.

3. Báo cáo, nhận xét và rút kinh nghiệm.

Thi kết thúc môn: Thời gian 5 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- Phòng học có đầy đủ bàn ghế, bảng, máy chiếu, máy tính và các phương tiện trình chiếu phục vụ hướng dẫn trước thực tập.
- Phòng thực hành PHCN có đủ dụng cụ, trang thiết bị và phương tiện VLTL – PHCN dùng trong lĩnh vực ngoại khoa:
  - Giường tập, thanh song song, khung tập đi, nạng, xe lăn, thảm tập, bóng tập.
  - Máy điện xung, máy siêu âm điều trị, máy hồng ngoại, máy kéo giãn cột sống, dụng cụ tập mạnh cơ, dụng cụ vận động khớp.
  - Bộ dụng cụ kiểm tra cơ lực, tầm vận động, goniometer.
  - Mô hình, ca bệnh mô phỏng và bệnh nhân thực tế tại các khoa Ngoại, Chấn thương chỉnh hình, PHCN.
- Cơ sở thực hành lâm sàng: Khoa PHCN, Khoa Ngoại tổng hợp, Khoa Chấn thương chỉnh hình của bệnh viện trường/ bệnh viên đa khoa hoặc các trung tâm PHCN có bệnh nhân ngoại khoa.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

Đánh giá theo các nội dung của mục tiêu môn học

2. Phương pháp đánh giá:

2.1. Điểm mô đun:

Điểm	Nội dung	Hình thức	Số điểm	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên	**Thực hành**	Báo cáo thực hành, thảo luận nhóm	**1**	40%
Điểm định kỳ	**Thực hành**	Kiểm tra thực hành, nhận xét trực tiếp tại bệnh viện	**2**	
Điểm thi	**Thực hành**	Thi thực hành tại bệnh viện	**1**	60%

2.2. Người học được dự thi kết thúc môn học khi bảo đảm các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 80% thời gian thực hành.
- Hoàn thành hồ sơ bệnh án và nhật ký thực tập.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Học sinh năm học thứ 2 chuyên ngành Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên: Sử dụng phương pháp hướng dẫn lâm sàng trực tiếp, kết hợp quan sát – nhận định – thực hành – phản hồi; hướng dẫn học sinh đánh giá và thực hiện các kỹ thuật PHCN ngoại khoa, khuyến khích thảo luận nhóm, trình bày ca bệnh, tự lượng giá kết quả phục hồi.
- Đối với học sinh: Chủ động học tập, tìm hiểu trước quy trình điều trị và tình trạng bệnh nhân; tích cực tham gia các hoạt động thực hành, thảo luận và phản hồi; tuân thủ nghiêm túc quy trình kỹ thuật, quy định an toàn và đạo đức nghề nghiệp.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Đánh giá chính xác cơ lực, tầm vận động, đau, phù nề, sẹo và chức năng vận động của bệnh nhân ngoại khoa.
- Thực hành đúng, an toàn các kỹ thuật vận động trị liệu, tập mạnh cơ, xoa bóp, điện trị liệu, nhiệt trị liệu và hướng dẫn tập phục hồi tại nhà.
- Nắm vững nguyên tắc tập luyện theo giai đoạn phục hồi sau phẫu thuật.
- Giao tiếp tốt, động viên tinh thần bệnh nhân và phối hợp hiệu quả với nhóm điều trị.

4. Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Y tế (2014), *Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Phục hồi chức năng.*

[2]. Bộ Y tế (2014), *Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị chuyên nhành phục hồi chức năng*

[3]. Bộ Y tế (2010), *Bài giảng bệnh học Nội khoa*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BUÔN MA THUỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP
Mã mô đun: CDVL26
Số tín chỉ: 7
Thời gian thực hiện mô đun: 315 giờ *(Lý thuyết: 0 giờ; TH: 310 giờ; kiểm tra: 5 giờ)*

I. Vị trí, tính chất của mô đun

a. Vị trí

Để tiếp thu kiến thức của học phần này, người học cần phải học qua các học phần hoàn thành toàn bộ chương trình đào tạo

b. Tính chất

Là học phần kiến thức chuyên ngành: thuộc môn đào tạo bắt buộc

II. Mục tiêu mô đun

Sau khi học xong mô đun, người học đạt được:

a. Về kiến thức

Trình bày được các kiến thức cơ bản về vận động trị liệu

b. Về kỹ năng

Thực hiện được trực tiếp tập cho bệnh nhân hoặc hướng dẫn bệnh nhân về vận động trị liệu.

c. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Thể hiện thận trọng, tỷ mỉ, chính xác khi thực hiện chăm sóc người bệnh.

III. Nội dung môn học

a. Nội dung tổng quát

TT	Nội dung
1	**Giao tiếp, ứng xử** - Giao tiếp tự tin, sử dụng ngôn ngữ giao tiếp hiệu quả - Đáp ứng bằng lời hoặc hành động phù hợp với người bệnh - Giải thích mục đích yêu cầu của kỹ thuật để người bệnh hợp tác khi làm thủ thuật

2	**Bệnh án VLTL/PHCN** - Đánh giá người bệnh thích hợp: Khai thác được bệnh sử, nhận định tình trạng SK người bệnh, diễn giải đúng các dữ liệu cơ bản của người bệnh đối chiếu với hằng số sinh lý, tâm lý xã hội. - Thăm khám – Lượng giá nhu cầu VLTL/PHCN - Mục đích – Phương pháp – Kế hoạch thực hiện VLTL/PHCN - Đề phòng y học - Tư vấn - GDSK/ cung cấp thông tin phù hợp cho người bệnh và gia đình
3	**Thực hiện kỹ thuật trên người bệnh:** đúng kỹ thuật, an toàn cho người bệnh (có nội dung chi tiết kèm theo)
4	**Trả lời câu hỏi của giảng viên**

Chỉ tiêu lâm sàng sinh viên cần đạt được:

TT	Nội dung	Tự làm	Ghi chú
1	Tiếp nhận bệnh nhân vào khoa	6	
2	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân sau phẫu thuật khớp háng	10	
3	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân sau phẫu thuật khớp gối	10	
4	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân sau phẫu thuật nối gân	10	
5	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân đau lưng	16	
6	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân mắc hội chứng ống cổ tay	12	
7	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân viêm khớp dạng thấp	8	
8	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân viêm cột sống dính khớp	4	
9	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân thoát vị đĩa đệm	12	
10	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân thoái hoá cột sống	8	
11	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân thoái hoá khớp gối	8	
12	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân tai biến mạch máu não	16	
13	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân tổn thương tuỷ sống	12	

14	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân Parkinson	10	
15	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân sa sút trí tuệ	5	
16	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân liệt VII ngoại biên	5	
17	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân đau dây thần kinh toạ	16	
18	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân chấn thương sọ não	12	
19	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho trẻ tự kỷ	12	
20	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho trẻ chậm phát triển trí tuệ	12	
21	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho trẻ bại não	12	
22	Phát hiện và phòng ngừa loét do đè ép cho bệnh nhân liệt nửa người và tổn thương tuỷ sống	16	
23	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân dị tật bàn chân	6	
24	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân vẹo cổ do xơ cơ ức đòn chũm	4	
25	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân hội chứng cổ vai	8	
26	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân gãy xương chi trên	8	
27	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân gãy xương chi dưới	8	
28	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân tổn thương sụn chêm	6	
29	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân thay khớp vai	4	
30	lượng giá hô hấp và các kỹ thuật	10	
31	sử dụng các phương pháp vật lý trị liệu	20	
32	phát hiện và phòng ngừa thương tật thứ cấp	10	
33	sử dụng các dụng cụ phục hồi chức năng	20	
34	Lượng giá chức năng và xây dựng bài tập cho bệnh nhân rối loạn đại tiểu tiện	8	
35	Tư vấn, giáo dục bệnh nhân và người nhà bệnh nhân	10	
36	Ghi hồ sơ và biểu mẫu điều trị	6	

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học, thực hành: Tại cơ sở thực hành tại bệnh viện

2. Thiết bị máy móc: Trang thiết bị, dụng cụ tại cơ sở thực hành bệnh viện

V. Nội dung và Phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá:

Học tập trung tại cơ sở thực hành; thời lượng không quá 8 giờ/ngày dưới sự hướng dẫn của cán bộ Nhà trường và cán bộ nhân viên trong khoa, phòng của cơ sở thực hành.

- Kiến thức:

Hiểu được nguyên lý, cơ sở khoa học của phương thức điều trị Vật lý trị liệu

- Kỹ năng:

Hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học.

Thực hiện được các phương thức điều trị Vật lý trị liệu theo yêu cầu

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có ý thức tự giác, trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau: tham gia đầy đủ thời lượng lý thuyết và thực hành môn học

2. Phương pháp đánh giá:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ đào tạo Cao đẳng Kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy học tập mô đun:

- Đối với giảng viên: Giảng viên thực hiện giảng dạy theo giáo án đã soạn, kết hợp với phương pháp sư phạm để truyền đạt kiến thức cho sinh viên.

- Đối với người học:

Quan sát, hoạt động nhóm, thao tác theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Quy trình lượng giá → đặt mục tiêu → xây dựng bài tập → theo dõi kết quả.

- Phục hồi chức năng cho đột quỵ, đau lưng, thoát vị đĩa đệm, thoái hóa khớp gối, sau thay khớp háng/gối.

- Các phương pháp vật lý trị liệu, kỹ thuật hô hấp và sử dụng dụng cụ PHCN.

- Kỹ năng giao tiếp, ghi hồ sơ và tư vấn người bệnh.

4. Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Y tế (2014), *Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Phục hồi chức năng.*

[2]. Bộ Y tế (2014), *Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị chuyên nhành phục hồi chức năng*

[3]. Bộ Y tế (2010), *Bài giảng bệnh học Nội khoa*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
BÁCH KHOA TÂY NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3253/QĐ-CĐBKTN

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chương trình đào tạo thực hành khối ngành sức khỏe trình độ Cao đẳng ngành Y học cổ truyền

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁCH KHOA TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số: 531/QĐ-LĐTBXH ngày 12 tháng 04 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng Bách khoa Tây Nguyên, trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp Đam San;

Căn cứ thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình;

Căn cứ Quyết định số 3222/QĐ-CĐBKTN ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng Bách khoa Tây Nguyên về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Y học cổ truyền trình độ Cao đẳng;

Xét theo đề nghị của trưởng phòng Đào tạo - Quản lý học sinh, sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo thực hành khối ngành sức khỏe trình độ Cao đẳng Y học cổ truyền của Trường cao Đẳng Bách khoa Tây Nguyên *(Có chương trình kèm theo).*

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các đơn vị thuộc trường, các phòng và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: PĐT&QLHSSV, VT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁCH KHOA TÂY NGUYÊN

ThS. Nguyễn Thái Bình

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
BÁCH KHOA TÂY NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH
NGÀNH CAO ĐẲNG Y SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3253/QĐ-CĐBKTN ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bách khoa Tây Nguyên)

- Số lượng môn học, mô đun: 10
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 26 tín chỉ
- Khối lượng thực tập tại bệnh viện: 1225 giờ trong đó: 1190 giờ thực tập và 25 giờ kiểm tra

STT	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	TH/ TT/BT	Thi kiểm tra
1	Thực hành lâm sàng nội bệnh lý y học cổ truyền	2	90	0	85	5
2	Thực hành lâm sàng ngoại bệnh lý y học cổ truyền	2	90	0	85	5
3	Thực hành lâm sàng nhi khoa y học cổ truyền	2	90	0	85	5
4	Thực hành lâm sàng sản phụ khoa y học cổ truyền	2	90	0	85	5
5	Thực hành lâm sàng da liễu y học cổ truyền	2	90	0	85	5
6	Thực tập lâm sàng y học cổ truyền	3	180	0	180	0
7	Thực tập lâm sàng y học hiện đại	3	135	0	135	0
8	Thực tập lâm sàng châm cứu	3	135	0	135	0
9	Thực tập lâm sàng cộng đồng	3	135	0	135	0
10	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	180	0
Tổng cộng		**26**	**1215**	**0**	**1190**	**25**

Tên mô đun: THỰC HÀNH LÂM SÀNG NỘI BỆNH LÝ Y HỌC CỔ TRUYỀN

Mã mô đun: MĐ 21

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 85 giờ; Kiểm tra: 5 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Thực hành lâm sàng nội bệnh lý y học cổ truyền là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

Các mô đun học trước: Nội bệnh lý y học cổ truyền.

- Tính chất: Đây là mô đun chuyên ngành. Mô đun này thực hành lâm sàng tại bệnh viện. Cung cấp cho sinh viên:

+ Thực hành bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống tim mạch hô hấp nhằm cung cấp cho sinh viên các kỹ năng lập luận logic dựa trên khai thác bệnh sử, khám lâm sàng, chỉ định và biện luận cận lâm sàng để chẩn đoán một số bệnh tim mạch, hô hấp thường gặp, từ đó lập kế hoạch và viết được y lệnh điều trị bằng y học hiện đại kết hợp với y học cổ truyền;

+ Thực hành bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống Thần kinh cung cấp cho sinh viên các kỹ năng khai thác bệnh sử, khám lâm sàng, chỉ định và biện luận cận lâm sàng để chẩn đoán, từ đó lập kế hoạch điều trị y học hiện đại kết hợp với y học cổ truyền dựa trên y học thực chứng. Sinh viên có khả năng làm việc nhóm và tự học;

+ Thực hành "Bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống cơ xương khớp" trang bị các kỹ năng giúp sinh viên chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý Cơ- xương- khớp thường gặp, nhận biết được vai trò của ngành YHCT trong việc tham gia điều trị một số bệnh lý Cơ- xương- khớp thường gặp và các tình huống cần can thiệp/ hội chẩn YHHĐ; kỹ năng làm việc nhóm, thảo luận, phản biện, giải quyết vấn đề, tư vấn cho bệnh nhân;

+ Thực hành các kỹ năng chẩn đoán, lập kế hoạch điều trị một số bệnh lý thường gặp thuộc hệ thống Thận – Nội tiết – Huyết học theo YHHĐ và YHCT, nhận biết được vai trò của YHCT trong việc tham gia điều trị một số bệnh lý Thận – Nội tiết – Huyết học thường gặp và các tình huống cần can thiệp/ hội chẩn YHHĐ; kỹ năng làm việc nhóm, thảo luận, phản biện, giải quyết vấn đề, tư vấn cho bệnh nhân;

+ Thực hành các kỹ năng lập luận logic dựa trên khai thác bệnh sử, khám lâm sàng, chỉ định và biện luận cận lâm sàng để chẩn đoán một số bệnh tim mạch, hô hấp thường gặp, từ đó lập kế hoạch và đưa ra được y lệnh điều trị bằng y học hiện đại kết hợp với y học cổ truyền dựa trên y học thực chứng.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức:

Thực hiện đúng, đủ các kỹ năng hỏi bệnh, khám lâm sàng trong một số bệnh lý tim mạch – hô hấp; bệnh lý thần kinh; bệnh lý tiêu hóa, gan mật; bệnh lý cơ xương khớp; bệnh lý Thận – Nội tiết – Huyết học thường gặp.

2.2. Kỹ năng:

+ Chỉ định phù hợp và phân tích được ý nghĩa các kết quả cận lâm sàng, thăm dò chức năng trong một số bệnh lý tim mạch – hô hấp; bệnh lý thần kinh; bệnh lý tiêu hóa, gan mật; bệnh lý cơ xương khớp; bệnh lý Thận – Nội tiết – Huyết học thường gặp;

+ Vận dụng các tiêu chuẩn chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt theo YHHĐ và YHCT một số bệnh lý tim mạch – hô hấp; bệnh lý thần kinh; bệnh lý tiêu hóa, gan mật; bệnh lý cơ xương khớp; bệnh lý Thận – Nội tiết – Huyết học thường gặp;

+ Xây dựng được kế hoạch điều trị theo YHHĐ, YHCT và phối hợp YHHĐ với YHCT trong một số bệnh lý tim mạch – hô hấp; bệnh lý thần kinh; bệnh lý tiêu hóa, gan mật; bệnh lý cơ xương khớp; bệnh lý Thận – Nội tiết – Huyết học thường gặp dựa trên bằng chứng khoa học;

+ Xây dựng kế hoạch dự phòng một số bệnh lý tim mạch – hô hấp; bệnh lý thần kinh; bệnh lý tiêu hóa, gan mật; bệnh lý cơ xương khớp; bệnh lý Thận – Nội tiết – Huyết học thường gặp dựa vào các yếu tố nguy cơ;

+ Có khả năng tự học, làm việc nhóm.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Rèn luyện tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/TH/ TN	Kiểm tra
1	Bài 1. Bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống tim mạch – hô hấp	17	0	17	0
2	Bài 2. Bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống thần kinh	17	0	17	0
3	Bài 3. Bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống cơ xương khớp	17	0	17	0
4	Bài 4. Bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống thận – nội tiết – huyết học	17	0	17	0
5	Bài 5. Bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống tiêu hoá gan – mật	17	0	17	0
6	Kiểm tra	5	0	0	5

Tổng	**90**	**0**	**85**	**5**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống tim mạch – hô hấp, Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích được ý nghĩa các dấu hiệu trên điện tâm đồ trong bệnh mạch vành cấp và mạn;

- Phân tích được ý nghĩa các dấu hiệu trên xquang ngực trong hen phế quản và bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong bệnh tăng huyết áp;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong bệnh thiếu máu cơ tim;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong rối loạn lipid máu

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong bệnh suy dãn tĩnh mạch chi dưới

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính.

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong bệnh hen phế quản.

2. Nội dung

1.1. Kỹ năng đọc điện tâm đồ trong bệnh mạch vành cấp và mạn

1.2. Kỹ năng đọc Xquang ngực trong chẩn đoán bệnh hô hấp

1.3. Tăng huyết áp

1.4. Thiếu máu cơ tim

1.5. Rối loạn lipid máu

1.6. Suy dãn tĩnh mạch chi dưới

1.7. Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính

1.8. Hen phế quản

Bài 2. Bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống thần kinh,

Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu

- Thực hiện đúng, đủ các kỹ năng hỏi bệnh, khám lâm sàng trong một số bệnh lý thần kinh thường gặp;

- Phân tích được ý nghĩa các dấu hiệu trên xquang Thắt lưng trong bệnh lý đau thần kinh tọa;

- Mô tả được ý nghĩa của điện cơ trong một số bệnh lý thần kinh ngoại biên;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ của Đột quỵ;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong Đau vai sau Đột quỵ;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ của Đau đầu Migrain;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ của Rối loạn giấc ngủ;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ của liệt VII ngoại biên vô căn;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong Đau thần kinh tọa;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ của Hội chứng ống cổ tay;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ của liệt do chấn thương tủy;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ của đau thần kinh sau Zona;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ của viêm đa dây thần kinh do đái tháo đường.

2. Nội dung

2.1. Kỹ năng khám vận động, cảm giác, 12 dây thần kinh sọ

2.2. Kỹ năng đọc Xquang cột sống thắt lưng trong chẩn đoán bệnh lý Đau thần kinh

2.3. Kiến tập đo điện cơ trên bệnh nhân

2.4. Phục hồi vận động sau đột quỵ

2.5. Đau vai sau Đột quỵ

2.6. Đau đầu Migrain

2.7. Rối loạn giấc ngủ

2.8. Liệt VII ngoại biên vô căn

2.9. Đau thần kinh tọa

2.10. Hội chứng ống cổ tay

2.11. Liệt do chấn thương tủy

2.12. Đau thần kinh sau Zona

2.13. Viêm đa dây thần kinh do đái tháo đường

Bài 3. Bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống xương khớp,

Thời gian:17 giờ

1. Mục tiêu

- Tiếp cận và biện luận để chẩn đoán các bệnh cơ xương khớp;

- Khám đúng kỹthuật phù hợp từngbệnh lý;

- Phân tích được kếtquả khám;

- Nhận biết được các mốc giải phẫu của phim X-quang xương khớp bình thường (cột sốngháng- gối- bàn tay);

- Nhận biết được các dấu hiệu bất thường trên Xquang xương khớp;

- Lựa chọn phương pháp giảm đau cho từng tình huống bệnh cụ thể;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong bệnh Viêm khớp gout;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong bệnh Thoái hóa khớp;

- Đưa ra được chẩnđoán, biện phápcan thiệp điều trị,dự phòng thích hợptheo YHHĐ kếthợp YHCT dựatrên chứng cứ trong bệnh Viêm khớp dạng thấp;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong bệnh Viêm khớpdạng thấp;

- Đưa ra được chẩnđoán, biện phápcan thiệp điều trị,dự phòng thích hợptheo YHHĐ kếthợp YHCT dựatrên chứng cứ trongbệnh viêm gân cơ;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong bệnh HC cổ vai.

2. Nội dung

3.1. Tiếp cận bệnh lý Cơ Xương Khớp

3.2. Kỹ thuật khám lâm sàng bệnh lý cơ xương khớp

3.3. Đọc X-quang cơ xương khớp

3.4. Các phương pháp giảm đau

3.5. Các phương pháp giảm đau

3.6. Viêm khớp gout

3.7. Thoái hóa khớp

3.8. Viêm khớp gout

3.9. Loãng xương

3.10. Viêm gân cơ

3.11. HC cổ vai

Bài 4. Bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống thận – nội tiết – huyết học,

Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích được ý nghĩa các bất thường trong công thức máu và định hướng tiếp cận bệnh nhân thiếu máu;

- Phân tích được ý nghĩa các thông số xét nghiệm nước tiểu và bước đầu định hướng tiếp cận bệnh nhân hệ thận - tiết niệu;

- Kỹ năng khám động tĩnh mạch ngoại biên, khám các dấu xơ vữa động mạch;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong bệnh thiếu máu mạn;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong rối loạn lipid máu;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong bệnh nhiễm trùng tiết niệu;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong bệnh đái tháo đường;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong suy sinh dục nam.

2. Nội dung

4.1. Công thức máu

4.2. Tổng phân tích nước tiểu

4.3. Kỹ năng khám mạch máu ngoại biên

4.4. Thiếu máu mạn

4.5. Rối loạn lipid máu

4.6. Nhiễm trùng tiết niệu

4.7. Đái tháo đường

4.8. Suy sinh dục

Bài 5. Bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống tiêu hoá gan – mật,

Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu

- Tiếp cận và biện luận các biểu hiện lâm sàng các bệnh lý tiêu hóa gan mật thường gặp;

- Đọc và phân tích các kết quả xét nghiệm, siêu âm, CT bất thường trên bệnh cụ thể;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong bệnh Viêm gan mạn;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong bệnh Xơ gan;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong Viêm đại tràng;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong bệnh suy dãn tĩnh mạch chi dưới;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong bệnh GERD;

- Đưa ra được chẩn đoán, biện pháp can thiệp điều trị, dự phòng thích hợp theo YHHĐ kết hợp YHCT dựa trên chứng cứ trong bệnh h Viêm loét DD TT.

2. Nội dung

5.1. Tiếp cận bệnh tiêu hóa gan mật

5.2. Các CLS tiêu hóa gan mật

5.3. Viêm gan mạn

5.4. Xơ gan

5.5. Viêm đại tràng

5.6. HC đại tràng kích thích

5.7. GERD

5.8. Viêm loét dạ dày tá tràng

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Thực hành lâm sàng tại Khoa Y học cổ truyền, Bệnh viện/Trung tâm y tế

2. Trang thiết bị máy móc: theo khoa chuyên môn.

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập), sử dụng qui trình kỹ thuật để dạy thực hành, xem Video, Slide. Nội dung thực tập cách bắt mạch và xem lưỡi theo Y học cổ truyền...

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên nắm được các nội dung thực hành về nội khoa y học cổ truyền để thực hành lâm sàng tại bệnh viện. Bao gồm số bệnh lý tim mạch – hô hấp; bệnh lý thần kinh; bệnh lý tiêu hóa, gan mật; bệnh lý cơ xương khớp; bệnh lý Thận – Nội tiết – Huyết học.

- Về kỹ năng: Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc, điều trị người bệnh theo chỉ tiêu thực hiện đề ra về một số bệnh lý tim mạch – hô hấp; bệnh lý thần kinh; bệnh lý tiêu hóa, gan mật; bệnh lý cơ xương khớp; bệnh lý Thận – Nội tiết – Huyết học.

- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	Bắt buộc tham gia kiểm tra tai các khoa thực tập.	20%
2	Điểm bài tập (Làm bệnh án). (trung bình cộng điểm của các giảng viên)	Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định.	20%
3	Thi kết thúc	Bắt buộc tham gia thi kết thúc tại các khoa thực tập (Hỏi thi LS: 40%, Chấm bệnh án thi: 20%)	60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp sinh viên thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá sinh viên, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.

+ Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1buổi.

+ Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.

+ Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

1. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Tất cả ccác bài.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Nguyễn Thị Bay, Bệnh học và điều trị Nội khoa kết hợp Đông Tây y, Nxb Y học, 2007.

[2] Podolsky, Daniel K, Yamada's textbook of gastroenterology. 2 volumes. 6th edition, John Wiley & Sons, 2015.

[3] John M. Inadomi et al, Yamada's handbook of gastroenterology. 4th edition, Wiley-Blackwell, 2019.

[4] Giovanni Maciocia, The Practice of Chinese Medicine The Treatment of Diseases with Acupuncture and Chinese Herbs, Churchill Livingstone – Elsevier, 2018.

[5] Trần Quốc Bảo, Bệnh học nội khoa y học cổ truyền, Nhà xuất bản Quân Đội Nhân Dân, 2016.

[6] Nguyễn Nhược Kim, Nguyễn Thị Thu Hà, Bệnh học nội khoa y học cổ truyền, Nxb Y học, 2016.

[7] Trần Thúy, Vũ Nam, Lê Thị Hiền, Nguyễn Văn Toại, Nguyễn Thị Thu Hà, Điều trị học kết hợp y học hiện đại và y học cổ truyền, Nxb Y học, 2014.

[8] Zhanwen Liu, Liang Liu, Essentials of Chinese Medicine Vol.1,2,3, Springer, 2009.

[9] Giovanni Maciocia, The Foundations of Chinese Medicine AComprehensive Text for Acupuncturists and Herbalists, CHURCHILLLIVINGSTONE, 2005.

[10] Mai Thế Trạch, Nguyễn Thy Khuê, Nội tiết học đại cương, Nxb Y học, 2005.

[11] Trương Vĩnh Viêm, Trung y nội khoa học, Nhân Dân Vệ Sinh xuất bản xã, 2016.

[12] Nguyễn Khoa Diệu Vân, Nội tiết học trong thực hành lâm sàng (The Washington Manual), Nxb Y học, 2012.

[13] Nguyễn Đạt Anh, Nguyễn Thị Hương, Các xét nghiệm thường quy áp dụng trong thực hành lâm sàng, Nxb Y học, 2013.

[14] Bộ Y Tế, Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý huyết học, Nxb Y học, 2015.

[15] Hochberg, Marc C., et al, Rheumatology. 7th edition, Elsevier Mosby, Philadelphia, 2012.

[16] Firestein, Gary S., et al, Kelley and Firestein's Textbook of, Elsevier, 2017.

[17] Bob Flaws, Philippe Sionneau, The treatment of modern western medical diseases with chinese medicine, Blue Poppy Press, 2005.

[18] Trịnh Thị Diệu Thường, Nguyễn Thị Bay, Bệnh học YHCT, Nxb Y học, 2021.

[19] Trịnh Thị Diệu Thường, Nguyễn Thị Bay, Chuẩn đoán y học cổ truyền, Nxb Y học, 2021.

[20] Trịnh Thị Diệu Thường, Châm cứu ứng dụng, Ncb Y học, 2019.

[21] Nguyễn Văn Chương, Thực hành thần kinh học tập 1, Nxb Y học Hà Nội, 2007.

[22] Nguyễn Văn Chương, Thực hành thần kinh học tập 3, Nxb Y học Hà Nội, 2009.

[22] Nguyễn Văn Chương, Thực hành thần kinh học tập 2, 4, 5, Nxb Y học Hà Nội, 2015.

[23] Giovanni Maciocia, The Practice of Chinese Medicine The Treatment of Diseases with Acupuncture and Chinese Herbs, Churchill Livingstone – Elsevier, 2008.

[24] Douglas P. Zipes, Braunwald's Heart Disease: A Textbook of Cardiovascular Medicine, Elsevier, 2018.

[25] Michael A. Grippi và các cộng sự, Fishman's pulmonary diseases and disorders, McGraw Education, 2015.

Tên mô đun: THỰC HÀNH LÂM SÀNG NGOẠI BỆNH LÝ Y HỌC CỔ TRUYỀN

Mã mô đun: MĐ 23

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 85 giờ; Kiểm tra: 5 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Thực hành lâm sàng ngoại bệnh lý y học cổ truyền là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

Các mô đun học trước: Ngoại bệnh lý y học cổ truyền.

- Tính chất: Đây là mô đun chuyên ngành. Mô đun này giúp sinh viên trang bị cho sinh viên các kỹ năng: tiếp cận, chẩn đoán, điều trị và hướng dẫn vệ sinh phòng bệnh được một số bệnh lý Ngoại thường gặp theo y học cổ truyền, xác định được các trường hợp cần phải chuyển viện.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức:

Thăm khám được các triệu chứng, hội chứng theo y học cổ truyền của một số bệnh Ngoại thường gặp.

2.2. Kỹ năng:

+ Chẩn đoán được một số bệnh Ngoại thường gặp.

+ Hoàn thiện bệnh án Ngoại y học cổ truyền.

+ Xử trí được một số bệnh Ngoại thường gặp theo y học cổ truyền và y học hiện đại.

+ Hướng dẫn được cách vệ sinh phòng bệnh một số bệnh Ngoại y học cổ truyền thường gặp.

+ Hợp tác tốt với bệnh nhân, thân nhân, nhân viên y tế, cộng đồng.

+ Có kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Rèn luyện tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/TH/ TN	Kiểm tra
1	Bài 1. Bong gân	14	0	14	0
2	Bài 2. Trật khớp	14	0	14	0
3	Bài 3. Bỏng	14	0	14	0
4	Bài 4. Sỏi, đường tiết niệu	15	0	15	0
5	Bài 5. Trĩ	14	0	14	0

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/TH/ TN	Kiểm tra
6	Bài 6. Vết thương phần mềm	14	0	14	0
7	Kiểm tra	5	0	0	5
Tổng		**90**	**0**	**85**	**5**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Bong gân, Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được Bong gân theo y học hiện đại – y học cổ truyền;

- Lập kế hoạch điều trị;

- Điều trị được Bong gân mức độ nhẹ và vừa. Chuyển viện những trường hợp nặng hoặc có biến chứng;

- Hướng dẫn cho người bệnh chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh.

2. Nội dung

1.1. Khám bệnh

1.2. Chuẩn đoán

1.3. Lập kế hoạch điều trị

1.4. Điều trị

Bài 2. Trật khớp, Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được Trật khớp theo y học hiện đại – y học cổ truyền;

- Lập kế hoạch điều trị;

- Điều trị được Trật khớp mức độ nhẹ và vừa. Chuyển viện những trường hợp nặng hoặc có biến chứng;

- Hướng dẫn cho người bệnh chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh.

2. Nội dung

2.1. Khám bệnh

2.2. Chuẩn đoán

2.3. Lập kế hoạch điều trị

2.4. Điều trị

Bài 3. Bỏng, Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được Bỏng theo y học hiện đại – y học cổ truyền;

- Lập kế hoạch điều trị;

- Điều trị được Bỏng mức độ nhẹ và vừa. Chuyển viện những trường hợp nặng hoặc có biến chứng;

- Hướng dẫn cho người bệnh chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh.

2. Nội dung

3.1. Khám bệnh

3.2. Chuẩn đoán

3.3. Lập kế hoạch điều trị

3.4. Điều trị

Bài 4. Sỏi, đường tiết niệu, Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được Sỏi đường tiết niệu theo y học hiện đại – y học cổ truyền;

- Lập kế hoạch điều trị;

- Điều trị được Sỏi đường tiết niệu cá mức độ nhẹ và vừa. Chuyển viện những trường hợp nặng hoặc có biến chứng;

- Hướng dẫn cho người bệnh chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh.

2. Nội dung

4.1. Khám bệnh

4.2. Chuẩn đoán

4.3. Lập kế hoạch điều trị

4.4. Điều trị

Bài 5. Trĩ, Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được Trĩ theo y học hiện đại – y học cổ truyền;

- Lập kế hoạch điều trị;

- Điều trị được Trĩ mức độ nhẹ và vừa. Chuyển viện những trường hợp nặng hoặc có biến chứng;

- Hướng dẫn cho người bệnh chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh.

2. Nội dung

5.1. Khám bệnh

5.2. Chuẩn đoán

5.3. Lập kế hoạch điều trị

5.4. Điều trị

Bài 6. Vết thương phần mềm, thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được Vết thương phần mềm theo y học hiện đại – y học cổ truyền;

- Lập kế hoạch điều trị;

- Điều trị được Vết thương phần mềm mức độ nhẹ, vừa. Chuyển viện những trường hợp nặng hoặc có biến chứng;

- Hướng dẫn cho người chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh.

2. Nội dung

6.1. Khám bệnh

6.2. Chuẩn đoán

6.3. Lập kế hoạch điều trị

6.4. Điều trị

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Thực hành lâm sàng tại Khoa Y học cổ truyền, Bệnh viện/Trung tâm y tế

2. Trang thiết bị máy móc: theo từng khoa chuyên môn.

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập), sử dụng qui trình kỹ thuật để dạy thực hành, xem Video, Slide. Nội dung thực tập cách bắt mạch và xem lưỡi theo Y học cổ truyền...

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên nắm được các nội dung thực hành về ngoại khoa y học cổ truyền để thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

- Về kỹ năng: Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc, điều trị người bệnh theo chỉ tiêu thực hiện đề ra.

- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số

1	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	Bắt buộc tham gia kiểm tra tai các khoa thực tập.	20%
2	Điểm bài tập (Làm bệnh án). *(trung bình cộng điểm của các giảng viên)*	Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định.	20%
3	Thi kết thúc	Bắt buộc tham gia thi kết thúc tại các khoa thực tập (Hỏi thi LS: 40%, Chấm bệnh án thi: 20%)	60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp sinh viên thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá sinh viên, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.

+ Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1buổi.

+ Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.

+ Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Tất cả ccác bài.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Nguyễn Thị Bay, Bệnh học và điều trị ngoại – ngũ quan, Nxb Y học, 2010.

[2] Trần Hậu Khang, Nguyễn Văn Thường, Bệnh học ngoại, Nxb Y học, 2014.

[3] Phạm Văn Trịnh, Ngoại khoa y học cổ truyền, Nxb Y học, 2002.

Tên mô đun: THỰC HÀNH LÂM SÀNG NHI KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN

Mã mô đun: MĐ 25

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 85 giờ; Kiểm tra: 5 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Thực hành lâm sàng nhi khoa y học cổ truyền là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

Các mô đun học trước: Nhi khoa y học cổ truyền.

- Tính chất: Đây là mô đun chuyên ngành. Mô đun này giúp sinh viên trang bị cho sinh viên các kỹ năng: tiếp cận, chẩn đoán, điều trị và hướng dẫn vệ sinh phòng bệnh được một số bệnh lý Nhi khoa thường gặp theo y học cổ truyền, xác định được các trường hợp cần phải chuyển viện.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức:

Thăm khám được các triệu chứng, hội chứng theo y học cổ truyền của một số bệnh Nhi khoa thường gặp.

2.2. Kỹ năng:

+ Chẩn đoán được một số bệnh Nhi khoa thường gặp.

+ Hoàn thiện bệnh án Nhi khoa y học cổ truyền.

+ Xử trí được một số bệnh Nhi khoa thường gặp theo y học cổ truyền và y học hiện đại.

+ Hướng dẫn được cho người chăm sóc trẻ cách vệ sinh phòng bệnh một số bệnh Nhi khoa thường gặp.

+ Xác định được các trường hợp cần phải chuyện viện của một số bệnh Nhi khoa thường gặp.

+ Hợp tác tốt với bệnh nhi, thân nhân, nhân viên y tế, cộng đồng.

+ Có kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Rèn luyện tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/TH/ TN	Kiểm tra
1	Bài 1. Suy dinh dưỡng	22	0	22	0
2	Bài 2. Viêm hô hấp	22	0	22	0
3	Bài 3. Hen phế quản	22	0	22	0

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/TH/ TN	Kiểm tra
4	Bài 4. Đái dầm không thực tổn	19	0	19	0
5	Kiểm tra	5	0	0	5
Tổng		**90**	**0**	**85**	**5**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Suy dinh dưỡng, Thời gian: 22 giờ

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được suy dinh dưỡng theo y học cổ truyền;
- Chẩn đoán được suy dinh dưỡng tương ứng với thể bệnh của y học cổ truyền;
- Lập kế hoạch điều trị;
- Điều trị được suy dinh dưỡng mức độ nhẹ và vừa chưa có biến chứng;
- Hướng dẫn cho người chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh;
- Chuyển viện những trường hợp suy dinh dưỡng mức độ vừa có biến chứng hoặc mức độ nặng

2. Nội dung

1.1. Khám bệnh

1.2. Chuẩn đoán

1.3. Lập kế hoạch điều trị

1.4. Điều trị

Bài 2. Viêm hô hấp, Thời gian: 22 giờ

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được viêm hô hấp trên, viêm phổi, viêm tiểu phế quản tương ứng với thể bệnh của y học cổ truyền;
- Lập kế hoạch điều trị;
- Điều trị được viêm hô hấp trên, Viêm phổi, viêm tiểu phế quản;
- Hướng dẫn cho người chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh;
- Chuyển viện những trường hợp ….

2. Nội dung

2.1. Khám bệnh

2.2. Chuẩn đoán

2.3. Lập kế hoạch điều trị

2.4. Điều trị

Bài 3. Hen phế quản, Thời gian: 22 giờ

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được hen phế quản tương ứng với thể bệnh của y học cổ truyền;

- Lập kế hoạch điều trị;

- Xử trí được cơn Hen phế quản cấp mức độ nhẹ - trung bình;

- Điều trị được Hen phế quản kiểm soát một phần;

- Hướng dẫn cho người chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh;

- Chuyển viện những trường hợp Hen phế quản cấp mức độ nặng và Hen phế quản chưa kiểm soát

2. Nội dung

3.1. Khám bệnh

3.2. Chuẩn đoán

3.3. Lập kế hoạch điều trị

3.4. Điều trị

Bài 4. Đái dầm không thực tổn, Thời gian: 19 giờ

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được Đái dầm không thực tổn theo y học hiện đại;

- Chẩn đoán được Đái dầm không thực tổn tương ứng với thể bệnh của y học cổ truyền;

- Lập kế hoạch điều trị;

- Điều trị được Đái dầm không thực tổn.

2. Nội dung

4.1. Khám bệnh

4.2. Chuẩn đoán

4.3. Lập kế hoạch điều trị

4.4. Điều trị

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Thực hành lâm sàng tại Khoa Y học cổ truyền, Bệnh viện/Trung tâm y tế

2. Trang thiết bị máy móc: theo từng khoa chuyên môn.

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập), sử dụng qui trình kỹ thuật để dạy thực hành, xem Video, Slide. Nội dung thực tập cách bắt mạch và xem lưỡi theo Y học cổ truyền...

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên nắm được các nội dung thực hành về nhi khoa y học cổ truyền để thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

- Về kỹ năng: Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc, điều trị người bệnh theo chỉ tiêu thực hiện đề ra.

- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	Bắt buộc tham gia kiểm tra tai các khoa thực tập.	20%
2	Điểm bài tập (Làm bệnh án). *(trung bình cộng điểm của các giảng viên)*	Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định.	20%
3	Thi kết thúc	Bắt buộc tham gia thi kết thúc tại các khoa thực tập (Hỏi thi LS: 40%, Chấm bệnh án thi: 20%)	60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp sinh viên thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá sinh viên, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.

+ Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1buổi.

+ Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.

+ Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Tất cả các bài.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Nguyễn Thị Bay, Bệnh học và điều trị truyền nhiễm nhi khoa (kết hợp đông tây y), Đại học Y dược TP. HCM, 2010.

[2] Nguyễn Thị Thu Hà, Đặng Minh Hằng, Nhi khoa y học cổ truyền (sách đào tạo đại học và sau đại học), Nxb Y học, 2018.

[3] Nguyễn Công Khanh, Nguyễn Hoàng Nam, Tiếp cận chẩn đoán và điều trị Nhi khoa, Nxb Y học, 2013.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên mô đun: THỰC HÀNH LÂM SÀNG SẢN PHỤ KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN

Mã mô đun: MĐ 27

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 85 giờ; Kiểm tra: 5 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Thực hành lâm sàng sản phụ khoa y học cổ truyền là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

Các mô đun học trước: Y học hiện đại, Nội, Ngoại, Sản, Nhi, và công tác điều dưỡng.

- Tính chất: Đây là mô đun chuyên ngành. Mô đun này giúp sinh viên cung cấp kiến thức chẩn đoán và xử trí ban đầu bệnh viêm dinh dục nữ, chăm sóc tiền sản ốm nghén, hậu sản viêm tuyến vú – tắc tia sữa, hậu sản bí tiểu sau sanh, hậu sản tiểu són sau sanh.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức:

+ Khám, chẩn đoán, xử trí ban đầu, kê đơn thuốc một số bệnh Phụ khoa thường gặp.

+ Cấp cứu ban đầu Bí tiểu sau sanh giai đoạn 2.

2.2. Kỹ năng:

+ Chỉ định, thực hiện được dưỡng sinh, tư vấn chế độ dinh dưỡng tiền sản ốm nghén.

+ Chỉ định, thực hiện được xoa bóp bấm huyệt Viêm tuyến vú – tắc tia sữa.

+ Có kỹ năng tư vấn điều trị Viêm sinh dục nữ.

+ Có kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Rèn luyện tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/TH/ TN	Kiểm tra
1	Bài 1. Viêm sinh dục nữ	17	0	17	0
2	Bài 2. Chăm sóc tiền sản ốm nghén	17	0	17	0
3	Bài 3. Viêm tuyến vú, tắc tia sữa	17	0	17	0
4	Bài 4. Chăm sóc hậu sản bí tiểu sau sanh	17	0	17	0
5	Bài 5. Chăm sóc hậu sản tiểu són sau sanh	17	0	17	0
6	Kiểm tra	5	0	0	5
Tổng		**90**	**0**	**85**	**5**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Viêm sinh dục nữ, Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu

- Ứng dụng các nguyên tắc cơ bản y học cổ truyền chẩn đoán và điều trị viêm sinh dục nữ.

- Tư vấn điều trị Viêm sinh dục nữ.

2. Nội dung

1.1. Khám bệnh

1.2. Chuẩn đoán

1.3. Xử trí ban đầu

1.4. Kê đơn thuốc

Bài 2. Chăm sóc tiền sản ốm nghén, Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu

- Ứng dụng các nguyên tắc cơ bản y học cổ truyền chẩn đoán và điều trị chăm sóc tiền sản ốm nghén.

- Chỉ định, thực hiện được dưỡng sinh, tư vấn chế độ dinh dưỡng tiền sản ốm nghén.

2. Nội dung

2.1. Khám bệnh

2.2. Chuẩn đoán

2.3. Xử trí ban đầu

2.4. Kê đơn thuốc

Bài 3. Viêm tuyến vú, tắc tia sữa, Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu

Ứng dụng các nguyên tắc cơ bản y học cổ truyền chẩn đoán và điều trị Viêm tuyến vú, tắc tia sữa.

2. Nội dung

3.1. Khám bệnh

3.2. Chuẩn đoán

3.3. Xử trí ban đầu

3.4. Kê đơn thuốc

Bài 4. Chăm sóc hậu sản bí tiểu sau sanh, Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu

Ứng dụng các nguyên tắc cơ bản y học cổ truyền chẩn đoán và điều trị Chăm sóc hậu sản bí tiểu sau sanh.

2. Nội dung

4.1. Khám bệnh

4.2. Chuẩn đoán

4.3. Xử trí ban đầu

4.4. Kê đơn thuốc

Bài 5. Chăm sóc hậu sản bí tiểu sau sanh, Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu

Ứng dụng các nguyên tắc cơ bản y học cổ truyền chẩn đoán và điều trị Chăm sóc hậu sản tiểu són sau sanh.

2. Nội dung

5.1. Khám bệnh

5.2. Chuẩn đoán

5.3. Xử trí ban đầu

5.4. Kê đơn thuốc

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Thực hành lâm sàng tại Khoa Y học cổ truyền, Bệnh viện/Trung tâm y tế

2. Trang thiết bị máy móc: theo từng khoa chuyên môn.

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập), sử dụng qui trình kỹ thuật để dạy thực hành, xem Video, Slide. Nội dung thực tập cách bắt mạch và xem lưỡi theo Y học cổ truyền...

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên nắm được các nội dung thực hành về sản phụ khoa y học cổ truyền để thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

- Về kỹ năng: Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc người bệnh theo chỉ tiêu thực hiện đề ra.

- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên mô đun: THỰC HÀNH LÂM SÀNG DA LIỄU Y HỌC CỔ TRUYỀN

Mã mô đun: MĐ 29

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 55 giờ; Kiểm tra: 5 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Thực hành lâm sàng da liễu y học cổ truyền là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

Các mô đun học trước: Da liễu y học cổ truyền.

- Tính chất: Đây là mô đun chuyên ngành. Mô đun này giúp sinh viên trang bị cho sinh viên các kỹ năng: tiếp cận, chẩn đoán, điều trị và hướng dẫn vệ sinh phòng bệnh được một số bệnh lý Da liễu thường gặp theo YHCT, xác định được các trường hợp cần phải chuyển viện.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức:

- Mô tả được các sang thương da cơ bản

- Thăm khám được các triệu chứng, hội chứng theo YHCT của một số bệnh Da liễu thường gặp.

2.2. Kỹ năng:

- Chẩn đoán được các bệnh da liễu thường gặp.

- Tham vấn phòng ngừa các bệnh lây qua đường tình dục.

- Hoàn thiện bệnh án da liễu.

- Xử trí được một số bệnh Da liễu thường gặp theo YHCT và YHHĐ.

- Hướng dẫn được cho người bệnh chăm sóc, vệ sinh phòng bệnh một số bệnh Da liễu thường gặp.

- Giao tiếp hiệu quả với bệnh nhân, người nhà và đồng nghiệp.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Rèn luyện tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/TH/ TN	Kiểm tra
1	Bài 1. Viêm mô tế bào	17	0	17	0
2	Bài 2. Zona	17	0	17	0
3	Bài 3. Mụ trứng cá	17	0	17	0
4	Bài 4. Chàm	17	0	17	0
5	Bài 5. Mề đay	17	0	17	0

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/TH/ TN	Kiểm tra
6	Kiểm tra	5	0	0	5
Tổng		**90**	**0**	**85**	**5**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Viêm mô tế bào, Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được Viêm mô tế bào theo YHHĐ, theo YHCT;

- Lập kế hoạch điều trị;

- Điều trị được Viêm mô tế bào mức độ nhẹ và vừa. Chuyển viện những trường hợp nặng hoặc có biến chứng;

- Hướng dẫn cho người bệnh chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh.

2. Nội dung

1.1. Khám bệnh

1.2. Nhận biết

1.3. Chuẩn đoán

1.4. Kê đơn thuốc

Bài 2. Zona, Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được Zona theo YHHĐ, theo YHCT;

- Lập kế hoạch điều trị;

- Điều trị được Zona mức độ nhẹ và vừa. Chuyển viện những trường hợp nặng hoặc có biến chứng;

- Hướng dẫn cho người bệnh chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh.

2. Nội dung

2.1. Khám bệnh

2.2. Xử lý thông tin

2.3. Chuẩn đoán

Bài 3. Mụn trứng cá, Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được Mụn trứng cá theo YHHĐ, theo YHCT;

- Lập kế hoạch điều trị;

- Điều trị được Mụn trứng cá mức độ nhẹ và vừa. Chuyển viện những trường hợp nặng hoặc có biến chứng;

- Hướng dẫn cho người bệnh chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh.

2. Nội dung

3.1. Khám bệnh

3.2. Chuẩn đoán

3.3. Phân biệt

3.4. Tham vấn phòng ngừa bệnh

Bài 4. Chàm, Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được Chàm theo YHHĐ, theo YHCT;

- Lập kế hoạch điều trị;

- Điều trị được Chàm mức độ nhẹ và vừa. Chuyển viện những trường hợp nặng hoặc có biến chứng;

- Hướng dẫn cho người bệnh chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh.

2. Nội dung

4.1. Khám bệnh

4.2. Chuẩn đoán

4.3. Phân biệt

4.4. Tham vấn phòng ngừa bệnh

Bài 5. Mề đay, Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu

- Chẩn đoán được Mề đay theo YHHĐ, theo YHCT;

- Lập kế hoạch điều trị;

- Điều trị được Mề đay mức độ nhẹ và vừa. Chuyển viện những trường hợp nặng hoặc có biến chứng;

- Hướng dẫn cho người bệnh chăm sóc các phương pháp vệ sinh, phòng bệnh.

2. Nội dung

5.1. Khám bệnh

5.2. Chuẩn đoán

5.3. Phân biệt

5.4. Tham vấn phòng ngừa bệnh

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Thực hành lâm sàng tại Khoa da liễu, Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

2. Trang thiết bị máy móc: theo từng khoa chuyên môn.

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập), sử dụng qui trình kỹ thuật để dạy thực hành, xem Video, Slide. Nội dung thực tập cách bắt mạch và xem lưỡi theo Y học cổ truyền...

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên nắm được các nội dung thực hành về Da liễu y học cổ truyền để thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

- Về kỹ năng: Thực hiện được các kỹ năng thăm khám và tham vấn người bệnh theo chỉ tiêu thực hiện đề ra.

- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	Bắt buộc tham gia kiểm tra tai các khoa thực tập.	20%
2	Điểm bài tập (Làm bệnh án). *(trung bình cộng điểm của các giảng viên)*	Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định.	20%
3	Thi kết thúc	Bắt buộc tham gia thi kết thúc tại các khoa thực tập (Hỏi thi LS: 40%, Chấm bệnh án thi: 20%)	60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp sinh viên thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá sinh viên, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.

+ Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1buổi.

+ Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.

+ Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Tất cả các bài.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Nguyễn Văn Út, Bài giảng bệnh da liễu, Nxb Y học TP. HCM, 2005.

[2] Nguyễn Thị Bay, Bệnh học và điều trị ngũ quan, Nxb Y học, 2010.

[3] Trần Hậu Khang, Nguyễn Văn Thường, Bệnh học da liễu, Nxb Y học, 2014.

[4] Phạm Văn Trịnh, Ngoại khoa y học cổ truyền, Nxb Y học, 2022.3

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên mô đun: THỰC HÀNH LÂM SÀNG Y HỌC CỔ TRUYỀN

Mã mô đun: MĐ 36

Thời gian thực hiện mô đun: 180 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 180 giờ; Kiểm tra: 0 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Thực hành lâm sàng Y học cổ truyền là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

Các mô đun học trước: Dược lý, Lý luận Y học cổ truyền, Ngoại khoa y học cổ truyền và Sản, phụ khoa y học cổ truyền, Kỹ thuật điều dưỡng.

- Tính chất: Đây là mô đun cơ sở ngành. Mô đun này giúp sinh viên nhận biết và thực hành tại bệnh viện các học phần Ngoại khoa y học cổ truyền và Sản, phụ khoa y học cổ truyền.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức:

+ Khám bệnh, phát hiện triệu chứng và xác định chứng, bệnh thường gặp bằng Y học cổ truyền.

+ Tham giao bào chế, bốc thuốc, sắc thuốc cho người bệnh tại cơ sở khám, chữa bệnh.

+ Tham gia công tác hành chính, quản lý hồ sơ, bệnh án tại cơ sở khám, chữa bệnh.

+ Rèn luyện đạo đức, tác phong thận trọng, chính xác của cán bộ y tế

+ Trình bày những triệu chứng, chẩn đoán, phương pháp điều trị và chăm sóc cụ thể một số bệnh Nội khoa, Nhi khoa, Ngoại - Sản phụ khoa thường gặp bằng Y học cổ truyền.

+ Vận dụng lý thuyết vào việc chăm sóc và điều trị người bệnh Ngoại - Sản phụ khoa thường gặp bằng Y học cổ truyền.

+ Trình bày được bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công năng chủ trị, liều dùng của các vị thuốc Nam và Bắc thường dùng.

2.2. Kỹ năng:

+ Điều trị một số bệnh thường gặp bằng Y học cổ truyền.

+ Làm bệnh án Y học cổ truyền cho người bệnh nội trú và ngoại trú.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào việc khám và chữa bệnh Nội khoa, Nhi khoa Ngoại

- Sản phụ khoa theo Y học cổ truyền tại cơ sở hiệu quả.

+ Vận dụng được những bài thuốc và kết hợp thuốc theo Y học cổ truyền điều trị bệnh Nội khoa, Nhi khoa. Ngoại - Sản phụ khoa..

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

+ Tham giao bào chế, bốc thuốc, sắc thuốc cho người bệnh tại cơ sở khám, chữa bệnh.

+ Tham gia công tác hành chính, quản lý hồ sơ, bệnh án tại cơ sở khám, chữa bệnh.

+ Rèn luyện tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp..

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/TH/ TN	Chỉ tiêu thực hiện
1	Tiếp nhận bệnh nhân đến khám và điều trị bằng phương pháp châm cứu	15	0	15	4
2	Làm và bình bệnh án, lập kế hoạch điều trị các bệnh thông thường bằng phương pháp châm cứu (Tai biến mạch máu não, đau thần kinh tọa, liệt dây 7 ngoại biên, đau lưng, đau vai gáy, suy nhược thần kinh, đau khớp, chắp, lẹo)	15	0	15	8
3	Chuẩn bị dụng cụ và thao tác châm cứu trên người bệnh	10	0	10	7
4	Xoa bóp, bấm huyệt điều trị các bệnh thông thường (đau lưng cấp, đau vai gáy, đau đầu, liệt nửa người, đau thần kinh toạ ...).	50	0	50	6
5	Hướng dẫn tập dưỡng sinh (các động tác cơ bản)	50	0	50	4
6	Kiến tập xử lý tai biến do châm cứu.	25	0	25	2
7	Truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình họ về phương pháp chữa bệnh bằng y học cổ truyền.	15	0	15	3
Tổng		**180**	**0**	**180**	**34**

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Thực hành lâm sàng tại chuyên khoa y học cổ truyền của Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

2. Trang thiết bị máy móc: theo từng khoa chuyên môn.

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập). sử dụng qui trình kỹ thuật để dạy thực hành, xem Video, Slide. Nội dung thực tập cách bắt mạch và xem lưỡi theo Y học cổ truyền...

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên nắm được các nội dung thực hành về Nội, Ngoại, Sản, Nhi y học cổ truyền để thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

- Về kỹ năng: Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc người bệnh theo chỉ tiêu thực hiện đề ra.

- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	Bắt buộc tham gia kiểm tra tai các khoa thực tập.	20%
2	Điểm bài tập (Làm bệnh án). (trung bình cộng điểm của các giảng viên)	Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định.	20%
3	Thi kết thúc	Bắt buộc tham gia thi kết thúc tại các khoa thực tập (Hỏi thi LS: 40%, Chấm bệnh án thi: 20%)	60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp sinh viên thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá sinh viên, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.

+ Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1buổi.

+ Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.

+ Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Tiếp nhận bệnh nhân đến khám và điều trị bằng phương pháp châm cứu; Làm và bình bệnh án, lập kế hoạch điều trị các bệnh thông thường bằng phương pháp châm cứu; Chuẩn bị dụng cụ và thao tác châm cứu trên người bệnh; Xoa bóp, bấm huyệt điều trị các bệnh thông thường; Hướng dẫn tập dưỡng sinh; Truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình họ về phương pháp chữa bệnh bằng y học cổ truyền.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Tài liệu hồ sơ bệnh án tại bệnh viện.
[2] Bộ Y tế, Cây thuốc Việt Nam, Viện Dược liệu, NXB Khoa học Kỹ thuật, 1990.
[3] Đỗ Tất Lợi, Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, NXB Y học, 1999.
[4] Giáo trình môn học Đông Dược của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: THỰC HÀNH LÂM SÀNG Y HỌC HIỆN ĐẠI

Mã mô đun: MĐ 37

Thời gian thực hiện mô đun: 135 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 135 giờ; Kiểm tra: 0 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Thực hành lâm sàng Y học hiện đại là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

Các mô đun học trước: Y học hiện đại, Nội, Ngoại, Sản, Nhi, và công tác điều dưỡng.

- Tính chất: Đây là mô đun cơ sở ngành. Mô đun này giúp sinh viên nhận biết và thực hành tại bệnh viện các học phần Y học hiện đại, Nội y học cổ truyền, Ngoại y học cổ truyền, sản y học cổ truyền, nhi y học cổ truyền.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức:

+ Trình bày những triệu chứng, chẩn đoán, phương pháp điều trị và chăm sóc cụ thể một số bệnh Nội, Nhi, Ngoại - Sản phụ khoa thường gặp ở Y học hiện đại.

+ Vận dụng lý thuyết vào việc chăm sóc và điều trị người bệnh Nội, Nhi, Ngoại - Sản phụ khoa thường gặp ở Y học hiện đại.

2.2. Kỹ năng:

+ Nhận định được triệu chứng lâm sàng một số bệnh thường gặp trên người bệnh.

+ Làm bệnh án người bệnh.

+ Thực hiện được những kỹ thuật xử trí, chăm sóc thông thường, kiến tập một số kỹ thuật y học đặc biệt trên người bệnh.

+ Rèn luyện, đạo đức người cán bộ y tế, tác phong thận trọng, chính xác.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

+ Vận dụng kiến thức đã học vào việc khám và chữa bệnh chăm sóc người bệnh theo y học hiện đại.

+ Rèn luyện tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/TH/ TN	Chỉ tiêu thực hiện
1	Tiếp nhận người khám bệnh và vào điều trị	19	0	19	25

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/TH/ TN	Chỉ tiêu thực hiện
2	Khám và phát hiện triệu chứng các bệnh (Theo từng khoa)	39	0	39	30
3	Làm và bình bệnh án (Theo từng khoa)	19	0	19	25
4	Chăm sóc người bệnh trước, trong và sau khi nhập viện điều trị (Theo từng khoa)	39	0	39	30
5	Truyền thông, hướng dẫn, tư vấn cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe	19	0	19	10
Tổng		**135**	**0**	**135**	**120**

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Thực hành lâm sàng tại Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

2. Trang thiết bị máy móc: theo từng khoa chuyên môn.

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập). sử dụng qui trình kỹ thuật để dạy thực hành, xem Video, Slide. Nội dung thực tập cách bắt mạch và xem lưỡi theo Y học cổ truyền...

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên nắm được các nội dung thực hành về y học hiện đại tại các khoa Y học hiện đại, Nội, Ngoại, Sản, Nhi y học cổ truyền để thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

- Về kỹ năng: Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc người bệnh theo chỉ tiêu thực hiện đề ra.

- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	Bắt buộc tham gia kiểm tra tai các khoa thực tập.	20%
2	Điểm bài tập (Làm bệnh án). *(trung bình cộng điểm của các giảng viên)*	Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định.	20%
3	Thi kết thúc	Bắt buộc tham gia thi kết thúc tại các khoa thực tập (Hỏi thi LS: 40%, Chấm bệnh án thi: 20%)	60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp sinh viên thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá sinh viên, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.

+ Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1buổi.

+ Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.

+ Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Thực hiện tiếp nhận người khám bệnh và vào điều trị; Khám và phát hiện triệu chứng các bệnh (Theo từng khoa); Làm và bình bệnh án (Theo từng khoa); Chăm sóc người bệnh trước, trong và sau khi nhập viện điều trị (Theo từng khoa); Truyền thông, hướng dẫn, tư vấn cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Trần Quốc Bảo, Bệnh học nội khoa y học cổ truyền, Nhà xuất bản Quân Đội Nhân Dân, 2016.

[2] Trịnh Thị Diệu Thường, Châm cứu ứng dụng, Ncb Y học, 2019.

[3] Nguyễn Văn Chương, Thực hành thần kinh học tập 1, Nxb Y học Hà Nội, 2007.

[4] Nguyễn Văn Chương, Thực hành thần kinh học tập 3, Nxb Y học Hà Nội, 2009.

[5] Nguyễn Thị Bay, Bệnh học và điều trị truyền nhiễm nhi khoa (kết hợp đông tây y), Đại học Y dược TP. HCM, 2010.

[6] Nguyễn Công Khanh, Nguyễn Hoàng Nam, Tiếp cận chẩn đoán và điều trị Nhi khoa, Nxb Y học, 2013.

[7] Nguyễn Thị Bay, Bệnh học và điều trị ngoại phụ khoa (kết hợp đông tây y), Đại học Y dược TP. HCM, 2011.

[8] Bộ y tế, Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật khám bệnh chữa bệnh chuyên ngành Phụ sản, Nxb Y học, 2018.

[9] Bộ y tế, Điều dưỡng sản phụ khoa, Nxb Y học, 2011.

[10] Trần Hậu Khang, Nguyễn Văn Thường, Bệnh học ngoại, Nxb Y học, 2014.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: THỰC HÀNH LÂM SÀNG CHÂM CỨU

Mã mô đun: MĐ 38

Thời gian thực hiện mô đun: 180 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 180 giờ; Kiểm tra: 0 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Thực hành lâm sàng châm cứu là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

Các mô đun học trước: Châm cứu.

- Tính chất: Đây là mô đun cơ sở ngành. Mô đun này giúp sinh trang bị các kỹ năng hào châm, cứu, ôn châm, điện châm, mai hoa châm trên mô hình và trên người, kỹ năng làm việc nhóm.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức:

+ Trình bày được lộ trình đường kinh (kinh chính, kinh cân, kinh biệt, hệ thống lạc, bát mạch kỳ kinh).

+ Trình bày được vị trí huyệt và giải thích được tác dụng của 160 huyệt thường dùng.

+ Giải thích được mối liên quan giữa lộ trình đường kinh và các triệu chứng tương ứng khi đường kinh đó bị bệnh.

+ Vận dụng được hào châm, cứu, ôn châm, điện châm, mai hoa châm để ra chỉ định phù hợp điều trị một số bệnh thường gặp.

+ Vận dụng được Nhĩ châm, Đầu châm, Quang châm, Từ châm, Thủy châm, Chích lễ để ra chỉ định phù hợp điều trị một số bệnh thường gặp.

2.2. Kỹ năng:

+ Vận dụng được học thuyết kinh lạc vào chẩn đoán bệnh.

+ Thực hiện đúng quy trình vô khuẩn và kiểm tra dụng cụ, thiết bị.

+ Thực hiện chính xác các kỹ thuật hào châm, cứu, ôn châm, điện châm, mai hoa châm theo phác đồ quy định của Bộ Y tế.

+ Xử trí và phòng ngừa được các tai biến (nếu có) khi tiến hành kỹ thuật hào châm, cứu, ôn châm, điện châm, mai hoa châm; Nhĩ châm, Đầu châm, Quang châm, Từ châm, Thủy châm, Chích lễ trên người.

+ Có khả năng làm việc nhóm.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

+ Tham gia bào chế, bốc thuốc, sắc thuốc cho người bệnh tại cơ sở khám, chữa bệnh.

+ Tham gia công tác hành chính, quản lý hồ sơ, bệnh án tại cơ sở khám, chữa bệnh.

+ Rèn luyện tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp..

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/TH/ TN	Chỉ tiêu thực hiện
1	Bài 1. Hào châm	16	0	16	5
2	Bài 2. Cứu	16	0	16	5
3	Bài 3. Ôn châm	16	0	16	5
4	Bài 4. Điện châm	16	0	16	5
5	Bài 5. Mai hoa châm	14	0	14	4
6	Bài 6. Nhĩ châm	16	0	16	5
7	Bài 7. Đầu châm	16	0	16	5
8	Bài 8. Quang châm	16	0	16	5
9	Bài 9. Từ châm	16	0	16	5
10	Bài 10. Chích lễ	14	0	14	4
11	Bài 11. Thuỷ châm	14	0	14	4
12	Lập bệnh án	10	0	10	5
Tổng		**180**	**0**	**180**	

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Hào châm, Thời gian: 16 giờ

1. Mục tiêu

Thực hiện chính xác kỹ thuật hào châm trên người; Xử trí và phòng ngừa được các tai biến của hào châm.

2. Nội dung

1.1. Thăm khám

1.2. Chỉ định

1.3. Thực hiện các kỹ thuật hào châm

1.4. Xử trí và phòng ngừa

Bài 2. Cứu, Thời gian: 16 giờ

1. Mục tiêu

Thực hiện chính xác kỹ thuật cứu trên người;

Xử trí và phòng ngừa được các tai biến của cứu

2. Nội dung

2.1. Thăm khám

2.2. Chỉ định

2.3. Thực hiện các kỹ thuật cứu

2.4. Xử trí và phòng ngừa

Bài 3. Ôn châm, Thời gian: 16 giờ

1. Mục tiêu

Thực hiện chính xác kỹ thuật ôn châm trên người; Xử trí và phòng ngừa được các tai biến của ôn châm.

2. Nội dung

3.1. Thăm khám

3.2. Chỉ định

3.3. Thực hiện các kỹ thuật ôn châm

3.4. Xử trí và phòng ngừa

Bài 4. Điện châm, Thời gian: 16 giờ

1. Mục tiêu

Thực hiện chính xác kỹ thuật điện châm trên người; Xử trí và phòng ngừa được các tai biến của điện châm.

2. Nội dung

4.1. Thăm khám

4.2. Chỉ định

4.3. Thực hiện các kỹ thuật điện châm

4.4. Xử trí và phòng ngừa

Bài 5. Mai hoa châm, Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu

Thực hiện chính xác kỹ thuật mai hoa châm trên người; Xử trí và phòng ngừa được các tai biến của mai hoa châm.

2. Nội dung

5.1. Thăm khám

5.2. Chỉ định

5.3. Thực hiện các kỹ thuật mai hoa châm

5.4. Xử trí và phòng ngừa

Bài 6. Nhĩ châm, Thời gian: 16 giờ

1. Mục tiêu

Thực hiện chính xác kỹ thuật nhĩ châm trên người; Xử trí và phòng ngừa được các tai biến của nhĩ châm.

2. Nội dung

6.1. Thăm khám

6.2. Chỉ định

6.3. Thực hiện các kỹ thuật nhĩ châm

6.4. Xử trí và phòng ngừa

Bài 7. Đầu châm, Thời gian: 16 giờ

1. Mục tiêu

Thực hiện chính xác kỹ thuật đầu châm trên người; Xử trí và phòng ngừa được các tai biến của đầu châm.

2. Nội dung

7.1. Thăm khám

7.2. Chỉ định

7.3. Thực hiện các kỹ thuật đầu châm

7.4. Xử trí và phòng ngừa

Bài 8. Quang châm, Thời gian: 16 giờ

1. Mục tiêu

Thực hiện chính xác kỹ thuật quang châm trên người; Xử trí và phòng ngừa được các tai biến của quang châm.

2. Nội dung

8.1. Thăm khám

8.2. Chỉ định

8.3. Thực hiện các kỹ thuật quang châm

8.4. Xử trí và phòng ngừa

Bài 9. Từ châm, Thời gian: 16 giờ

1. Mục tiêu

Thực hiện chính xác kỹ thuật từ châm trên người; Xử trí và phòng ngừa được các tai biến của từ châm.

2. Nội dung

9.1. Thăm khám

9.2. Chỉ định

9.3. Thực hiện các kỹ thuật từ châm

9.4. Xử trí và phòng ngừa

Bài 10. Chích lễ, Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu

Thực hiện chính xác kỹ thuật chích lễ trên người; Xử trí và phòng ngừa được các tai biến của chích lễ.

2. Nội dung

10.1. Thăm khám

10.2. Chỉ định

10.3. Thực hiện các kỹ thuật chích lễ

10.4. Xử trí và phòng ngừa

Bài 11. Thuỷ châm, Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu

Thực hiện chính xác kỹ thuật thuỷ châm trên người; Xử trí và phòng ngừa được các tai biến của thuỷ châm.

2. Nội dung

11.1. Thăm khám

11.2. Chỉ định

11.3. Thực hiện các kỹ thuật thuỷ châm

11.4. Xử trí và phòng ngừa

Bài 12. Lập bệnh án, Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Vận dụng được các phương pháp: Hào châm, cứu, ôn châm, điện châm, mai hoa châm cho ra chỉ định phù hợp để điều trị các bệnh thường gặp

2. Nội dung

Lập bệnh án cho bệnh nhân

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Thực hành lâm sàng tại chuyên khoa y học cổ truyền của Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

2. Trang thiết bị máy móc: theo từng khoa chuyên môn.

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập). sử dụng qui trình kỹ thuật để dạy thực hành, xem Video, Slide. Nội dung thực tập cách bắt mạch và xem lưỡi theo Y học cổ truyền...

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên nắm được các nội dung thực hành lâm sàng châm cứu tại bệnh viện.

- Về kỹ năng: Thực hiện được các kỹ năng châm cứu cho người bệnh theo chỉ tiêu thực hiện đề ra.

- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	Bắt buộc tham gia kiểm tra tai các khoa thực tập.	20%
2	Điểm bài tập (Làm bệnh án). *(trung bình cộng điểm của các giảng viên)*	Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định.	20%
3	Thi kết thúc	Bắt buộc tham gia thi kết thúc tại các khoa thực tập (Hỏi thi LS: 40%, Chấm bệnh án thi: 20%)	60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp sinh viên thực hiện tốt các kỹ năng châm cứu. Hàng tuần lượng giá sinh viên, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.

+ Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1buổi.

+ Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.

+ Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Tất cả các bài.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Trịnh Thị Diệu Thường, Nguyễn Văn Đàn, Châm cứu học 1, Nxb Y học, 2018.

[2] Trịnh Thị Diệu Thường, Châm cứu học 2, Nxb Y học, 2019.

[3] Trịnh Thị Diệu Thường, Châm cứu ứng dụng, Nxb Y học, 2019.

[4] Phan Quan Chí Hữu, Châm cứu học tập 1, Nxb Y học, 2007.

[5] Dương Thế Châu, Châm cứu đại thành, Nxb Thanh Niên, 2005.

[6] Hoàng Duy Tân, Từ điển châm cứu, Nxb Đồng Nai, 2005.

[7] Hoàng Phủ Mật Lê, Quý Ngưu, Lương Tú Vân, Châm cứu Giáp ất kinh, Nxb Thuận hoá, 2002.

[8] Hoàng Quý, Châm cứu học Trung Quốc, Nxb Y học Hà Nội, 2002.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: THỰC HÀNH LÂM SÀNG CỘNG ĐỒNG

Mã mô đun: MĐ 39

Thời gian thực hiện mô đun: 135 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 135 giờ; Kiểm tra: 0 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Thực hành lâm sàng cộng đồng là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

Các mô đun học trước: Dược lý, Lý luận Y học cổ truyền, Ngoại khoa y học cổ truyền và Sản, phụ khoa y học cổ truyền, Kỹ thuật điều dưỡng.

- Tính chất: Đây là mô đun trang bị cho sinh viên các kỹ năng xác định được vấn đề sức khỏe ưu tiên ở cộng đồng, kỹ năng tư vấn giải pháp hỗ trợ sức khỏe cho người dân bằng YHCT, YHCT kết hợp YHHĐ và có thái độ chuyên nghiệp, trung thực, khách quan và chính xác trong phát hiện vấn đề nghiên cứu.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức:

+ Giải thích được phương pháp luận khoa học của YHCT và YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học.

+ Vận dụng được kiến thức cơ bản giáo dục sức khỏe cho cộng đồng và đổi mới sáng tạo trong giáo dục sức khỏe.

2.2. Kỹ năng:

+ Tiến hành được các phương pháp phát hiện được một vấn đề đang ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng và nhu cầu giáo dục sức khỏe, lập được bảng kế hoạch sức khỏe.

+ Tiến hành tiếp cận hộ gia đình tại cộng đồng và tư vấn được phương pháp điều trị và phòng bệnh trong một số bệnh thường gặp trong cộng đồng bằng YHCT và YHHĐ.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Hợp tác tôn trọng người bệnh và đồng nghiệp trong vấn đề chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát

TT	Nội dung	Chỉ tiêu thực hiện
1	Tiếp cận với Trạm y tế để tìm hiểu về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của Trạm y tế cơ sở và chức trách nhiệm vụ của nhân viên Trạm y tế.	Mỗi sinh viên (hoặc nhóm sinh viên) có 1 bản báo cáo về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của Trạm y tế cơ sở và chức trách nhiệm vụ của nhân viên Trạm y tế.
2	Tìm hiểu cộng đồng để thu thập thông tin, lựa chọn những vấn đề sức khoẻ cần giải quyết.	Mỗi sinh viên (hoặc mỗi nhóm sinh viên) có 1 bản báo cáo về thông tin cộng đồng, đề xuất những vấn đề

TT	Nội dung	Chỉ tiêu thực hiện
		sức khoẻ cần giải quyết theo mẫu của giáo viên.
3	Lập kế hoạch truyền thông - giáo dục sức khoẻ để giải quyết những vấn đề sức khoẻ đã được xác định.	Mỗi sinh viên (hoặc mỗi nhóm sinh viên) có một bản kế hoạch Truyền thông - Giáo dục sức khỏe
4	Thực hiện các hoạt động truyền thông - GDSK theo kế hoạch	2 lần
5	Chăm sóc cho người bệnh tại Trạm y tế và tại gia đình.	Sinh viên thực hiện các kỹ thuật chăm sóc người bệnh đã học năm thứ nhất và học kỳ I năm thứ hai. (Chỉ tiêu cụ thể được Hiệu trưởng quy định)
6	Tham gia các chương trình y tế tại địa phương.	2 lần
7	Ghi chép bệnh án, hồ sơ sức khoẻ và biểu mẫu, sổ sách tại Trạm y tế	4 lần
8	Tư vấn, hướng dẫn người bệnh và người nhà của họ đến khám, chữa bệnh tại Trạm y tế.	4 lần

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Địa điểm học: sinh viên thực tập tại trạm y tế xã và cộng đồng dân cư trong xã, trường học. Mỗi xã không bố trí quá 10 sinh viên. Các trạm y tế xã, trường học được lựa chọn làm địa điểm thực tập cộng đồng phải là những trạm Y tế đã được nhà trường lựa chọn và hỗ trợ về các nguồn lực để đảm bảo đủ điều kiện cho sinh viên đến thực tập.

2. Trang thiết bị máy móc: theo từng khoa chuyên môn tại trạm y tế hoặc bệnh viện.

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập). sử dụng qui trình kỹ thuật để dạy thực hành, xem Video, Slide. Nội dung thực tập cách bắt mạch và xem lưỡi theo Y học cổ truyền...

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

Thực hành các kiến thức kỹ năng đã học của học phần Quản lý và tổ chức Y tế, kỹ năng giao tiếp - giáo dục sức khỏe và các môn học chuyện môn học vào thực tế chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	Bắt buộc tham gia kiểm tra tai các khoa thực tập.	20%
2	Điểm bài tập (Làm bệnh án). (trung bình cộng điểm của các giảng viên)	Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định.	20%
3	Thi kết thúc	Bắt buộc tham gia thi kết thúc tại các khoa thực tập (Hỏi thi LS: 40%, Chấm bệnh án thi: 20%)	60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp sinh viên thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá sinh viên, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập tại trạm y tế.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại trạm y tế.

+ Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1buổi.

+ Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.

+ Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Thực hiện các vấn đề về công tác truyền thông giáo dục và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Tài liệu hồ sơ bệnh án tại trạm y tế xã, phường.

[2] Trần Thuý, Y học cổ truyền phục vụ y tế cộng đồng (kết hợp Đông-Tây y), Nxb Y học, 2014.

[3] Bộ y tế, Các phương pháp nghiên cứu trong y học cộng đồng, Nxb Y học, 1992.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên mô đun: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Mã mô đun: MĐ 41

Thời gian thực hiện mô đun: 180 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 170 giờ; Kiểm tra: 10 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: Là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

Các môn học/mô đun học trước: Các môn học/mô đun cơ sở ngành.

- Tính chất: Đây là môn học chuyên ngành. Học phần này giúp sinh viên có khả năng đạt được kĩ năng ra chẩn đoán, điều trị cả tây và đông y trên bệnh nhân cụ thể. Ngoài ra, học phần này giúp sinh viên đủ điều kiện trở thành nhân viên y học cổ truyền sau 3 năm học tập.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức:

Kỹ năng biết thu thập, tổng hợp và đánh giá thông tin khám trên lâm sàng và cận lâm sàng để đưa ra được chẩn đoán phù hợp với bệnh nhân cụ thể trên lâm sàng.

2.2. Kỹ năng:

+ Thiết lập được kế hoạch điều trị dựa trên chẩn đoán y học hiện đại và chẩn đoán y học cổ truyền phù hợp với bệnh nhân cụ thể trên lâm sàng.

+ Xử trí được bước đầu các vấn đề sức khỏe trên bệnh nhân bằng phương pháp YHCT, YHCT kết hợp YHHĐ an toàn, hợp lý theo quy định Bộ y tế.

+ Tham vấn được các nội dung về tăng cường sức khỏe, dự phòng tái phát cho bệnh nhân cụ thể trên lâm sàng.

+ Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người thân của người bệnh, với đồng nghiệp, thể hiện tính chuyên nghiệp trong thực hành lâm sàng.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Khả năng làm việc độc lập, theo nhóm và tự học để phát triển nghề nghiệp liên tục.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/TH/ TN	Kiểm tra
1	Chương 1. Bệnh học và điều trị Cơ xương khớp	34	0	34	0
2	Chương 2. Bệnh học và điều trị nội thần kinh	34	0	34	0
3	Chương 3. Bệnh học và điều trị tim mạch – hô hấp	34	0	34	0
4	Chương 4. Bệnh học và điều trị thận – nội tiết – huyết học	34	0	34	0

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/TH/ TN	Kiểm tra
5	Chương 5. Bệnh học và điều trị tiêu hoá – gan mật	34	0	34	0
6	Kiểm tra	10	0	0	10
Tổng		**180**	**0**	**170**	**10**

2. Nội dung chi tiết

Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân buồng bệnh thực hành

- Địa điểm: Tại Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

Chương 1. Bệnh học và điều trị Cơ xương khớp, Thời gian: 34 giờ

- Khám, chẩn đoán, thiết lập kế hoạch điềutrị, kỹ năng tham vấn phù hợp trên các bệnh lý cơ xương khớp thường gặp;

- Giải thích được cơ sở lý luận của chẩn đoán và phương pháp điều trị đã tiến hành trên bệnh nhân.

2. Nội dung

1.1. Khám

1.2. Thu thập thông tin giúp chẩn đoán

1.3. Chuẩn đoán

1.4. Thiết lập được kế hoạch điều trị theo YHCT, YHHĐ

Chương 2. Bệnh học và điều trị nội thần kinh, Thời gian: 34 giờ

1. Mục tiêu

- Khám, chẩn đoán, thiết lập kế hoạch điều trị, kỹ năng tham vấn phù hợp trên các bệnh lý nội thần kinh thường gặp;

- Giải thích được cơ sở lý luận của chẩn đoánvà phương pháp điều trị đã tiến hành trên bệnh nhân.

2. Nội dung

2.1. Khám

2.2. Thu thập thông tin giúp chẩn đoán

2.3. Chuẩn đoán

2.4. Thiết lập được kế hoạch điều trị theo YHCT, YHHĐ

Chương 3. Bệnh học và điều trị tim mạch – hô hấp, Thời gian: 34 giờ

1. Mục tiêu

- Khám, chẩn đoán, thiết lập kế hoạch điều trị, kỹ năng tham vấn phù hợp trên các bệnh lý tim mạch – hô hấp thường gặp;

- Giải thích được cơ sở lý luận của chẩn đoán và phương pháp điều trị đã tiến hành trên bệnh nhân.

2. Nội dung

3.1. Khám

3.2. Thu thập thông tin giúp chẩn đoán

3.3. Chuẩn đoán

3.4. Thiết lập được kế hoạch điều trị theo YHCT, YHHĐ

Chương 4. Bệnh học và điều trị thận – nội tiết – huyết học, Thời gian: 34 giờ

- Khám, chẩn đoán, thiết lập kế hoạch điều trị, kỹ năng tham vấn phù hợp trên các bệnh lý thận – nội tiết – huyết học thường gặp;

- Giải thích được cơ sở lý luận của chẩn đoán và phương pháp điều trị đã tiến hành trên bệnh nhân.

2. Nội dung

4.1. Khám

4.2. Thu thập thông tin giúp chẩn đoán

4.3. Chuẩn đoán

4.4. Thiết lập được kế hoạch điều trị theo YHCT, YHHĐ

Chương 5. Bệnh học và điều trị tiêu hoá – gan mật, Thời gian: 34 giờ

1. Mục tiêu

- Khám, chẩn đoán, thiết lập kế hoạch điều trị, kỹ năng tham vấn phù hợp trên các bệnh lý tiêu hoá – gan mật thường gặp;

- Giải thích được cơ sở lý luận của chẩn đoán và phương pháp điều trị đã tiến hành trên bệnh nhân..

2. Nội dung

5.1. Khám

5.2. Thu thập thông tin giúp chẩn đoán

5.3. Chuẩn đoán

5.4. Thiết lập được kế hoạch điều trị theo YHCT, YHHĐ

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Thực hành lâm sàng tại Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

2. Trang thiết bị máy móc: theo khoa chuyên môn.

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập), sử dụng qui trình kỹ thuật để dạy thực hành, xem Video, Slide. Nội dung thực tập cách bắt mạch và xem lưỡi theo Y học cổ truyền...

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm

Mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành lâm sàng bệnh lý, đạo đức, định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, chuyên môn cá nhân.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	Bắt buộc tham gia kiểm tra tai các khoa thực tập.	20%
2	Điểm bài tập (Làm bệnh án). *(trung bình cộng điểm của các giảng viên)*	Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định.	20%
3	Thi kết thúc	Bắt buộc tham gia thi kết thúc tại các khoa thực tập (Hỏi thi LS: 40%, Chấm bệnh án thi: 20%)	60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp sinh viên thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá sinh viên, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.

+ Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1buổi.

+ Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.

+ Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Tất cả các bài.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Châu Ngọc Hoa, Điều trị học nội khoa, Nxb Y học, 2012.

[2] Châu Ngọc Hoa, Bệnh học nội khoa, Nxb Y học, 2012.

[3] Trịnh Thị Diệu Thường, Châm cứu học 1 và 2, Nxb Y học, 2020.

[4] J. Larry Jameson, Harrison's principles of Internal Medicine, 20th edition, The McGraw-Hill companies, 2018.

[5] Bob Flaws, Philippe Sionneau, The treatment of modern western medical diseases with chinese medicine, Blue Poppy Press, 2005.

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH-XÃ HỘI TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG CẤP TÂY NGUYÊN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
NGÀNH: Y HỌC CỔ TRUYỀN

Trình độ đào tạo : Trung cấp

Đối tượng tuyển sinh :

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
- Tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng, Đại học nhóm ngành sức khỏe
- Tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng, Đại học các ngành nghề khác

Thời gian đào tạo : Tích lũy theo môđun/tín chỉ

Đắk Lắk, 2021

SỞ LAO ĐỘNG TB&XH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG CẤP TÂY NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 439/QĐ-TCTN

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Chương trình đào tạo Ngành Y học cổ truyền, trình độ Trung cấp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 2482/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập trường Trung cấp Kinh tế - Công nghệ Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2013 về việc đổi tên trường Trung cấp Kinh tế - Công nghệ Tây Nguyên thành trường Trung cấp Tây Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Giấy chứng nhận số 06/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 28/8/2017 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Biên bản thẩm định chương trình đào tạo ngày 20/07/2021;

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành Y học cổ truyền, trình độ Trung cấp của Trường Trung Cấp Tây Nguyên *(Chương trình kèm theo)*.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các ông (bà) trưởng phòng, khoa và các cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG CẤP TÂY NGUYÊN

ThS. Trần Thị Thiết

SỞ LAO ĐỘNG TB & XH TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG CẤP TÂY NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-TCTN ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Tây Nguyên)

Tên ngành, nghề : Y học cổ truyền
Mã ngành, nghề : 5720102
Trình độ đào tạo : Trung cấp
Hình thức đào tạo : Chính quy
Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo:
- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
- Tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng, Đại học nhóm ngành ngoài nhóm sức khỏe
- Tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng, Đại học các ngành nghề khác

Thời gian đào tạo : Tích lũy theo tín môđun/tín chỉ

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung: Đào tạo người Y sĩ Y học cổ truyền:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp theo quy định của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân, trung thực, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp, tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

- Có kiến thức, kỹ năng chuyên môn về Y học cổ truyền trình độ trung cấp; có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm trước sức khỏe và tính mạng người bệnh; có đủ sức khỏe; không ngừng học tập để nâng cao trình độ.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

- Trình bày đúng cấu trúc giải phẫu, chức năng sinh lý của các cơ quan, bộ phận trên cơ thể người;

- Trình bày và giải thích được công dụng của các loại dược liệu thường dùng, một số bài thuốc y học cổ truyền;

- Trình bày được các phương pháp bào chế dược liệu y học cổ truyền;

- Mô tả đúng hệ thống kinh lạc, trình bày được vị trí và tác dụng của các huyệt thường dùng, giải thích các nguyên tắc chọn huyệt trong điều trị;

- Mô tả được các động tác xoa bóp tác động lên da, cơ, xương khớp và huyệt;

- Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định của xoa bóp để áp dụng phù hợp trong điều trị và phòng bệnh;

- Trình bày được các bước thăm khám và phát hiện được các triệu chứng y học cổ truyền thường gặp trên lâm sàng;

- Trình bày được các nguyên tắc đạo đức liên quan đến chăm sóc sức khỏe và trách nhiệm pháp lý của nghề y.

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2. Kỹ năng:

1.2.2.1. Kỹ năng cứng

- Thành thạo các kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán và kê đơn thuốc chữa bệnh thường gặp bằng Y học cổ truyền, chẩn đoán bệnh bằng Y học cổ truyền kết hợp với Y học hiện đại tại tuyến cơ sở.

- Thành thạo các thủ thuật châm cứu, xoa bóp bấm huyệt, các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu.

- Tham gia công tác quản lý trạm y tế, Truyền thông giáo dục sức khoẻ; phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, vận động cộng đồng cùng tham gia giải quyết những vấn đề sức khoẻ ở địa phương.

- Hướng dẫn nhân dân thực hiện các kỹ thuật phục hồi chức năng bằng Y học cổ truyền.

- Hướng dẫn trồng và sử dụng các cây thuốc Nam để chữa một số bệnh và chứng bệnh tại gia đình và cộng đồng.

- Tham gia các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, các chương trình y tế quốc gia tại địa phương.

1.2.2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng giao tiếp tốt với người bệnh, gia đình và hợp tác tốt với các thành viên trong nhóm chăm sóc để đảm bảo quyền, lợi ích và vì sự an toàn của người bệnh.

- Kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm với đồng nghiệp và với các ban ngành, đoàn thể để thực hiện tốt công tác quản lý trạm y tế và truyền thông giáo dục sức khỏe.

- Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và thực hành có bằng chứng về lĩnh vực chăm sóc sức khỏe người bệnh.

- Có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

- Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

1.2.3. Thái độ:

- Yêu ngành, yêu nghề, tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức

khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.

- Tôn trọng, đoàn kết, hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.
- Khiêm tốn học hỏi, tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Bảo đảm an toàn cho bản thân và người bệnh.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp: Sau khi tốt nghiệp, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Bốc thuốc y học cổ truyền;
- Châm cứu;
- Xoa bóp - bấm huyệt;
- Bào chế dược liệu;
- Kinh doanh thuốc thành phẩm y học cổ truyền;
- Thực hành chuyên môn y học cổ truyền tại trạm y tế phường (xã).

1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ

- Khối lượng khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề y học cổ truyền trình độ trung cấp có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;
- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

2.1 Đối tượng tốt nghiệp trung học phổ thông

- Số lượng môn học: 26 môn.
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 65 tín chỉ, 1650 giờ (không tính GDTC; GDQP-AN)
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 180 giờ (không tính GDTC; GDQP-AN)
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1470 giờ.
  + Khối lượng lý thuyết các môn học chuyên môn: 465 giờ.
  + Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/ thảo luận: 240 giờ.
  + Thực tập cơ bản và tốt nghiệp: 765 giờ
  + Tỷ lệ lý thuyết/thực hành: 33,5%/66,5%

2.2. Đối tượng tốt nghiệp các ngành khác

- Số lượng môn học: 18 môn.
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 56 tín chỉ, 1470 giờ (không tính GDTC; GDQP-AN)
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 0 giờ (không tính GDTC; GDQP-AN)

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1470 giờ.
  + Khối lượng lý thuyết các môn học chuyên môn: 465 giờ.
  + Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/ thảo luận: 240 giờ.
  + Thực tập cơ bản và tốt nghiệp: 765 giờ
  + Tỷ lệ lý thuyết/thực hành: 32% / 68%

2.3. *Đối tượng tốt nghiệp khối ngành sức khỏe*

- Số lượng môn học: 12 môn.
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 0 giờ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 0 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 41 tín chỉ, 1215 giờ.
  + Khối lượng lý thuyết các môn học chuyên môn: 270 giờ.
  + Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/ thảo luận: 180 giờ.
  + Thực tập cơ bản và tốt nghiệp: 765 giờ
  + Tỷ lệ lý thuyết/thực hành: 23% / 77%

3. Nội dung chương trình:

Mã môn học	Tên môn học	TC	Tổng số giờ	Số giờ							Ghi chú
				Lý thuyết		Thực tập/ Thí nghiệm/ Thảo luận/ Bài tập		Thực hành/ lâm sàng / cộng đồng		Số cột kiểm tra	
				TC	Giờ	TC	Giờ	TC	Giờ	Giờ	
I.	**Các môn học chung/ đại cương**	**9**	**180**	**6**	**73**	**2**	**98**	**0**	**0**	**9**	
MH1	Chính trị	2	30	2	22	0	6	0	0	2	(1)
MH2	Pháp luật	1	15	1	9	0	5	0	0	1	(1)
MH3	Giáo dục thể chất		30	0	4	0	24	0	0	2	(1) (!)
MH 4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh		45	0	21	0	21	0	0	3	(1) (!)
MH 5	Tin học	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(1)
MH 6	Tiếng Anh	4	90	2	28	2	58	0	0	4	(1)
II	**Các môn học chuyên môn**	**56**	**1470**	**31**	**434**	**8**	**232**	**10**	**748**	**56**	
II.1	***Các môn học cơ sở***	**14**	**240**	**12**	**168**	**2**	**58**	**0**	**0**	**14**	
MH 7	Giải phẫu sinh lý	3	60	2	28	1	29	0	0	3	(1) (3) (#)
MH 8	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	30	2	28	0	0	0	0	2	(1) (3)

MH 9	Dược lý	2	30	2	28	0	0	0	0	2	(1) (3)
MH 10	Vệ sinh - sức khỏe - môi trường	1	15	1	14	0	0	0	0	1	(1) (3)
MH 11	Truyền thông giáo dục sức khỏe	1	15	1	14	0	0	0	0	1	(1) (3) (‖)
MH 12	Quản lý và tổ chức y tế	2	30	2	28	0	0	0	0	2	(1) (3)
MH 13	Điều dưỡng cơ sở và Cấp cứu ban đầu	3	60	2	28	1	29	0	0	3	(1) (2) (3) (#)
II.2	***Môn học chuyên môn***	**25**	**465**	**19**	**266**	**6**	**174**	**0**	**0**	**25**	
MH 14	Bệnh học Y học hiện đại	4	75	3	42	1	29	0	0	4	(1) (3)
MH 15	Lý luận cơ bản Y học cổ truyền	2	30	2	28	0	0	0	0	2	(1) (2) (3)
MH 16	Châm cứu	3	60	2	28	1	29	0	0	3	(1) (2) (3) (#)
MH 17	Đông dược và thừa kế	3	60	2	28	1	29	0	0	3	(1) (2) (3) (#)
MH 18	Bào chế Đông dược	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(1) (2) (3) (#)
MH 19	Bài thuốc cổ phương	2	30	2	28	0	0	0	0	2	(1) (2) (3)
MH 20	Bệnh học Y học cổ truyền	6	105	5	70	1	29	0	0	6	(1) (2) (3)
MH 21	Xoa bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh	3	60	2	28	1	29	0	0	3	(1) (2) (3) (#)
II.3	***Thực tập lâm sàng***	**12**	**540**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5**	**528**	**12**	
MH 22	Thực tập Bệnh học Y học hiện đại	2	90	0	0	0	0	2	88	2	(1) (2) (3)
MH 23	Thực tập Bệnh học Y học cổ truyền (Nội-ngoại-sản-nhi)	5	225	0	0	0	0	1	220	5	(1) (2) (3)
MH 24	Thực tập Châm cứu - Xoa bóp - Bấm huyệt - Dưỡng sinh	4	180	0	0	0	0	1	176	4	(1) (2) (3)
MH 25	Thực tập Cộng đồng	1	45	0	0	0	0	1	44	1	(1) (2) (3)
II.4	***Thực tập tốt nghiệp***	**5**	**225**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5**	**220**	**5**	
MH 26	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	0	0	0	5	220	5	(1) (2) (3)
Tổng cộng		**65**	**1650**	**37**	**507**	**10**	**330**	**10**	**748**	**65**	

Ghi chú:

*** Đối tượng tuyển sinh:**

- (1)Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương: 20 tháng
- (2)Tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng, Đại học nhóm ngành sức khỏe: 10 tháng.
- (3) Tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng, Đại học các ngành nghề khác: 12 tháng.
- (!): Các môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng
- (||): Lớp học thực hành bài tập tại lớp học
- (#): Lớp học thực hành nghề nghiệp tại phòng thực tập

Một tín chỉ được quy định bằng 15 giờ học lý thuyết hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận tại trường hoặc 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

- 1 giờ học lý thuyết trên lớp: sinh viên phải tự học 2 giờ
- 2 giờ học thực hành, thí nghiệm, thảo luận tại trường: sinhviên phải tự học 1 giờ
- 1 tín chỉ tương đương 1 cột kiểm tra. Đối với môn 1 tín chỉ cần 1 điểm kiểm tra thường xuyên, 1 kiểm tra định kỳ.

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình: Áp dụng theo thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 13/3/2017 về quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp

4.1. Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo

- Thời gian khóa học được tính theo năm học, học kỳ, và theo tuần.
- Thời gian học tập bao gồm: thời gian thực học, thời gian thi, kiểm tra kết thúc môn học, thời gian ôn và thi tốt nghiệp. Thời gian thực học là thời gian sinh viên nghe giảng trên lớp, thời gian thí nghiệm, thảo luận, thực tập. Thời gian cho các hoạt động chung bao gồm: khai giảng, bế giảng, sơ kết học kỳ, tổng kết năm học; thời gian nghỉ hè, lễ, tết, lao động và dự phòng.
- Thời gian học tập được tính theo giờ và quy ra đơn vị tín chỉ, đơn vị thời gian trong chương trình đào tạo được tính quy đổi như sau :

+ Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 giờ thực hành tại trường và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 45 giờ thực tập tại các cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn. Thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn là điều kiện để người học tiếp thu kiến thức, kỹ năng nhưng không tính quy đổi ra giờ tín chỉ trong chương trình.

+ Một giờ học thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận là 60 phút ; một giờ học lý thuyết là 45 phút;

+ Một ngày học thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận không quá 8

giờ học; một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ học.

+ Mỗi tuần không học quá 40 giờ thực hành hoặc 30 giờ lý thuyết.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho sinh viên khi mới nhập trường;

- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở;

- Tham gia các hoạt động bổ trợ khác để rèn luyện sinh viên;

- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa theo kế hoạch của đoàn trường.

4.3. Hướng dẫn kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên do giáo viên giảng dạy môn học thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

- Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 tới 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra đánh giá khác.

- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận,bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp các hình thức trên. Thời gian làm bài thi viết từ 60-120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác do hiệu trưởng quyết định.

- Lịch thi phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 4 tuần đối với kỳ thi chính và 1 tuần đối với kỳ thi phụ. Thời gian ôn thi phải đảm bảo ít nhất ½ ngày ôn thi cho 15 giờ học lý thuyết trên lớp, 30 giờ học thực hành,thực tập

- Danh sách học viên đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do phải được thông báo công khai trước ngày thi ít nhất 5 ngày làm việc.

- Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học phải được quy định trong chương trình môn học

4.4. Điều kiện và số lần dự thi kết thúc môn học, thi lại và học lại

- Điều kiện dự thi kết thúc môn học: người học được dự thi kết thúc môn học khi đảm bảo các điều kiên sau:

+ Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học được quy định trong chương trình môn học.

+ Điểm trung bình chung các bài kiểm tra đạt từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Số lần dự thi kết thúc môn học:

+ Người học được dự thi kết thúc môn học lần thứ nhất ở kỳ thi chính, nếu chưa

đạt yêu cầu thì được dự thi thêm một lần nữa ở kỳ thi phụ do trường tổ chức.

+ Người học vắng mặt ở lần thi nào mà không có lý do chính đáng thì vẫn tính số lần dự thi đó và phải nhận điểm 0 cho lần thi đó, trường hợp có lý do chính đáng thì không tính số lần dự thi và được bố trí dự thi ở kỳ thi khác

- Người học phải thi lại nếu điểm môn học chưa đạt yêu cầu

- Người học phải học lại nếu: không đủ điều kiện dự thi; hoặc đã hết số lần dự thi kết thúc môn học nhưng điểm môn học chưa đạt yêu cầu.

5.4. Điều kiện tốt nghiệp và xếp loại tốt nghiệp:

5.4.1. Điều kiện tốt nghiệp:

- Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

+ Tích lũy đủ số mô-đun hoặc tín chỉ quy định cho chương trình;

+ Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên;

+ Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm môn học, mô đun thuộc ngành, nghề đào tạo và các điều kiện khác do hiệu trưởng quy định;

+ Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

+ Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học;

+ Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.

+ Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

5.4.2. Xếp loại tốt nghiệp

- Xếp loại tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4, như sau:

+ Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;

+ Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;

+ Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;

+ Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

+ Người học có điểm xếp loại tốt nghiệp đạt từ loại giỏi trở lên sẽ bị giảm đi một mức xếp loại tốt nghiệp nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Có một môn học hoặc một mô-đun trở lên trong khóa học phải thi lại (không tính môn học điều kiện; môn học, mô-đun được miễn trừ);

- Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên (không tính mức kỷ luật được quy định tại khoản 2 Điều 16 của Thông tư này) trong thời gian học tập tại trường.

Chương trình đào tạo Y học cổ truyền được thực hiện theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG CẤP TÂY NGUYÊN

ThS. Trần Thi Thiết